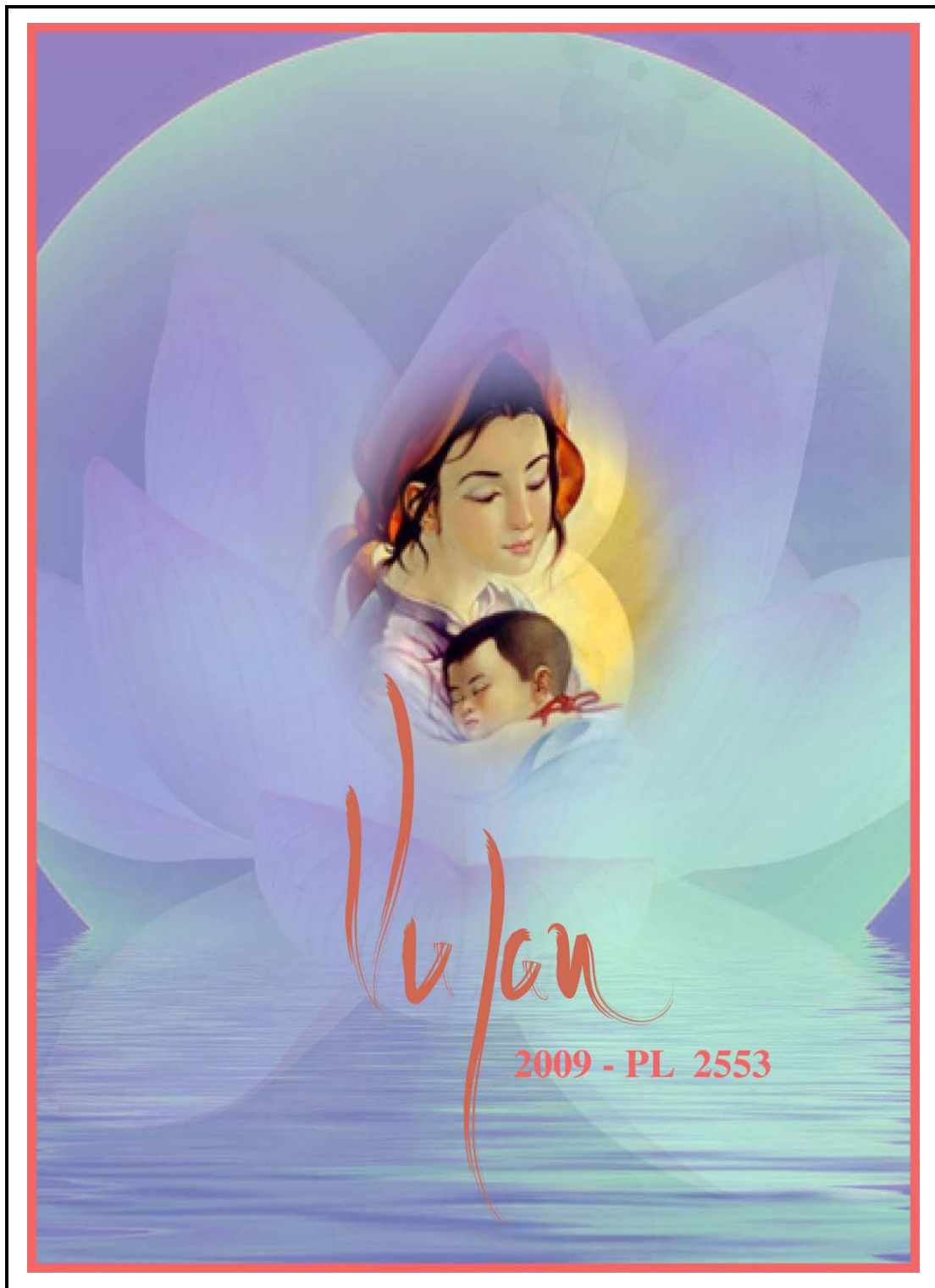


pháp âm

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI NA UY



Vu Lan Báo Hiếu 2009

pháp âm

Cơ Quan Ngôn Luận
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT NA UY

phát hành mỗi năm 3 số
và các bản tin đặc biệt

Chủ Trương
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT NA UY

Chủ nhiệm kiêm Chủ bút
Hòa Thượng Thích Trí Minh

Thư Ký Tòa Soạn
Quảng Khai Trần Hoa

Địa Chỉ Tòa Soạn
P.O.Box 224, 3051 Mjøndalen, Norway
e-post: phapam@online.no
www.khuongviet.no

Thực Hiện: Ban Điều Hành Giáo Hội

Cùng sự đóng góp của

Thích An Chí, Quảng Tấn, Quảng Minh, Cơ
Phu, Đan Hà, MƯỜNG GIANG, Nguyễn Phạm
Thy Hảo, Nguyễn Phú Thứ, Nguyễn Song Anh,
Tuệ Nga, Phạm Tín An Ninh, Trần Trung Đạo,
Vân Nương, Võ Thị Diễm Đạm, Vũ Nam ...



Lễ Hội Dược Sư
tại Chùa Khuông Việt

Xin lưu ý

Bài vở đóng góp xin đánh máy, hoặc gửi bằng
email (dưới bất cứ dạng chữ nào) về tòa soạn
Pháp Âm (phapam@online.no). Ngoài bút hiệu
xin vui lòng ghi thêm tên thật, địa chỉ, email,
điện thoại để tiện liên lạc và gửi báo biếu.
Bài không đăng vì không hợp chủ trương của
Pháp Âm, xin miễn hoàn trả lại.

GIÁO HỘI & CÁC CHI HỘI PGVN THỐNG NHẤT NA UY

địa chỉ liên lạc

Văn Phòng Giáo Hội - Chùa Khuông Việt (khuongviettu.com)

Blystadveien 2, 2006 Løvenstad, Norway
tel: (47) 67.973033 - fax: (47) 67.971905

Chùa Pháp Vũ (www.phapvu.com)

Leirvikveien 4, 5179 Godvik - Norge - tel. (47) 53.500878

Chùa Phước Huệ (chuaphuochue.com)

Sandnesvegen 17, 4050 Sola - Norge - tel. (47) 51.220330

Chùa Đôn Hậu

Sivert Thonstadveien 10-A, 7072 Heimdal - Norge - tel. (47) 72.602119

Chi Hội PGVNTN Hordaland

Đại Đức Thích Viên Tánh
Leirvikveien 4 5179 Godvik
Norge tel. 53.500878

Chi Hội PGVNTN tại Rogaland

Minh Hóa Trần Văn Tiến
Heidrunveien 9 4028 Stavanger
Norge tel. 51.541237

Chi Hội PGVNTN tại Kristiansand

Minh Phước Võ Văn Điều
Møllevannsveien 83, 4617 Kristiansand
Norge tel. 38.157423

Chi Hội PGVNTN tại Kongsvinger

Quảng Minh Nguyễn Văn Đồng
Ole Smedstadvn. 26 2211 Kongsvinger
Norge tel. 62.816297

Chi Hội PGVNTN tại Moss

Thiện Mẫn Cao Hữu Luận
Åvangen Terrasse 404 1536 Moss
Norge tel. 69.277096

Chi hội PGVNTN tại Trondelag

Đại Đức Thích Viên Giác
Sivert Thonstadvn. 10-A 7072 Heimdal
Norge tel. 72.602119

Chi Hội PGVNTN Hedmark

Tâm Nguyễn Trịnh Đông
Fagerlundvegen 16, 2380 Brumunddal
Norge tel. 468.45269

Chi Hội PGVNTN tại Porsgrunn

Minh Đức Nguyễn Thanh Hồng
alkveien 1, 3931 Porsgrunn
Norge tel. 35.554499

Chi Hội PGVNTN tại Oslo

Minh Chung Nguyễn Văn Thủy
Østensjøveien 164 0656 Oslo
Norge tel. 22.786129

Chi Hội PGVNTN tại Drammen

Quảng Khai Trần Hoa
Postboks 224 3051 Mjøndalen
Norge tel. 32..801522

Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Na Uy

Tâm Nguyễn Trịnh Đông

Fagerlundvegen 16, 2380 Brumunddal, Norge – tel. (47) 62.343219



Lễ Vía Đức Bổn Sư tại Chùa Khuông Việt

nhân kỳ mãn hạ 2009 và mừng mùa Vu Lan Báo Hiếu

Ban Điều Hành Giáo Hội, Ban Trị Sự Các Chi Hội

Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Na Uy cùng Ban Biên Tập Pháp Âm

xin đề đầu thành tâm kính đảnh lễ

Chư Tôn Đức Tăng Ni với tất cả lòng hân hoan bất tận

kính chúc chư tôn đức tăng ni

hai lập quang huy - huệ nhãn chiếu phá tối tăm - ngộ cảnh chúng sanh

phật sở viên thanh - bồ đề quả mãn

đồng thời kính chúc

quý đạo hữu thuộc các Ban Trị Sự Giáo Hội, Chi Hội PGVNTN
chư đạo tâm Phật tử, đồng bào đồng hương cùng bạn đọc Pháp Âm xa gần

hôm trọn vẹn mùa Vu Lan 2009 pl. 2553

voilong an lạc, hoan hỷ văn hạnh, cati tong

cùng nguyện cầu

thế giới hòa bình chúng sanh luôn mãi an lạc

dân tộc Việt Nam sớm được tự do dân chủ và toàn vẹn lãnh thổ

Trong số này

- Giới thiệu:** Informasjon, Mục lục (2), Thông Bạch Vu Lan, Viện Hóa Đạo (2).
- Phật pháp:** Ân cần và từ bi, Daila Latma-Tuệ Uyển chuyển ngữ (4), Đạo đức của lòng từ bi, Daila Latma-HT. Trí Chơn chuyển ngữ (6), Động lực của bồ đề tâm, tỳ kheo Thích Nữ Viên Tâm (9), Quán niệm về cái chết để sống có ích, Phan Minh Đức (12), Vị trí của người phụ nữ trong Phật giáo, Piyadassi Mahathera-Phạm Kim Khánh dịch (14), Phụ nữ và quan điểm Phật giáo, Khải Tuệ (18).
- Vu Lan:** Hiếu tử, Tâm Không Vĩnh Hữu (22), Vu Lan với những người con xa xứ, Lam Khê (24), Tâm sự ngày Vu Lan, Vũ Nam (26), Lời cho má, Nguyễn Ngọc Tư (28), Sung sướng thay cho những ai còn mẹ, Mường Giang (30).
- Văn học & sáng tác:** Bóng quê hương, Trần Đan Hà (35), Mẹ con, Nguyễn Phạm Thy Hảo (38), Hai người mẹ nhỏ, Võ Thị Diễm Đạm (43), Sống bù cho con, Huỳnh Trung Chánh (52), Ba dòng nước mắt, Phạm Tín An Ninh (60), Cơm nguội, Tiểu Tử (64), Đám mồ bò, Phạm Lưu Vũ (89).
- Từ buổi chiều trên nghĩa địa Hàng Dương, Trần Trung Đạo (81), Nước mắt chẳng khóc, khóc người phương xa, Nam Dao (85), Trích phần đầu Hồi ký của một thằng hèn, Tô Hải (99), danh hiệu “đảng viên Cộng Sản”, Bùi Tín (103).
- Tìm hiểu:** Con số, Đêm năm canh ngày sáu khắc, Nguyễn Phú Thứ (68), Thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, Nguyễn Song Anh (73).
- Tiếng Dân:** Tôi tìm hiểu Luật Đất Đai, Đỗ Thúy Hường (86), Trên đồng bưng sáu xã, Võ Đắc Danh (95), Nỗi buồn chính sự và ... chiếc lá cuối cùng, Trần Thị Hồng Sương (105), Cần giáo dục về sự xấu hổ, Nguyễn Hưng Quốc (107).
- Thơ:** Mây trắng ngàn năm, Vân Nương (13), Hạt bụi vô thường, Tuệ Nga (20), Vu Lan mùa nhớ, Tuệ Nga (25), Những chiều tiếng mẹ rất êm, Tuệ Nga (37), Người bạn đời, Bình Sa (48), Đêm sinh nhật – Sáng nay, Song Anh (56), Lẽ ra, Đỗ Trung Quân (80), Yêu nước, Hoàng Cúc (94)...



GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN HÓA ĐẠO

Thanh Minh Thiền viện, 90 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, T.P. Sài Gòn

Phật lịch 2553

Số 06/HĐLV/TB/VT

THÔNG BẠCH

VU LAN PL. 2553 - 2009

CỦA HỘI ĐỒNG LƯƠNG VIỆN

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn đức Giáo phẩm,
Kính thưa chư thiện tín Phật tử trong và ngoài nước,

Chúng ta đang sống trong mùa Vu Lan, mùa nhắc nhở chúng ta sống đời sống hiếu hạnh. Hiếu hạnh là hạnh quan trọng mà theo lời dạy của Đức Phật, đó chính là Phật hạnh.

Vu Lan ngày nay không còn là ngày lễ riêng của Phật giáo mà do tính khế cơ, Vu Lan nghiêm nhiên đã trở thành truyền thống văn hóa của nhiều dân tộc, đặc biệt là dân tộc Việt Nam.

Lẽ ra, trong thời gian này, chúng ta có nhiều thắng duyên để làm tròn chữ hiếu, hiếu với Tam bảo, với quốc gia, với các bậc sanh thành dưỡng dục và với tất cả muôn loại chúng sinh. Thế nhưng, giữa bối cảnh của một quê hương bất công, lầm than và rách nát, quyền sống con người bị tước đoạt, nhân phẩm bị chà đạp, đất nước đang bị đe dọa bởi nạn ngoại xâm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đang trong vòng kiểm tỏa, bản thân tôi và chư tôn Giáo phẩm Hội Đồng Lương Viện trong nước vẫn liên tục bị trấn áp, chư tôn Giáo phẩm và Cư sĩ Phật tử đang phục vụ Giáo hội tại hải ngoại cũng bị tấn công, xuyên tạc, bôi nhọ, tất cả đều chìm ngập trong đêm dài của nạn độc tài toàn trị, vì thế việc thể hiện trọn vẹn hiếu hạnh, nhất là hiếu hạnh đối với đất nước trong hoàn cảnh hiện nay, đang là một trở ngại lớn lao.

Tuy nhiên, trước thực trạng đầy thống khổ như thế, là người con Phật, với lý tưởng của Bồ tát đạo, chúng ta không thể không dẫn thân hành hoạt để giải thoát tự thân và giải cứu nỗi khổ của đồng bào và hết thảy muôn loài.

Thư chư liệt vị,

Đức cố Đệ tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang dạy rằng: “Ở đâu có khổ đau, ở đó còn cần đến sự giải trừ khổ hoạn”. Việt Nam đang trực diện với quá nhiều khổ hoạn, nghĩ đến lời dạy của đức cố Đệ tứ Tăng Thống và bản hoài xuất thế độ sinh của chư Phật, chúng ta không thể không tích cực hành động. Chúng ta hành động không vì tranh giành quyền lợi của ai cả mà chỉ vì phúc lạc lâu dài cho dân tộc và nhân loại.

Với bản thể hoàng hoá độ sinh, dù Giáo Hội đã và đang gặp nhiều chướng duyên, thử thách, kể cả những lúc tình trạng sinh tồn bị đe dọa thật sự, Giáo Hội vẫn sẵn sàng hy sinh vì sứ mệnh hoàng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh. Bản thân tôi cũng như tất cả chư tôn Giáo phẩm trong Hội Đồng Lương Viện, trước sau như một, quyết tâm giữ vững thệ nguyện sắt son của mình và nhất định không bao giờ bán rẻ lương tri để thoả hiệp với thế lực vô minh mạnh động.

Vu Lan là mùa báo hiếu, Vu Lan cũng là mùa giải khổ. Với tâm từ bi, trí tuệ sẵn có, Giáo Hội kêu gọi sự thể hiện Bồ tát hạnh của tất cả chư liệt vị. Trước nạn ngoại ma nội chướng, Giáo Hội cũng khẩn thiết kêu gọi chư liệt vị hãy quan tâm củng cố, bồi dưỡng đức tin và tăng triển kiến giải cho giới trẻ, phát huy tinh thần vị tha vô úy, thừa kế xứng đáng sự nghiệp độ sinh của chư Phật, chư Tổ, phát khởi Bồ đề tâm, tùy theo hoàn cảnh, tổ chức lễ Bồ Tát sau khóa An cư Kiết hạ nhằm trưởng dưỡng năng lực thanh tịnh, phát huy dụng lực tuệ giác và xem đó như việc làm chủ yếu để đền đáp bốn ân, cứu khổ ba đường.

Thư chư liệt vị,

Lịch sử là do con người tạo nên. Hạnh phúc hay khổ đau cũng do chính con người kiến lập. Không có bất cứ thành quả ưu thắng nào mà không xuất phát từ tác nhân thánh thiện và cũng chẳng có bất cứ tác nhân thánh thiện nào mà không dẫn đến những thành tựu ưu thắng. Trong ý nghĩa ấy, thay mặt Hội đồng Lương Viện, tôi thân ái gửi đến chư liệt vị lòng biết ơn sâu xa và cầu chúc chư liệt vị một mùa Vu lan tròn đầy hiếu hạnh.

Cầu nguyện tổ tiên, ông bà, cha mẹ nhiều đời, người quá vãng được siêu sinh, kẻ hiện tiền được trang nghiêm phước huệ; âm siêu, dương thái, thế giới nhân loại chung sống hoà bình, nền văn minh Từ bi - Trí tuệ được hiển sinh, chánh pháp hưng long, đất nước tránh được họa ngoại xâm, dân tộc phú cường, chúng sinh an lạc.

Nam Mô Vu Lan Thắng Hội chư Phật, chư đại Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng tác đại chứng minh.

Chùa Giác Hoa, Sài Gòn, ngày 12 tháng 8 năm 2009

T.U.N. Đại Lão Hoà thượng Xử Lý Viện Tăng Thống

kiêm Viện Trưởng Viện Hoá Đạo

Phó Viện trưởng kiêm Tổng thư ký Viện Hoá Đạo, GHPGVNTN

Thượng toạ Thích Viên Định (ấn ký)

ân cần và từ bi

Đạt Lai Lạt Ma

“Cho dù chúng ta tin tưởng ở một tôn giáo hay không, và cho dù chúng ta tin tưởng tái sinh hay không, thì không có người nào lại không cảm kích từ tế ân cần và từ bi yêu thương”. The Dalai Lama

Chúng tôi muốn nói với đến quý vị chiều hôm nay về sự quan trọng của từ tế ân cần và từ bi yêu thương. Khi nói về điều này, chúng tôi không xem mình như một Phật tử, cũng không là một vị Dalai Lama, cũng không là một người Tây Tạng, mà tốt hơn là một con người. Và, chúng tôi hy vọng rằng quý vị trong thính chúng, tại thời điểm này, hãy nghĩ về chính mình như một con người hơn là một người Hoa Kỳ, hay một người phương Tây, hay một thành viên của một nhóm đặc thù nào đấy. Những điều này là thứ yếu. Nếu từ vị trí của chúng tôi và từ vị trí của những người nghe chúng ta tác động qua lại như những con người, chúng ta có thể tiếp cận đến trình độ căn bản của điều này. Nếu chúng tôi nói, “tôi là một tu sĩ,” hay “tôi là một Phật tử,” những điều này là tạm thời, trong sự so sánh đến tính tự nhiên của tôi như một con người. Làm một con người là căn bản. Một khi chúng ta sinh ra như một con người, điều ấy không thể thay đổi cho đến khi chết. Những thứ khác - cho dù chúng ta có học vấn hay không học vấn, giàu sang hay nghèo khó - là thứ yếu.

Ngày nay chúng ta đối diện nhiều vấn nạn. Một số được tạo nên một cách chủ yếu bởi chính chúng ta dựa căn bản trên sự những sự phân chia qua tư tưởng, tôn giáo, chủng tộc, vị thế kinh tế, hay những nhân tố khác. Do vậy, thời gian đã đến để chúng ta suy nghĩ ở một trình độ sâu sắc hơn, trình độ của loài người, và từ trình độ ấy chúng ta nên hiểu rõ giá trị và tôn trọng sự giống nhau của những kẻ khác như những con người. Chúng ta phải xây dựng một mối quan hệ gần gũi hơn của sự tin tưởng, hiểu biết, và tôn trọng hổ tương qua lại cùng giúp đỡ, bất chấp sự khác nhau về văn hóa, triết lý, tôn giáo, hay tín ngưỡng.

Rốt lại, tất cả những con người là giống nhau - được làm nên từ xương, thịt, và máu của loài người. Tất cả chúng ta muốn hạnh phúc vui vẻ và muốn tránh đau khổ buồn rầu. Xa hơn thế, tất cả chúng ta có quyền bình đẳng để hạnh phúc vui tươi. Nói cách khác, thật quan trọng để nhận thức sự giống nhau của chúng ta như những con

người. Tất cả chúng ta cùng thuộc một gia đình nhân loại. Rằng chúng ta bất hòa với người khác là qua đến những lý do thứ yếu, và tất cả những điều tranh cãi này với người khác, lừa gạt người khác, đàn áp người khác là không thích đáng.

Bất hạnh thay, qua nhiều thế kỷ, loài người đã dùng tất cả những phương pháp để đàn áp và làm tổn thương những người khác. Nhiều việc kinh khủng đã từng được làm. Nó có nghĩa là nhiều vấn nạn hơn, nhiều khổ đau hơn, và nhiều sợ hãi hơn, kết quả trong nhiều cảm nhận thù hận hơn và nhiều sự chia cách hơn.

Thế giới ngày nay đang trở nên ngày càng nhỏ hơn, và nhỏ hơn. Những quan điểm kinh tế và từ nhiều quan điểm khác, sự khác biệt khu vực của thế giới đang trở nên gần gũi hơn và sự phụ thuộc tương liên càng ngày càng gia tăng. Do bởi điều này, những cuộc hội nghị thượng đỉnh quốc tế thường xảy ra; vấn đề trong khu vực địa phương liên hệ với khủng hoảng toàn cầu. Tình trạng này biểu lộ một sự kiện rằng đây là thời gian, đây là sự cần thiết để suy nghĩ nhiều hơn trên cấp độ của những con người hơn là trên căn bản của những vấn đề đã chia cách chúng ta. Vì thế, chúng tôi đang nói với quý vị chỉ như là một con người, và chúng tôi thành tâm hy vọng rằng quý vị cũng đang lắng nghe với một tâm tư, “tôi là một con người, và tôi đang lắng nghe một con người khác ở đây.”

Tất cả chúng ta muốn hạnh phúc an lạc. Nơi thôn dã, ở thành thị, ngay cả trong những vùng hẻo lánh xa xôi, con người đang bận rộn và hoạt động. Mục tiêu chính yếu của những hành động này là gì? Mọi người đang cố gắng để tạo dựng hạnh phúc bình an. Làm như thế là đúng đắn. Tuy nhiên, thật quan trọng để hướng theo một phương pháp chính xác trong việc tìm kiếm hạnh phúc vui tươi. Chúng ta phải giữ trong tâm tư rằng liên lụy quá nhiều trên một cấp độ thiển cận sẽ không thể giải quyết những vấn đề rộng lớn hơn.

Tất cả chúng ta có quá nhiều khủng hoảng, nhiều sợ hãi. Qua sự phát triển cao độ của khoa học và kỹ thuật, chúng ta đã tiếp cận một trình độ tiến triển của tiến trình vật chất mà điều ấy có cả thực dụng và cần thiết. Nhưng, nếu chúng ta so sánh tiến trình ngoại tại với tiến

trình nội tại của chúng ta, quá rõ ràng rằng tiến trình nội tại của chúng ta là không tương xứng. Trong nhiều xứ sở, khủng hoảng - giết chóc, chiến tranh và khủng bố - là thường xuyên. Người ta phàn nàn về sự thoái hóa trong đạo đức và sự gia tăng trong những hành động tội phạm. Mặc dù trong những vấn đề ngoại tại chúng ta phát triển một cách cao độ và tiếp tục tiến trình, cùng lúc hãy lưu tâm tầm quan trọng tương ứng để phát triển và tiến hành trong những hình thức của sự phát triển nội tại.

Trong những thời xa xưa, nếu có chiến tranh, sự ảnh hưởng - phạm vi của tàn phá - thì hạn chế. Tuy thế, ngày nay do bởi tiến trình vật chất ngoại tại, khả năng của sự tàn phá đã ngoài sức tưởng tượng. Năm ngoái, chúng tôi đã viếng thăm Hiroshima. Mặc dù chúng tôi đã biết một số vấn đề về sự bùng nổ của bom nguyên tử ở đó, nó quả là một vấn đề rất khác biệt một cách vật chất để viếng thăm nơi ấy, để tận mắt của mình, và để gặp gỡ với những con người thật sự khổ đau tại thời điểm đó. Chúng tôi quả thật giao động một cách sâu xa. Một thứ vũ khí khủng khiếp đã được sử dụng. Mặc dù chúng ta có thể coi như ai đấy là kẻ thù, trong trình độ sâu hơn một kẻ thù cũng là một con người, cũng muốn hạnh phúc bình an, và cũng có quyền để an lạc vui tươi. Nhìn vào Hiroshima và nghĩ về điều này, tại thời điểm đó chúng tôi đã thấy thậm chí thuyết phục hơn rằng giận dữ và thù hận không thể giải quyết vấn đề.

Sân hận không thể vượt thắng bằng giận dữ. Nếu một người biểu lộ giận dữ với bạn, và bạn đáp ứng bằng sân hận, kết quả sẽ là thảm khốc. Trái lại, nếu bạn kiểm soát sân hận và biểu lộ thái độ ngược lại - từ bi, bao dung, và nhẫn nại - thế thì không chỉ chính bạn duy trì trong an bình, mà người giận dữ kia sẽ dần dần hạ bớt.

Những vấn nạn tương tự của thế giới không thể được thử thách bởi giận dữ hay thù hận. Chúng phải được đối diện với từ bi, yêu thương, và sự ân cần tử tế chân thành. Hãy nhìn tất cả những vũ khí khủng khiếp hiện hữu. Nhưng, những vũ khí chính nó không thể khởi động một cuộc chiến tranh. Nút bấm hay cò súng nằm dưới những ngón tay của con người, những ngón tay chuyển động bởi tư tưởng, không phải dưới năng lực của chính những vũ khí đó. Trách nhiệm nằm trong tư tưởng của chúng ta.

Nếu quý vị nhìn một cách sâu xa trong những thứ như vậy, bản thiết kế được tìm thấy bên trong - trong tâm thức - từ điều này mà những hành động diễn ra. Vì thế, việc đầu tiên để kiểm soát tâm thức là rất quan trọng. Chúng tôi không đang nói ở đây về sự kiểm soát tâm thức trong ý nghĩa của thiền định thâm sâu, nhưng chỉ về sự trau giồi ít giận hơn, tôn trọng hơn cho quyền lợi của những người khác, quan tâm hơn cho những người khác, nhận thức rõ ràng hơn về sự giống nhau của chúng ta như những con người. Thí dụ, hãy lấy quan điểm phương Tây về khối phương Đông, của Liên bang Xô Viết. Chúng ta phải nhìn Liên bang Xô Viết như anh em và chị em; người Nga là giống như chính chúng ta.

Người Nga cũng nên nhìn những người phía này như anh em và chị em. Thái độ này có thể không thể giải quyết vấn đề ngay lập tức, nhưng chúng ta phải làm sự cố gắng. Chúng ta phải bắt đầu việc đẩy mạnh sự hiểu biết này qua báo chí và truyền hình. Tốt hơn là chỉ quảng cáo để kiếm tiền cho chính chúng ta, chúng ta cần dùng những phương tiện truyền thông này cho những gì có ý nghĩa hơn, những gì nghiêm chỉnh trực tiếp đối với lợi ích của con người. Không chỉ đơn thuần tiền bạc. Tiền của, tài chánh là cần thiết, nhưng mục tiêu của tiền của là vì con người. Đôi khi chúng ta đánh mất sự quan tâm đến loài người và chỉ lưu ý đến tiền bạc mà thôi. Điều này thật vô lý.

Rốt cuộc, tất cả chúng ta muốn hạnh phúc an lạc, và không ai sẽ không đồng ý với sự việc rằng với sân hận, hòa bình là không thể có được. Với ân cần, yêu thương, hòa bình của tâm hồn có thể đạt được. Không ai muốn sân hận, không ai muốn tinh thần bất an, tuy thế do bởi vô minh ngu tối, chúng xuất hiện. Những thái độ xấu, thí như sự chán nản, khởi lên từ năng lực của vô minh si ám, không phải là sự đồng thuận của chính chúng nó.

Qua sân hận chúng ta đánh mất đi một trong những phẩm chất tuyệt hảo nhất của con người - năng lực của phán quyết (quyết đoán) - chúng ta có một bộ não tốt, điều mà những động vật có vú khác không có, cho phép chúng ta quyết đoán những gì đúng và những gì sai, không chỉ trong hình thức của những sự quan tâm ngày nay, nhưng có giá trị năm, mười, hai mươi hay ngay cả hàng trăm năm trong tương lai. Không có bất cứ sự biết trước nào, chúng ta có thể dùng những giác quan thông thường để quyết định việc gì ấy là một phương pháp đúng hay sai; chúng ta có thể xác quyết nếu chúng ta làm như thế và như thế, nó sẽ đưa đến một tác động như vậy và như vậy. Tuy nhiên, một khi tâm thức chúng ta bị bao phủ bởi sân hận, chúng ta đánh mất năng lực quyết đoán này, và một khi mất đi, điều ấy rất buồn. Một cách vật chất chúng ta là những con người, nhưng về tâm thức hay tinh thần chúng ta chưa hoàn toàn. Cho thấy rằng chúng ta có hình thức vật chất của con người, chúng ta phải bảo vệ, giữ gìn khả năng tinh thần của mình cho sự quyết đoán. Cho điều ấy, vì điều ấy chúng ta không thể đưa ra (để nhờ) bảo hiểm, cơ quan bảo hiểm là ở bên trong; sự tự kỷ cương, tự tỉnh thức, và một nhận thức sáng suốt về sự thiệt hại của sân hận và những tác động tích cực của ân cần tử tế thân ái. Nghĩ về điều này liên tục, lần này và lần nữa, chúng ta có thể trở nên được thuyết phục về nó, và rồi thì với sự tự tỉnh thức, chúng ta có thể kiểm soát tâm thức chúng ta.

Thí dụ, ngay lúc hiện tại chúng ta có thể là một cá nhân nhanh chóng và dễ dàng phát cáu bởi những việc nhỏ nhoi. Với sự hiểu biết và tỉnh thức trong sáng, điều này có thể được kiểm soát khống chế. Nếu chúng ta thường duy trì sự sân hận trong vòng mười phút, hãy cố gắng để giảm nó xuống còn tám phút. Tuần tới làm nó còn năm phút và tháng tới còn ba phút. Rồi thì làm nó chỉ còn là

con số không. Đây là phương pháp làm thế nào để phát triển và rèn luyện tâm thức chúng ta.

Điều này là sự cảm nhận và cũng là điều mà chính chúng tôi thực tập. Thật rõ ràng rằng mọi người cần một tâm hồn an bình. Câu hỏi là, thế thì, làm thế nào để chúng ta đạt được điều ấy. Qua sân hận chúng ta không thể; qua tử tế ân cần thân ái, qua yêu thương, qua từ bi, chúng ta có thể đạt được một sự bình an cá nhân của tâm hồn. Kết quả của điều này là một gia đình êm ấm bình hòa - hạnh phúc vui tươi giữa cha mẹ và con trẻ, ít hơn những cuộc tranh cãi giữa vợ và chồng; và khỏi lo lắng vì ly dị. Mở rộng ra đến cấp độ quốc gia, thái độ này có thể mang đến sự thống nhất, hòa hiệp, và hợp tác với động cơ chân thành. Trên cấp độ quốc tế, chúng ta cần sự tin cậy hổ tương, sự tôn trọng hổ tương, thảo luận ngay thẳng và thân hữu với động cơ chân thực, và nỗ lực tương trợ để giải quyết những vấn đề thế giới. Tất cả những điều này là có thể.

Nhưng trước hết chúng ta phải thay đổi trong chính chúng ta. Những linh tụ quốc gia của chúng ta cố gắng một cách tuyệt hảo nhất để giải quyết những vấn đề của chúng ta, nhưng khi một vấn đề được giải quyết, một vấn đề khác nổi lên; cố gắng để giải quyết điều đó, một lần nữa có một vấn đề khác ở nơi nào đó. Thời gian đã đến để thể nghiệm một sự tiếp cận khác. Dĩ nhiên, thật khó khăn để đạt đến một thời khắc toàn cầu cho sự bình an của tâm hồn như thế, nhưng nó là sự lựa chọn duy nhất. Nếu có một phương pháp khác dễ dàng hơn, thực tiễn hơn, thật sẽ tốt hơn, nhưng không có điều ấy. Nếu qua vũ khí chúng ta có thể đạt đến nền hòa bình thật sự sau cùng, tốt thôi. Hãy để tất cả những hãng xưởng biến thành những nhà máy chế tạo vũ khí. Xử dụng từng đô la cho việc ấy - nếu chúng ta xác định rõ ràng một nền hòa bình bền vững lâu dài.

Vũ khí không còn thừa ở kho dự trữ. Một khi vũ khí được phát triển, sớm hay muộn người nào đấy sẽ xử dụng nó. Ai đấy sẽ nghĩ rằng nếu họ không dùng nó, thế thì hàng triệu đô la sẽ bị lãng phí, thế thì bằng cách này hay cách khác họ nên xử dụng nó - thả một quả bom để thử nó. Kết quả là những người vô tội bị giết.

Do vậy, mặc dù thật khó khăn để cố gắng mang đến hòa bình qua sự chuyển hóa nội tại, đây là phương pháp duy nhất để đạt đến nền hòa bình bền vững lâu dài. Ngay cả nếu qua suốt cuộc đời tôi nó không đạt được, cũng tốt thôi. Nhiều người hơn sẽ đến, thế hệ tiếp theo và sau nữa, và tiến trình có thể tiếp tục. Chúng tôi nghĩ rằng mặc dù thực tế khó khăn và cảm thấy rằng điều này được xem như một quan niệm không thực tế, nhưng nó xứng đáng để cố gắng hành động. Vì thế, bất cứ nơi nào chúng tôi đến, chúng tôi phát biểu về những vấn đề này, chúng tôi được động viên bởi những người từ những phạm vi khác của đời sống từ từ tiếp nhận điều này ngày càng tốt hơn.

Mỗi chúng ta có trách nhiệm cho toàn thể nhân loại. Đây là thời điểm để cho chúng ta nghĩ về những người

khác như những người anh chị em thật sự và quan tâm đến lợi ích của họ, với việc lấy bớt đi sự khổ đau của họ. Ngay cả nếu chúng ta không thể hy sinh toàn bộ lợi ích của chính mình, chúng ta không nên quên đi những sự quan tâm cho kẻ khác. Chúng ta nên nghĩ nhiều hơn về tương lai và lợi ích của toàn nhân loại.

Cũng thế, nếu chúng ta cố gắng để chinh phục những động cơ ích kỷ của chính mình — sân hận, và v.v... - và phát triển hơn sự ân cần thân ái và từ bi yêu thương cho người khác, cuối cùng tự chính chúng ta sẽ lợi lạc hơn là khi chúng ta làm cách khác. Vì thế, đôi khi chúng tôi nói rằng người vị kỷ thông tuệ nên hành động như thế này. Những người ích kỷ si mê luôn luôn nghĩ về chính họ, và kết quả là tiêu cực. Những người vị kỷ thông tuệ nghĩ về người khác, giúp đỡ người khác tối đa mà họ có thể làm và kết quả là họ tiếp nhận rất nhiều lợi lạc.

Đây là tôn giáo giản dị của chúng tôi. Không cần đền đài, không cần triết lý phức tạp. Bộ não của chính chúng ta, trái tim của chính chúng ta là đền chùa của chúng ta; triết lý là sự ân cần thân ái.

Kindless and Compassion, trích từ quyển “The Dalai Lama, A Policy of Kindness” - Tuệ Uyển chuyển ngữ

Đạo đức của lòng từ bi

Đạt Lai Lạt Ma

Như tôi đã trình bày trước đây là các tôn giáo lớn trên thế giới đều chú tâm đến sự quan trọng của việc phát triển tình thương và lòng từ bi. Trong truyền thống Phật giáo, các mức độ thành tựu khác nhau đã được diễn tả. Với trình độ căn bản, từ bi được hiểu theo nghĩa chủ yếu là thiện cảm - năng lực đi vào, và ở một mức độ nào đó, chia sẻ nỗi đau khổ của người khác. Nhưng Phật tử và tín đồ các tôn giáo khác tin rằng, khả năng này có thể phát triển đến một trình độ không những tâm từ bi của chúng ta phát khởi không cần chút cố gắng mà còn vô điều kiện, vô phân biệt và phổ cập toàn cầu. Một tình thương bao trùm khắp cả chúng sinh muôn loài, kể cả

những kẻ làm hại ta, chẳng khác gì thứ tình yêu của bà mẹ dành cho đứa con duy nhất.

Nhưng ý nghĩa về sự cảm mến này đối với tất cả mọi người không thể xem như dẫn đến một điểm kết thúc. Đúng hơn nó còn được hiểu như là một tấm ván nhún đẩy bật lên một tình thương cao cả hơn. Bởi vì khả năng của sự mến thương là bẩm sinh và năng lực của lý luận cũng vốn tự nhiên sẵn có. Do vậy, chúng ta có khả năng phát triển lòng từ bi rất kiên cố và liên tục. Nó không phải là nguồn tài nguyên có thể dùng đến khánh tận như nước khi ta đun sôi thì khô cạn.

Mặc dù từ bi có thể được diễn tả như một hoạt động, nhưng lại không giống như sinh hoạt vật lý, ví dụ như nhảy cao chúng ta chỉ có thể luyện tập đến một mức độ nào đó, chứ không thể vượt quá hơn được. Trái lại, khi nâng cao sự xót thương trước nỗi khổ đau của người khác qua tấm lòng rộng mở của chúng ta cùng lúc phát triển được tâm từ bi đến mức độ có thể rất cảm động trước nỗi khổ đau tinh tế nhất của kẻ khác vì nhận biết rõ trách nhiệm đối với họ. Điều này khiến cho người có tâm từ bi sẽ tích cực hết lòng cứu giúp mọi người thoát khổ và những nguyên nhân tạo khổ. Trình độ cao thượng này ở Tây Tạng được gọi là “nying je chenno”, có nghĩa là “đại từ bi”.

Ở đây, tôi không đưa ra ý kiến bảo rằng mỗi cá nhân đều cần phải đạt đến tình trạng tiến bộ của sự phát triển tinh thần này để dẫn đến một đời sống đạo đức lương thiện. Tôi đã diễn tả “nying je chenno” không phải vì đó là điều kiện trước hết của hành vi đạo đức nhưng đúng ra vì tôi tin rằng khi thúc đẩy lý luận về từ bi đến một trình độ cao nhất thì có thể tạo thành một nguồn cảm hứng mạnh mẽ. Nếu chúng ta có thể giữ khát vọng ấy để phát triển “nying je chenno” hay tâm đại bi như một lý tưởng, nó sẽ có tác dụng trọng yếu đến quan điểm của chúng ta.

Căn cứ trên sự hiểu biết đơn giản là, cũng như tôi, mọi người khác đều muốn có hạnh phúc và không thích khổ đau; bởi vậy cần ứng dụng nó như sự nhắc nhở thường xuyên chống lại tâm ích kỷ và phân biệt. Nó gợi ý rằng nếu ta có lòng tốt và rộng lượng với hy vọng sẽ được đền đáp thì kết quả thành tựu rất ít. Nó nhắc nhở rằng các hành động nhằm chủ đích mong cầu danh thơm tiếng tốt cho mình vẫn còn là ích kỷ, mặc dù bề ngoài việc làm trông như có vẻ nhân đạo. Nó cũng lưu ý chúng ta rằng chẳng có gì đặc biệt trong các việc làm từ thiện đối với những bà con thân thuộc. Và nó sẽ giúp chúng ta nhận biết rằng thành kiến dành cho các gia đình và bạn bè hẳn nhiên là điều không đáng tin cậy trong việc xác định hành vi đạo đức.

Nếu đặc biệt chúng ta chỉ dành thực hiện việc làm từ thiện giúp đỡ cho những người thân quen thì điều tai hại là có thể ta sẽ quên trách nhiệm đối với các người không quen biết xa lạ bên ngoài. Tại sao vậy? Bởi lẽ khi những cá nhân đó tiếp tục thoả mãn điều ước vọng của ta thì mọi việc đều tốt đẹp. Nhưng nếu họ không giúp ta

thành công thì người mà hôm nay ta xem như bạn thân, ngày mai có thể trở thành kẻ thù tệ hại nhất.

Như chúng ta đã thấy, ta thường có phản ứng xấu đối với những người đe dọa không đáp ứng được các ham muốn cuồng nhiệt nhất, mặc dù họ là người bạn rất thân của chúng ta. Vì lý do đó, lòng từ bi và kính trọng lẫn nhau đưa ra một căn bản vững chắc hơn cho sự giao hảo giữa chúng ta với người khác. Điều này cũng đúng trong tình bạn đời. Nếu ta yêu một người vì sự lôi cuốn bề ngoài hay vài đặc điểm giả tạo nào khác của họ, thì tình cảm ta dành cho người đó sẽ dễ tan biến theo thời gian.

Khi họ đánh mất sức quyến rũ hay lúc ta nhận thấy nhằm chán bất mãn điều ấy, tình trạng có thể hoàn toàn thay đổi mặc dù cũng vẫn con người đó. Cho nên sự liên hệ yêu thương được xây dựng thuần túy trên vẻ đẹp hấp dẫn, là điều không có gì chắc chắn. Hơn nữa, khi ta bắt đầu phát triển toàn hảo lòng từ bi thì bề ngoài hoặc thái độ của người đó không ảnh hưởng gì đến cách cư xử của ta.

Thêm nữa, tình cảm của ta đối với người khác thường hay dựa vào hoàn cảnh của họ. Phần đông chúng ta khi tiếp xúc với những kẻ tật nguyền đều cảm thấy xót thương cho họ. Nhưng khi thấy người nào có học thức, giàu sang hay địa vị hơn mình, lập tức ta sanh tâm ganh ghét và tranh đua với họ. Tình cảm tiêu cực này sẽ ngăn cản chúng ta không nhận biết được sự giống nhau giữa chúng ta và người khác. Chúng ta quên rằng, cũng như ta, dù gặp may hay rủi, bà con gần hoặc xa, họ đều mong có hạnh phúc và không thích khổ đau.

Như vậy, sự tranh đấu nhằm để vượt qua những tình cảm phân biệt đó. Chắc hẳn phát triển được lòng từ bi chân thật dành cho các người thân yêu vẫn là nơi thích đáng để khởi đầu. Ảnh hưởng hành động của chúng ta dành cho người quý mến vẫn thường lớn hơn trên những kẻ khác, do đó trách nhiệm của ta đối với họ cũng nặng hơn. Tuy nhiên, ta cần nhận biết rằng cuối cùng, không có nền tảng nào để phân biệt dành quyền ưu tiên cho họ.

Trong ý nghĩa này, tất cả chúng ta đều cùng đứng ở vị trí của một bác sĩ trước mười bệnh nhân cùng mắc phải một chứng bệnh. Họ đều đáng được chữa trị bình đẳng như nhau. Tuy nhiên, điều cần được nêu rõ ở đây không phải là thái độ thờ ơ phân biệt. Một thử thách căn bản khác là khi chúng ta khởi sự mở rộng lòng từ bi đến tất cả mọi người tức chúng ta duy trì được cùng một trình độ thân thương mà ta muốn mang đến cho những người gần gũi nhất. Nói một cách khác, điều đề nghị là chúng ta cần phải cố gắng trong ý hướng dành cho tất cả mọi người một nền tảng trên đó chúng ta có thể gieo trồng hạt giống của tâm đại từ và đại bi.

Nếu chúng ta có thể khởi đầu liên hệ với những người khác trên căn bản bình đẳng như thế, lòng từ bi của chúng ta không còn phân biệt người này là chồng tôi, kẻ khác là vợ tôi hay thân nhân, bạn bè v.v.... Đúng hơn,

một tình cảm thân thương đối với những kẻ khác sẽ phát triển trên nhận thức đơn giản là, cũng như tôi, tất cả mọi người đều muốn hạnh phúc chứ không thích khổ đau. Nói cách khác, chúng ta sẽ bắt đầu thương yêu kẻ nghèo khổ trên căn bản họ là một chúng sanh. Chúng ta có thể nghĩ đến điều ấy như một lý tưởng, một điều rất khó đạt tới. Nhưng theo tôi nghĩ, đó là nguồn cảm hứng rất sâu xa và phức tạp.

Bây giờ ta thử xét đến vai trò của tâm từ bi và tình thương trong cuộc sống hằng ngày. Phải chăng lý tưởng phát triển nó đến mức độ trở thành vô điều kiện nghĩa là ta phải dứt bỏ hoàn toàn các quyền lợi cá nhân? Không hẳn thế. Ngược lại, đó là phương cách tốt nhất để phục vụ chúng sanh. Có thể bảo đó là xây dựng sự tự lợi sáng suốt nhất? Bởi lẽ nếu bảo rằng các đức tính như tình thương, nhẫn nhục, khoan dung và tha thứ bao gồm hạnh phúc con người trong đó là đúng hay nếu nói rằng lòng từ bi vừa là nguồn gốc và kết quả của những thiện tánh trên cũng hoàn toàn không sai chút nào; nếu như vậy, khi tâm ta càng từ bi, thì ta lại càng có nhiều hạnh phúc. Do đó, mọi ý tưởng liên hệ đến các người khác, nếu nhằm mục đích lợi ích cho đời sống cá nhân thì dù đó là đức tánh cao thượng, vẫn trở thành hẹp hòi và thiếu cận. Tâm từ bi nằm trong mọi lãnh vực của sinh hoạt, và dĩ nhiên bao gồm cả nơi chúng ta làm việc.

Ở đây, tôi muốn đưa ra một nhận thức được nhiều người nhìn nhận là từ bi, nếu không phải là một trở ngại, thì ít ra cũng là điều không thích hợp cho đời sống nghề nghiệp. Cá nhân tôi nghĩ rằng chẳng những thích hợp mà nếu thiếu tâm từ bi, sinh hoạt của chúng ta sẽ bị đe dọa huỷ diệt. Bởi vì khi ta không biết đến vấn đề ảnh hưởng của hành động đối với sự an lạc của người khác, ta có thể làm hại đến họ. Luân lý của từ bi giúp ta xây dựng một nền tảng và sự thúc đẩy cần thiết cho cả hành động kiểm chế lẫn trau giồi đức hạnh. Khi ta khởi đầu thực sự biết quý trọng giá trị của từ bi, quan điểm của ta đối với người khác tự động sẽ thay đổi. Chỉ riêng điều này có thể tạo một ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư cách đạo đức trong đời sống chúng ta.

Chẳng hạn như khi cám dỗ của sự lường gạt kẻ khác khởi dậy, lòng từ bi dành cho họ sẽ ngăn cản không cho chúng ta thực hiện ý định xấu ấy. Và khi nhận biết rằng việc làm của mình đang có nguy cơ bị lợi dụng để gây tổn hại cho người khác, tâm từ bi sẽ giúp ta ngừng không làm điều đó. Hãy tưởng tượng trường hợp một khoa học gia đang nghiên cứu một đề án nhằm gây đau khổ cho đồng loại, nhờ từ bi, họ sẽ nhận ra và hành động thích đáng, ngay cả có thể huỷ bỏ luôn kế hoạch tàn ác ấy. Trái lại nếu nhà khoa học tiếp tục hành động theo chiều hướng làm tổn hại cho tha nhân, có thể tạo thành các hậu quả bất lợi cho chính họ và gia đình.

Cũng thế, những người làm các dịch vụ chăm sóc y tế; cố vấn, công tác xã hội, v.v... hoặc ngay cả các nhân viên chăm nom người già tại nhà, đôi khi cảm thấy mệt mỏi vì công việc vượt quá sức mình. Sự thương xuyên

tiếp xúc với nỗi khổ đau, đôi khi sẽ tạo nên một ý tưởng như bất buộc chịu đựng, có khi đưa đến cảm thấy bất lực và tuyệt vọng. Hoặc có thể xảy ra điều cá nhân làm việc từ thiện đó chỉ vì công tác phải làm hay hành động chỉ theo nhu cầu đòi hỏi. Điều này dĩ nhiên còn tốt hơn không làm gì hết.

Nhưng nếu không tự kiểm thảo, việc này có thể dẫn đến sự mất cảm giác đối với nỗi khổ đau của người khác. Nếu nó bắt đầu xảy ra, tốt hơn là nên tạm ngưng bỏ một thời gian, và nỗ lực thận trọng hầu đánh thức tính dễ cảm xúc đó. Trong vấn đề này, cần nên nhớ rằng tuyệt vọng không bao giờ là một giải pháp tốt. Đúng hơn, điều ấy là sự thất bại hoàn toàn. Cho nên, một thành ngữ Tây Tạng nói rằng, dù cho sợi dây bị đứt làm chín khúc, ta cũng phải cố gắng nối lại mười lần. Bằng cách đó, dù cuối cùng ta vẫn thất bại, ít ra ta sẽ không có điều gì hối tiếc. Và khi phối hợp cái nhìn này cùng với sự nhận thức rõ ràng về khả năng giúp đỡ người khác của mình, chúng ta có thể bắt đầu phục hồi niềm hy vọng và tự tin.

Vài người có thể phản đối lý tưởng này trên căn bản là khi dẫn thân cứu khổ tha nhân, ta sẽ rước khổ lụy vào cho chính mình. Ở một giới hạn nào đó, điều ấy đúng. Nhưng tôi bày tỏ rằng, có sự phân biệt chủ yếu giữa kinh nghiệm khổ đau của chính ta và kinh nghiệm đau khổ khi chia sẻ cùng người khác. Trong trường hợp nỗi khổ của riêng ta, dù là không phải tự nguyện, vẫn có một cảm nghĩ bị áp chế: dường như nó đến từ bên ngoài ta. Trái lại, chia sẻ nỗi khổ đau cùng người khác, với một trình độ tự nguyện nào đó, nhưng tự nó cho thấy có một thứ nội lực. Bởi lý do đó, sự phiền bức do nó tạo nên còn ít khốc liệt hơn là sự đau khổ của riêng ta.

Hẳn nhiên, dù là một lý tưởng, ý niệm về phát triển lòng từ bi vô điều kiện, rất dễ gây cho ta sự nản lòng. Phần đông mọi người, kể cả tôi, phải tranh đấu mới có thể dễ dàng đạt tới trình độ đặt lợi ích của kẻ khác ngang bằng với quyền lợi của mình. Tuy nhiên, chúng ta không thể để cho điều ấy khiến ta thối tâm bỏ cuộc. Và trong khi chắc chắn có nhiều trở ngại trên con đường phát huy một cõi lòng rộng mở, ta lại có một nguồn an ủi sâu xa khi biết rằng hành động như thế là ta đang tạo các điều kiện cho hạnh phúc của chính mình.

Như tôi đã nói trên, khi ta càng thực lòng muốn cứu giúp kẻ khác thì năng lực và tự tin càng được phát huy, và ta sẽ có kinh nghiệm càng lớn lao về sự an lành và hạnh phúc. Nếu không phải vậy, thì chúng ta tự hỏi thử còn có phương cách nào khác chẳng? Với bạo lực và gây hấn? Dĩ nhiên là không. Với tiền tài? Có thể đạt tới một mức nào đó, nhưng không xa hơn. Nhưng với tình thương, chia sẻ nỗi đau khổ của người khác, nhận thức rõ ràng chúng ta và những người khác là một - đặc biệt là những kẻ không may mắn và nhân quyền bị tước đoạt - bằng cách giúp đỡ họ có hạnh phúc: đúng vậy. Qua tình thương, lòng nhân đạo và qua từ bi, chúng ta xây dựng sự thông cảm, hiểu biết giữa ta và người. Đó là cách rèn luyện sự đoàn kết và hoà hợp.

Lòng từ bi và tình thương không phải là các xa xỉ phẩm. Đó là nguồn an lạc trong nội tâm lẫn bên ngoài. Chúng là nền tảng cho sự sống liên tục của con người. Một mặt chúng tạo dựng việc làm bất bạo động. Mặt khác, chúng là nguồn gốc của các đức tính tâm linh như tha thứ, khoan dung và từ bi hỷ xả vân vân. Hơn nữa, đây hẳn là điều xây dựng, mang lại ý nghĩa cho mọi sinh hoạt của ta. Không có gì tự đắc khi học cao, không có gì kiêu hãnh khi giàu sang phú quý. Chỉ có con người với một tâm hồn vị tha mới có thể làm các điều hữu ích thực sự có giá trị.

Đối với những người nghĩ rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma không thực tế khi biện luận cho lý tưởng về tình thương vô điều kiện, tôi mong rằng họ hãy thử kinh nghiệm với nó. Họ sẽ phát hiện, nhận ra rằng khi chúng ta sống vượt lên trên sự ích kỷ hẹp hòi của điều lợi ích cá nhân, trái tim của ta sẽ rộng mở ngập tràn tình thương. Sự an lạc và hạnh phúc sẽ trở thành bạn hữu thường xuyên của ta. Nó phá tan các chương ngại và cuối cùng tiêu diệt hành động vị kỷ là điều chống trái lại với tánh lợi tha. Nhưng quan trọng nhất, trên phương diện đạo đức, nơi nào có tình thương, sự quý mến, lòng tốt và tâm từ bi dành cho đồng loại, nơi đó tự động sẽ có hành vi đạo đức. Các hành động luân lý phước thiện tự nhiên phát sinh trong khuôn khổ của từ bi.

Trích từ cuốn sách: “Ethics for the New Millennium”, nguyên tác: Đức Đạt Lai Lạt Ma, chuyển ngữ: HT. Thích Trí Chơn



động lực của

bồ đề tâm

TK. Ni Viên Tâm

I. Lời tựa

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, phẩm ly thế gian có nói “Vong thất bồ Đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp”. Vì vậy chúng ta tu Phật đạo trước hết cần phải phát bồ đề tâm. Phát bồ đề tâm là điều kiện tối thiểu và tối trọng yếu trong sự tu tập.

Chúng ta cần phải tu như thế nào mới thành Phật được. Thành Phật là do tu hành bồ tát đạo mà thành tựu. Bồ tát đạo là do phát bồ đề tâm mà có. Vì vậy phát bồ đề tâm là nhân hạnh của bồ tát cũng là động lực duy nhất để chứng quả Như Lai. Nếu không có động lực này, thì dĩ nhiên sẽ không có ai chịu hành nhân hạnh của bồ tát và tu chứng quả Như Lai.

Bồ đề tâm là cốt lõi của Phật pháp đại thừa, không kể là tu thiền, tu tuệ, tu mật, liễu sanh thoát tử, v.v... nếu không thể cùng bồ đề tâm tương ứng, thì công quả tu đó, sẽ không bị lạc vào thiếu thừa, thì liền đồng phạm phu, ngoại đạo không khác. Do đó chúng ta muốn thành Phật, hoá độ chúng sanh, thì cần phải phát bồ đề tâm.

II. Định nghĩa của bồ đề tâm

Bồ đề tâm là gì? Bồ đề tâm Phạn ngữ là bodhi-citta, gọi đủ là A mậu đa la tam miệu tam bồ đề, tức là tâm tu thành vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nói đơn giản hơn là phát khởi tâm thành Phật. Học Phật mà không phát khởi bồ đề tâm, thì giống như làm ruộng không gieo lúa giống, không gieo lúa giống, thì tương lai làm sao có thu hoạch được.

Cũng như thế, chúng ta có phát bồ đề tâm để tu tập, thì trong đời vị lai, mới có thể thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác được.

III. Động lực của bồ đề tâm

Mục tiêu chủ yếu của Bồ đề tâm là để thành Phật, làm phước hưởng phát nguyện tu hành, nhưng bồ đề tâm nếu thiếu đi từ bi và nguyện lực, thì không có cách nào viên mãn được, và cũng dễ dàng thoái đạo. Do vậy mà

chúng tôi dùng hai gốc độ lại nói rõ để thiết nhập vào động lực phát tâm bồ đề.

- a) là thượng cầu Phật đạo, làm tự lợi;
- b) là hạ hoá chúng sanh, làm lợi tha;

A. Thượng cầu Phật đạo

Kinh Kim Cang bát nhã sơ quyển hai có đề cập đến “Phát bồ đề tâm, thượng cầu Phật đạo, hạ độ chúng sanh. Kim thượng cầu Phật đạo, cố tu thức pháp thân”. Chúng ta phát xong tâm niệm bồ đề này rồi, không kể thành Phật đạo lâu xa thế nào, hay trên quá trình tu tập gặp nhiều chướng ngại, bị nhiều đả kích, khó tu hành đi nữa, thì ngay lúc đó chúng ta sẽ có tâm niệm “muốn thành Phật” nhắc nhở và ủng hộ, khiến chúng ta sẽ tinh tấn, không giải đãi hưởng về con đường Phật đạo phía trước mà tiến bước, chúng ta sẽ có cách bài trừ trùng trùng khó khăn, phá bỏ lớp lớp ma chướng, tiếp tục nỗ lực, trăm ngàn trắc trở quấy nhiễu cũng quyết hưởng về con đường Phật đạo phía trước mà tiến bước. Trước khi chưa đạt đến quả vị Phật, tuyệt đối không được ngừng nghỉ. Như vậy trong một kiếp nào đó, tự nhiên chúng ta có thể thành Phật. Vì vậy Ngài Tịnh An đại sư có dạy “Nguyện lập tức chúng sanh độ nổi, tâm phát tất Phật đạo kham thành”.

Như lấy cụ thể cá nhân chúng tôi lại nói, tự mình không sợ hoàn cảnh khó khăn cùng ngôn ngữ chướng ngại, Từ Na Uy phát tâm đến Phật học viện tại Đài Loan tu học, hy vọng sau khi tốt nghiệp về Âu châu, sẽ đem những điều đã học được truyền lại cho mọi người cùng tu học. Nhưng đối với một người kiêu sinh như chúng tôi, thì trong cuộc sống tu học về mọi mặt khó tránh khỏi những điều trắc trở, khó khăn làm cho thân tâm bị quấy nhiễu cùng thối chí, trong những lúc như vậy, chúng tôi chỉ muốn buông bỏ hết tất cả, không muốn tiếp tục ở trong Phật học viện tu học nữa, chỉ muốn trở về thường trú đóng thất tự tu hành. Nhưng nghĩ tới lời của Ngài Tịnh Am đại sư dạy “Nguyện lập thì chúng sanh độ nổi, tâm phát tất Phật đạo kham thành”, tức không vì cầu cho bản thân an lạc mà vì sự thoát khỏi đau khổ của chúng sanh, mà phát tâm tu học, thì đủ sức vượt qua trùng trùng thử thách mà tiếp tục hoàn thành học nghiệp và đạo nghiệp trong tương lai.

Đối với thượng cầu Phật đạo, chúng ta cần phải có bốn phương pháp như sau:

1. Thân cận Thiện tri thức: Chúng ta có thể sửa đổi những tập khí xấu xa và tam độc thâm sâu của chính mình. Để các thiện pháp được tăng trưởng, giới đức đầy đủ, thân cận cúng dường các bậc thiện tri thức và thú hưởng đến sự tịch tĩnh cùng giải thoát.

2. Thính Văn chánh pháp: Nghĩa là đối với Phật pháp, chúng ta cần phải phát khởi lòng rất thích thú lắng nghe. Nghe xong, cần phải thâm tín thọ trì, tư duy ý nghĩa của các pháp mà thâm nhập vào kinh tạng, để tâm của chúng ta khế hợp với tâm của chư Phật.

3. Như Lý tư duy: Là do chúng ta phải phát khởi lòng thích thú lắng nghe Phật pháp cùng tự tâm quán sát như lý của các pháp, nhờ đó chúng ta có đủ khả năng thông đạt thật tướng xuất thế của các pháp, làm cho “vô phân biệt trí” của chúng ta sanh khởi. Nghĩa là chúng ta y theo tam học văn tu tư để đạt được kiến giải chân chánh của Phật pháp.

4. Pháp tùy pháp hành: Tức đối với Phật pháp hoặc những lời của thiện tri thức dạy bảo, chúng ta cần phải như thuyết mà hành các hạnh thù thắng, tùy thuận không trái nghịch. Như vậy mới dự bị đầy đủ tư lương tu học thượng cầu Phật đạo.

Đây là bốn phương pháp sẽ giúp cho chúng ta đầy đủ tự lợi lợi tha, mau hướng đến thượng cầu bồ đề và đạt tới cứu cánh viên mãn Phật đạo.

Một vị hành giả phát tâm quảng đại, trong quá trình tiến tu hướng đến bồ đề đạo, thì tuyệt đối không thể được chút ít cho là đủ mà dừng nghỉ, phải nghĩ rằng bồ đề đạo thành, sau đó nguyện tôi mới thành. Chư Phật Như Lai sở dĩ đủ sức tu hoá chúng sanh, nguyên nhân là vì có nguyện lực rộng sâu nhiếp trì, như đức đại sĩ Quán Âm có mười hai đại nguyện, đức Phổ Hiền bồ tát có mười đại nguyện lớn v.v...

Sau khi phát tâm rồi, chúng ta cần phải y theo bốn nguyện của chính mình mà tu hành, dựa theo lục độ hoặc tứ hoằng thệ nguyện mà thực hành hạnh bồ tát, từ từ sẽ hàng phục phiền não của chính mình, cùng “tính không” tương ứng, trải qua một thời gian lâu sau, đoạn trừ tất cả

phiền não, sẽ triệt chứng được thật tướng bồ đề. Lúc này chúng ta cần phải tiếp tục tu hành, giác ngộ được tất cả các pháp vốn thanh tịnh, đặc vô sanh pháp nhẫn, trang nghiêm Phật quốc, thành thực chúng sanh, đạt tới rốt ráo tự lợi lợi tha, tức chứng đạt được viên mãn bồ đề, vô thượng chánh đẳng chánh giác.

B. Hạ hoá chúng sanh

Kinh Phạm Võng bồ tát giới sơ tân, quyển 7 có nói “kiến chúng sanh khổ, đồng ư kỷ khổ, khởi đại từ bi, ái đồng nhất tử”. Bồ tát hạ hoá chúng sanh, là phải phát tâm vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Lấy sự khổ đau của chúng sanh làm sự khổ đau của chính bản thân mình, lấy sự an lạc của chúng sanh làm sự an lạc của chính mình, quán tất cả chúng sanh như con một của mình, độ chúng sanh mà không mong cầu đền đáp. Trong kinh Bát Đại nhân giác có đề cập đến “Nguyện đại chúng sanh, thọ vô lượng khổ”. Nghĩa là nguyện thay thế chúng sanh, chịu vô lượng khổ. Đây chính là tâm đại bi của người tu đại thừa. Phát tâm đại thừa cứu độ chúng sanh, cần phải nan hành năng hành, nan nhẫn năng nhẫn, nếu không như vậy thì tâm đại thừa không dễ dàng phát được.

Ngày xưa, Ngài Xá Lợi Phất muốn bỏ tâm tiểu thừa chuyển phát tâm đại thừa, có một ngày nọ, thiên nhân lại thử thách tâm đại thừa của Ngài.

Thiên nhân hoá làm người con hiếu tử, ngồi tại lễ đường khóc rất bi thương, ngài Xá Lợi Phất đi ngang qua thấy thế liền hỏi rằng: “Ông có việc gì không như ý mà ở đây khóc thảm thiết như vậy? Tôi có thể giúp được gì cho ông không Hiếu tử than mà nói rằng “Mẹ tôi đang bị bệnh nặng, lương y nói cần phải có con mắt của người sống làm thuốc mới trị khỏi bệnh, mà người sống này phải là bậc tu thánh đạo mới có hiệu dụng. Con mắt của người sống đã là khó kiếm rồi, hà huống phải là người tu thánh đạo thì càng khó hơn. Đi đâu mà tìm cho được. Tôi nghĩ tới người mẹ của tôi đang bệnh nặng phải chết, nên không thể cầm nước mắt được”.

Ngài Xá Lợi Phất sau khi nghe đầu đuôi câu chuyện xong thì mỉm cười mà nói với hiếu tử rằng “Xin ông đừng quá đau lòng, tôi sẽ giúp ông”.

Ngài Xá Lợi Phất nói với hiếu tử rằng “Tôi là người tu và đã chứng thánh đạo, đồng thời đã phát tâm đại thừa, tất cả vật ngoài thân của tôi đã bố thí cho chúng sanh rồi, nay tôi cũng đang muốn tìm cơ hội đem một phần thân thể này, thậm chí cả sanh mạng đem bố thí cho chúng sanh luôn. Ngài Xá Lợi Phất nói xong, lập tức dùng tay móc con mắt bên trái của mình đưa cho hiếu tử và đồng thời nói rằng: “Xin hãy đem con mắt này về làm thuốc cho mẹ ông uống, nguyện cầu cho mẹ ông sớm ngày bình phục”

Hiếu tử không chịu tiếp nhận con mắt của Ngài Xá Lợi Phất và liên tục lắc đầu nói rằng. Hồng bát rồi / lương y có nói là phải dùng con mắt bên phải mới có hiệu dụng.

Ngài Xá Lợi Phất nghe xong tự trách mình sao quá sơ ý, ngay lúc đầu không chịu hỏi hiếu tử rõ ràng một chút. Ngài Xá Lợi Phất lại nghĩ rằng cứu người phải cứu tới cùng, con mắt bên trái đã không hữu dụng, còn con mắt bên phải thôi thì móc xuống cho ông ta luôn đi. Vì vậy Ngài Xá Lợi Phất lại một lần nữa, dùng mảnh móc luôn con mắt bên phải xuống cho người hiếu tử. Hiếu tử tiếp lấy con mắt để trên tay, đưa lên mũi ngửi xong, liền ném xuống đất rồi lấy chân dậm đạp lên con mắt mà lớn tiếng mắng rằng: “Ông nói ông tu thánh đạo gì mà con mắt hôi thối quá vậy, làm sao làm thuốc cho mẹ tôi uống được?”

Ngài Xá Lợi Phất tuy không còn mắt để nhìn thấy, nhưng lại nghe được những lời nói và hành động của hiếu tử như thế, thì tâm ý bị thối chuyển ngay. Tôi vì phát tâm đại thừa phổ độ chúng sanh, ý muốn đem mắt của tôi bố thí cho ông, mắt bên trái thì ông không muốn, còn mắt bên phải thì ông lại chê hôi thối không thèm nhận, tôi thật có lỗi gì với ông mà lại còn la mắng tôi như vậy.

Tâm ý nhiệt tình hoá độ chúng sanh của ngài Xá Lợi Phất đã bị nguội lạnh, cảm thấy chúng sanh thật khó độ, nên không muốn tiếp tục phát bồ đề tâm nữa.

Đây là một giai đoạn tu hành phát tâm bồ đề của Ngài Xá Lợi Phất ở quá khứ. Từ câu chuyện này, cho chúng ta có thể thấy được tâm đại thừa thật khó phát, nhưng

chúng ta đừng sợ, chỉ cần thông đạt “tánh không” cùng nhập vào” từ bi quán”, thì tâm đại thừa phổ độ chúng sanh sẽ dễ dàng phát khởi. Lợi tha cần nên có Tinh thần dũng cảm như vào nước sôi lửa bỏng, không sợ khổ cực, ngược lại rất thích thay thế chúng sanh chịu vô lượng vô số đau khổ. Đó mới là người tu đại thừa bồ tát hạnh.

Kinh Hoa Nghiêm có nói “Đản nguyện chúng sanh đắc ly khổ, bất vị tự kỷ cầu an lạc”. Nghĩa là không vì cầu cho chính bản thân mình an lạc mà chỉ vì nguyện cho tất cả chúng sanh xa rời đau khổ, mà phát tâm bồ đề.

Giống như ngài đại trí Văn Thù bồ tát, ngài đại hạnh Phổ Hiền bồ tát, ngài đại bi Quán Thế Âm bồ tát, ngài đại nguyện Địa Tạng vương bồ tát.

Đây là những nhân vật đại biểu cho hàng phát tâm đại thừa, làm gương để cho chúng ta học hỏi theo.

Một người chân chánh phát tâm đại thừa rộng lớn, tuyệt đối không được hoá độ chúng sanh ở phạm vi nhỏ hẹp, mà tâm địa cần phải mở rộng, không phân chủng tộc, thân sơ, bạn thù, khó độ dễ độ mà phải phổ cập bình đẳng cứu độ tất cả.

Ví dụ cụ thể, gần đây chúng ta tham gia cứu trợ Miền Điện và Tứ Xuyên (trung quốc), là một điển hình thực tế. Sư trưởng cùng học sinh chúng ta, ai ai cũng phát tâm đi khát thực, hoặc là lấy tiền của mình ra để bố thí, cho đến tụng kinh cầu an, cầu siêu cho dân chúng hai nơi đó, được âm siêu dương thái, với niềm hy vọng những người bị thọ nạn sớm ngày vui đi nỗi đau khổ và an lạc trong cuộc sống. Đây là một thứ biểu hiện và hành động của sự phát bồ đề tâm. Bồ đề tâm này nó siêu vượt lên trên cả lập trường của quốc gia, chánh trị và chủng tộc.

Cần phải nguyện cứu độ vô lượng vô số chúng sanh tận, sau đó nguyện cứu độ chúng sanh của chính bản thân mình mới cùng tận. Như trong bốn nguyện của ngài Địa Tạng bồ tát là “chúng sanh độ tận, phương chứng bồ đề” hoặc ngài A Nan trong hội Hoa Nghiêm có phát nguyện như “Như nhất chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ Nê Hoàn”. Nghĩa là như còn một chúng sanh chưa thành Phật, thì tôi không nhập Niết Bàn. Nói cách khác chúng sanh giới tận, nguyện tôi mới cùng tận. Ngược lại, nếu như chúng sanh giới chưa tận, thì nguyện của tôi cũng chưa cùng tận.

Bồ tát vì muốn hoàn thành chí nguyện hạ hoá chúng sanh, đối với tất cả sự bức bách khổ nạn cần phải có tâm nhẫn nại vững chắc. Thậm chí hy sinh thân mạng của chính mình, chớ cũng không thể nào trái nghịch với hạnh nguyện của mình. Trong sự “nan hành năng hành, nan nhẫn năng nhẫn”, tìm cơ hội thân cận và dùng đủ thứ phương tiện thiện xảo lại giáo hoá chúng sanh không nhằm mỗi, để chúng sanh đối với Phật pháp có cơ hội tiếp xúc mà quy y tam bảo, đồng mảnh phát bồ đề tâm tu học giới định huệ. Như vậy mới làm cho chúng sanh thoát ly thống khổ được. Hạ hoá chúng sanh, chúng ta cần phải đặc biệt thông hiểu đạo lý “duyên khởi tánh không” và trụ trong lý “bát nhã ba la mật”, để không bị

thối chuyển cùng chướng ngại mục đích hạ hoá chúng sanh cả chính mình. Đây chính là then chốt của sự hạ hoá chúng sanh.

Thế gian có thêm một người phát tâm bồ đề thì có thêm một hạt giống thành phật. Tất cả biện pháp ở thế gian đều không thể giải quyết được sự triệt để thống khổ của chúng sanh, chỉ có phật và phật pháp mới là lương dược cứu khổ rất ráo. Vì vậy chỉ có phương pháp duy nhất là hành bồ tát hạnh, chứng quả bồ đề, mới có thể khiến chúng sanh từ vô lượng vô biên khổ não được đắc an lạc và giải thoát. Như thế vì cứu độ chúng sanh mà phát tâm tu hành, lấy sự tu hoá chúng sanh làm tư lương thành phật, phát tâm học hạnh bồ tát, cầu thành phật quả.

Tâm bồ đề giống như hạt bảo châu, càng lâu chùi càng sáng. Thêm một phần công phu, thì thêm một phần thành tựu. Bồ tát thừa là xuất thế và cũng là nhập thế. Vì bồ tát không những cầu cho mình thành phật mà nguyện cho tất cả chúng sanh đều được đắc độ. Dùng đại trí, đại bi, đại nguyện, đại hạnh hợp nhất, mà hướng dẫn chúng sanh quy y tam bảo, phát tâm bồ đề, cầu thành phật quả. Đó là ý nghĩa chân chánh của người học phật.

Bồ tát tu hành, chú trọng ở lợi ích chúng sanh làm sự nghiệp, không tiếc thân mạng, tràn đầy tinh thần hy sinh, từ bi và trí tuệ, tức phước tuệ song tu, không yếm thế ẩn dật mà cầu giải thoát cho chính bản thân mình. Đó là một thứ tinh thần mà người tu hạnh nhị thừa (tức thanh văn và duyên giác) không thể có được.

IV. Kết luận

Phát tâm bồ đề, hành bồ tát đạo, vốn không phải là sự khó khăn. Nó khó là khó ở chỗ không thể bảo trì ý chí và tâm niệm bất thối cùng sức kiên nhẫn lâu dài được. Người học bồ tát đạo lúc gặp khó khăn, trắc trở, cần phải bảo trì tâm dũng mãnh mà không cho thối thất, cần học tinh thần vô úy, dũng mãnh cùng sức từ bi của chư phật và bồ tát, thêm vào nguyện lực độ sanh sâu rộng cao chính mình. Giống như đức Thích Ca Mâu Ni Phật, ngày xưa phát tâm hành bồ tát đạo, trong quá trình nan hành năng hành, luôn ôm ấp tinh thần đại vô úy, bài trừ tất cả hiểm nạn, niệm niệm không rời cầu phật đạo, tâm tâm luôn nguyện hoá độ chúng sanh.

Nghe phật đạo lâu xa cũng không thối sợ. Quán chúng sanh khó độ mà không sanh mỗi mệt. Như lên núi cao vạn trượng cũng quyết tới tận đỉnh ; xây tháp chín tầng cũng quyết đến tận nóc. Như vậy mới đủ sức thành tựu viên mãn bồ đề.

Cuối cùng, nguyện cầu chư phật từ bi gia hộ cho chúng ta, từ đây cho đến khi thành phật, sanh ra bất cứ nơi đâu, cũng đều gặp được tam bảo. Ai nấy đều đồng mãnh phát bồ đề tâm, hành bồ tát đạo và đồng chứng bồ đề quả.

A Di Đà Phật!

TKNi Viên Tâm

quán niệm về cái chết để sống có ích

Phan Minh Đức

Kinh Tứ Thập Nhị Chương có thuật chuyện Đức Phật hỏi các thầy Tỷ kheo:

- Đời người sống bao lâu?

Một thầy đáp:

- Trong vài ngày.

Đức Phật lắc đầu bảo:

- Ông chưa hiểu đạo.

Một vị khác nói:

- Trong khoảng một bữa ăn.

Đức Phật cũng lắc đầu bảo:

- Ông chưa hiểu đạo.

Một vị khác nói:

- Đời người trong hơi thở.

Đức Phật khen vị ấy rằng:

- Hay thay, ông mới là người hiểu đạo.

Thế gian thường bảo đời người trăm tuổi, nhưng thử hỏi mấy người sống đến trăm năm? Đỗ Phủ nói: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy” (Người sống đến bảy mươi xưa nay hiếm). Y Vân bảo đời người sống được sáu mươi năm (Em ơi có bao lâu, sáu mươi năm cuộc đời). Cổ nhân nói: “Sơn trung tự hữu thiên niên thụ, thế thượng nan phùng bách tuế nhân” (Trong núi có cây sống ngàn năm, trên đời khó gặp người trăm tuổi).

Có lẽ vì đa phần thế gian cho rằng đời người dài lâu, một trăm năm hoặc chí ít cũng mấy mươi năm, cho nên tạo dựng cơ đồ, tích chứa của cải bạc tiền để hưởng thụ trong hiện tại và tương lai. Nhưng Đức Phật nói đời người chỉ trong hơi thở, ai hiểu được điều này là người

đó thấy đạo, đạo ở đây là chân lý, là sự thật về đời người.

Đức Phật bảo đời người mong manh ngắn ngủi, chỉ vồn vện trong một hơi thở, thở vào mà không thở ra hoặc thở ra mà không thở vào là đời người kết thúc, ai biết chắc mình sống được bao lâu? Tai nạn, bệnh tật, những bất trắc luôn rình rập đe dọa mạng sống con người, cái chết có thể đến với chúng ta muốn hay không muốn. Khi cái chết đến, chúng ta không thể hẹn lại ngày giờ, chúng ta không thể dùng tiền bạc của cải để mua chuộc, đánh đổi mạng sống, không thể dùng quyền lực để giữ sinh mạng, dùng tình cảm để níu kéo sự sống, chúng ta cũng không thể chạy trốn, né tránh cái chết dù chúng ta có khôn ngoan, tài giỏi đến đâu.

Trong kinh Pháp Cú Thí Dụ có kể câu chuyện bốn anh em dòng họ Phạm chí chạy trốn cái chết như sau:

Có bốn anh em dòng họ Phạm chí tu tập chứng đắc được Ngũ thông, mắt họ có thể thấy và tai họ có thể nghe xa vạn dặm, họ có thể đoán biết quá khứ vị lai, có thể đọc được suy nghĩ của người khác, họ đi trong nước, bay trên không như đi trên đất... Nhờ có thần thông mà họ biết trước ngày giờ chết của mình. Sắp đến ngày mạng chung, bốn anh em Phạm chí họp lại bàn cách chạy trốn cái chết, họ nói với nhau:

- Cái chết đến, người khác khó tránh, nhưng bọn chúng ta có đại thần thông, nhất định sẽ tránh được. Bây giờ chúng ta hãy chia nhau chạy trốn.

Bàn tính xong, một người dùng thần thông bay lên không trung, một người dùng thần thông lặn xuống đáy biển, một người ẩn mình trong núi lớn, người còn lại trà trộn vào đám đông giữa chợ, họ định bụng chờ qua khỏi ngày đó thì trở về.

Đến ngày chết, người trốn lên không trung tự đứng rơi xuống đất chết, người trốn dưới biển sâu cũng mất hết thần thông mà chết nổi lên, còn người ẩn mình trong núi và người trốn giữa đám đông cũng lẫn ra chết.

Mọi người biết chuyện đó đều không khỏi kinh hoàng và hiểu rằng không có cách gì ngăn chặn được sự vô thường, không có cách gì làm thay đổi quy luật sinh, già, bệnh, chết.

Thật ngây thơ, nông cạn khi cười cợt cái chết, nghĩ rằng mình khỏe mạnh, sống lâu, giàu sang, quyền thế, thông minh, tài trí mà quên rằng mọi thứ luôn biến đổi vô thường. Khi cái chết đến mọi thứ đều trở nên vô nghĩa.

Ai cũng sẽ phải chết và không biết chết lúc nào. Vì thế, sống sao cho thật ý nghĩa, không lãng phí đời sống mới là việc cần làm hơn là ngồi chờ cái chết đến, đánh mất thời gian, công sức vì những việc vô ích không đâu. Có nên đầu tư tất cả tâm trí vào những tính toán hơn thiệt, tranh chấp hơn thua? Có nên nuôi dưỡng trong lòng những mưu đồ, tham vọng bất chính? Có nên ôm giữ những thù hận oán hờn? Thật không nên, bởi như thế là lãng phí đời sống, quên bỏ hạnh phúc trong hiện tại, làm

như thế là đem phiền não khổ đau như lo lắng, muộn phiền, đố kỵ, oán ghét, hận thù ... sẽ làm cho cuộc đời chúng ta mất an vui và hạnh phúc. Khi cái chết gần kề, người ta mới thấy rằng bao nhiêu ân oán tình thù, những điều mà từ lâu ta luôn canh cánh trong lòng đều như sương khói. Có một câu nói rất hay: “Đời người như một cuốn sách, điều quan trọng không phải là cuốn sách dài hay ngắn mà ở chỗ cuốn sách đó hay hay dở”. Vì thế, hãy sống tích cực, sống trọn vẹn với thời gian, với những gì đang có, sống thật vui vẻ, có ý nghĩa và hữu ích. Hãy nỗ lực làm những gì có ích cho mình và mọi người, phục vụ và cống hiến, để đời sống dù có mong manh, ngắn ngủi cũng trở nên có ý nghĩa và giá trị.

Đức Phật dạy chúng ta nên quán niệm về cái chết. Chết là một trong mười đề mục quán niệm (thập niệm). Quán niệm cái chết để dừng lại những tham muốn, dục vọng, xả bỏ tâm thù hận oán hờn, dứt trừ lòng kiêu căng tự phụ... Quán niệm cái chết để biết tận dụng đời sống của mình tinh tấn tu hành làm lợi ích cho mình và tất cả chúng sanh. “Ngày nay đã qua, mạng sống giảm dần, như cá cạn nước, nào có vui chi. Mọi người cần phải tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, luôn nhớ nghĩ lẽ vô thường, chớ nên chậm trễ biếng nhác” (Thị nhất dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc? Đại chúng đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên, đản niệm vô thường, thận vật phóng dật), đó là lời kệ nhắc nhở mà người đệ tử Phật đọc tụng mỗi ngày.

Phan Minh Đức

mây trắng ngàn năm

Bạch Vân thiên tải không du du (Thôi Hiệu)

Kìa vẫn ngàn năm mây trắng
Lơ lửng bên trời chữ “Sắc Không”
Chao ơi đời mãi khung trời vắng
Núi nguồn chìm đắm giữa mênh mông

Tôi chợt nhớ những đầm hoa súng
Những ao sen hoa nở theo mùa
Tưởng như mới đó mà xa nhỉ?
Đâu thuở đơn sơ tuổi học trò?

Hôm nay thêm nữa một mùa ngâu
Đầm súng ao sen khó bắc cầu
Gió núi mưa ngàn xa biệt quá
Mong sao hoa vẫn giữ tươi màu.

Kìa vẫn ngàn năm mây trắng
Kiếp người luân chuyển nổi trôi giông
Văn minh diễn tiến luôn từng chặng
Tiến mãi đi vào cái khoảng không!

Vân Nương (France)

VỊ TRÍ NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG PHẬT GIÁO

Piyadassi Mahathera, Phạm Kim Khánh dịch

Khi Đức Phật Siddhattha Gotama (Sĩ Đạt Ta Cổ Đàm) thị hiện ở Ấn Độ cách nay hơn 2,500 năm về trước, người phụ nữ có một địa vị rất thấp kém và đê hèn trong xã hội Ấn Độ. Vào thời bấy giờ, trong phần còn lại của thế giới văn minh, trải dài từ Trung Hoa đến Hy Lạp, vị trí của người phụ nữ vẫn khiêm nhường và hạ cấp. Ngày nay, cùng khắp nơi ai ai cũng nhìn nhận rằng Đức Phật là người đã sáng lập một tôn giáo được truyền bá sâu rộng trên thế gian, phổ cập đến những hang cùng hốc hẻm của quả địa cầu, đã ban truyền một triết lý huy hoàng và vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng loài người.

Nhưng vai trò phục hưng xã hội và cách mạng văn hóa của Đức Phật, rất kỳ diệu và phi thường, đôi khi bị các sử gia Phật Giáo lãng quên.

Quan trọng nhất trong các đổi mới mà Ngài đem lại cho cơ cấu xã hội loài người vào thời bấy giờ là sự phá tan hệ thống giai cấp rất tai hại và giải phóng phụ nữ. Với lòng quả cảm hiếm có đáng được lưu ý Ngài chỉ vạch tánh cách vô lý và điên rồ của những ràng buộc nghiêm khắc trong sự phân chia giai cấp và tình trạng nô lệ của người phụ nữ. Ngài phục hưng hai vấn đề tối trọng yếu ấy trong tập tục và tư tưởng con người mà vào thời bấy giờ đã thấm nhuần tận xương tủy người Ấn. Ngài biến chuyển một xã hội đã lún sâu trong thành kiến mù quáng và lòng mê tín ẩn tàng trở thành lành mạnh, đứng cảm và có nền đạo đức trong sạch.

Từ xa xưa trước thời Đức Phật, giai cấp bà la môn (brahmin) vẫn giữ toàn thể dân Ấn trong bàn tay sắt của họ, đìm thấp người phụ nữ xuống hàng tôi đòi hay nô lệ. Người đàn bà không có quyền gì của mình, không tự do ăn nói, mà phải tự giam hãm trong bốn bức tường của nhà mình và được xem là không xứng đáng được hưởng bất luận gì cao hơn là hàng tôi tớ của chồng, của cha hay của anh. Nữ giới không bao giờ được sắp ngang hàng với nam giới trong xã hội.

Theo sách Manusmṛti, The Laws of Manu, một quy luật để hưởng đạo số phận của cuộc sống trong xã hội Ấn Độ thời xưa mà nhà luật nổi tiếng Manu đã ban hành, hôn nhân là tăng cường những ràng buộc cột trói người đàn bà trong vòng nô lệ, siết chặt trọn cuộc đời vào người đàn ông - là một phần của chồng, là người làm công, người giúp việc để phục vụ chồng.

Vâng dạ phục tùng chồng, thi hành những gì chồng sai bảo, luôn luôn làm theo ý muốn của chồng, chỉ bấy nhiêu đó cũng có đủ tư cách cho người vợ vượt qua cánh cổng cửa cảnh trời. Không như người nam, người nữ không cần phải tế lễ hay thực hành những nghi thức lễ bái hoặc cúng kiếng nào, cũng không cần đọc tụng kinh và dâng cúng thần linh để dọn đường lên cảnh trời. Một lòng trung thành với chồng và lúc nào cũng tuân hành lời sai khiến của chồng là cái chìa khóa mở cổng vào hạnh phúc thiên đàng (1). Theo quy luật Manu hàng phụ nữ không được quyền học kinh Vedas (Phệ Đà). Đó là lý do tại sao trong nghi thức lễ bái dành cho người nữ không có phần đọc chú Veda. Quan kiến về nữ giới như vậy là một sỉ nhục cho người phụ nữ Ấn Độ.

Lòng trung thành của người vợ không phải chỉ được bày tỏ trong khi chồng còn sống mà còn tiếp tục cho đến khi hỏa táng ông chồng. Một người vợ Ấn Độ được trông đợi phải theo chồng sang thế giới bên kia bằng cách tự quyền sinh, nhảy vào ngọn lửa bùng cháy của giàn hỏa đang thiêu chồng. Mặc dầu các tập tục man rợ ấy đã được hoàn toàn bãi bỏ, chấm dứt và không còn được duy trì để bôi xấu gương mặt tươi đẹp của nền văn hóa Ấn Độ, tuy nhiên thói quen ấy đã được lan rộng trong xã hội Ấn Độ cổ xưa, và ngày nay thỉnh thoảng vẫn còn sống dậy trong xứ Ấn Độ tân tiến, cho thấy rõ vị trí thấp hèn của người phụ nữ trong xã hội Ấn vào những ngày xa xưa và có thể còn được ứng dụng đến một mức độ nào. Xã hội thời bấy giờ tin rằng sinh con gái là một điều bất hạnh - còn hơn vậy nữa - là một đại họa. Không phải chỉ người dân thường mà chí đến hàng vua chúa cũng không tránh khỏi bị quan kiến hẹp hòi và lầm lạc ấy gây nhiễm độc. Chuyện thuật rằng một ngày nọ Vua xứ Kosala (Câu Tát La) đến hầu Phật như thông thường vua vẫn đến và đàm đạo với Ngài. Vào lúc ấy có tin báo là Hoàng Hậu Mallika hạ sanh con gái. Nghe tin này vua ngẩn ngơ khó chịu, sắc mặt trở nên ủ dột âu lo và phiền muộn. Nhìn thấy vậy đáng Toàn Giác mở lời khuyên:

‘Không nên băn khoăn, tâu Đại Vương,
Một bé gái có thể,

Còn tốt hơn con trai,
Vì lớn lên em có thể thông minh và đức hạnh,
Là một người vợ hiền, mẹ chồng em sẽ yêu quý.
Rồi đứa con trai mà em sẽ sanh ra
Có thể làm nên đại sự
Trị vì một lãnh thổ rộng lớn, đúng vậy, con trai
Của bà vợ cao quý trở thành người lãnh đạo quốc gia'
(2).

Trong Phật Giáo, sự khác biệt giữa nam và nữ không phải là một trở ngại để thành tựu mức độ toàn hảo cao thượng nhất. Đề cập đến Bát Chánh Đạo mà Ngài ví như một cỗ xe, Đức Phật dạy:

'Đầu là người nữ, đầu là người nam
Cỗ xe cũng vẫn chờ đợi, cùng một chiếc xe ấy
Sẽ đưa vào tận Niết Bàn' (3)

Thấu hiểu lòng thù nghịch hiểm độc và thái độ ác cảm đối với hàng phụ nữ trong các hệ thống tôn giáo và xã hội của thời Ngài, Đức Phật phát huy một cuộc cách mạng trong tư tưởng và trong lối cảm xúc của đại chúng bằng cách công khai và can đảm tuyên bố rằng người nữ không có gì là thấp kém hơn người nam, và trên con đường đức hạnh toàn hảo và trí tuệ thâm sâu dẫn đến Niết Bàn, vừa khó khăn vừa khổ nhọc, nam và nữ vẫn ngang nhau. Bên trong mỗi người nữ, cũng như bên trong mỗi người nam, đều có tiềm ẩn khả năng để trở thành A La Hán, tiềm lực để trở nên bậc thánh nhân.

Tuyên ngôn này của Đức Phật, cũng như sự phủ nhận hệ thống giai cấp của Ngài, đã gây nên một biến động lớn lao trong giới tôn giáo thời bấy giờ vì đó là trực tiếp đương đầu với niềm tin đã ăn sâu vững chắc trong dân gian. Tuy nhiên, những thành trì chánh thống ấy sớm sụp đổ trước giáo lý về vang của Đức Phật.

Đức Phật chỉ rằng người đàn bà là mẹ của đàn ông. Không ai xứng đáng cho ta kính mộ tôn sùng bằng mẹ của mình, và phận làm con không thể trả hết món nợ của mẹ mà mình phải mang trong lòng. Như thế Ngài nâng cao vị trí của hàng phụ nữ.

Trong kinh sách Phật Giáo, đôi khi vì lòng sùng kính và tôn trọng, hàng phụ nữ được nhắc đến danh nghĩa là xã hội các bà mẹ (matugama). Về sau, người hiểu biết ở Ấn nghe theo lời khuyên dạy của Đức Phật về giá trị của bà mẹ, tuyên ngôn rằng: 'Bà mẹ và lãnh vực của mẹ phải được tôn trọng hơn là cảnh trời' (4). Đức Phật cũng ghi sâu vào tâm não của dân chúng thời bấy giờ nhu cầu phải kính nể và tôn trọng phái nữ. Ngài dạy người nam nên xem người nữ như chị, như em gái và hết lòng bảo vệ họ, nên đối xử hiền hòa, dịu dàng với vợ, xem vợ là ngang hàng với mình, và cho con gái những cơ hội thăng tiến giống như con trai. Hơn nữa, trong kinh Sigalovada Sutta, toát yếu đạo lý cho người cư sĩ. Đức Phật ban hành đường lối chỉ đạo về bốn phận người làm chồng nên: lễ độ, luôn luôn nhã nhặn thanh tao với vợ; không tỏ ý khinh thường; trung thành với vợ, trao quyền hành trong nhà, và mua sắm nữ trang cho vợ.

Cũng trong bài kinh ấy Đức Phật khuyên dạy bốn phận người làm vợ nên đối xử với chồng thế nào. Phải bày tỏ lòng thương kính chồng bằng năm cách: làm tròn phận sự của mình: ân cần đón tiếp thân bằng quyến thuộc bên chồng; trung thành với chồng; cẩn thận giữ gìn tiền bạc của cải mà chồng đem về; luôn luôn siêng năng, không bao giờ tháo truất công việc.

Vài người chỉ trích vội vã đi đến kết luận rằng Đức Phật không biết và không quan tâm thích nghi đến bốn phận và lý tưởng của hàng phụ nữ cư sĩ. Những vị ấy chỉ cần đọc những bài giảng của Đức Phật, nhất là những bài trong bộ Anguttara Nikaya (Tăng Nhứt A Hàm) (5) và Samyutta Nikaya (Tập A Hàm) (6) để nhận định đến mức nào đáng Toàn Giác đã chú trọng đến tình trạng an lành của 'xã hội các bà mẹ'. Theo Đức Phật, tất cả mọi tiến bộ và mọi thành tựu, tại thế cũng như siêu thế, đều nằm trong tầm khả năng của người phụ nữ cư sĩ sống với nếp sống trong gia đình và theo những khuynh hướng đạo đức của người tại gia, miễn là người ấy thực hành theo lời dạy của Đức Phật.

Những phẩm hạnh đem lại tình trạng an lành cho người phụ nữ trong cả hai, thế gian này và cảnh giới về sau, đã được Đức Phật ban hành như sau:

1. Tâm đạo nhiệt thành
2. Biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi
3. Không để duôi, buông xuôi theo chiều hướng độc hiểm, thù oán và sân hận
4. Không ganh tỵ
5. Không keo kiệt bủn xỉn mà quảng đại rộng rãi
6. Đức hạnh trong sạch
7. Sống cuộc đời đạo đức và thích hợp với thuần phong mỹ tục
8. Trau dồi học vấn và kiến thức thâm sâu
9. Hăng say và nhiệt thành
10. Cảnh giác và lanh trí
11. Sáng suốt và khôn ngoan (7)

Một thiếu nữ mà có những phẩm hạnh như trên đã vững chắc tiến bước trên con đường an lành và hạnh phúc.

Như nhà viết kịch vĩ đại người Hy Lạp, Euripides, đã lưu ý: 'Không có gì tệ hại hơn là một người đàn bà xấu và không có gì cao cả hơn một người đàn bà tốt.' Cũng vì Đức Phật tin chắc vào khả năng của người phụ nữ để tiến đạt đến mức tiến bộ tuyệt đỉnh mà con người có thể thành đạt nên Ngài chấp nhận thỉnh nguyện khẩn cấp của bà dì mẫu Pajapati Gotami và thành lập Giáo Hội Tỳ Khưu Ni. Làm điều này Đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử tôn giáo nhân loại đã nâng cao vị trí của hàng phụ nữ đến mức quan trọng nhất. Đây là việc làm duy nhất và chưa từng thấy trong rất nhiều hệ thống tôn giáo và trường phái tư tưởng được biết, trước và trong thời Đức Phật. Đây là một sự canh tân bất ngờ đã làm cho những nhà lãnh đạo xã hội và tôn giáo thời bấy giờ hoàn toàn kinh ngạc. Đây là một canh tân mới lạ phi thường vì nó chấp nhận cho hàng phụ nữ đặc quyền tiếp thụ một bản chất cao quý, một sức mạnh kiên cố vững

chắc trong nền đạo lý, một khả năng thẩm nhuần trí tuệ thâm sâu ngang hàng với nam giới.

Cũng nên ghi nhận thêm rằng Đức Phật cho phép thành lập Giáo Hội chư Tỳ Khuru Ni vào thời điểm và địa điểm mà người phụ nữ được xếp vào hạng rất thấp kém, khiếm tốn và có một địa vị nhục nhã trong xã hội. Và ta cũng có thể nói thêm rằng, mặc dầu 2,500 năm đã trôi qua từ thời Đức Phật và mặc dầu nhiều hệ thống tôn giáo khác đã phát triển dồi dào thịnh vượng tại Ấn Độ, chí đến ngày nay không có tôn giáo nào thành lập một giáo hội cho hàng nữ tu sĩ. Không thể còn nhiều nghi ngờ nữa, rằng hàng phụ nữ trên thế giới vẫn chịu một món nợ trường cửu đối với Đức Phật vì ngài đã nâng cao họ lên hàng danh dự này.

Sau khi Giáo Hội Tỳ Khuru Ni được thành lập, một số đông phụ nữ từ mọi tầng lớp của đời sống gia nhập vào Giáo Hội và những hành động của các bà đã tô điểm vẻ vang những trang văn học Phật Giáo. Đời sống của một số khá đông những vị tỳ khuru ni thánh thiện ấy, công trình kiên trì nỗ lực của các bà để thành đạt mục tiêu giải thoát và những ca khúc khải hoàn sau khi thành tựu mục tiêu, đã được mô tả một cách sống động trong Therigatha (psalms of the Sisters, những thánh thi của chư tỳ khuru ni).

Trong tích truyện chuyện bà Pajapati Gotami, được đề cập đến trong kinh sách, có tường trình việc thành lập Giáo Hội Tỳ Khuru Ni với đầy đủ chi tiết. Văn học Phật Giáo chứa đựng dồi dào những gương lành của người phụ nữ đã viên mãn nhiều thành tựu khác thường.

Bộ Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, kể lại rất tận tường tiểu sử các bà Phật tử, tỳ khuru ni và cư sĩ tín nữ, không những đã thực hành tốt đẹp Giáo Pháp mà còn là giảng sư dạy Giáo Lý. Vị Tỳ Khuru Ni Khundalakesa (8) là một trong các bà. Tích chuyện Tỳ Khuru Ni Soma đã nói lên bằng những danh từ không thể lầm lẫn rằng nữ tính không phải là trở ngại cho tiến bộ.

Tin tưởng lầm lạc thông thường ở Ấn Độ là cho rằng về phương diện tinh thần và đạo đức người phụ nữ thấp kém hơn người nam, được Tỳ Khuru Ni Soma (9) bác bỏ và giải rõ như sau: ‘Làm thế nào bản chất của người đàn bà được xem là thấp kém khi mà, với tâm an trụ, với trí kiến sáng tỏ và thanh tịnh đầy trí tuệ sâu sắc, người phụ nữ có thể vén lên bức màn vô minh đang bao trùm mình, thông suốt Giáo Pháp và nhận thấy đời sống đúng theo mực tướng của nó?’

Sự kiện Đức Phật thông hiểu tiềm năng sâu ẩn và khả năng hoàn mãn những thành tựu vĩ đại và cao thâm của hàng phụ nữ không làm cho Ngài mù quáng không thấy những khuyết điểm và yếu mềm cố hữu trong tâm tánh người nữ, và đó là điểm đặc thù của phái này. Ngài có thể khuyến cáo cả hai, người nam và người nữ, nên cảnh giác lưu tâm đến các thiếu sót và suy kém ấy.

Đề cập đến phái nữ, Đức Phật nói: ‘Khuyh hướng không cương nghị và bầm tánh kém đạo đức là tai hại

lớn lao của giới nữ’ (10), nhưng điều này không có nghĩa là bắt buộc họ phải chịu số phận như vậy. Điều này chỉ có nghĩa là người nữ cần phải hết sức thận trọng và tận lực gia công chiến đấu để vượt đến mức độ cao trội hơn trong đời sống.

Dẫu sao, Đức Phật vạch rõ những yếu kém và khuyết điểm của hàng phụ nữ, không phải để chế nhạo và chê cười là thua sút, mà Ngài nhắm đến mục tiêu cao quý là giúp họ nhận định những khó khăn gây trở ngại cho những nỗ lực thành tựu mục tiêu của mình và khuyến khích họ thận trọng canh phòng các cuộc tấn công của những khát vọng và các cuộc đột kích của những cám dỗ.

Có lời dạy rằng những thích thú của năm giác quan - sắc, thanh, hương, vị, xúc vốn làm say mê và cám dỗ người nam - đều tập trung và kết tinh trong hình dáng người đàn bà (11). Với năng lực làm say đắm mê hồn ấy người đàn bà có thể nô lệ hoá và đặt người đàn ông dưới quyền thống trị của mình.

Người ta thường nói rằng người phụ nữ cám dỗ và lôi cuốn con người để duỗi buông lung bằng những cái liếc mắt, những nụ cười duyên, những dáng điệu yêu đương, bằng cách thân mến chăm nom chải chuốt (duni-vatthena) và bằng những lời quyến rũ dịu dàng dễ mến (12).

Bộ kinh Angutara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, mở đầu như sau: ‘Này chư tỳ khuru, Như Lai không biết một hình thể nào khác chiếm đoạt quả tim người đàn ông như bóng dáng của người đàn bà. Này chư tỳ khuru, hình dáng của người phụ nữ làm cho tâm trí người nam đắm đuối say mê’.

‘Như Lai không biết một âm thanh...

Như Lai không biết một hương thơm...

Như Lai không biết một mùi vị...

Như Lai không biết một sự đụng chạm nào...

mà có thể làm đắm đuối say mê và giam cầm quả tim người nam như âm thanh, hương thơm, mùi vị và sự đụng chạm của một người đàn bà. Tiếng nói, hương thơm, mùi vị và sự đụng chạm với người phụ nữ chiếm đầy tâm trí người nam.

‘Này chư tỳ khuru, Như Lai không biết sắc, thanh, hương, vị, xúc nào khác mà làm cho quả tim người đàn ông hoàn toàn đắm đuối say mê trước những quyến rũ và cảm xúc ấy’.

Nơi đây có một thời nói Pháp về sự thân cận nam nữ và năng lực không thể cưỡng của nó được diễn đạt trong một ngôn ngữ giản dị và không thể nhầm lẫn, chân lý mà không người biết lẽ phải nào có thể dám phủ nhận. Sự gần gũi giữa nam và nữ được Đức Phật xem là dục vọng hùng mạnh nhất, là bản năng có sức mạnh hùng hậu nhất của con người. Nếu ta để cho tình dục lôi cuốn, trở thành người bị trói buộc, người nô lệ của những dục vọng, người hoàn toàn tự hãm mình trong cạm bẫy, tự

hiển mình vào nanh vuốt của mê hoặc - thì con người dũng mãnh nhất cũng trở thành như loài sâu bọ thế cô; một người thánh thiện sáng suốt cũng hành động như diên cuồng khờ dại, chí đến một hành giả đã thành đạt những tầng thiên cao cũng có thể rơi xuống thâm sâu trong những khổ cảnh trần gian.

‘Không có lửa nào như tham ái,
Khát vọng không tàn lụi, nó bùng cháy’ (13).

Đó là lời của Đức Phật về những cảm xúc của tình dục. Nhưng ta phải nhớ rằng Đức Phật không khinh rẻ, không có ý làm tổn hại danh dự, suy giảm giá trị của nữ giới. Ngài chỉ nêu lên tâm tánh yếu mềm và tình trạng mỏng manh của người nữ và muốn họ cảnh giác đề phòng. Đáng khác Ngài thấm nhuần và in sâu vào lòng họ bài học tự mình uốn nắn tâm tánh và sửa đổi tác phong để thành một nguồn an ủi và sức mạnh của nhân loại.

Nói về người phụ nữ Đức Phật vẫn tất phê bình: ‘Tác phong dễ duôi hay kém đạo đức là ô nhiễm của người phụ nữ’ (14). Nhưng một lần nữa Đức Thế Tôn khẳng định rõ ràng ‘Người tốt nhất trong những bà vợ hiền là người làm vui lòng chồng’ (15), và ở một nơi khác Ngài ghi nhận ‘Vợ là bạn hiền tốt nhất’ (16). Goldsmith chỉ vang âm những lời của Đức Phật khi ông viết:

‘Một bà vợ toàn hảo giúp đỡ trong đời sống còn nhiều hơn người luôn luôn khoác chiếc áo triết gia, vỗ ngực tự xưng anh hùng, hay những công nương gắt gỏng. Người làm cho chồng con hạnh phúc là một nhân vật vĩ đại hơn các thiếu nữ trong những câu chuyện tiểu thuyết mà trọn đời chỉ giết chóc nhân loại bằng những làn tên được phóng ra từ những ống tên khóe mắt’.

Một cách vắn tắt, đó là vị trí của nữ giới trong Phật Giáo. Người phụ nữ xứng đáng có một chỗ đứng danh dự ngang hàng với nam giới, về phương diện khả năng và thành đạt mục tiêu Niết Bàn, và trên nấc thang thành tựu của nhân loại, có khả năng đạt đến mức tột đỉnh mà người nam có thể đến.

Trong mọi lãnh vực nỗ lực của nhân loại, người nam không có gì hơn người nữ, nhưng cùng lúc Đức Phật nhìn nhận khuyết điểm dính liền theo nữ tính, khuynh hướng nhẹ dạ và thiên tánh yếu mềm của người phụ nữ dễ dàng rơi vào đường tội lỗi, dễ bị khuyến dụ đi trên con đường kém đạo đức, và vốn là một vị thầy luân lý vĩ đại - là vị thầy vĩ đại nhất trong lịch sử loài người - Ngài gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh, chỉ vạch những dấu hiệu hiểm nguy trên con đường tiến bộ của các bà.

Mối lo âu chánh của Đức Phật là phục hưng tinh thần đạo đức và luân lý cho tất cả mọi người, nam và nữ; là giải thoát họ ra khỏi những trói buộc vô cùng tận của vòng luân hồi và đưa họ đến hạnh phúc trường cửu của Niết Bàn. Đã như vậy, Ngài không mấy bận tâm đến những vấn đề của thế gian như cải cách xã hội và tiến bộ chánh trị. Ngài để những công việc ấy lại cho những ai có thẩm quyền - những nhà cai trị dân, vua chúa, người có quyền thế, những người có nhiệm vụ gánh vác

công chuyện quốc gia. Suốt đời Ngài không bao giờ xen vào những tổ chức của chánh quyền; Ngài không bao giờ nhúng tay vào những vấn đề chánh trị nhưng đầu sao, không thể phủ nhận và luận bàn, rằng trong khi tuyên ngôn bức thông điệp vĩnh cửu về sự giải thoát nhân loại, cùng lúc ấy, vì lý do cao cả của giáo huấn tuyệt luân, Ngài đã đem lại tiến bộ xã hội đáng ghi nhớ và sự giác ngộ chánh trị cho toàn thể nhân loại, duy nhất trong lịch sử thế giới. Những chuyện tích thuật lại dưới đây cho thấy rằng giáo huấn tuyệt vời của Đức Phật đã có một ảnh hưởng thấm nhuần sâu xa vào đời sống của hàng phụ nữ trong thời Ngài (17).

(Nguyên tác: ‘The Spectrum of Buddhism’ của tác giả **Piyadassi Mahathera**). Trích theo quyển ‘Phật Giáo, Nhìn Toàn Diện’, do Phạm Kim Khánh dịch, Sài Gòn, Việt Nam, 1996.

Chú thích:

- (1). Nasti strinam prthagyajno
Na vratam napyuposatham
Patim susrusate yena
Tana svarge mahiyate (Manu, câu 153).
- (2). Kindred Sayings, I, trang iii.
- (3). Kindred Sayings, I, trang 45.
- (4). Janani janma bhumis ca svargadapi gariyasi.
- (5). Anguttara Nikaya, 4: 265 và những trang tiếp.
- (6). Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm. 4: 238 và những trang tiếp.
- (7). i. saddho, ii. hirima ottapi, iii. akkodhano anupanahi, iv. anissuki, v. amacchri, vi. anaticari, vii. silava, viii. bahussuto, ix. araddhaviyayo, x. upatthita sati, xi. pannava (Samyutta Nikaya, Tập A Hàm, 4: 143).
- (8). Xem phần sau, trang 530.
- (9). Psalms of the Sisters.
- (10). Xem Dhammapada, kinh Pháp Cú, câu 242.
- (11). Pancakamaguna ete itthirupasmim dissare - rupa saddha rasa gandha phoththabba ca manorama (Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, 3: 69).
- (12). Gradual Sayings, iii, trang 57.
- (13). Xem Dhammapada, Kinh Pháp Cú, câu 251.
- (14). Xem Dhammapada, Kinh Pháp Cú, câu 242.
- (15). Samyutta Nikaya, Tập A Hàm, I: 7.
- (16). Samyutta Nikaya, Tập A Hàm, I: 37.
- (17). Quý vị quan tâm đến vấn đề ‘Người Phụ Nữ Trong Phật Giáo; có thể đọc Women Under Primitive Buddhism của tác giả I.B. Horner; Women in Buddhist Literature của tác giả B.C. Law; và bài viết có nhiều tài liệu ‘Women and the Religious Order of the Buddha’ của Jotiya Dhirasekera; hiện nay là Đại Đức Dhammavuhari (The Maha Bodhi, May-June 1967, Calcutta)



phụ nữ và quan điểm phật giáo

Khải Tuệ

Trừ một vài bộ lạc theo mẫu hệ, ngoài ra từ thời xa xưa người ta thường xem phụ nữ là bậc thấp kém và là thành phần phụ thuộc nam giới, từ xã hội Ấn Độ trước và trong thời kì Đức Phật, đến quan điểm về phụ nữ trong bản tự Đông phương trình bày, nghĩa là người phụ nữ chỉ là người quét tước giặt giũ và làm những công việc vặt vãnh trong nhà. Một số tôn giáo xem phụ nữ là một phần của đàn ông, tạo ra từ xương sườn của đàn ông và là sản phẩm của và cho người đàn ông...

Nói chung, phần đa quan điểm dành cho phụ nữ luôn nằm trong phạm vi hạn chế. Xét chung, xã hội nguyên

thủy con người sống bằng nghề săn bắn hái lượm và trồng trọt, những nghề nghiệp đòi hỏi sức lao động mạnh mẽ và dĩ nhiên nam giới đảm nhiệm tốt vai trò này hơn nữ giới, bằng quy luật “ai trả tiền người đó cai trị”, đàn ông đã chính thức nghiêm nhiên là thành phần cai trị nữ giới.

Ra đời cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ, Phật giáo, với trí tuệ uyên thâm thấu đáo và mẫn tiệp của đức Đạo sư Gotama, đã chính thức công nhận quyền bình đẳng của con người khi máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn. Vấn đề giai cấp và giới tính là vấn đề hoàn toàn xa lạ trong Phật giáo bởi địa hạt hương đến của tôn giáo này là địa hạt tâm linh, nơi đó vắng bóng sự lao xao của quyền lực và thế vị, vắng bóng sự phân biệt nam-nữ, anh-tôi, đó là điểm đến của sự vắng lặng trầm nhiên, tịch diệt và vô ngã cho nên giới tính cũng không còn.

Trong phạm vi bài viết này người viết chỉ trình bày về hình ảnh người phụ nữ trong kinh điển đạo Phật và vai trò của người phụ nữ trong sứ mạng tự giác và giác tha của đạo Phật.

1. Vị trí của người phụ nữ trong kinh tạng nguyên thủy Pali

Do hoàn cảnh lịch sử xã hội như đã nêu trên, công bằng mà nói, hình ảnh phụ nữ trong kinh điển Pali rất ít được tìm thấy, tuy vậy không phải là không có. Đối với tất cả những người con Phật, được gần gũi cúng dường, được Đức Thế Tôn đoãn nạp và tán dương là một vinh hạnh vô cùng hi hữu trong cuộc đời. Khi khen ngợi về hai pháp cúng dường tối thượng, Đức Phật đã xác định: “Có hai vật thực cúng dường Đức Như Lai mà phước báo bằng nhau, quả bằng nhau và phước báu lớn hơn tất cả. Đó là vật thực cúng dường đến Bồ-tát ngay trước khi Người chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và vật thực cúng dường đến bậc Giác Ngộ trước khi Người nhập Niết-bàn. Hai vật thực ấy đem lại phước báu bằng nhau, quả bằng nhau và vô cùng quý báu hơn tất cả các sự cúng dường khác”.

Thực hiện hai pháp cúng dường đó không ai khác hơn là nàng Tu-xà-đề (Sujata) và ông Thuần-đà (Cunda), đó là hình ảnh hai Phật tử hữu duyên hữu phước nhất mà Đức Thế Tôn đã công bằng dành cho hai giới đồng thọ ân triêm.

Và bên cạnh hình ảnh chói sáng đầy lí tưởng của thiện nam Ưu-bà-tắc là ông Anathapindika, một bóng dáng lung linh đầy mẫu mực của tín nữ Ưu-bà-di, một vị tín nữ đặc biệt và tiêu biểu nhất, một người phụ nữ đoan trang và đức hạnh, xinh đẹp và nét na, tín đạo và nhiệt thành nhất đó là bà Visakha, “một nữ Phật tử đứng đầu trong các nữ Phật tử” được Đức Thế Tôn khen ngợi, và có lẽ bà là một nữ Phật tử đầu tiên được kinh tạng Pali nhắc đến như là người đắc quả dự lưu khi còn là một bé gái 7 tuổi. Chuyện kể rằng, do thiện duyên đã gieo trồng từ nhiều kiếp, bà được sinh ra trong một gia đình triệu phú và có tín tâm Tam bảo. Mới 7 tuổi được bố mẹ cho đến

chùa nghe pháp, với thiện duyên đã gieo trồng từ nhiều kiếp nên bé đã lãnh hội được một cách sâu sắc giáo lý của Phật và lập tức chứng được quả vị dự lưu và sau này là một nữ Phật tử hộ đạo tích cực, một tín chủ nhiệt thành mặc dù vẫn làm tròn bổn phận một người dâu thảo, vợ hiền, và người mẹ đảm đang dẫn dắt cả gia đình quay về nương tựa Tam bảo. Đây là một hình ảnh tiêu biểu của một nữ Phật tử theo tạng Pali.

Bởi vì bị đè nặng bởi định kiến xã hội, nên phụ nữ vào thời Đức Phật ít có cơ may để đến gần hơn với giáo lý bình đẳng của Ngài, tiếp xúc nhiều hơn với nhân cách chói sáng của Ngài. Tuy vậy, Đức Thế Tôn với con mắt đầy tuệ giác, bình đẳng và từ bi, ngài đã vượt lên trên, vượt xa hơn thời đại để khẳng định đúng vai trò và khả tính của người phụ nữ trong gia đình, xã hội và trong giáo pháp tâm linh của Ngài. Một nền giáo lý với nền tảng đầy nhân bản và mục đích hướng đến là sự tịnh diệt tất cả các khổ đau.

Ai cũng biết, văn học Nguyên thủy Phật giáo phần lớn trình bày về lý tưởng khước từ tuyệt đối, đoạn tận khát ái và tham dục. Bên cạnh mẫu người lý tưởng như trường hợp tiêu biểu bà Visakha, trong rất nhiều, rất nhiều bản kinh trình bày về vấn đề tham dục và phương pháp đoạn trừ tham dục, Đức Thế Tôn đã dẫn dụ hình ảnh phụ nữ để nhắc nhở các Tỳ-kheo nhận rõ nguyên nhân tham dục và khát ái trong bản thân mà đoạn trừ, bởi điều này mà dẫn đến sự đánh đồng ngộ nhận rằng phụ nữ cũng chính là ái dục, là ô nhiễm và tội lỗi, gắn với hạng người này là đồng nghĩa với sự nhiễm ô, và như vậy, Đức Thế Tôn, bậc thầy tâm linh, đấng Thiện thế Thế gian giải đã mâu thuẫn chính ngay trong giáo pháp của mình? Đến đây người viết xin nhắc lại một câu Phật ngôn mà người viết được biết khi còn là một Oanh vũ: “Theo ta mà không hiểu ta là hủy báng ta”, chắc chắn trong tất cả những người con Phật, học, tu và thẩm thấu trong giáo lý nhà Phật không ai cho phép mình đứng ở vị trí về thứ hai trong câu này, bởi vậy mà người ta vẫn cứ học Phật và học mãi. Để nhận chân rõ ý chỉ của Phật trong dẫn dụ trên cần phải trở lại chính ngay trong hệ kinh điển Pali mà xác định lại. Chính kim khẩu Đức Thế Tôn đã nói: (1) “Này các Tỳ-kheo, ta không thấy có một sắc nào khác do nó mà tâm người đàn ông trở nên rất nô lệ như là bị nô lệ bởi sắc của người đàn bà. Này các Tỳ-kheo, sắc của người đàn bà ám ảnh tâm của người đàn ông. Này các Tỳ-kheo, ta không thấy có một thanh, hương, vị, xúc nào khác do nó mà tâm người đàn ông bị nô lệ như là bị nô lệ bởi thanh, hương, vị, xúc của người đàn bà. Này các Tỳ-kheo, xúc của người đàn bà ám ảnh tâm của người đàn ông”.

Và ngay sau đó Ngài tiếp: “Này các Tỳ-kheo, ta không thấy có một sắc (thanh, hương, vị, xúc) nào do nó mà tâm người đàn bà trở nên rất nô lệ như là bị nô lệ bởi sắc (thanh, hương, vị, xúc) của người đàn ông. Này các Tỳ-kheo, tâm người đàn bà bị ám ảnh bởi các thứ đó”.

Đến đây, ý hướng đã được đặt ra cho chúng ta, phần lớn các bài kinh mà chúng ta được biết, Đức Thế Tôn nói ra nhằm đến đối tượng trực tiếp là các Tỳ-kheo, hình ảnh phụ nữ được Đức Thế Tôn dẫn dụ trong vấn đề đoạn dục khởi ái là minh họa trực tiếp cụ thể cho đối tượng là các thầy Tỳ-kheo trong pháp hội. Ta có thể đặt lại điều kiện nếu những pháp thoại này được thuyết trực tiếp cho chúng hội phần lớn là Tỳ-kheo thì tất nhiên đối tượng của dục nhiễm là nam giới bởi đoạn trích trên đây đã xác định rõ ràng. Điều được khẳng định ở đây là tham ái và ô nhiễm là tập khí sâu dày nơi tất cả những ai còn hệ lụy ở dục giới, những đối tượng nữ sắc hay nam sắc là những pháp cần phải quán chiếu để xả ly tâm ái nhiễm của con người.

Định kiến sai lầm có thể biến cái không thật thành cái có thật khi và chỉ khi không có mặt của chánh kiến, sự hiện diện của chánh kiến có thể đem trả tất cả các sự vật hiện tượng về ở trạng thái chúng đang là. Ánh sáng Phật giáo có khả năng như vậy, cho nên, phụ nữ, những con người có tất cả những bản chất của một chúng sanh thuộc người, được Phật giáo trả về cho chính họ với tất cả phần ưu và khuyết của một con người, với những vai trò, trách nhiệm và khả tính tâm linh của họ trong con đường giải thoát khổ đau.

Tuy nhiên, trên thực tế, không phải không có một số các nữ Phật tử đến chùa với một động cơ lầm lạc, đó là cô Mẫu lẳng lơ, là “Ba cô đội gạo lên chùa/ Một cô yếm thắm bỏ bùa nhà sư...” hay như cô gái nhà họ Đãng (Nàng Bát-cátđế, Prakrti hay Pakati, con gái của bà Ma-đãng-già, Matanga, một người thuộc giai cấp dưới nhưng có tà thuật) mê hoặc Đức Anan đại đệ tử Phật. Những hình ảnh phản diện đó là những vết bẩn đáng tiếc làm đau lòng hàng nữ Phật tử chơn chánh của chúng ta, tuy rằng dĩ nhiên những cô nàng ấy không phải là tất cả.

2. Vị trí nữ tính trong hệ thống kinh điển và tư tưởng Đại thừa

Bất cứ ai tiếp xúc với nền văn học Đại thừa cũng đều nhận thấy triết lý hành động của hệ tư tưởng này là trí tuệ và từ bi, định giá nhân cách tiêu biểu cho trí tuệ là Bồ-tát Đại trí Văn Thù Sư Lợi, và Đại bi Quán Thế Âm là nhân cách tuyệt đối biểu trưng cho yếu tố từ bi còn lại của hệ tư tưởng này.

Chúng ta đều biết, vị Bồ-tát biểu trưng cho trí tuệ với hình dáng uy phong thông tuệ lúc nào cũng ngự trên con voi trắng, và Bồ-tát hiện thân của từ bi luôn cầm tịnh bình với nhành dương liễu rưới pháp cam lồ và đặc biệt là Ngài hiện thân phụ nữ. Chẳng phải đó là điều ngẫu nhiên, trong xã hội văn minh khoa học hiện đại của chúng ta ngày nay chứng minh và mọi người cũng rành rành thấy được, chỉ số EQ (chỉ số cảm xúc) luôn là thế mạnh đặc biệt của phái nữ.

Bậc thầy vĩ đại trên mọi bậc thầy của chúng ta từ rất xa xưa đã từng thấy được điều này có lẽ bằng một tên gọi tương tự nào đó khác EQ. Cho nên, tinh thần Phật giáo

phân chia bình đẳng trách nhiệm cho tất cả bốn chúng nam nữ, mỗi chúng thực hành phận sự riêng của mình để quảng diễn Phật âm và để tiến vào Phật đạo theo thiên hướng sẵn có của mình. Bồ-tát Văn Thù có trách nhiệm của Văn thù, Bồ-tát Quán Thế Âm có hạnh nguyện của Quán Thế Âm, ông Duy Ma còn thuyết pháp ở thành Tỳ-da-ly và phu nhân Thắng Man vẫn còn môn một lời phát nguyện trước Đức Thế Tôn như là một lời sư tử hống.

Từ bi hay một tên gọi nào khác như tình yêu, tình thương, tình quý mến... dù lớn dù nhỏ, dù cao thượng hay phàm phu tục tử cũng bắt đầu bằng sự rung động của những xúc cảm rất người. Chúng ngộ một chân lí nào đó tất nhiên trí tuệ là chính nhân quan trọng nhất nhưng để thể hội vào chân lí ấy ắt cần phải có mặt của yếu tố còn lại, đó là trạng thái “trần trường run rẩy trước một cảm xúc mới” theo cách nói của Suzuki, thiếu yếu tố này thì ta không thể gọi là thực chứng, không thể nhập được vào sự thật mà chỉ thuần phần lí luận của trí tuệ suông. Và những xúc cảm ấy là phần nữ tính của con người tham gia vào quá trình chứng ngộ.

Nhà tâm lí học Carl Jung nói rằng: “Người nào thuần nam tính thì người đó bất toàn, cần bổ khuyết bằng những đức tính thuộc nữ”, nữ và nam là hai phần cho một con người, là hai phần cho một xã hội và là hai phần cho một thế giới. “Mỗi người đều có đủ cả hai phần nam tính và nữ tính, nhưng cái nọ có phần trội hơn cái kia tùy theo trường hợp riêng của mỗi người. Tính chất nam là uy lực kiên cường, tranh đấu và táo bạo, còn tính chất nữ là sự hiền từ, xúc cảm, dịu dàng, mềm mỏng và thụ động.”(2)

Đạo Phật đã sâu sắc nhận thấy đúng điểm này và do vậy không có gì lạ khi văn học Đại thừa xuất hiện một Bồ-tát Quán Thế Âm, một bà phu nhân Thắng Man lập nguyện gánh vác trách nhiệm đại thừa, bởi Bồ-tát đạo không dành riêng đặc biệt cho một hạng người nào dù đó là một bậc Thánh giả xuất thế, một bậc đại trượng phu, một bà phu nhân như trên hay một Long

Nữ không thuộc cõi người, chỉ tại, “Phật tánh vốn bình đẳng nơi tất cả chúng sanh”.

Khả tính sẵn có của người phụ nữ với sự nhu hòa và giàu cảm xúc, cộng với một thiên chức làm mẹ vô giá, hiện thân Bồ-tát trong nữ nhân là một lợi thế vô cùng quan trọng trong trách nhiệm thực hành đại thừa bồ-tát đạo đối với chúng sanh. Sự rung cảm trước thống khổ của cuộc đời và đem tình yêu thương tỏa mát để xoa dịu nỗi đau là một việc làm đầy khả tính của người phụ nữ. Mặc dù sự rung cảm ấy thuộc phạm vi thế tục nhưng nếu

phát tâm và lập nguyện hướng tất cả vào Phật đạo thì tình yêu ấy sẽ cao thượng bao la và sẽ là tuyệt đối. Một đoạn trong “Thắng Man Giảng Luận”, thầy Tuệ Sỹ đã viết như sau: “Tình yêu là cơn bão dữ nhận chìm con người xuống biển sâu của nước mắt, nhưng đồng thời tình yêu cũng là hương vị ngọt ngào nuôi lớn thánh thai của Bồ-tát. Trong ý nghĩa đó, tình yêu được đồng nhất với Như Lai tạng, cái bào thai cứu mạng để sinh trưởng những phẩm tính siêu việt của Như Lai”(3). Tình yêu trong ý nghĩa tích cực nhất, nó là nơi để phẩm tính siêu việt được tựu thành và do thế con đường tiến đến Phật vị của người sở hữu nhiều xúc cảm sẽ là con đường này.

Với quan điểm lập trường về khả tính phụ nữ như vậy cho nên đạo Phật không có sự phân biệt bất bình đẳng đối với bất cứ chúng sanh nào, mãi mãi là hợp thời và hợp cơ, là một tôn giáo hầu như độc nhất trong những tôn giáo cùng thời công nhận chân lí này. Bốn chúng đệ tử Phật là bốn trụ cột đặc lực gồng gánh sự việc trong ngôi nhà Phật pháp chung. Một nữ Phật tử với tất cả lợi thế của mình có thể là một thành viên nhiệt thành trong vấn đề tu tập chuyển hóa khổ đau, là một nhà truyền giáo tích cực đem giáo lí giải thoát phân bủa cho mọi người và là một vị Bồ-tát giàu lòng bi mẫn để ôm trọn tất cả vào lòng với cái nhìn thương mến vô biên, tất cả điều đó là mẫu hình nhân cách lí tưởng nhất mà một nữ Phật tử có thể làm được.

3. Vai trò của nữ Phật tử trong vấn đề ủng hộ và truyền trì Phật Pháp

Trình bày về vị trí của người phụ nữ trong kinh tạng Nguyên thủy và hệ tư tưởng Đại thừa, chúng ta đã thấy khá rõ về vai trò và sứ mạng của một nữ Phật tử, thế

hạt bụi vôithông

Ta đem thơ ra vườn gió
Thả thơ lên chín tầng không
Thơ bay, thơ không trụ xứ
Hương thơ tám hướng bành bồng

Nguyện lòng xa rời ngũ trược
Kiếp đời, còn mất có không
Giữ gì !

Theo ta vọng tưởng
Trầm luân mãi chốn bụi hồng

Thơ bay ra sông ra biển
Thơ vui cỏ nội hương đồng
Gió lành ngát hương thanh khiết
Thảnh thơi thơ vào hư không

Còn ta đứng trong vườn gió
Như nhiên Mây, Gió chuyển vòng
Giữa không gian vùng tịch tịnh
Sát na chợt ngộ Sắc, Không

Ta nhìn trời cao thăm thẳm
Ta nhớ biển rộng mênh mông
Một vòng, một vòng ảo giác
Nơi về, Rồi cũng là Không

Thơ trải lòng ra sông biển
Thơ giữa đất trời mênh mông
Phải thơ như là hạt bụi
Hạt Bụi Vô Thường Sắc Không.

Tuệ Nga

nhưng ở đây người viết muốn bàn thêm về điều này. Xét về mặt ngoại hộ, có thể nói, nữ Phật tử là thành phần đảm nhận trọng trách này một cách đặc lực nhất. Nghĩ nhiều về mình, lo nhiều cho bản thân là thói thường với tất cả, thế nhưng đối với các tín nữ nhiệt thành, hạn chế nhu yếu của mình để góp phần duy trì và trang nghiêm ngôi Tam bảo là một sự hi sinh rất đáng kể. Đời sống Tăng đoàn chuyên tâm tu tập và theo đuổi mục đích phạm hạnh tâm linh, nhu cầu sinh hoạt chỉ gói gọn trong phương châm thiếu dục tri túc, song song với việc thân cận để học hỏi và tu tập theo Tăng già, các nữ Phật tử đã chu đáo quan tâm đến nhu cầu của Tăng qua pháp cúng dường tứ sự, thức ăn, đồ mặc, chỗ ở và thuốc men nói chung là những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hằng ngày giúp ổn định đời sống của Tăng.

Cũng xuất phát từ vai trò hộ pháp, luật Tứ phần Tỳ-kheo có ghi rõ duyên khởi Đức Thế Tôn chế ra hai pháp bất định cho tỳ-kheo với nội dung trụ tín Ưu-bà-di có thể góp ý xây dựng cho sự thanh tịnh của tăng-già trong trường hợp thành viên nào đó trong Tăng phạm lỗi mà vị Ưu-bà-di này trực tiếp thấy. Đó là một trường hợp rất đặc biệt trong pháp và luật của Đức Như Lai dành cho hàng nữ Phật tử thuần thành, tiếng nói đúng thời đúng phép của họ là một việc cần làm và Tăng già cần phải tiếp thu. Đến đây có lẽ chúng ta cần mở ngoặc ra để bàn thêm một chút về thiên chức làm mẹ của người phụ nữ. Trong tất cả những tình yêu thông tục nhất thuộc phạm vi thế gian, tình yêu của người mẹ dành cho con là một thứ tình yêu cao đẹp nhất, đó là thứ tình yêu có cho mà không có trả, một thứ tình yêu cao thượng và không hề có ý hưởng tự lợi nào, với thiên chức này phụ nữ sẽ dễ hướng tâm mình đến tâm Bồ tát nếu vượt qua được kiến chấp ngã pháp. Bên cạnh đó có thể nói, đối với con cái, ảnh hưởng của người mẹ là ảnh hưởng to lớn và quan trọng nhất, và thử hỏi trong chúng ta ai đã không từng có mẹ? và như vậy người phụ nữ có thể nói là người có khả năng gây ảnh hưởng nhiều nhất đến thế hệ tương lai. “Ai không thấy yêu kính mẹ mình thì người ấy không có lí do gì để họ thấy yêu mến cái gì khác trên đời này nữa”, nếu người viết nhớ không lầm thì chính Will Durant trong “Câu Chuyện Triết Học” đã nói như vậy cho trường hợp của Arthur Schopenhauer.

Từ những việc bình thường làm nên những điều phi thường, muốn có được điều phi thường thì trước tiên bắt đầu bằng những việc làm thực tiễn, hoàn thành tốt những chức trách của một phụ nữ bình thường thì đó là một mẫu người lí tưởng. Dựa vào các khả tính của người phụ nữ, cả hai hệ tư tưởng của đạo Phật xây dựng một nhân cách lí tưởng cho một nữ Phật tử muốn hoàn thiện bản thân mình.

“Phật tánh vốn bình đẳng trong tất cả chúng sanh”, hiểu được điều này bằng lí luận của lí trí không phải là khó nhưng hiểu bằng tất cả ý chí và tâm nguyện và thực hiện nó thì không dễ chút nào. Từ triết thuyết đến thực tế bao giờ cũng có vô vàn cách biệt, cho nên một nữ Phật tử

muốn hoàn thiện bản thân, trước tiên và trên tất cả là phải nỗ lực lập nguyện, phát khởi Bồ-đề tâm. Bởi vì, “nhân cách vĩ đại không do nơi địa vị cao trọng của một thiên tử hay vương phi, hay những gì tương tự mà chính do nơi chí nguyện và thực tiễn hành động”. Bàn về vấn đề phụ nữ có thể nói đó là bản trường ca bất tận “biết rồi, khổ lắm, nói mãi”, cho nên người viết chỉ đưa ra đây lập trường của Phật giáo đối với vấn đề này sơ bộ qua hai hệ tư tưởng chính, dĩ nhiên vài dòng trên không phải là tất cả nhưng ít nhiều cũng đã thể hiện được quan điểm của mình trong vai trò một tôn giáo cho và vì tất cả chúng sanh.

Khải Tuệ

- (1) Kinh Tăng Chi I, tr. 9, Thích Minh Châu dịch, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1996.
- (2) Những Bí Ẩn Trong Cuộc Đời, Gina Cerminara, Nguyễn Hữu Hiệu dịch, tr. 220.
- (3) Thắng Man giảng luận, Thích Tuệ Sỹ, tr 29.

... Phật giáo có mặt tại quê hương Việt Nam đã hơn hai nghìn năm lịch sử truyền thừa và phát triển, mà GHPVNTN là biểu tượng lịch sử truyền thừa với mục tiêu duy nhất tạo tác an lạc, hạnh phúc đích thực cho dân tộc. Trong quá trình lịch sử dài lâu, giáo lý Đức Phật đã thấm sâu, in đậm vào đời sống tâm linh dân tộc, gắn bó cùng dân tộc qua mọi thăng trầm vinh nhục của tổ quốc. Do đó, Đạo pháp và Dân tộc Việt Nam đã trở thành hai yếu tố bất khả phân của một Tổ quốc Việt Nam yêu dấu. Vận mệnh của dân tộc Việt Nam như thế nào thì vận mệnh của Phật giáo Việt Nam như thế ấy và ngược lại....

Trích Thông điệp Phật Đản pl. 2533-2009
của Viện Tăng Thống GH.PGVNTN

Hiếu Tài

Tâm Không Vĩnh Hữu

Tôi tắm rửa xong, xỏ đại vào người một bộ đồ sạch sẽ, bước lại đứng trước tấm gương lớn gắn trên cánh cửa tủ mẹ bỗng con vừa soi mặt, nặn mụn, chải đầu, vừa huýt sáo bản “Biết đâu cội nguồn” của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Đó là một giai điệu rộn ràng mà tôi yêu thích, thường hát lên hoặc huýt sáo miệng mỗi khi cảm thấy mình đang khỏe khoắn, nhẹ nhàng và sạch sẽ sau một ngày lao động cật lực ở xưởng vẽ của lão Vũ Dương. Tôi đã làm ở xưởng vẽ được hai năm rồi, phụ trách công việc cạo và sơn lại nền những tấm bảng hiệu đủ cỡ lớn nhỏ để mấy tay thợ vẽ khác kê chữ, rồi phụ với một nhóm thợ đi treo các bảng hiệu, băng-rôn, áp phích, hộp đèn cho khách trên địa bàn thành phố. Nghe làm ở xưởng vẽ thì nhiều người cứ tưởng chắc là an nhàn sang trọng, nhưng công việc rất nặng nhọc, quần mình cả ngày xoay như chong chóng, nhiều khi muốn đuối. Được cái lương cao, thưởng hậu, và phải quen biết mới được lão Vũ Dương cho vào làm ở cái xưởng vẽ thập cẩm sắp tiến lên thành lập thành công ty Trách nhiệm Hữu hạn le lói này, nên tôi cắn răng cắn cổ mà làm, vừa làm vừa học việc để có một cái nghề làm ăn với thiên hạ. Người giới thiệu tôi vào làm ở xưởng vẽ là anh Trần Vô, một họa-thi sĩ, bạn của lão Vũ Dương.

Tôi chải đầu xong là sẽ đạp xe bay qua nhà của anh Trần Vô theo một cái hẹn “chiều xong việc, nếu rảnh thì qua nhà tao, tao có chút việc cần bàn”. Nhà anh ta ở ngoại vi thành phố, đạp xe 8 cây số... chờ mấy, chắc là rã giò vì phải đạp ngược gió qua hai chiếc cầu gió lồng lộng từ biển ulla vào, nhưng tôi không ngán, vì tôi rất kính nể và yêu mến người họa sĩ có tâm hồn thơ lai láng sống rất phóng khoáng tài tử này. Anh ta có bắt tôi đạp xe hay chạy bộ qua ba đèo bốn núi thì tôi vẫn vui vẻ tuân lệnh, nói chi chỉ hai chiếc cầu. Qua nhà anh ta, thế nào cũng có sương sương “ít ly y lít”, và hưởng thụ được những trận cười bò lăn bò càn cho quên đời khổ lụy mà không tốn một cắc nào. Thật vậy, anh Trần Vô ngoài cái tài vẽ và làm thơ, vẽ ký họa thì hết ý mà làm thơ ứng

khẩu thì hết xẩy, còn có biệt tài kể chuyện tiểu lâm cù léc mọi người. Anh ta nghèo lắm. Tài ba, nhưng nhà ở xa thành phố, nên công việc làm ăn của anh ta không sao phát triển được, quanh năm chỉ loay hoay luẩn quẩn với những tấm bảng hiệu, bảng số nhà... kiếm đủ tiền độ nhật, thỉnh thoảng mới trúng một “sô” vẽ phong trên tường hoặc tân trang lại những câu đối chữ Hán cho mấy cái đình, chùa miền quê yên tĩnh. Vừa nuôi thân, vừa gánh một gánh nặng một vợ ốm yếu cùng năm con ềo uột, lại còn phải phụng dưỡng một người cha già gần đất xa trời, đang có tính tình như con nít, khi ngang ngược, khi nhõng nhẽo, khi tỉnh khi điên, nên lúc nào người ta cũng thấy anh họa-thi sĩ này bơ phờ hốc hác, tóc tai bờm sờm, áo quần xộc xệch trông thật tội nghiệp. Nhưng anh ta đâu có thấy tội nghiệp cho mình bao giờ, lúc nào cũng tươi tỉnh, lúc nào cũng cười được, và pha trò pha tiếng cho người khác cười, cứ như là cuộc đời này rất ư thơ mộng đáng yêu vậy! Hễ mỗi lần có bạn đến nhà thăm, dù đang bận bịu tối mắt tất đầu với “đại sự mưu sinh” quan trọng hoặc gấp gáp, anh ta cũng sẽ gạt công việc qua một bên để cùng bạn bè sương sương ít ly rượu tâm sự giải khuây.

Anh Ba của tôi là bạn thâm giao của anh Trần Vô, bạn thơ văn nhạc họa và ... rượu, có thể nói là tri âm tri kỷ. Từ ngày anh Ba tôi từ già cỗi hồng trần thơ mộng vì căn bệnh sơ gan, lại thêm viêm loét bao tử, anh Trần Vô ít khi đến nhà tôi chơi, chỉ khi nào vào thành phố mua vật liệu để về làm thì anh mới ghé tạt vào thăm hỏi sức khỏe mẹ tôi vài ba câu, sau đó thấp nhang chào anh Ba tôi trên bàn thờ, rồi đi. Thấy tôi thất nghiệp, anh ta lôi đầu tôi đến gặp lão Vũ Dương để xin một chỗ phụ việc. Lão Vũ Dương nể nang anh Trần Vô lắm nên mới thâu nhận tôi làm học trò, vì dưới trướng của lão đã có trên dưới hai mươi thợ thầy lính lác lảnh nghề. Vì vậy mà tôi rất mang ơn, thương quý anh ta, xem như một người anh ruột của mình. Có chuyện gì cần, anh ta “hú” một tiếng là tôi sốt sắng có mặt ngay. Lần này, anh ghé tạt đến

xưởng vẽ trò chuyện trao đổi với lão Vũ Dương gì đó, rồi trước khi biến đi đã vỗ một phát vào vai tôi kèm thêm cái hện chiều gập. Tôi nôn nao muốn biết anh ta cần bàn chuyện gì. Chắc là phải quan trọng rồi. Nhìn ánh mắt, nghe giọng nói của anh ta là tôi đoán được ...

Soi gương lần chót kỹ lưỡng trước khi đi, bất chợt tôi nhìn thấy từ trong gương phía sau lưng mình, mẹ tôi đang nặng nhọc ngồi dậy trên chiếc đi-văng, rồi nhìn về phía tôi, cất giọng mệt mỏi:

- Con định đi đâu đó?

Tôi quay lại, bước lại bên mẹ:

- Con đi chơi, thư giãn chút mà...

- Không đợi ăn cơm đã rồi đi à?

- Thôi, chờ chị Hai với mấy đứa ... lâu lắm. Con đi chơi chắc tối mới về...

- Mẹ đang bị đau nhức cả hai cái chân... con xoa dầu nắn bóp cho mẹ một hồi rồi đi...

- Thôi, con sợ trễ hẹn. Mẹ để tối về con xoa bóp cho...

- Làm bây giờ chờ hẹn gì nữa, con? Chừng mười lăm phút chờ mấy!

- Năm phút cũng không được! - Tôi vùng vằng - Con đang có cái hẹn bàn chuyện quan trọng với anh Trần Vô, còn phải đạp xe gần chục cây số nữa, sợ để ảnh chờ thì kỳ lắm!

- Hẹn với anh Vô à? Ừ thôi, con đi đi. Mẹ tưởng con đi chơi với mấy đứa thằng Long thằng Bình, chờ qua chơi với anh Vô thì đi đi kéo ảnh chờ, tối về xoa bóp cho mẹ cũng được...

Tôi bước lẹ ra sân, nhẩy phóc lên xe đạp, vọt đi ào ào như bị ma đuổi...

... Đạp xe vào đến sân, tôi thấy ngay anh Trần Vô đang ngồi nơi bậc tam cấp trước thềm hiên nhà, cùi chỏ chống đầu gối, bàn tay chống cằm, mắt đang nhìn ở đâu đó nên không thấy tôi đến. Có một cái gì đó lạ lạ. Dừng xe, tôi quay lại nhìn. Anh ta đưa tay chào tôi, mặt buồn hiu chưa từng thấy. Tôi hơi chột dạ, không dám vồn vã hơn hử chào anh như mọi lần. Ngồi xuống bên anh, tôi nhìn kỹ. Trời ạ, anh ta vừa mới khóc xong, hai mắt còn ướt nhoe. Tôi rúng động. Có chuyện gì kinh khủng xảy ra? Một biến cố kinh hoàng? Hay một cú sốc đột ngột? Tôi nín thở, nhìn anh ta. Anh ta nhìn lại tôi, cười gượng, rồi không đợi tôi hỏi mà đã nói:

- Tức quá nên khóc. Khóc cho đỡ tức.

- Sao anh tức dữ vậy? Ai mà làm cho anh tức đến phát khóc thì người đó quả là... bậc thành nhân siêu quần rồi. Ai vậy, anh?

- Ông già tao chờ ai vô đây!

Tôi thở phào nhẹ nhõm, như vừa trút được một tảng đá lớn ra khỏi lồng ngực.

- Bác làm gì mà anh tức?

- Đang kẹt tiền muốn chết, may gặp cái mối làm hộp đèn, bảng hiệu cho tiệm vàng, được người ta ứng cho chút tiền mua vật dụng. Tính toán vừa vặn đầu vào đó rồi, dư chút ít trả nợ quán xá, đưa cho vợ con, không dư một đồng bỏ túi... Vậy mà, mới hồi trưa mua được lon sơn 5 ký để sơn bảng, để nơi góc nhà, rồi đi ra chợ chút xíu, quay trở về thì... hời ôi... ông già ở nhà buồn đời lấy ra sơn phết bôi quét lên các chậu kiểng, bức tường... không còn được một muống! Giờ lấy sơn đâu mà làm? Tức quá phải khóc chớ sao?

Tôi phì cười. Nhìn ngấm gương mặt mếu máo của anh ta mà thấy tội nghiệp vô chừng. Móc túi rút ra ngay xấp tiền, tiền mới được lão Vũ Dương ứng cho một trăm nghìn đồng hồi chiều, tôi chưa kịp đưa cho chị Hai để góp tiền chợ, chia đôi ra rồi trao qua cho anh ta:

- Anh cầm cái này xoay trở đỡ đi, em không có nhiều...

- Cất lại đi.

- Sao vậy, anh?

- Vì nếu tao nhận thì mất đạo nghĩa.

- Thôi mà anh, có bao nhiêu đâu mà đạo với nghĩa? Nếu anh ngại thì em cho anh mượn, khi nào làm xong, lãnh nốt số tiền thù lao còn lại thì anh trả cho em...

- Mà cho hay cho mượn cũng vậy thôi. Nhưng tao mà nhận thì... mà sẽ hiểu lầm là tao kêu mày qua đây chỉ cốt để hỏi mượn tiền của mày. Thật ra thì... chuyện lon sơn bị ông già phá mới xảy ra, sau khi tao gặp mày ở xưởng vẽ Vũ Dương. Còn tao kêu mày qua đây là để bàn chuyện làm ăn...

- Em biết. Em biết mà. Em không nghĩ gì bậy bạ đâu, anh đừng ngại...

- Mày có muốn bỏ chỗ lão Vũ Dương, qua đây làm với tao không?

- Thiệt không anh?

- Thiệt. Tao đang cần một đứa phụ việc, học việc, đáng tin cậy như mày. Quan trọng là mày có chịu bỏ nhà giàu sang ở với nhà nghèo hay không kia!

- Em chịu ngay. Được làm học trò của anh mới là điều em mong ước!

- Sướng khổ cùng chịu với anh mày nhé !?

- Chấp nhận!

- Nói thiệt cho mày mừng, khu vực ngoài này đang được mở mang, quy hoạch nâng cấp đủ thứ chuyện, nên có rất nhiều công việc để làm, tao sợ làm không xuể ...

- Đã quá! Khi nào em bắt đầu qua đây làm với anh được đây?

- Ngay sau khi có tiền mua lon sơn 5 ký để sơn bảng hiệu!

Dứt lời, anh giật tờ giấy bạc năm mươi nghìn đồng trên tay tôi, nhét vào túi áo, mặt tỉnh queo. Tôi và anh ta cùng bật cười ha hả. Tôi nắm bàn tay gân guốc của anh ta, an ủi:

- Thôi, đừng tức nữa ghen anh. Đừng giận bác làm gì...

Anh ta cười khê khà, gỡ đầu tóc bồm sồm nói:

- Giận đâu mà giận? Tao chỉ tức cho tao, giận cho tao đã không cẩn thận, biết tính ông già như vậy mà còn không chịu đem cất giấu cho kỹ lưỡng dụng cụ đồ nghề cần thiết. Bị nhiều lần rồi chớ đâu phải là lần đầu tiên. Lần trước cũng bay hết lon sơn đỏ, tao nóng quá nên có nặng lời với ông già, liền bị ông bắt leo lên phản nằm, lấy chổi lông gà quét mấy chục roi vào mông y như hồi mình còn con nít, làm tao ngồi không được mấy ngày trời, không làm ăn gì được...

Tôi trở mặt kinh ngạc:

- Anh lớn như vậy rồi, vợ con đùm đê rồi, mà cũng còn bị bác đánh đòn như vậy sao?

- Sao không? Có già đâu đi nữa thì cũng chỉ là đứa con nít trong mắt của cha mẹ mình.

- Sao anh không bỏ chạy?

- Tao nghĩ thôi kệ, mình hỗn thì mình phải chịu tội, phải bị phạt cho khỏi ray rứt. Hơn nữa, cha mình đâu còn bao nhiêu dịp để đánh đòn mình nữa, phải cẩn rắng mà chiều cho ông già vui. Ông vui, mình cũng vui...

Tôi thần thờ nhìn gương mặt đầy hoan hỷ của anh ta, bỗng dưng sực nhớ đến mẹ mình, nhớ chuyện trước khi qua ngôi nơi đây mẹ nhờ mình xoa bóp đôi chân đang đau nhức. Tôi xấu hổ thẹn thùng khi nhận ra rằng mình là một đứa con bất hiếu, đây tội lỗi... Lật đật chào anh Trần Vô, tôi cong người trên chiếc xe đạp, chạy vù về nhà khi trời đang chạng vạng. Chưa bao giờ tôi lại mong được gặp mẹ như vậy. Tôi đang thèm được ngồi xoa nắn đôi chân của người mẹ tuyệt vời. Và, tôi cảm ơn anh ta, cảm ơn nghìn lần con người tài hoa hiếu tử...

Tâm Không Vĩnh Hữu

“Với lòng hiếu thảo, người Phật tử không chỉ tận lực báo đáp thâm ân đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, mà còn trải rộng cõi lòng báo đáp tất cả những ai đã từng cứu mạng, giáo dưỡng để giúp mình nuôi lớn pháp thân huệ mạng và trở thành người hữu dụng đối với xã hội nhân loại.”

Vu Lan

với những người con xa xứ

Lam Khê

—o0o—

tản văn

Tháng bảy chiều thu mưa buồn lất phất
Chợt nhớ chợt thương áo mẹ vai gầy
Bao năm xuôi ngược chốn trời mây
Con xa mẹ, nhớ mùa thu tháng bảy...

Sài Gòn không có mùa thu để nhuộm thêm sắc vàng cho những chiếc lá còn lay lắt trên cành. Sài Gòn cũng đâu có bầu trời thu trong và mát để cho thi nhân thả hồn mơ mộng mà tức cảnh sanh tình. Ở đây chỉ có cái nắng mưa bất chợt như lòng người vui buồn bất chợt, đến đi bất chợt. Tuy vậy, nơi mảnh đất có chiều dài lịch sử hơn ba trăm năm, đã từng sản sinh ra nhiều cái độc đáo... vừa chung mà lại vừa riêng. Đây cũng là nơi sẵn sàng quy tụ và phát huy mọi điều hay đẹp, kể cả những cái dung dị nhất, bình thường nhất. Từ đó đã tạo nên một dáng dấp Sài Gòn - không giống ai mà cũng chẳng khác ai.

Tôi muốn lướt qua về tính cách đa dạng của một thành phố vốn nổi tiếng muôn sắc lắm màu này, để nói đến những cơn mưa tháng bảy, dù không dai dẳng mà vẫn đều đặn những điệu buồn phương Nam. Trăng rằm tháng bảy làm ta liên đến một ngày lễ hội mang ý nghĩa của Phật giáo. Ngày lễ Vu Lan, mà ai đó thường gọi một cách triu mến là ngày của mẹ. Một ngày lễ được mọi người mặc nhiên công nhận. Dù có đạo hay không có đạo. Nó tồn tại và trở thành bất biến với thời gian. Đến với ngày lễ Vu Lan, bạn có nghe lòng mình băng khuâng xao xuyến? Đi giữa thành phố Sài Gòn trong mùa báo hiếu, bạn sẽ thấy người ta đi lễ các đình chùa. Bạn dễ dàng nhận ra họ qua những bó hương dài cầm trên tay,

hay mấy bông hoa hồng màu đỏ trắng được cài lên ngực áo. Màu hoa đặc trưng của ngày lễ Vu Lan và của tình mẹ. Màu hoa ấy đã đi vào thi ca, đi vào lòng người và làm đẹp thêm cho cuộc sống.

Nếu màu hoa đỏ được biểu hiện cho tình mẹ thiêng liêng vẫn còn hiện hữu; thì màu hoa trắng cũng ngầm nói lên những mất mát lớn nhất trong đời người. Thế nên dù bạn đang hạnh phúc hay khổ đau, dù bạn may mắn được cài hoa hồng đỏ, hay phải cài hoa hồng trắng, thì ngày lễ Vu Lan cũng như là sự trở về, một ngày để tưởng nhớ hoài niệm ân sâu phụ mẫu.

Những cơn mưa tháng bảy lại về. Những giọt mưa thu như đắp thêm nỗi buồn cho kẻ tha hương. Có biết biết bao bà mẹ đang ngày đêm mong đợi đứa con xa. Có biết bao những đứa con lưu lạc, cứ mỗi độ vu lan về, lòng cứ hoài tưởng thiết tha về một thời đã xa. Cái thời còn trắng trong như trang giấy học trò. Nào biết muộn phiền. Nào biết lo toan. Những ngày xa xưa ấy mẹ luôn ở bên ta. Mẹ xuất hiện như một bà tiên mỗi khi ta cảm lạnh gió sương hay gặp điều bất như ý. Ôi ! Tình mẹ. Cuộc hành trình không bao giờ hết. Sự hy sinh thầm lặng của mẹ biết có sông nước nào đong cho hết được.

Thế giới đã bước vào thiên niên kỷ thứ ba. Nền văn minh cơ khí đã làm thay đổi hoàn toàn đời sống của nhân loại. Trong những chùng mực nào đó, bạn cảm thấy hài lòng và tự mãn với những đồng tiền được mang về cho cha mẹ. Nhưng bạn có biết không? Tiền bạc nào phải đâu là tất cả. Trên thế gian này, con người thường đánh mất nhiều thứ mà tiền bạc không thể nào bù đắp lại được. Vậy mà nhiều người lại quan niệm rằng có thể đem vật chất ra để trả hiếu mẹ cha. Họ đâu cần biết gì đến câu ấm lạnh quạt nồng. Họ cũng quên đi những lời han hỏi, một cử chỉ thâm tình để gọi là làm vui lòng... đáng sanh thành. Phải chăng vì đời sống quá bận rộn, vì điều kiện vật chất đã choán hết thời gian và tâm trí người ta, Đến nỗi khiến cho lòng người trở nên lạnh nhạt hết trước mọi thâm tình cốt nhục.

Tôi đang nghĩ về bạn. Những người con xa quê... xa cả vòng tay dịu dặt của mẹ hiền. Sau những ngày vất vả đem mồ hôi đổi lấy bát cơm đầy. Đêm về bên căn gác trọ đầu hiu, bạn chắc hẳn sẽ bồi hồi nhớ cảnh quê xa. Nơi ấy có người mẹ hiền đang nóng lòng chờ đợi. Ngày Vu Lan báo hiếu đã đến, bạn hãy hướng lòng mình về với mẹ, thậm chí nói với mẹ những điều mà bạn chưa nói, hay chưa kịp nói. Người mẹ ấy dù ở cách xa, hay không còn nơi trần thế, thì mẹ vẫn có nghe được tâm tình của đứa con thơ. Những lời nói qua tâm tưởng ấy vẫn luôn được lắng nghe bởi một thứ thanh âm vô hình mà người ta gọi là "thần giao cách cảm". Bạn hãy tin đi rồi bạn sẽ thấy nó mẫu nhiệm diệu kỳ lắm thay!

Ngạn ngữ có câu: "Không ai tắm hai lần trên một dòng sông". Dòng sông của đời tôi và đời bạn cũng không thể do hai người mẹ cùng rút ruột tạo ra. Đạo Phật thường nói lễ Vu Lan là ngày báo hiếu ân thâm cha mẹ trong bảy đời. Còn hiện đời này, tôi và bạn chỉ duy nhất một

người mẹ. Vậy sao ta không báo ân mẹ trong lúc này đây. Ngay khi mẹ còn đó và ta đang được sống cạnh người. Nào phải đợi khi mẹ mất rồi ta mới quờ quạng đi tìm. Ta đau đớn khóc than. Ta lo sửa soạn nào mâm cao cỗ đầy để dâng cúng cho người đã khuất. Đành rằng như vậy cũng là thể hiện chút lòng hiếu trọng thâm ân, nhưng lòng hiếu dưỡng khi cha mẹ sanh tiền vẫn mãi mãi là một điều đáng trân trọng, đáng tôn quý hơn.

Tôi cũng muốn nói với bạn. Những người đã vĩnh viễn mất đi hình bóng người mẹ thân yêu. Những người mãi mãi phải cài lên ngực áo mình khi mùa Vu Lan đến, một màu hoa trắng đơn điệu tẻ buồn. Sự sanh diệt vô thường đã chia xa tình mẫu tử, nhưng tình mẹ là một dư âm không bao giờ đánh mất trong lòng bạn. Tình mẹ là một thiên chức muôn đời không gì có thể thay thế được. Bạn đang đau đớn vì sự mất mát, vậy bạn hãy hướng lòng mình đến bao kẻ khác đi. Bạn báo đáp ân mẹ bằng sự kính yêu con người, bằng sự trang trọng với tha nhân, bằng đời sống hướng thiện trong sáng như mẹ bạn thâm mong ước. Cuộc đời rồi sẽ cho bạn niềm tin, một ý chí để tồn tại, để vươn lên. Không có mẹ, bạn vẫn sống, vẫn ngẩng cao đầu để yêu thương... và để tìm cho mình một tương lai trọn vẹn. Một hướng đi đầy ấp tình người luôn rộng mở./.

Lam Khê

Vu Lan Mùa Nhớ

Nhớ xưa rằm Lễ Vu Lan
Em tôi theo Mẹ áo vàng lễ dâng
Phật đài nhang khói tỏa lừng
Tôn nghiêm hình Phật vô cùng Từ Bi
Em cùng với Mẹ lạy quỳ
Bao năm hình ảnh còn ghi nhớ hoài
Thời gian chông chất tuổi đời
Năm nay mùa lễ đến rồi Vu Lan
Trắng trời mây trắng lang thang
Đổi bờ cách nẻo áo vàng đã xa
Rưng rưng lòng nhớ thiết tha
Mãi trong tâm tưởng Từ Bi Phật Ngài
Qua bao dâu biển đổi đời
Chùa xưa giờ có còn vui Lễ nào?
Nhớ Em niềm nhớ dạt dào
Áo vàng bên Mẹ thuở nào trap bưng
Nghe lòng xao xuyên mộng lung
Trời như hoài cảm, Mây ngừng không bay
Ngân nga chuông vọng đời Tây
Nguyễn Cầu ý gửi tràn đầy hư không ...

Tuệ Nga

tâm sự ngày Vu Lan

Vũ Nam

Những ngày Thềm còn nhỏ, thời đất nước đã hòa bình trở lại, cứ vào những đêm trăng sáng, trong mùa hè, cha con Thềm hay mang gối mền ra trước sân nhà để ngủ. Trăng đẹp là để cho người ta nhìn ngắm. Không phải là nhà thơ nhưng anh Sáu, ba của Thềm, nói như nhà thơ. Có đôi lần anh lại nói theo giọng điệu người làm biển: Trong nhà, mùa hè nực thấy mẹ! Ra ngoài trời, ngủ mát hơn! Cảnh quang chung quanh nhà trong đêm có trăng đẹp, gió mát, làm anh Sáu hay ngắm nhớ lại những ngày “tứ xứ” của anh thuở trước.

Không khi nào vào những đêm trăng nằm ngoài sân như thế, anh không cất giọng ca theo điệu nhạc trong bản nhạc Hòn Vọng Phu, nhưng lời do anh đặt : Anh thương em vì em nét na hiền hòa, đôi môi xinh dòng sông tốt đẹp mặn mà, dòng lông mày liễu rũ xinh xinh, dòng hương huyền mái tóc êm êm... Rồi anh ca tiếp: Ai ra đi mà không ước hẹn ngày về, ai quên đi thời gian xóa tan lời thề... Mỗi lần nghe anh Sáu hát, Thềm biết ngay không phải anh hát cho má Thềm, dù má Thềm cũng là người nét na hiền hòa, mà là cho quãng đời trai trẻ của anh, và những người bạn “đã ra đi”. Giọng anh run run, đầy cảm xúc, nức nở. Không phải anh không thương chị Sáu, đang nằm trong nhà với đứa con gái của anh, nhưng có lẽ anh là người thuộc vào những người thích ca hát cho vui, để nhớ lại một hình bóng nào đó đã làm anh “chết lên chết xuống” trong quá khứ, hoặc những hình bóng mà anh không thể nào quên được.

Cũng không lâu, chỉ chừng một hai tiếng đồng hồ, khi sương thấm lạnh, anh lay gọi Thềm ngay:

- Dậy, vào nhà ngủ Thềm! Sương Xuống rồi.

Hai cha con, một cao một thấp ôm đồ ngủ đi vào nhà như những bóng ma trong đêm. Ngủ thêm đâu được chừng vài ba tiếng đồng hồ Thềm lại phải dậy để cùng anh Sáu xuống biển, lên xuống đi đánh cá. Bãi biển dù trong đêm, tối đen, nhưng những sinh hoạt đầy xuống ra khơi cũng làm cho cảnh biển ồn ào như chuẩn bị họp chợ. Không ồn ào như chợ sáng, thì cũng tiếng nhỏ tiếng to như buổi chợ chiều. Đêm nào cũng vậy, khi bàn chân chạm nước biển, Thềm thấy ớn lạnh và ngán ngẩm cho nghề chài lưới từ đời cha ông đến giờ của cậu. Nhưng ý nghĩ phải phụ ba má để đi biển đánh cá nuôi gia đình vẫn không làm chùn bước chân Thềm. Cậu đạp xoàn

xoạt trên làn nước biển lạnh để đi về hướng về chiếc xuống đang nhấp nhô ở bờ nước. Chiều hôm qua xuống vô không có cá nhiều đã làm má cậu buồn. Hôm nay cậu hy vọng sẽ là ngày vui cho má, và cho cả cậu. Nhưng cậu lo lắng! Biển cả mênh mông vô tận biết đâu có cá để đánh bắt, đâu không có để dừng mát công chạy xuống tới, rồi lại chạy xuống về không!

Những chiếc xuống đã ra khơi, phân chia ra làm nhiều phương hướng để đi. Ban đầu còn nghe tiếng máy nổ của nhau, sau xa dần. Như mọi lần, với Thềm, khi xuống đã xa bờ và chiếc máy nổ đều đều để đưa chiếc xuống vào lòng đại dương, làm nhiệm vụ đánh cá, thì cơn buồn ngủ đến. Đêm nào cũng như đêm nấy, Thềm ngủ lại ngay khi xuống vừa chạy xa bờ một hai cây số. Cậu chỉ tỉnh dậy khi nào có tiếng của anh Sáu kêu. Một ngày đánh cá bắt đầu. Anh Sáu ngồi sau, lái xuống và cho máy nổ xình xịch, nho nhỏ, đều đặn. Xuống lướt sóng nhẹ nhàng bằng một vận tốc thật chậm. Thềm và anh Bé, một anh thanh niên đang theo xuống của ba Thềm làm biển, mỗi người một đầu rải đều những tấm lưới xuống biển. Bên chì chìm ngay xuống, bên phao nổi thành hàng trắng trên mặt biển. Khi lưới đã bỏ hết xuống biển xong, anh Sáu tắt máy xuống và cho thả trôi. Trời yên tĩnh, gió lặng, nên xuống trôi không xa lưới. Lúc biển động, xuống phải có neo. Những tấm lưới nối dài nhau, với những chiếc phao trắng nổi bồng bồng trên mặt biển. Đầu lưới, cuối lưới, đã có những cột cờ màu đỏ đen để làm hiệu.

Sau khi thả lưới xong cả ba người trên xuống không nói không rằng, mỗi người tự lo làm việc của mình, như đã có phân công từ trước. Thềm giữ nhiệm vụ tát nước. Cậu chun xuống khoang xuống, gỡ những tấm sạp lên, lấy chiếc gàu bằng cao su màu đỏ múc nước tát ra ngoài. Xuống cũ, chai trét ở các thành xuống cũng cũ theo, nên nước biển cứ theo đó rỉ rả chảy vào. Không tạt nước đúng lúc, xuống có thể bị chìm. Vừa làm cậu vừa cần nhân: Xuống cũ như vậy mà ông ba chưa chịu đem lên bờ làm nước, trét chai lại!

Chiếc xuống nhỏ như chiếc lá, chông chênh trên mặt biển. Vì nhỏ nên nó chạy không xa bờ và đánh bắt loại cá nhỏ. Không biết bao giờ ba nó mới có tiền để mua sắm những chiếc ghe xuống lớn, để đánh bắt cá xa hơn.

Thêm hay nghĩ như vậy mỗi khi đang làm việc trên xuồng. Nhưng chỉ khoảng một tiếng đồng hồ sau, khi bắt đầu kéo lưới, Thêm phải ra sau thay ba ngồi coi lái cho hai người lớn kéo. Công việc lái xuồng nhẹ nhưng căng thẳng đầu đã làm cậu quên ngay hết mọi chuyện, kể cả chuyện xuồng lớn xuồng nhỏ, trét chai trét dầu. Còn chiều khi về đến nhà, bận đi chơi với mấy thằng bạn cùng trang lứa là Thêm quên ngay hết mọi việc đã xảy ra trên biển trong ngày.

Đáng lẽ Thêm vẫn còn tiếp tục học, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ba cậu bắt cậu ở nhà để phụ đi biển. Nếu không có Thêm, anh Sáu cũng phải rủ thêm một người đi biển khác. Nhưng rủ cũng có nghĩa là phải để cho họ nộp vào một lồng lưới để cùng đánh bắt chung, vì thế chuyện mần ăn để nuôi gia đình sẽ bị giảm. Dù xuồng nhỏ, đánh bắt gần bờ, nhưng ít nhất trên xuồng cũng phải có ba người, chớ thường là bốn. Mới mười bốn tuổi đã xa trường, xa bạn bè thầy lớp, Thêm buồn lắm, nhưng cậu cũng chấp nhận. Mỗi lần ngồi không nhìn biển cả mê mông cậu thấy lòng mình vui buồn như những lượn sóng. Vui vì thấy mới mười bốn tuổi cậu đã phụ được gia đình, nhưng buồn vì xa bạn bè, trường lớp. Lúc bấy giờ anh Bé là người giúp Thêm quên đi những nhọc nhằn trong nghề. Anh hay kể về những cuộc tình trước ngày lấy vợ:

- Mà có để ý cô nào chưa Thêm?

Anh hay hỏi giỡn như vậy.

- Hồi mười mấy tuổi bằng mà mày tao đã đi ghẹo gái rồi đó. Hồi ba mà coi! Tao đi cả đêm, mặc dù khuya phải dậy sớm để đi biển. Ra xuồng là tao ngủ ngay, nếu không buồn ngủ lắm, không có sức mà kéo lưới đó mà!

Anh Bé có nước da đen, không đẹp trai nhưng được là có tương tá to, nên cũng dễ làm phải lòng mấy cô gái miền biển. Chị vợ của anh, Thêm thấy cũng đẹp. Không đen như anh, chị có nước da trắng, trên mặt còn có những chấm tàn nhan. Thêm thấy hay hay. Anh chị mới chỉ có đứa con trai đầu lòng gần hai tuổi. Nghe ba Thêm kể, anh Bé thuộc thành phần nhà nghèo “rớt mồng tơi”, nghèo đến “không có cái quần xà-lỏn để mặc”.

Anh Sáu thí dụ bằng những tiếng dân gian để tả về cái nghèo của anh Bé cho Thêm nghe. Ba má anh làm mướn từ nhỏ, không có chỗ làm mướn ông bà đi hái củi để bán. Được cái anh Bé rất có hiếu với mẹ. Sau khi cha chết, thấy gia đình cô em gái cũng không khá gì hơn mình, anh đã đem mẹ về nhà nuôi dưỡng để cơm cháo có nhau. Được là chị Bé rất tận tình với mẹ chồng, nên anh Bé, trông làm ăn vất vả vậy, chớ không có vẻ gì khổ tâm vì những chuyện trong gia đình.

Hôm anh Bé xin nghỉ xuồng ba Thêm, Thêm buồn vô cùng. Anh xin nghỉ đi xuồng để về đi ghe. Nghe nói ghe đi đánh lưới Rút rất có ăn. Ngoài biển, những người đi bạn, khi không bận làm việc cho chủ ghe, còn có thể câu mực thêm để kiếm ăn riêng. Lúc này Việt kiều nước ngoài đã bắt đầu gửi tiền về nước cho thân nhân trong

nước sắm ghe xuồng lớn để đánh bắt xa, nên thanh niên trai tráng ít ai còn thích đi những chiếc xuồng nhỏ, đánh bắt loại cá con con gần bờ. Thấy Việt kiều gửi tiền về giúp thân nhân, cha con Thêm cũng muốn làm Việt kiều lắm, nhưng chưa có dịp.

- Ủa, nhắm làm ăn được thì đi! Tao không kéo giữ mà ỷ để làm gì. Cố gắng làm ăn, ông trời thương, phất lên với người ta.

Ba Thêm đã nói với anh Bé như thế.

- Dạ, em cũng ráng đi ghe vài ba năm coi sao. Nếu ông trời thương thì mừng!

Thời gian cứ thế trôi qua. Thêm lại thêm được hai tuổi. Lúc này phong trào vượt biên rầm rộ hơn. Nghe nói bên Mỹ sướng lắm, anh Sáu cũng nôn, mong có dịp thuận tiện là cho Thêm đi vượt biên với người ta, để con anh còn có dịp đổi đời. Nhưng chờ đợi vẫn là chờ đợi, dịp may cho con anh vẫn chưa đến. Nhưng vào một ngày, khi xuồng cha con anh Sáu đang lên đèn giữa biển, thành linh có một ghe chạy đến gần, họ nói họ là ghe vượt biên muốn mua dầu thêm để đi. Có bao nhiêu dầu anh Sáu bán hết cho họ, anh chỉ để đủ xuồng chạy vào bờ. Sẵn gặp dịp may, anh xin họ cho Thêm đi theo. May mắn họ bằng lòng. Khi ấy cậu Thêm mới có mười sáu tuổi.

* * *

Sau hơn hai mươi năm ở Na Uy anh Việt kiều Thêm mới về thăm đất nước lần đầu. Đã quen khí hậu ở xứ lạnh Na Uy, ngủ ở nhà không nổi, Thêm phải mượn phòng ở khách sạn có máy điều hòa không khí. Cậu thật tình chớ không phải vì “mác” Việt kiều nên kiêu căng làm phách. Thêm giải thích như vậy. Là thợ hàn chuyên môn cho những ống dẫn dầu ở Na Uy, Thêm giờ rất khá. Cậu là một trong những người vượt biên thành công nhất ở làng, nếu kể về tiền bạc. Sau khi cậu đi vượt biên ba bốn năm là đã gửi tiền về giúp cha mẹ xây nhà cửa khang trang. Có tiền anh Sáu cũng già từ biển cả. Ở nhà anh chỉ làm vặt việc nhà. Xã hội càng ngày càng đi xuống, mọi người đều khổ, nên ai cũng nói vợ chồng anh Sáu có phước của ông bà để lại vì Thêm hiếu thảo, biết thương cha mẹ. Chớ không phải ai đi vượt biên được rồi cũng thương cha mẹ, cũng biết lo cho gia đình như Thêm.

Trong mấy tuần về Việt Nam thăm nhà, Thêm có dịp đi với má thăm ngôi chùa gần làng, trên núi, nhân ngày lễ Vu Lan. Theo đường, tình cờ hai má con Thêm gặp một bà già gánh củi đang ngồi nghỉ ở lễ đường. Thấy má chào hỏi bà già này lễ phép, Thêm tò mò hỏi nhỏ:

- Ai vậy má?

- Thêm, con không nhớ sao? Dì Năm, má thằng Bé đó!

Bà già ngược nhìn Thêm. Thêm đứng bất động. Cậu không ngờ bà già đang gánh củi lại là má của anh Bé, người mà hơn hai mươi năm về trước là bạn xuồng của

cậu.

- Con nhớ rồi. Nhưng anh Bé bây giờ ra sao rồi má?

Chị Sáu quên đi sự có mặt của bà già, tự nhiên trả lời Thêm:

- Thằng Bé nó chết rồi! Chết mất xác giữa biển trong trận bão có sóng thần mấy năm về trước. Trận đó nhiều người đang đi ghe ngoài khơi chết lảm! Lúc đó con điện thoại về, má có kể cho con nghe rồi đó.

Thêm chỉ còn nghĩ đến anh Bé, cậu nói như ai nói thay:

- Con nhớ ra rồi! Má có nói!

- Sau ngày thằng Bé chết, dì Năm phải trở lại làm mướn, hái củi đến bây giờ! Con gái con dâu nuôi không nổi, nên đi phải đi làm để phụ thêm cho tụi nó nuôi con.

Thêm không dám kể với bà Năm là cậu đã đi xuống chung với anh Bé. Chuyện lâu rồi, hãy để cho nó qua, không nên nhắc lại làm cho bà Năm buồn. Thêm nghĩ, nếu ngày ấy, anh Bé còn đi xuống chung với cậu, gặp dịp, anh cũng vượt biên như cậu, có lẽ bây giờ mọi việc đã đổi khác, kể cả cuộc đời của bà Năm. Cơ hội đã không đến với anh, và số phận cơ hàn khổ cực không muốn lánh xa cuộc đời của bà. Có lẽ cả đời! Thêm nhớ lời anh Sáu nói về gia cảnh anh Bé ngày đó “nó nghèo đến không có cái quần xà-lỏn để bận”, cậu thấy thương bà Năm vô cùng.

Trên đường đi tiếp lên chùa, Thêm đề nghị với má:

- Từ đây về sau má đem bà Năm về nhà nuôi. Tốn bao nhiêu con sẽ gửi tiền về. Con thương anh Bé lắm Con sẽ thay ảnh nuôi bà Năm. Bà Năm già rồi cũng ăn uống không bao nhiêu đâu má! Đừng sợ tốn kém! Làm phước gặp phước!

Chị Sáu sẵn lòng ngay:

- Ở đây thỉnh thoảng má cũng cho đi gạo. Không sao đâu con. Đừng lo! Con nuôi chớ đâu phải má nuôi đâu mà má sợ. Để má nói chuyện với con gái con dâu của đi rồi mình đem đi về. Phải nói với hai cổ một tiếng. Nói có thằng Thêm nó lo chắc là hai cổ cũng bằng lòng thôi. Hai cổ cũng nghèo! Cha, ai dạy con mà bây giờ cũng nói được: làm phước gặp phước. Tốt đó con!

Thêm cười:

- Bộ ở Việt Nam người ta mới biết đi chùa, biết tu sao má. Ở Na Uy người ta cũng tu vậy, cũng có chùa vậy. Gặp những dịp có lễ lớn là con chở má con tụi nó tới chùa. Vui lắm!

- Ủ. Tập được như vậy là tốt đó con. Tốt cho con, mà tốt cho con của con sau này nữa.

Thêm cúi đầu cười thâm, lòng lấy làm đắc ý về câu nói của bà già lẩm. Xa xa tiếng Đại hồng chung từ chùa đã ngân vang.

Vũ Nam



lời cho má

Nguyễn Ngọc Tư

Bây giờ không biết đã mấy mùa tôm rồi tôi trở thành một đứa - con - hàng - xóm. Bao lâu rồi con không còn leo đèo theo gót má để chia chút dãi dầu, hủ má ới? Bao lâu rồi má không còn dịp để dạy con hiểu được ý nghĩa của giọt mồ hôi rơi xuống...

Má tôi là nông dân, suốt quãng thời gian cầm bút, mỗi khi tôi viết về người nông dân tôi lại nghĩ tới má. Trong tôi hiện lên đôi bàn chân ngắn, bè ra vũng chãi, những cái móng chân khắng phèn, dày, dầy xơ. Một khuôn mặt sạm đen nửa đêm thao thức, nghe gió về lo lúa đang trở ngoài đồng bị lem lép hạt. Một mái tóc bạc trắng, những sợi tóc sâu loãn quăn mọc trên đỉnh đầu, đám con cháu hăm he nhỏ hoai mà chưa có ngày nào má thành thoi. Một dáng người chắc đậm tong tả đội rau đi chợ trong sương sớm. Một đôi tay cục mịch với những đốt xương thô mà sàng gạo như múa trong trưa vắng. Một bóng người sương khói ngồi tan nổi đất, cái mùi cám khét ngọt, nghe nổi nhớ quê dậy động trong lòng.

Không có gì khác đâu, cũng như mọi bà má quê khác, má tôi cũng hiền lành, tháo vát, giỏi giang... má tôi cũng có những đứa con không bao giờ nhớ tuổi má, không bao giờ nhớ thời thanh xuân của má. Nhưng má không buồn, chỉ buồn khi tôi về, ngồi than bên bậc cửa, làm cái nghề viết văn cô độc, cực khổ quá má ới, má tôi lặng lẽ buồn hiu. Buồn vì không hiểu văn chương, không thể điu dất,

nâng đỡ tôi trên con đường nhọc nhằn đó, nhưng má không hay rằng má giúp tôi nhiều lắm.

Bảy tuổi, má dạy tôi trồng rau, tưới rẫy. Tôi lon ton đi chặt cây, kiếm sậy về cho má làm giàn cho dưa leo, mướp, đậu rồng. Những buổi chiều còn nắng, má xới đất, lên giồng, tôi lấy dao phay bằm cho đất tơi ra để kịp lúc ba đi làm về gieo hạt cải. Ba má quẩy tưới thùng to, tôi nơ thùng nhỏ, nước sánh ra ướt đầm đĩa. Tôi biết chống mông ngồi rửa rau cần, ngồi gai ở cầu ao cho má bó từng lọn nhỏ, tay tôi mới bột bột một chút má đã xót xa, kẽ tay má đầy những mảng nước ăn, đau nhức tới từng đốt xương sao má không than hả má. Nửa khuya ra chợ, tôi xách cái giỏ nhỏ chỉ đựng ghế ngồi với mấy cái bao trái để bày hàng, má đội thúng ngô, má cứ hỏi có lạnh lắm hôn con, gió bắc thì cứ hiu hắt cắt da, nước từ cái thúng đội đầu cứ nhỏ long tong xuống đôi vai má. Khi đó tôi không hề biết hỏi, má ơi má có lạnh không, mà, chỉ câu nói của tôi, má ấm lòng biết chừng nào.

Năm tôi mười tuổi, cả xóm rủ nhau làm nắm mèo. Má cũng cố làm thêm lúc nông nhàn để tăng thu nhập.. Sau mỗi buổi học, mấy anh em tôi với má bơi xuống đi hàng năm ba cây số mua so đũa. Anh tôi đốn, róc cành xong, hai má con tôi vác xuống xuống, sợ phía tôi nặng, má gánh tới nửa thân cây, tôi chỉ te tái vịn hờ một đầu còn lại mà tưởng mình mạnh giỏi, cái cây bự chẳng vậy sao mà vác nhẹ hắng nhẹ hơ. Đường về nhà phải qua con đập, thường là quãng cây lên để kéo xuống qua, những lúc mưa nhiều, đập xả, nước từ trong kính tràn ra như thác, nước cứ lăm lăm nhấn chìm chiếc xuống khảm lừ tìm cách đi ngược vào. Má chống chỏi đặng lái, tôi nhảy ào xuống nước nắm mũi xuống kéo đi, qua đập, ướt như con chuột, má khen tôi giỏi mà sao nước mắt má rướm rướm vậy.

Làm nắm mèo cực nhất là lúc vô mùa, phải cưa cây thành khúc, đóng lỗ, vô meo... cũng không lâu nhưng đủ để vai má tôi cắn hằn những cái rãnh sâu sần như vỏ cây so đũa, đủ để mấy đầu ngón tay ám mỡ và bàn tay cầm búa chai rộp lên...

Coi lại, hồi nào tới giờ, nhà tôi làm nghề gì cũng cực thấu trời thấu đất, làm gì cũng nặng nhọc, cũng có thể đong mồ hôi bằng khạp, bằng lu. Mà, dù có làm gì thì má tôi cũng là người gánh chịu nhọc nhằn hơn hết thấy, ba tôi chỉ hự hợ chút việc mỗi khi tan sở, má không buồn, má nói, ổng đi làm cách mạng mà. Tôi mười bảy tuổi, thôi học, theo má bán gạo, cám. Ngày nào má cũng bơi một hai xuống gạo từ máy chà chở lên lỏi theo dòng kính dày những cây cầu khỉ để mang gạo bán tận nhà người ta. Tôi ngồi đặng mũi, qua cầu cao thì lấy trốn đẩy cho xuống đi nhanh, cầu thấp lè tè không quá mũi xuống, không đi được tôi giữ cầu cho má bơi. Tôi học từ má, rằng gạo Một Bụi dài, thon, óng ả, gạo Tiên Lùn hạt ngắn, đục như nếp, bầu bình, gạo Nàng Gáo tròn vo, cụt lùn, no căng... Gạo càng trong càng cứng, khô cơm, gạo đục, có ngòi là cơm mềm cơm dẻo... Lăn lóc với bụi cám, tôi nghiện luôn cái mùi thơm nồng nàn đó. Má nói

rằng, mùi gạo đầu mùa khác mùi gạo cuối mùa, mùi gạo trắng khác với mùi gạo lức, và cho tới bây giờ, mỗi khi bùng chén cơm, tôi lại nhớ cái vị béo ngậy ngậy, ngọt ngào tinh khiết của gạo sống.

Bán gạo cũng có cái cực trần ai khoai củ của nghề bán gạo nhưng má tôi gắn bó với nghề rất lâu, chắc vì nó gần gũi với hạt lúa, cánh đồng, nơi cả đời nông dân má tôi dầm dãi. Tôi còn nhớ như in những mùa hạn, nước dưới kính rút, chiếc xuống không còn không thể chống trên lòng lạch cạn teo, má nghĩ ra cách tải gạo, cám bằng xe đạp (Ôi ! cái thuở sao nghèo quá là nghèo). Bao gạo để dài theo sườn xe, má ngồi yên sau chồm hai tay cầm lái, xoạt chân ra phía trước để đạp. Má con tôi suốt ngày dưới nắng công công đạp xe trên con đường lỏm chồm đá. Sau này, tôi còn có thể một tay vịn bao gạo đặt ở yên sau, chân đạp cuống cuống, tay kia cố kềm giữ tay lái đang lắc lia lắc lịa, cái bánh xe trước lúc nào cũng muốn chổng lên trời. Ai khen tôi giỏi lòng má tôi cũng đau, vì đã để tôi dang dỡ con đường học tập. Lúc đó tôi chưa biết nói, “chừng nào nhà mình khá giả rồi con đi học lại, má lo gì”, chỉ một câu thôi sẽ an ủi lòng má biết bao nhiêu.

Những câu đáng nói thì vì vô tâm, khờ dại nên không nói, những câu không đáng nói thì cũng vì vô tâm, dại khờ nên đã nói rồi, không lấy lại được. Vẫn còn những ngày dài phía trước, mai tôi sẽ về thưa với má, dù tôi nói câu này dù hơi trễ tràng nhưng có còn hơn không, rằng chưa có bao giờ má dạy tôi viết văn, nhưng những gì tôi viết ra đều mang hơi thở cuộc sống mà má trao tặng.

Bây giờ không biết là đã mấy mùa tôm rồi má với ba tôi xa nhà cất cái chòi giữa đồng vắng xoay sở, vật lộn với con tôm trên những cái đầm chang chang nắng. Cũng từng ấy thời gian, ngày hai buổi sáng, chiều tôi quanh quẩn bên bàn giấy, sớm uống cà phê tối ngồi quán nhậu. Những con chữ bỏ đi xa, những câu văn trốn bật. Mai mốt đây viết tặng má còn không xứng thì viết cho ai nữa bây giờ.

Nguyễn Ngọc Tư

... Trong quá trình lịch sử dài lâu, giáo lý Đức Phật đã thấm sâu, in đậm vào đời sống tâm linh dân tộc, gắn bó cùng dân tộc qua mọi thăng trầm vinh nhục của tổ quốc. Do đó, Đạo pháp và Dân tộc Việt Nam đã trở thành hai yếu tố bất khả phân của một Tổ quốc Việt Nam yêu dấu. Vận mệnh của dân tộc Việt Nam như thế nào thì vận mệnh của Phật giáo Việt Nam như thế ấy và ngược lại....

(Thông điệp Phật Đản pl. 2553-2009 của VTT.GH.PGVNTN)



sung sướng thay cho những ai còn mẹ!

Ngày nay khắp thế giới, đâu đâu cũng có những tượng đài, thơ văn, bài hát, tuồng kịch ... để ca tụng công đức biển trời của người mẹ, mệnh mệnh tám hướng như biển Thái Bình. Bởi Mẹ là nguồn ngọn của mọi tình thương trên cõi đời này. Mẹ cũng là một hình ảnh tuyệt diệu, diễm hằng, muôn trùng ngời sáng, không bao giờ có thể thay thế được. Ôi sung sướng thay cho những ai còn Mẹ và cũng tủi xót cho những người mất mẹ nửa đời, mỗi khi tưởng nhớ, chỉ còn lặng lẽ ước ao ngóng về xóm nhỏ, nơi những bờ bụi khóm tre, ngàn năm lau lách sạt xào.

Con đã bước qua hết hai phần đời, để được thấm thía rằng: chỉ có một nguồn suối tình thương mang tên Mẹ, là vĩnh cửu không bao giờ khô chảy. Thực là cảm động biết bao, khi nhớ lại “Tôi đi học” của Thanh Tịnh “Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi, dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp...” hay nỗi nhớ mẹ của Lưu Trọng Lư “Tôi nhớ mẹ tôi thiếu thời / lúc người còn sống tôi lên mười / mỗi lần nắng mới reo ngoài nội / áo đỏ người đưa trước đậu phôi...”

Chẳng vậy mà nhà văn Pháp Edmond de Amicis, đã viết trong ‘Tâm Hồn Cao Thượng’, Hà Mai Anh dịch rằng : “Người Mẹ sẵn lòng đem một năm hạnh phúc của mình, để đổi một giờ đau đớn cho con. Người

Mẹ cũng sẵn sàng hy sinh cả tính mệnh, để cứu sống con mình. Con ơi, suốt đời con sẽ có những ngày buồn rầu đau thương, và cũng là chuỗi ngày sầu thảm nhất : Đó là ngày con mất mẹ”.

Giờ mới hiểu tại sao có những đứa con, do hoàn cảnh mà phải tha phương, biệt xứ, lưu lạc quê người, lại là những kẻ khao khát tình mẫu tử, nhưng nhớ kỷ niệm, dù rằng đó chỉ là những hình ảnh đơn sơ mộc mạc nơi chốn quê nghèo :

Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều

Mẹ ơi đừng đánh con đau
Để con bắt ốc hái rau mẹ nhờ

Ghe bầu trở lái về đông
Con gái theo chồng, bỏ mẹ ai nuôi ?

Đó là những câu ca dao hay nhất từ trước đến nay, đọc từ đầu đến cuối không tìm thấy một chữ nào thần bí hay cầu kỳ nhưng trong ý nghĩa và mùi vị, thì đượm thấm nồng nàn, khiến cho người ta phải đau khi nhớ và không cầm nổi nước mắt khi thực sự đối mặt với chiều buồn. Cũng cùng trong cái hình ảnh trên, người buồn hơn lại thêm buồn, khi nhà ai bên ngõ, bỗng dưng vô tình có tiếng gọi con, trong khi lưng trời, chiều tàn, đàn chim về tổ, riu rít gọi

nhau, làm cho nổi nhớ quay quắt không ngừng, khiến cho đứa con lạc bầy, bồng bồng nhớ mẹ, rừng rưng nhớ lúc nói láo tránh đòn, khi về nhà trẻ vì ham chơi với bạn sau khi tan trường.

Rồi thì lưu lạc mười phương cơ hàn đói lạnh, gian truân tù ngục, hận hờn thương tủi, chỉ một mình con gánh chịu, chính là lúc nước mắt lưng tròng, băng quơ tưởng tiếc cái thời ngồi chờ mẹ về, để có những món quà của buổi chợ quê, mà mẹ luôn dành sẵn:

cơm người khổ lắm mẹ ơi
không như cơm mẹ, chỉ ngồi xuống ăn.

+ Những gương hiếu tử xưa nay được đời xưng tụng:

Mẹ là nguồn ngọn của mọi tình thương trên cõi đời, nên rất phù hợp với chân lý của mọi tín ngưỡng, đều lấy nhân hiếu làm căn bản xử thế và hành đạo. Bởi thế con người, trong lúc gặp hoạn nạn đau khổ, thì thường than thầm hay gào to: “Mẹ ơi con khổ quá”, đồng thời với lời cầu khẩn các đấng thần linh giúp đỡ. Do trên, từ trước tới nay, tự Đông sang Tây, đã có mẹ hiền thì cũng không thiếu gì những gương hiếu tử, đáng làm gương cho hậu thế soi chung muôn đời. Những câu chuyện kể sau đây, chỉ là những chiếc lá lẻ loi trong rừng thơ, nhạc, truyện, ký... mà nhân thế kim cổ đã sáng tạo, để vinh danh những trang hiếu tử người sáng muôn đời.

- Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, có viết về Nguyễn Văn Liễu người Phan Thiết, thuộc phủ Bình Thuận. Năm lên 8 tuổi, mồ côi cha, ông thờ mẹ rất có hiếu. Khi mẹ chết, làm lễ bên mộ mẹ tới ba năm, người đương thời ai cũng xưng tụng. Năm Minh Mạng thứ 8, vua nghe tiếng, biểu dương là trang hiếu tử.

- Joseph Sadese sinh năm 1935 tại Toulouse (Pháp). Năm 1956 cha bị thất nghiệp, ông phải tình nguyện đăng lính, để có tiền giúp đỡ gia đình. Sau đó lại chuyển sang binh đoàn lính đánh thuê Lê Dương, để lấy trước tiền tử tuất, gửi về nhà lo thuốc thang cho mẹ bị bệnh nặng, cũng như giúp đỡ các em kiếm sống. Tại Algeria, trong một trận kịch chiến, ông bị thương nặng phải cưa một chân nhưng vẫn xin ở lại trong quân ngũ, để có đủ tiền lo cho mẹ già, em dại. Nhưng rồi năm sau, nhận được điện tín, báo tin mẹ già đã qua đời, bèn tức tốc trở lại quê, thì người nhà đã chôn mẹ. Ông vội chạy ra nghĩa trang, ôm mồ mẹ than khóc thảm thiết và nói: “mẹ ơi, con đi lính là để lo cho mẹ, nay mẹ không còn, thế là hết”.

- Nhạc Phi (1103-1142) là một danh tướng, đồng thời cũng là một vị anh hùng của Trung quốc. Ông sống vào thời Nam Tống, tự là Bằng Cử, người Huyện Thang Âm, tỉnh Hà Nam. Nhà nghèo nhưng học hành chăm chỉ, lại được từ mẫu giáo dục từ thuở nhỏ, nên tài đức vẹn toàn. Trước khi trở thành đại tướng nắm giữ binh quyền cả nước, mẹ ông đã khắc vào vai con bốn chữ: “Tận Trung Báo Quốc”. Do trên suốt đời Nhạc Phi chỉ biết vì dân vì nước và cuối cùng đã bị tên Hán gian Tần Cối, tư thông với giặc Kim, hãm hại, vu cáo, chết trong ngục, lúc mới 39 tuổi, dù biết nhưng vẫn cam chịu. Người Trung Hoa luôn lấy Nhạc Phi làm gương, đời đời kính nhớ người con chí hiếu, cũng là một người anh hùng dân tộc, một bậc sĩ phu dũng liệt trung thần.

- Thảm Lục Hưng người Tân Trịnh, Duyên Châu, sống vào đời Vua Tống Huy Tôn (1174-1189), Trung quốc. Ông mồ côi cha từ thuở nhỏ nhưng được mẹ hết lòng nuôi nấng và dạy dỗ nên người, cho ông ăn học thành tài. Năm 25 tuổi, Thảm Hưng thi đỗ, được bổ Tri Huyện. Trong vùng có một hào phú, đem tặng ông 30 lượng vàng, để xin khẩn hoang vùng đất còn trống ven huyện. Người này còn thuyết phục ông, nên bắt chước các quan tiền nhiệm, phải biết tham nhũng, hối lộ, để trở thành giàu có, sống sung sướng nhưng bị ông từ chối và nghiêm phạt.

Mười năm sau, thân mẫu ông tuổi già nên bị bệnh nặng. Lúc đó có một hào phú mang đến tặng ông một túi nhân sâm cực quý, để xin quan huyện giúp cho con trai mình thi đỗ trong kỳ thi sắp tới. Thảm Hưng vui vẻ nhận lời và nói: “Mẹ tôi đang lúc đau nặng, nhờ túi sâm này, hy vọng sống thêm được vài năm nữa.” Thế là từ đó cho đến ngày thi, thay vì gửi gắm, quan Huyện thu xếp thời giờ riêng, đích thân dạy kèm cậu con trai ông phú hộ. Nhờ đó, em được thi đỗ, còn mẹ ông uống nhân sâm quý, nên sống thêm được vài năm nữa, mới qua đời. Đây là tấm gương cao quý, mà người Trung Hoa xưa nay thường lấy đó để dạy dỗ con cái mình.

- Tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu của Tàu, được Lý Văn Phức diễn nôm, thuật lại gương hiếu tử của 24 người con Trung quốc, đời đời được mọi người lấy đó làm gương, trau dồi đức hạnh. Trong các câu chuyện trên, theo mọi người, chuyện Ngô Mạnh Tông, nằm ván khóc măng là cảm động nhất. Ông mồ côi từ thuở nhỏ nhưng ở với mẹ rất có hiếu. Năm nọ mẹ bệnh nặng lại thêm ăn chén canh măng. Lúc đó trời vào đông, có mưa tuyết dầm dề, vạn vật kể cả con người đều như muốn chết cồng dưới cái

lạnh kinh hồn của đất trời, thì tìm đâu để mẹ có măng ăn trong lúc đó. Có lẽ tấm lòng hiếu tử đã cảm động tới Trời Phật, nên trong cảnh mưa tuyết dầm dề, bỗng mọc lên một mụn măng nõn nường ngon tuyệt. Mẹ già nhờ ăn được chén canh măng nên khỏi bệnh :

Giữa bình địa, phút giây bỗng nứt
Mấy rò măng, mặt đất nõn xanh
Đem về nấu được bữa canh
Ăn rồi bệnh mẹ, lại lành như xưa
Cho hay hiếu động cao dày
Tình sâu nên khóc, cỏ cây cũng tình ...

+ Tình mẫu tử trong thế giới động vật:

Gần 40 năm về trước, nhà sinh vật học được giải Nobel năm 1973 là Konrad Lorenz, chuyên nghiên cứu về sự tiến hóa của loài vật, đã cùng với nữ bác sĩ thú y là Marie Claun Bonsel, chuyên theo dõi đời sống của muông thú. Qua nhiều năm thu nhặt, kết quả hai người đã tuyên bố : “Dù con người có nghĩ thế nào chăng nữa, hoặc sự việc xảy ra do bản năng, thì chắc chắn muông vật sẽ không còn tồn tại, nếu chúng không có tình mẫu tử”.

Do trên ta đã thấy, trong bất cứ loài thú nào, ở vào giai đoạn cực kỳ nguy hiểm, thì thú mẹ luôn lấy thân mình bảo vệ cho con cái, dù biết là mình sẽ chết. Tuy nhiên có sự khác biệt giữa con người và muông thú, đó là con vật mẹ sẽ không thấy có lỗi, khi bỏ rơi con cái hay giành lấy thức ăn để sinh tồn, mặc kệ con cái có bị chết đói cũng không màng tới. Cũng do đặc tính này mà các nhà nghiên cứu đã kết luận, thú vật chỉ có bản năng tình mẫu tử, chứ không hề có tình yêu tình mẫu tử như con người. Nhưng dù thế nào chăng nữa, ta cũng phải khâm phục chúng, trong khi đối xử với con cái, hết sức dịu dàng, trìu mến, giữa một thế giới vạn vật luôn thù nghịch, đầy hiểm họa, phải giết tước lẫn nhau để sinh tồn.

Đối với các loài thú hoang dã, khi thú con dứt sữa, thú con bị đuổi đi để tự sinh tồn. Đây cũng là tập quán, lẽ sinh tồn của rừng xanh. Với loài khỉ đột, khỉ cái do mỗi lần sinh đẻ chỉ đẻ nhất một con, cho nên chăm sóc con mình rất chu đáo, cẩn thận. Riêng khỉ đực thì đứng đưng vô trách nhiệm, vì loài khỉ theo chế độ đa thê. Loài báo bươm khi sinh con, báo con không có lông và mở mắt được trong 15 ngày, nên báo mẹ phải chăm sóc và bảo vệ con nhỏ, đồng thời bỏ đàn tìm một nơi vắng vẻ để nuôi con, vì báo cha sẽ ăn thịt báo con khi đói.

Nhưng vĩ đại nhất vẫn là tình yêu con cái nơi loài chim cánh cụt, chúa tể của miền băng tuyết Nam Cực, một địa danh lạnh nhất hoàn cầu. Để chim con ra đời và sinh tồn, chim cha và chim mẹ phải thay phiên đứng giữa băng giá lạnh lẽo, suốt thời gian bốn tháng rưỡi, dùng bản thân mình để ấp trứng. Riêng loài Vượt Châu Á, một loài thú được con người ca tụng nhất, vì tình mẫu tử thiêng liêng bất diệt, yêu thương con cái hết mực, nên lúc nào cũng sẵn sàng lấy thân mình, để che chở con cái khi hiểm nguy. Cũng do tình mẫu tử thiêng liêng, nên các ác thú như cọp, sư tử, rắn hổ mang mẹ, sẽ trở nên hung dữ dị thường, để bảo vệ con khi chúng sinh nở. Đặc biệt nhất nơi loài gấu, vì sợ gấu cha ăn thịt, nên gấu mẹ lúc nào cũng công gấu nhỏ trên lưng khi chúng mới ra đời. Do tình yêu thiêng liêng đó, nên tục ngữ mới có câu : “Hùm dữ còn không nở ăn thịt con”.

+ Ý nghĩa của mẹ trong ngày Lễ Vu Lan:

Tình mẫu tử bao la đã theo thời gian trở thành nguồn cảm hứng vô tận, như con thuyền bát nhã, đưa con người trần tục đến gần các đấng từ mẫu, trong mọi tôn giáo lớn của hoàn cầu. Trong dòng lịch sử Hồng Lạc, chúng ta có Mẹ Âu Cơ, quốc mẫu của dân tộc Việt và được nối tiếp bởi một trái tim từ mẫu thời cận sử : Thái Hậu Từ Dũ, một trái tim nhân từ của các bà mẹ Việt Nam :

Gió Động Đình mẹ ru con ngủ
trăng Tiền Đường ấp ủ năm canh

... bóng bông bông, bóng bông bông
võng đào mẹ bế con rồng cháu tiên ... (ca dao)

Riêng trong tín ngưỡng bình dân, ta có Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở miền Bắc và Mẫu Thiên Y A Na, dù phát nguồn từ Chiêm quốc, nhưng từ thế kỷ XVI trở về sau, đã được người Việt phụng thờ, mà Hội Điện Hòn Chén hay lễ Viá Mẹ hằng năm vào rằm tháng bảy tại Thừa Thiên, là một minh chứng. Ngoài ra, còn có Đức Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát của Phật Giáo và Đức Mẹ Đồng Trinh Maria trong Kỵ Tô Giáo...

Hằng năm, tại các nước Âu Mỹ đều cử hành long trọng ngày “Nhớ Ôn Mẹ (The Mother’s Day)”. Tại các nước Đông Nam Á theo Phật Giáo vào ngày rằm tháng bảy âm lịch, đều cử hành long trọng Hội Vu Lan Bồn. Cả hai lễ hội trên, tuy hình thức có khác biệt nhưng vẫn chung nội dung với ý nghĩa “VINH DANH CÔNG ƠN SINH THÀNH DƯỠNG DỤC CỦA TỪ MẪU”. Đây là một ngày lễ lớn và cũng là dịp để con cái tu nhơn tích đức, làm việc từ

thiện trả ơn, báo hiếu cho cha mẹ mình, dù còn sống hay đã qua đời.

Lễ Vu Lan, Tết Trung Nguyên hay Ngày Rằm Tháng Bảy Xá Tội Vong Nhân... đều là những nghi thức cúng bái của nhà Phật. Theo sử liệu cho biết, phong tục này đã có từ mấy ngàn năm về trước và đến nay, vẫn còn được tồn tại một cách tốt đẹp, trang trọng hầu hết tại các nước Đông Phương theo tam giáo : Nho, Lão và Phật. Trọng tâm cao siêu của ngày lễ này là để các tín đồ, vì trung tiên vong linh của tiền nhân mà làm tròn đạo hiếu. Nghi thức Vu Lan Bồn theo nguyên ngữ của Phạn ngữ là ULAMBANA, có nghĩa là Cứu Đàn Huyền, mang ý nghĩa cứu độ siêu vượt cho tất cả chúng sanh, vì tội lỗi tiền kiếp nên phải bị hành hạ khổ nhục trầm luân, treo ngược đầu tại các tầng địa ngục nơi âm phủ.

Theo hầu hết giáo lý của các tôn giáo hoàn cầu như Phật, Ky Tô, Bà La Môn và Hồi giáo, thì nhân sinh lúc sống làm chuyện ác đức, lãng loạn, phản dân, hại nước, hại người, buôn trời bán thánh... lúc chết, kẻ đó phải sa vào địa ngục, để đền lại các quả báo mà chính mình đã gieo trồng. Theo nhà Phật, cõi âm có tất cả 12 tầng hỏa ngục nhưng kinh khiếp nhất vẫn là Ngục A Tỳ, theo nguyên nghĩa của Phạn Ngữ, chỉ nơi chốn giam người, không bao giờ gián đoạn sự hành hạ. Ai đã bước vào đây rồi, thì đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn không bao giờ được đầu thai trở lại kiếp người. Ngoài ra từng phút giây phải chịu ngàn muôn hình phạt khổ đau, không bút mực nào tả được, như truyện Quan Âm Thị Kính đã viết :

Lại xem một ngục A Tỳ
Mấy tầng chông sắt, đen sì tối om.

Cũng trong học thuyết ghi nơi Vu Lan Bồn kinh có kể chuyện Mục Kiền Liên, xuống địa ngục cứu mẹ. Theo Phật sử, Mục Kiền Liên Bồ Tát là đệ tử của Phật Tổ Như Lai, tuy đã đắc thành chánh quả nhưng ngài vốn là một hiếu tử, nên lòng vẫn xót xa đau nhói, vì mẹ ruột là Thanh Đề, hiện đang bị quỷ sứ giam giữ hành tội tại ngục A Tỳ. Do trên, ngài đã khẩn cầu Đức Thế Tôn, cứu vượt mẹ mình khỏi vòng nghiệp chướng. Phật Tổ ứng chịu nhưng cũng đề nghị Mục Liên khi xuống âm phủ cứu mẹ, cũng nên giải thoát luôn các vong linh khác, đang bị giam giữa hành tội nơi địa ngục, nhân ngày cuối cùng kết thúc kỳ an cư mùa hạ, nhằm ngày rằm tháng bảy âm lịch.

Do ý nghĩa trên hằng năm đúng vào ngày này, các tín đồ Phật Giáo đã lập hội Vu Lan Bồn. Tại Trung

Hoa thời Nam Bắc Triều, chính vua Lương Vũ Đế, là người đầu tiên khai Hội Vu Lan, kể từ khi Phật Giáo Đại Thừa được truyền từ Ấn Độ vào đất Tàu. Vu Lan Bồn ngoài việc bày tiệc chay cúng dường Tăng, Ni, còn cử hành thêm Thủy Lục Đạo Tràng và Phóng Diêm Khẩu, để bố thí cho các oan hồn uổng tử, không thân nhân cúng quảy thừa tự.

Theo truyền thuyết, Mục Liên đã nhờ bình bát và gậy phép của Phật Quan Âm để vượt qua các tầng địa ngục. Nhưng trên hết là do lòng hiếu tử đã làm cảm động tới Phật Trời, nên ngài chẳng những cứu được mẹ già mà còn giải thoát được những oan hồn uổng tử đang bị dọa dầy nơi địa ngục... Nhân đó, Mục Liên xin mẹ thành tâm ăn năn sám hối, quyết lòng tu niệm để giải trừ nghiệp chướng tội lỗi đã trót gây ra. Nhờ vậy Thanh Đề sau này cũng đắc thành chánh quả. Ngoài ra trong ngày lễ Vu Lan, còn có tục cúng cháo và đốt vàng mã.

+ Tục cúng cháo:

Trong ngày Tết Trung Nguyên nhằm Rằm Tháng Bảy, tại tư gia cũng như nơi đình chùa, ngoài cỗ bàn cúng Trời Phật, Thổ Công, Thổ Tiên... còn có tục cúng cháo cho các cô hồn, tử sĩ đang vất vưởng nơi cõi ta bà, không ai thờ phụng cúng tế, thật là thê thiết tội nghiệp. Theo tập tục cổ truyền, mâm cỗ cúng cô hồn, được đặt trước cửa nhà, chùa, đình, cầu quan, chợ búa hay bãi tha ma... Đồ cúng thường được bày trong một nia lớn, gồm có cháo hoa nấu bằng gạo, thêm cơm vắt thành nắm, hoa quả, bánh kẹo, trầu cau và vàng mã.

Tại các đình chùa, lễ cúng cháo được tổ chức qui mô hơn, có lập đàn tràng cầu siêu cho các vong linh, trước khi thí cháo. Tại đây, cháo được đựng trong các bồ đài lá mít, cắm dọc theo hai bên vệ đường dẫn vào lễ đài. Ngoài ra còn thêm một nồi cháo lớn, để trước sân chùa. Ở vùng quê Bắc Phần, khi cúng xong, đã có những người nghèo và bọn mục đồng chờ sẵn, xông vào giựt cháo. Tục này được gọi là Cướp Cháo, hiện vẫn còn thịnh hành tại các tỉnh Bắc Trung Phần và Bắc Việt. Cũng như tại miền quê Trung Hoa.

+ Tục đốt vàng mã:

Tục này từ Trung Hoa truyền vào Việt Nam thời Bắc thuộc. Bên Tàu, thời xưa, trong ngày Lễ Vu Lan, người ta dùng bạch ngọc làm lễ vật, cúng đốt cho người chết. Về sau, thấy bạch ngọc quý hiếm và mắc mớ, người ta lại dùng tiền thật để thay thế. Số tiền này cũng được đốt bỏ sau khi đã cúng cho

người chết. Trước sự phí phạm vô ích tai hại trên, vua Đường Minh Hoàng, ban lệnh dùng tiền giấy thay thế tiền thật, để cúng cho người cõi âm. Về sau, vào thời Ngũ Đại, trong ngày Lễ Vu Lan, ngoài việc đốt tiền giấy, còn thêm tục đốt vàng mã cho người đã khuất, gồm quần áo, đồ dùng, kể cả xe ngựa và nhà cửa. Lại còn có tục làm một chiếc giường ba chân bằng tre, để đựng các đồ cúng lễ. Tất cả đều được đốt bỏ, sau ngày lễ Vu Lan. Ngày nay tất cả các nước theo Phật giáo, hầu như đã bãi bỏ tục đốt vàng mã, hoặc chỉ đốt tượng trưng mà thôi, vì quá tốn kém.

Tháng bảy mùa thu còn chớm và bắt đầu những trận mưa ngâu, dù trời chỉ thoáng một chút heo mây nhẹ. Ven đường những cánh phượng vĩ cuối cùng, đã mất đi màu hoa rực rỡ, rơi tả tơi rụng trên đôi bờ vai khô héo của đời. “Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc” màu trời và nước mưa, mênh mông như dải Ngân Hà, chứa đầy những giọt nước mắt, từ các cuộc tình trên cõi tiên, mà truyền thuyết cho là của Ngưu Lang và Chức Nữ.

Mùa thu cũng là mùa trái cây chín rộ với ổi, sấu, xoài, chuối và cốm vông ... bầy bán đầy trong những quán nước dọc đường, bên trong bà cụ nghiêng cánh liếp che mưa, đã thấy hồn run theo mưa ngâu, thứ mưa thập loại chúng sinh, thấp thoáng đầy bóng âm hồn, nhồn nhơ đợi chờ trần gian vong nhân xá tội.

Tháng bảy tiết trời Hạ Uy Di như đã chuyển sang thu, sắc nắng gió biển và những cơn mưa phùn bất chợt se mát, đã gợi nhớ những kỷ niệm quê hương của một thời xưa xa nồng thắm. Ở đây, mỗi lần nhớ mẹ, đứa con xa nhà lãng du khổ hận, chỉ còn ước ao lặng lẽ, khóc cười mê tỉnh và bước vội lên con thuyền viễn xứ mộng mơ, để nhắm mắt mừng vui tủi tủi như thấy con đang quỳ bên gối mẹ năm nào.

Mưa ngâu muôn đời, năm nào cũng đầm đìa lặng lẽ. Chắc vì Chức Nữ-Ngưu Lang đã quá vui mừng, cho nên chỉ cần rằng âm thầm nuốt lệ ? hay vì tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân, ngày ma gặp người, nên ai cũng tủi buồn mà quên cười rộ ? chỉ riêng có con với mẹ, thì ngàn đời xa biệt, dù trong đêm mưa ngâu tháng bảy, đứa con viễn xứ đã chạy theo mưa, mà gào to : “mẹ ơi, con của mẹ đã về”.

Tháng bảy năm nay trời càng buồn hơn vì tôi vừa mất thêm một người mẹ !

Viết từ Xóm Cồn Hạ Uy Di , Mùa Vu Lan 2009
Mường Giang

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần : Chị, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố của chúng tôi là :

**Bà Quả Phụ Nguyễn Văn Kiên
Nhũ Danh Trần Thị Kết**

Sinh năm 1920 tại Cần Thơ. Đã mãn phần vào lúc 2 giờ 45 chiều ngày 20 tháng 8 năm 2009 (nhằm ngày mùng một tháng bảy năm Kỷ Sửu) tại Kiakini Hospital Honolulu, thượng thọ 89 tuổi.

Linh cữu sẽ được quàn tại Trung Tâm Borthwich Mortuary (1330 Maunakea St, Honolulu HI 96817 - Phone (808) 522-5200) từ 9 giờ sáng tới 12 giờ 30 trưa Thứ Bảy ngày 29 tháng 8 năm 2009.

CHƯƠNG TRÌNH LỄ HỎA TÁNG

Thứ Bảy (29-8-2009) Lễ Phát Tang từ 9 giờ sáng tới 12 giờ 30 trưa

- 9 giờ sáng : Bắt đầu thăm viếng tới 12 giờ 30 trưa.
- 10 giờ - 12 giờ : Tụng kinh siêu độ hương linh.
- 12 giờ 30 trưa : Lễ di quan đến hỏa đài của TT Borthwich Mortuary.

Tang Gia Đồng Khấp Báo

- Em ruột Trần Văn Đáng và các con cháu (Sài Gòn, VN).
- Em Ruột Trương Richard, vợ và các con cháu (Pháp Quốc).
- Trưởng Nữ Phạm Thị Thảo chồng Narong Thongbenjamas và các con (Thái Lan).
- Thứ Nữ Trần Thị Khanh chồng Hoàng Văn Mộc và các con cháu (Sài Gòn VN).
- Trưởng Nam Nguyễn Tài Lãng vợ Su A Kiu và các con (Sài Gòn VN).
- Thứ Nữ Nguyễn Kim Thoa chồng Hồ Đình (Hoa Kỳ).
- Thứ Nữ Nguyễn Kim Tiến chồng Trịnh Sửu Nhị và các con (Hoa Kỳ).
- Thứ Nam Nguyễn Tiến Đạt vợ Victoria Nguyễn và các con (Hoa Kỳ).
- Cháu Nội : Nguyễn Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, Nguyễn Thị Tuyết Hưng, Nguyễn Tài Lộc (Sài Gòn VN).
- Cháu Ngoại : Thiti Thongbenjamas va Pirak Thongbenjamas (Thái Lan), Hoàng Thị Bích Liên, Hoàng Ngọc Minh, Hoàng Ngọc Đức (SG), Trịnh Hưng Vinh và Trịnh Hưng Văn (Hoa Kỳ).

Cáo Phó này thay thế Thiệp Tang



bóng quê hương

Trần Đan Hà

Cuối tháng tư năm ấy, quê hương tôi lửa loạn ngập trời, đang báo hiệu một cơn đại hồng thủy, cuốn trôi theo hết thấy. Kể cả một chút hoài bão tầm thường nhất: ước mơ được sống làm người như những con người bình thường trên trái đất mà tạo hóa sinh ra. Một hoài bão nhỏ nhoi đến thế mà biết bao người mơ ngóng, để cuối cùng vẫn không tìm thấy, dù chỉ một khoảnh khắc bình yên cho cuộc đời. Tôi cũng là một trong hàng triệu người cùng khổ ấy, đang đứng trước một hiện tượng khốn cùng, không lối thoát!

Đời sống của dân tộc tôi chỉ bình thường, giản dị như sáng sớm ra vườn cuốc đất trồng khoai, chiều về quay quần với gia đình con cháu. Chỉ thế thôi mà cuộc đời cũng không được xuôi chèo mát mái, không được vui sống với quê hương dấu yêu! Nên đành phải chấp nhận một cuộc ra đi theo bước chân phiêu lãng, mà không bao giờ hình dung được một tương lai và chốn đến như thế nào. Giờ đây lòng hoài niệm còn đầy ắp một phương trời tuổi mộng, nơi ấy đã cho tôi một chuỗi ngày ấm áp dưới túp lều tranh. Nơi có ơn cha muôn trượng, nghĩa mẹ nghìn trùng, có anh chị em thân thiết và còn có tình em tinh khiết ngọt ngào như bông cau, hương bưởi. Vẫn

muôn đời hồn nhiên như giây bí giàn bầu, vươn vai ra ngoài ranh biên của kiếp nữa.

Ngày đi với bao mơ ước trải dài trên con đường hoài vọng, dạt dào mãi trong lòng những băng khuâng, tưởng chừng như cuối chân trời kia tươi mát những thảm cỏ xanh non, để đón tiếp bước chân cuộc đời bằng sự bình an nơi miền đất lạ. Vì ai cũng có chút lãng mạn của tuổi trẻ luôn đem cái ước mơ của mình, gói vào niềm hy vọng để cho lòng cứ mãi mong chờ. Hy vọng sẽ nhất được một chút gì đem về làm vốn liếng cho cuộc đời, cho quê hương thân yêu mà suốt một chuỗi dài chịu cảnh tang thương chông chất, tan nát vì chiến tranh tàn phá, ly tán vì hận thù phân tranh, cho nên cuộc đời đã bỏ quên một trang thanh xuân sung mãn, kỷ niệm ngày xưa gói gém, và một khung trời cũ ngút ngàn thương nhớ.

Nhưng rồi ngày lụn tháng tàn, với nỗi buồn hiu quạnh gặm nhấm thân thể héo mòn, tuyết sương băng hoại nửa sống của mầm xanh. Nên chỉ thấy một khoảng không trùng trùng mây nổi, trùm lấp hư vô vắng lặng đến kinh hoàng. Thân lưu lạc như chiếc lá cuối mùa rơi rụng nơi chốn rừng già thâm u quạnh vắng; âm thanh mất hút giữa dư vang đồng vọng trong cõi lạnh ngắt giá băng, thanh không hề hừng, đến rồi đi như tiếng gió giữa rừng khuya giao động trong tiềm thức, như hành trình của vũ trụ, đi vào muôn trùng của các cuộc tiền đưa theo giây phút giao mùa.

Ngày đi tính đến bây giờ có lẽ đã xa lắm rồi nhỉ, nên mỗi lần nghĩ về lại nghe lòng dường như nhạt nhòa, thấy bóng dáng xưa ấy dần dần tàn phai như vạt nắng cuối chiều. Để rồi bóng tối lại phủ đầy tâm tư trống vắng, chỉ mơ hồ một chút gì còn vương vấn như đang lưu luyến một giấc mơ qua, còn ẩn chứa một vẻ đẹp nào nùng của bức tranh kỷ niệm.

Ngày đi lặng lẽ như những đợt nắng chiều phát phơ ngoài ngõ vắng, và con đường cứ mãi xa, dần trải đến mênh mông sương khói. Rộng thênh thang và xa ngun ngút một không gian lạnh ngắt, như khi thấy tâm hồn choáng ngợp giữa biển trời bao la, ngập trùng sóng gió.

Đôi khi ngoảnh nhìn lại khung trời cũ xa tít mù khơi ấy, vẫn còn hình dung sự hiện diện: bằng hình ảnh mẹ già lom khom bên luống cải, hay bóng dáng cha vẫn đổ xuống ruộng đồng. Cho lúa vẫn xanh, cải vẫn tươi tốt, cà vẫn đơm nụ, mướp vẫn trở bông và cho em thơ muôn đời vô tư như búp sen hồng, tỏa hương tinh khiết... Qua những lần mở ngăn ký ức xanh, tìm về với dĩ vãng mong được thấy lại khung trời tuổi thơ, cho vơi đi niềm nhớ.

Nhưng thời gian không ngừng pha màu tàn phai, để nhuộm tím lên từng nhánh cỏ non tươi, nhuộm tóc cha pha màu sương tuyết, nhuộm tóc mẹ trắng những mong chờ, và nhuộm tuổi thơ ngây em ngã màu sâu muộn. Chưa tìm thấy lại một chút kỷ niệm thiết tha trong đời, để ươm màu hoa thanh xuân gói tròn hương nhụy, nên vẫn buồn bã rụng rơi bên cánh đời đang phơi phơi đón chờ nguồn vui chưa tới. Thật tội nghiệp cho tuổi thơ em

mang hoài những ước mơ nằm ngoài vòng tay với. Như cành xanh ngả bóng thu vàng, ngoài ngàn xa sóng gió ngổ ngàng cuốn mau, mát hút theo dòng đời trôi xuôi về đâu không hay biết. Vẫn âm thầm như rừng hoang quanh quẻ, giữa giấc ngủ chập chờn gió đuổi mây bay. Và cũng thật tội nghiệp cho tuổi thơ anh, cho dù chỉ đơn sơ nhưng không sao chấp vá lại một mảnh lành, để che đắp cho tháng ngày giá băng nơi xứ lạ. Nên nhớ nhưng vẫn mãi chao nghiêng tháng ngày lữ thứ. Khiến cho bóng dáng kỷ niệm không còn nguyên hình dạng như những khuôn mặt thanh xuân.

Bên cạnh những tàn phai ấy, lại còn đuổi theo những mầm móng hủy diệt, đang chập chờn chờ chực những cơ hội trái ngang. Những phân ly cũng là tác nhân tham dự vào trận chiến mất còn, đang nhả tâm đưa đẩy cảnh yên bình rơi vào thế giới nhiễu loạn. Ngày đi đã mang theo hết thủy dấu yêu, cuộc đời ngỡ tưởng êm xuôi như dòng sông yên lành muôn đời chảy xuôi ra biển. Nhưng phong ba vẫn cứ vô tình đẩy lên những con sóng, làm diên đảo bước đời, nên vốn liếng yêu thương cũng rơi chìm theo muôn hướng, như nụ hoa vừa hé nhưng thiếu mưa nắng dưỡng nuôi.

Ngày đi đã bỏ vàng giọt nắng bên luống cà vừa đơm nụ, vốn liếng chất chiu của mẹ tháng ngày. Nắng chưa ươm vàng luống cải, nắng chưa dẫn dắt bước chân của em thơ tung tăng trên con đường thơm mùi hương dại dẫn đến trường làng. Nơi chốn tưởng chừng sẽ hun đúc cho em một sức sống tương lai, nơi sẽ cho em muôn vàn dấu yêu bên tình bạn nghĩa thầy, nơi vô tư chân sáo...

Và quê hương chìm khuất sau rừng tre buồn, muôn đời uốn cong theo chiều gió chướng, làm oằn oại làn tóc lúa đang ngày phơi phơi xôn xao. Đồng lúa xanh ấy đã những chiều đua nhau chạy ngút đến chân trời, đua nhau ca hát một điệu nhạc êm đềm như lời ru của mẹ. Bản đàn thôn dã vương vấn một đời, tiếng sáo diều cao vút từng xanh kia, đã không ngừng tràn ngập vào hồn tôi như hòa vào thế giới an bình của thiên nhiên vi diệu.

Quê hương đắp ấm giọt nắng hồng, cho những cánh hoa nở bừng thơm ngát, tưới mát giọt sương mai cho cỏ cây vẫn xanh muôn đời. Để hàng cây bên đường vẫn còn che mát cho em đi về tung bay áo lụa. Từng bầy chim én rộn rã chào mừng mùa xuân mới. Mùa hạ nở hồng từng nhánh phượng tô thắm trời chiều hòa lẫn ráng pha, bóng chiều lung linh chảy dài nhấp nhô theo từng làn gió. Mùa thu có mưa ngâu về lùa từng cánh lá úa vàng rụng rơi, bầu trời hắt hiu mưa đục chấp tay nối những sợi mưa, chuyển tiếp không ngừng theo làn gió heo may của buổi tàn thu, để đón mùa đông lại.

Bốn mùa thắm ngọt những hương hoa, ngày tháng vẫn hồn nhiên như cánh lá ru chiều, buông lối dòng tóc lúa xanh mơn, như tóc em mỗi chiều tan trường tung bay trong gió. Đường lá xanh trưa bóng mát tưởng như trùm khắp không gian. Ôi khung trời diệu vợi ngút ngàn mà muôn đời vẫn sống trọn vẹn trong ta, sao giờ phải xa cách, sao giờ phải ngun ngút nghìn trùng...

Quê hương tắm mát những dòng sông trắng, như sữa mẹ chảy hoài xuống như suối nguồn trong lành dưỡng nuôi con trẻ. Quê hương trĩu mển tâm tình lứa đôi, nét e ấp thẹn thùng muôn thuở như che dấu nỗi ước mơ thầm kín nhưng dạt dào, đẩy bước đời vươn lên những bàn tay hy vọng, đẩy mầm xanh lên kết trái đơm hoa hạnh phúc.

Quê hương đắm đuối ước mơ bay nghiêng tà áo em muôn trùng gió lộng. Buổi sáng tinh mơ, buổi trưa nồng nàn và buổi chiều đắm thắm thướt tha giọt nắng hồng lả lơi trên hàng cây. Con đường thật buồn như một đời nép mình chờ đón bước chân đi về, nghe rộn rã trên hàng cây cao tiếng chim vui hót, chào đón niềm tin yêu dâng ngập lòng người, cho không gian bớt hiu quạnh chiều...

Quê hương ăm ắp những đồng lúa chín vàng, trải dài theo làn gió uốn lượn nhấp nhô trên biển sóng, bát ngát mênh mông một màu tươi mát tưởng chừng như vươn vai đến bất tận. Gió lên phơi phơi buổi mưa, tưới tắm ruộng đồng cỏ cây mơn mớn, cho hoa lá đơm hương, cho mầm non nảy nụ, cho tương lai gặt hái hương hoa về ủ ấp làm phần son tò điếm cho cuộc đời, trang trải hạnh phúc cho láng giềng thôn xóm. Cho tuổi thơ bay lên thật cao theo tiếng sáo diều vi vút từng không, một điệu nhạc du dương vẫn muôn đời ru hồn tuổi xanh với vợ, chảy khắp láng lai tràn ngập cõi bờ, tuổi thơ tắm gội không gian tắm đầy hương hoa thơm ngát.

Quê hương có mái chùa uốn cong như vươn lên tầng mây xanh, có tiếng chuông chiều đồng vọng, ngân vang như dẫn đưa lòng người về miền bình an thanh thoát. Hòa nhập vào thiên nhiên miền viễn, nơi chốn không đi về những bước bon chen, vì lòng người vẫn trắng trong như mây trời thông dong, hồn nhiên như cây cỏ...

Quê hương muôn đời, có mái đình chõ che một hồn thiêng sông núi, nơi nương náu muôn đời linh hồn tiên tổ, của con cháu tiếp nối mãi đến ngàn sau vinh hiển. Quê hương có những bầy chim bay về làm tổ dưới ngọn tre, cất tiếng reo vui chào bình minh nắng sớm, điệu nhạc muôn đời không bao giờ cũ kỹ hay tàn phai, vì tiếng hát thiên nhiên thì vô biên bất tận, không thể đo lường bằng những tính toán tầm thường.

Quê hương là ngọn xanh rừng biển, cuốn mãi thủy triều như âm ba đồng vọng, cuộn lưu mãi mãi trong hồn người ly xứ, lá gió vẫn xôn xao như ru mãi giấc muôn thu, bay về những cánh đồng ngập tràn nắng mới, nắng rực rỡ buông trên thảm cỏ như nhung, uốn lượn mềm mại như vuốt ve cánh đồng thơm hương ngan ngát, trải mộng giấc chiều.

Quê hương bốc hơi thở ấm nồng nàn, vào không gian trùm lấp mênh mông nuôi mạch sống đời. Những dòng sông chuyên chở phù sa cho lúa lên xanh, nguồn mạch bất tận nuôi dưỡng xóm làng, quây quần trong khung cảnh tràn đầy yêu thương tình nghĩa. Quê hương và tuổi thơ đẹp biết bao, tuổi vô tư ngà ngọc nháy nhót trên cánh đồng mùa xanh, đang phơi bày nỗi ước mơ đắm

thấm nhưng thiết tha vô vàn, nên mãi vẫn còn trong tôi hình bóng thân yêu của quê hương.

* * *

Cách đây không lâu có người bạn về thăm quê, sau hơn mười mấy năm xa cách, ghé lại cho tôi gói trà sen và bịch kẹo mè xừng. Nhìn hai món quà này, thật sự tôi rưng rưng nước mắt! Nỗi xao xuyến cứ mãi lung linh qua niềm cảm xúc, khi hình ảnh quê hương đang hiện bày qua lời bạn kể, qua quà tặng như khơi gợi cho thấy một khung trời kỷ niệm. Giá như ngày xưa thấy chúng cũng bình thường, có lẽ vì hằng ngày đã nhìn thấy, đã bày bán khắp nơi kể cả những quán xá nơi làng quê hay chợ huyện, lên đến tỉnh thành nên thấy tầm thường! Nhưng bây giờ nhìn lại thì thấy như hồn thiên cổ đang hiển hiện, đang khơi dậy trong tôi một khung xưa chiều tỏa, một hiện bày bằng khoáng.

Nấu nước pha trà để cùng thưởng thức với người bạn đồng hương, để nghe chuyện kể về một nơi chốn, mà tuổi thơ tôi đã gắn liền như tương quan hình bóng. Ngồi ngắm tách trà đang bốc khói, mà tưởng như khói tỏa từ mái tranh nghèo của những ngày xa xưa đáng mẹ. Như đang thấy lại hình ảnh quê hương rất sống động, hiện về nơi đây, trong căn phòng này, nơi chúng tôi đang hàn huyên tâm sự. Khói ấm bốc lên lung linh trong tách trà màu vàng xanh, như mơ màng dần trải theo cánh đồng buổi chiều vàng, có khi như thấy mặt trời đỏ lôm của mùa hè rực cháy. Mùa nắng, nhất là cái nắng miền Trung, đốt cháy cỏ cây, sông suối cũng có lúc cạn nước. Cái khô khốc của không khí làm cho hơi thở cũng khó khăn, mệt nhọc. Chỉ trừ làn gió thoảng qua mới tạo cho cơ thể một chút dễ chịu, nhất là gió biển của buổi chiều. Gió biển mang theo hơi nước hòa lẫn với hương đồng nội, như đắp lên da thịt quê hương một lớp hơi sương. Và đôi khi thấy gió chuyển mùa, lùa những đám mây về che khuất mặt trời chói chang nắng hạ, rơi rắc những giọt mưa ngâu thánh thót, và gió heo may chỉ hơi lạnh lạnh, nên không tràn lấp niềm ấm áp của mái tranh nghèo mãi ấm áp tình quê.

Vì nơi đây, không gian và thời gian như hiu hắt một màu buồn. Mùa sương tuyết thì đã đành nơi đâu cũng vậy, cũng hiu quạnh không gian, cũng âm u màu tối. Nhưng đến mùa hè mà cũng không được giữ lại bao lâu chút nắng ấm! Qua những tháng ngày dầm mình trong sương tuyết, co cứng xác thân để chống lại cơn băng giá. Lúc ấy mới thấy thấm thía được nghĩa của ra đi, mới thấy xót xa bước chân phiêu bạt, và thấy sâu đầy nơi nỗi lòng hoài niệm không với. Biết bao giờ mới dung hòa nhịp sống, thăng bằng bước đi, để cho cuộc đời này, bước đi kia không còn những chập chùng sóng ngã, không mất hút tăm dạng như dấu chân trên cát, đang tan vào biển khơi.

Nghĩ đến những người thân, bạn bè mà một thời đã gắn bó. Không biết đến bây giờ ai còn, ai mất, những người cùng khổ ấy vẫn sống một cuộc đời lặng lẽ, cũng như tôi vẫn mãi kéo lê theo nỗi buồn lạc lõng bơ vơ nơi xứ lạ

quê người. Không biết đến bao giờ mới với đi sâu muộn, thấm lại niềm vui để cho cõi lòng ngàn xa được ấm lại.

Tháng tư năm ấy, chỉ có hai sự chọn lựa một ở lại và một ra đi, phía nào cũng hắt hiu bóng tối, cũng âm thầm lệ đau. Ở lại thì biết rằng rồi mai đây không còn những hình bóng người thân, thì dẫu sống trên quê hương cũng như đang chia cách ngàn dặm. Vì cuộc đời mà thiếu tình bà con giềng xóm, không tình nghĩa tương thân thì cũng như đang đi trong cô đơn giữa sa mạc mênh mông, không tìm ra hướng đến.

Tháng tư năm ấy, ra đi như một sự chạy trốn tuyệt vọng mang theo một ý thức thất bại. Ra đi là biết rằng sẽ làm một kẻ vong ân, vì quê hương có bao giờ ruồng rẫy ta đâu mà âm thầm chạy trốn? Nỗi đau ấy đến bao giờ mới nguôi ngoai để tìm lại cho đời một chút bình an. Cho dù lệ thường mỗi bước ra đi là sẽ đến bến bờ giải thoát. Nhưng bây giờ ngồi soát lại, thì như tự đánh mất bóng mát hạnh phúc, như suối mát của mẹ hiền muôn đời dưỡng nuôi cho những đứa con yêu. Như bóng quê hương đang chở che cho thôn trang chan chứa tình bà con lân cận, nghĩa sắt son láng giềng, sao giờ lại đành phải chia xa tất cả !

Ôi quê hương ngàn trùng !

Trần Đan Hà

những chiều tiếng Mẹ rất êm

Chập chờn sương khói thời gian
Bụi mù sa lại lang thang trở về
Trở về trên cánh đồng quê
Trở về qua giấc trầm mê u hoài
Trở về qua tiếng thở dài
Trở về qua nỗi sầu ai, tím chiều
Trở về con suối nhỏ reo
Trở về, ơi đẹp những chiều quê xưa

Những chiều nắng tắm hàng dừa
Những chiều gió nhẹ đong đưa qua thềm
Những chiều tiếng Mẹ rất êm
Gọi con, dầm thấm... tiếng hiền, Mẹ tôi
Thân thương yêu dấu ngàn đời
Mẹ ơi, lời Mẹ như lời ca dao
Cho thơ thấp cánh bay cao
Cho con lại nhớ hoa đào năm xa

Bụi thời gian, dẫu nhạt nhòa
Trong con, tình Mẹ ngát hoa tâm hồn
Trăng theo nước chảy về nguồn
Con theo Trăng sáng giăng buồm ra khơi
Con mang tình Mẹ tuyệt vời
Tiếng ru êm ả chơi với tiếng thầm
Tiếng thầm... còn mãi dư âm...
Mẹ tươi như ánh trăng rằm đầu non
Ở đồng quê, lúa xanh rờn...

Tuệ Nga



Mẹ Con

Nguyễn Phạm Thy Hảo

Thắng nghe tim mình đập rộn rã trong lồng ngực, máu dồn đến nóng ran cả mặt. Chỉ trong chốc lát nữa thôi, Thắng sẽ gặp lại mẹ sau gần 20 năm xa cách. Thắng vừa mừng lại vừa tủi, không biết phản ứng của mình sẽ ra sao khi đối diện với mẹ! Chiều hôm qua, khi có người ghé qua xóm, báo tin hôm nay mẹ sẽ về thăm vì nghe tin bố của Thắng, tức là người chồng cũ, đang nằm hấp hối trên giường bệnh, đầu óc Thắng lao đao, tay chân lỉnh quỳnh. Cả đêm Thắng nằm thao thức không ngủ được, khi thì mong cho trời mau sáng để được gặp lại mẹ, nhưng cũng có lúc lại mong sao thời gian dài ra, cứ ban đêm mãi để mẹ con đừng gặp lại.

Thắng mừng tưởng ra mẹ sẽ xuất hiện với vóc dáng trẻ trung, phấn son rực rỡ, mặc một bộ sườn xám thật sang trọng, quý phái cho phù hợp với hoàn cảnh sống hiện tại. Chẳng phải vì không chịu đựng được cuộc sống nghèo hèn, cơ cực nơi quê nhà mà mẹ đã khăn gói đưa bé Mai vượt qua biên giới Việt-Trung hồng tìm được cho mình cuộc sống giàu sang, phú quý hay sao? Nghĩ tới đây, Thắng có cảm giác như có ai ngắt mạnh vào con tim làm cho cơ thể nhức nhối, rã rời. Những kỷ niệm đốn đau cuộn cuộn lần về! Thắng nhớ lại cái ngày mà mẹ dứt áo bỏ nó để ra đi! Một ngày đen tối nhất trong đời mà Thắng sẽ không bao giờ quên được.

Trong suốt tuổi ấu thơ, mẹ là tình thương, là điểm tựa tinh thần và là niềm an ủi duy nhất của hai anh em Thắng. Bố của Thắng là một người chồng, một người cha thiếu tinh thần trách nhiệm, chẳng thiết ngó ngàng đến vợ con, suốt ngày chỉ biết lê la cờ bạc. Khi hết tiền thì lại quay về hành hạ, đánh đập vợ rất tàn nhẫn, và rồi bóc lột hết những đồng tiền mồ hôi nước mắt vợ kiếm ra để đốt cháy tất cả trên chiếu bạc, thoả mãn lòng đam mê ích kỷ của mình mà không cần nghĩ rằng đó là số

tiền sinh sống của cả gia đình, khiến mẹ con Thắng phải sống trong cảnh thiếu trước hụt sau. Mẹ của Thắng là một người đàn bà cần cù, nhẫn nhục. Bà đã phải nhịn ăn nhịn mặc để lo cho hai con miếng ăn ngày hai bữa mà vẫn không thể nào đầy đủ. Thắng nhớ lại những tháng ngày đói khổ, khi đã bị bố của Thắng lột sạch tiền, gạo trong nhà, mẹ phải lang thang trên những cánh đồng để mót từng mẩu khoai, khoai sắn còn sót lại. Vậy mà khi luộc lên rồi thì mẹ lại chẳng dám ăn, nói rằng anh em Thắng đang tuổi ăn, tuổi lớn, mới cần ăn hơn, chứ mẹ từ bé đến giờ đã ăn nhiều rồi, có nhịn một bữa cũng chẳng sao.

Lòng mẹ hy sinh, cao cả là thế! Nhưng tại sao khi quyết định ra đi, mẹ nỡ đang tâm bỏ Thắng ở lại, chỉ đưa một mình em Mai đi theo? Thắng đã làm điều gì khiến cho mẹ phải chán ghét chẳng? Bao nhiêu dấu hỏi đã được đặt ra trong cái đầu nhỏ bé, khờ khạo của một đứa trẻ đang vô tư, hồn nhiên trong vòng tay ấm áp tình mẫu tử, đột nhiên bị dứt ra khỏi vòng tay đó và ở lại, với nỗi bơ vơ, hờn tủi tràn ngập trong lòng. Thắng nhớ lại tâm trạng đốn đau, tuyệt vọng của mình khi đó. Khi biết được mẹ đã âm thầm rời bỏ quê hương đi tìm cuộc sống mới, Thắng mang tâm trạng quỳnh quáng, hoảng loạn không biết phải đối phó với hoàn cảnh đột ngột đó ra sao nữa! Thắng đã gào khóc thật thê thảm nhưng cũng chẳng kêu gọi được mẹ quay về. Thực ra, khi mẹ bỏ đi, Thắng cũng đã 12 tuổi đầu rồi, lứa tuổi gọi là con nít đã sắp qua. Nó đã giúp mẹ được khá nhiều công việc. Nhưng cuộc sống nơi thôn ỏ, không có cơ hội tiếp xúc với thế giới bên ngoài khiến cho nó có cảm giác sợ sệt khi không còn người mẹ thân yêu bên cạnh để hướng dẫn cho từng đường đi, nước bước. Đạo đó, mặc cho những người chung quanh an ủi, dỗ dành, Thắng cứ lang thang đi trên

những bờ đê nhỏ trong làng với hy vọng biết đâu mẹ đang núp lách ở một nơi nào để đón đợi đứa con trai thân yêu? Nhưng rồi cuối cùng Thắng đã phải bỏ cuộc và chấp nhận rằng mẹ không bao giờ quay về nữa!

Sự trốn chạy của mẹ Thắng dường như đã làm thức tỉnh mọi người trong gia đình bên nội. Bố của Thắng từ khi ra đời đã bệnh tật liên miên, cơ thể yếu đuối nên chẳng phải đụng đến việc gì. Cuộc sống nhàn hạ đã khiến ông dùng thời giờ rảnh rỗi vào việc bê tha cờ bạc. Cả gia đình ai cũng thương ông bệnh hoạn, yếu đuối nên đã quen nuông chiều, che chở cho ông. Không ai lên tiếng can thiệp mỗi khi ông hành hạ vợ con. Tới khi xảy ra sự việc đáng tiếc, cả nhà ai cũng ngẩn ngơ, hối hận thì đã muộn. Vì vậy sau khi bàn tán xôn xao rồi, không ai nữ trách móc mẹ của Thắng cả mà lại còn tỏ ra thông cảm nữa là khác.

Người vợ bỏ đi rồi, bố của Thắng hoàn toàn bất lực, không biết làm cách nào tự túc được, huống hồ lại phải cuu mang thêm một miệng ăn! Trước đây, tất cả mọi công việc trong nhà, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ đều do một tay người vợ quán xuyến, bố của Thắng chẳng làm được gì ngoài việc ăn chơi, hưởng thụ. Trong làng quê, mọi người đều phải đầu tắt mặt tối, lo cho gia đình riêng của mình còn chưa xuể, không ai còn sức để đeo vào mình thêm một gánh nặng. Vì vậy, một buổi họp gia tộc đã diễn ra, và mọi người đồng ý là Thắng nên vào miền Nam, theo các chú, các cô đang sinh sống tại đó để tìm lấy một cái nghề tự nuôi bản thân mình. Thế là một hôm, bác Nuôi, là anh ruột của bố, đã đưa Thắng vào miền Nam, giao cho gia đình chú Bạch. Rồi bố của Thắng đi lấy vợ khác, một người vợ cũng ngoan ngoãn hiền lành như mẹ Thắng trước kia, bằng lòng bước vào cuộc sống của bố để thay thế nỗi bất hạnh của người vợ trước. Ban đầu, bố của Thắng cũng tỏ ra biết hối cải, chịu ở nhà tiếp tay với vợ tìm kế sinh nhai. Nào ngờ cuộc sống lảng dụi được một thời gian rồi ông lại như con ngựa đã quen đường cũ, khiến cho người vợ thứ hai cũng cay đắng ôm những đau khổ trong lòng chẳng khác nào mẹ Thắng ngày xưa. Riêng Thắng thì thời gian dần trôi, cũng trải qua lắm nỗi gian nan, chật vật nhưng cuối cùng rồi cũng đã có cuộc sống riêng với công ăn việc làm vững chắc và đã lập gia đình với một người con gái cần cù làm ăn để cùng chồng gây dựng đời sống tuy không giàu có bằng ai nhưng cũng không đến nỗi nào. Vợ chồng Thắng hiện nay đã có một đứa con gái rất dễ thương, mũm mĩm năm nay lên hai tuổi. Nhờ biết chịu thương chịu khó, hai vợ chồng Thắng đã đủ tiền mua một căn nhà ấm cúng với khá đầy đủ những tiện nghi cần thiết tại một vùng ngoại ô thuộc tỉnh Bình Dương. Thắng luôn thâm nhủ với lòng là sẽ không bao giờ sa ngã, để rơi vào cảnh tan nhà nát cửa như bố đã từng gây ra. Khi mẹ bỏ đi, Thắng đã cay đắng, oán trách rất nhiều, nhưng về sau, càng lớn khôn, càng vất vả trong trường đời và chứng kiến bao cảnh éo le, ngang trái, những đắng cay, dằn vặt trong lòng nay đã vơi đi rất nhiều. Thắng nghĩ lát nữa đây gặp lại mẹ, sẽ khoe với

mẹ cuộc sống hiện tại của mình để mẹ được yên lòng. Nếu mẹ muốn, Thắng sẽ đưa mẹ vào Nam ở với gia đình Thắng một thời gian. Nhưng chắc gì mẹ đã muốn về nhà Thắng! Bây giờ mẹ đã trở thành “Việt kiều” rồi còn gì! Mẹ đã quen ăn sung mặc sướng, làm sao mà chịu được cảnh sống nghèo nàn của vợ chồng Thắng! Nghĩ tới đây, Thắng lại nghe mĩa mai, tê tái ngập lòng.

Thắng ngồi bó gối, trầm ngâm trong một góc nhà. Từ hôm nghe tin bố đang trong tình trạng ngặt nghèo, như chỉ mảnh treo chuông, Thắng đã để vợ con ở lại Bình Dương, một mình lặn lội về thăm. Vẫn biết nghĩa tử là nghĩa tận, phải chi đưa được cả gia đình về gặp bố lần chót thì tốt biết bao! Nhưng cái khó nó bó cái khôn, nếu mà bố mất đi thì Thắng còn phải tốn tiền lo ma chay, chôn cất. Cho nên muốn được cái nợ thì phải hy sinh cái kia chứ biết sao giờ! Thắng đảo mắt nhìn quanh, quan sát mọi người đang sề sàng qua lại. Tuy bố chưa chết mà không khí tang tóc đã tràn ngập trên nét mặt từng người. Những việc hậu sự đã được lo liệu gần như xong xuôi, chỉ cố gắng không để cho người bệnh đang nằm thoi thóp trên giường biết. Mà có lẽ bố Thắng cũng chả còn hơi sức đâu để nhận định những việc chung quanh, thức ăn đã không còn được tiếp thụ vào cơ thể, chỉ thỉnh thoảng mới nhấp môi đón nhận một vài giọt nước cho cổ họng khỏi khô.

Thỉnh thoảng lại có người đến gần Thắng để bắt chuyện, nhưng Thắng chẳng còn tâm trí đâu trả lời nên chỉ ừ ử cho qua. Thấy vẻ mặt thần thờ của Thắng, họ cũng tỏ ra thông cảm, đứng lên lảng ra chỗ khác. Bỗng cô Gái, người em kế của bố từ ngoài chạy vào, thở hổn hển và thì thầm báo tin là mẹ Thắng đã về, đang đi vào ngõ. Thắng đứng bật dậy, rồi lại ngồi xuống, lưng ta lúng túng không biết mình nên có phản ứng gì. Nửa muốn chạy ra đón mẹ, nửa lại cảm thấy ngượng ngùng! Bẵng đi mười mấy năm trời, sự xa cách có lẽ đã làm hai mẹ con trở thành xa lạ với nhau. Thắng lại đứng lên, nhưng chỉ đứng đó thôi chứ không làm sao biết mình nên phản ứng như thế nào! Thắng có cảm tưởng đôi chân đã bị chôn sâu xuống đất, muốn nhấc lên mà không nổi.

Nhưng trái với điều dự đoán của Thắng trước khi gặp mẹ! Người mẹ bằng xương bằng thịt đang đối diện với Thắng bây giờ là một người đàn bà quê mùa, lam lũ với một bộ quần áo xắm đã sờn rách, bạc màu. Tình mẫu tử thiêng liêng khiến Thắng nhận ra ngay người mẹ thân yêu của mình, nhưng mẹ phong trần, tới tả làm sao! Gương mặt cần cỗi, nhăn nheo đã khiến mẹ già đi nhiều so với tuổi thật. Theo sau mẹ là một thiếu phụ còn rất trẻ mà Thắng không biết là ai, ăn mặc cũng nghèo nàn, rách rưới không kém gì mẹ của Thắng. Mẹ chỉ kịp kêu lên hai tiếng “Con ơi” rồi nhào đến ôm lấy Thắng, đôi vai run lên bần bật vì không nén nổi cảm xúc. Thắng cũng tức tưởi, cảm động không kém! Bao nhiêu oán hờn, trách móc trong phút chốc bỗng tiêu tan đâu mất!

Một lúc sau, mẹ buông Thắng ra, quay lại nắm tay người thiếu phụ trẻ tuổi đang đứng như trời trồng và trân trối

theo dõi những diễn tiến xảy ra trước mặt, bệu bạo nói một tràng tiếng Tàu với cô ta rồi lại quay về phía Thắng:

- Em gái con đây này! Thắng ơi! Em Mai của con đây này...

Thắng có cảm giác như cơ thể đột ngột bị tê cứng lại! Căn nhà đang lịm đi trước cuộc trùng phùng giữa mẹ con Thắng bỗng xôn xao hẳn lên! Sự có mặt của đứa em gái hoàn toàn không nằm trong chờ đợi của bất cứ người nào trong gia đình. Từ ngày mẹ và em Mai ra đi, tin đồn từ những người cũng sang Trung Hoa tìm đường sống đã loan ra rằng con bé Mai đã bị bán đi đâu mất rồi, làm cho nỗi đau phải xa mẹ, lìa em của Thắng càng tăng lên gấp bội. Thắng không ngờ anh em còn có ngày được gặp lại nhau. Thắng run run nắm lấy hai bàn tay chai cứng vì lao động cực nhọc của em gái mà không thốt được nên lời và cảm thấy nỗi đau như bị ai xé ruột! Em Mai của Thắng đây sao? Con bé Mai ngây thơ, xinh xắn ngày nào đã từng khiến cho Thắng phải hãnh diện vô cùng mỗi khi công em đi dạo chơi quanh xóm. Ai nhìn thấy con bé cũng dừng lại, trầm trồ khen ngợi con bé có làn da trắng như trứng gà bóc và khuôn mặt đẹp đẽ, dễ thương khác hẳn với đám trẻ nhà quê trong vùng. Thế mà giờ đây đã trở thành một con người hốc hác, tiêu tụy như thế này đây sao! Mãi một lúc sau Thắng mới hoàn hồn, lắp bắp kêu lên:

- Ôi em tôi! Anh không ngờ có ngày được gặp lại em! Mai ơi! Anh những tưởng đã mất em rồi chứ!

Trước phản ứng quá đột ngột của những người chung quanh, Mai lúng túng, mặt nghệt ra. Rồi nó cố gắng nói bằng một thứ tiếng Việt lơ lớ:

- Chào anh! Anh có khỏe không? Còn tao thì cũng được khỏe.

Mọi người đang đứng vây lấy ba mẹ con trở mắt nhìn nó vì kinh ngạc! Nó ăn nói cái kiểu gì mà lạ thế nhỉ? Thấy vậy, con Mai càng cuống lên. Nó lúng búng:

- Anh nói được tiếng Tàu không đấy? Tao nói tiếng Việt không được nhiều đâu mà! Mỗi lần tao với mẹ gặp nhau, mẹ dạy tao ấy mà.

Thắng cảm thấy vô cùng bối rối! Xưa nay có bao giờ Thắng đi học thứ tiếng đó đâu! Mà học để làm gì? Nếu biết có ngày hôm nay thì nhất định là Thắng đã học tiếng Tàu để có thể chuyện trò với đứa em gái mà Thắng đã hằng xót xa thương nhớ, không biết nó sống chết ra sao. Vậy là mặc dù mặt đối mặt, nhưng hai anh em chỉ biết nhìn nhau mà không thể tâm sự được điều gì, thật là vô cùng đáng tiếc! Nhưng cũng chả sao! Bất ngờ được gặp lại đứa em gái yêu quý ngày nào tưởng chừng không hy vọng gì gặp lại đã là một điều quá đổi vui mừng đối với Thắng rồi! Bà mẹ thì còn bận tâm chú ý tới đứa con trai mà đã từ lâu đã là nỗi dày vò canh cánh bên lòng nên chẳng để ý gì tới những việc xảy ra chung quanh. Tới lúc này thì mọi người trong gia đình đã sốt

ruột lấm rồi! Họ vui mừng xúm xít bu lại. Người được chiếu cố nhiều nhất dĩ nhiên là Mai, đứa cháu gái bé nhỏ ngày nào mà họ vẫn đinh ninh rằng đã mất tích từ lâu. Họ thi nhau nắm tay, xoa đầu và vuốt ve nó rồi than vãn tội nghiệp con bé quá. Con bé Mai mà ngày còn ở nhà, ai cũng suýt soa khen ngợi vì nó xinh đẹp, trắng trẻo nhất làng, giờ đây đã trở thành một thiếu phụ cần cỗi và già đi nhiều so với tuổi thật. Có người cất tiếng phàn nàn sao mẹ nó đem nó đi làm gì mà để khổ thân nó thế! Người khác lại tỏ ra thông cảm, nói rằng nếu mẹ nó mà bỏ nó lại thì lấy ai săn sóc cho nó! Ở trong làng xã, ai mà không vất vả như ai! Có thương nó cách mấy cũng không ai dám bỏ công bỏ việc để mà ôm thêm cái nợ vào người. Chính con cái của họ còn nheo nhóc, lang thang vì bố mẹ chúng có thì giờ để mất tới đâu! Thương con nhưng cũng đành cắn răng bỏ con ở nhà, đứa lớn trông chừng đứa bé để cha mẹ còn phải lo đi kiếm miếng ăn. Họ vừa làm việc quần quật ngoài đồng, vừa lo ngay ngáy chỉ sợ con lăn xuống ao, xuống giếng mà vẫn phải chịu, có dám bỏ công ăn việc làm để ở nhà trông chừng nó đâu cơ chứ! Thôi thì mỗi người một phách, kể nói này, người nói nọ, cả nhà cứ nhốn nháo cả lên như cái chợ vỡ không bằng.

Khi nghe tin chồng cũ lâm trọng bệnh, đã bước vào giai đoạn ngặt nghèo khó có thể lướt qua, mẹ của Thắng đã về kể lại với người chồng hiện giờ. Ông ta là một nông dân Trung Hoa quê mùa, chất phát và trọng đạo đức Á Đông cho nên đã bằng lòng để vợ trở về thăm lần cuối cùng trước khi người chồng cũ đi về thế giới bên kia, nghĩa tử là nghĩa tận mà! Khi được chồng cho phép, người mẹ đến nhà chồng của con gái để xin phép đưa nó trở về quê hương thăm bố. Mai cũng được nhà chồng thuận ý cho đi. Thế là hai mẹ con dắt díu nhau trở lại chốn xưa, một nơi đầy ắp những kỷ niệm đau buồn mà ngày nào mẹ Thắng đã phải cắn răng quyết định lìa xa. Đây là nơi chôn nhau, cắt rốn của Mai, nhưng hiện giờ tất cả đã trở thành xa lạ đối với nó. Khi mẹ ẵm nó trốn đi thì nó còn quá nhỏ, nào đã biết gì!

Mai đưa mắt nhìn quanh, nó cảm thấy hơi sợ sệt khi bị vây bọc bởi những khuôn mặt lạ hoắc. Nhưng trong nỗi sợ sệt đó, trong lòng Mai cũng xen lẫn một niềm vui mừng, cảm động khi nhìn thấy sự thiết tha và quan tâm của mọi người đối với mình. Những người này thật ra là họ hàng của nó chứ đâu! Trong huyết quản của họ và của nó đang có chung một dòng máu luân lưu trong cơ thể. Mai cố tỏ sự thân thiện của mình bằng cách cúi đầu chào và nở nụ cười thật tươi với tất cả mọi người. Ôi! Nó muốn nói với họ biết bao lời thương mến, nhưng vì trở ngại ngôn ngữ, nó chẳng làm sao thốt được ra lời!

Sau đó, hai mẹ con được hướng dẫn vào thăm người bệnh đang nằm thoi thóp trên giường. Di Túy, người vợ kẻ đang ngồi bên mép giường phe phẩy quạt muỗi và một tay cầm cái khăn lau mặt cho chồng. Tuy thời tiết đang vào mùa đông buốt giá, nhưng cơn sốt làm cho mồ hôi cứ rỉ rả trên trán người bệnh. Thấy mọi người bước vào,

đi Túy đứng lên, nhìn người vợ trước và cúi đầu chào. Di nói lí nhí vài tiếng nghe không rõ rồi đặt cái quạt giấy xuống cạnh giường rồi nhẹ nhàng rút lui. Từ ngày về làm vợ, di cũng tỏ ra ngoan hiền, đảm đang không kém gì mẹ Thắng ngày trước. Nhờ được sự can thiệp tích cực của những người bên nhà chồng sau kinh nghiệm lần mẹ Thắng bỏ nhà ra đi, di Túy cũng đành dùm được chút tiền để xây lại nhà cửa cho khang trang hơn.

Bà mẹ kéo tay cô con gái lại gần giường và nói với nó một tràng tiếng Tàu. Bà ấn nó ngồi xuống cạnh giường, chỗ di Túy vừa ngồi khi nãy rồi tự mình kéo xích cái ghế lại gần người chồng cũ. Bà ngậm ngùi ngắm nhìn con người xưa kia đã hành hạ bà tàn tệ đến nỗi bà chịu không nổi phải dứt áo ra đi. Con người này giờ đây chỉ còn là một tấm hình hài mỏng dính chìm dưới lớp chăn bông, chỉ thò mỗi cái đầu ra để thở. Nhưng hơi thở cũng mong manh như sương khói trông thật tội nghiệp. Rồi bà méo máo cất tiếng gọi:

- Anh Bình ơi! Hôm nay tôi dẫn con về thăm anh đây. Anh có còn nhận ra tôi không đấy? Tôi là mẹ của thằng Thắng với cái Mai đây mà! Đây này! Cái Mai nó đang ngồi cạnh anh đây, anh cố mở mắt ra để mà nhìn vợ, nhìn con.

Rồi bà ngược lên nhìn Mai ra hiệu. Mai vội vàng nắm lấy bàn tay của bố. Không đứng, những giọt nước mắt chân tình của nó bỗng trào ra như suối. Mai nức nở, cố gắng dùng thứ tiếng Việt lơ lớ của mình để nói với bố:

- Bố ơi! Hôm nay tao về để thăm bố đây này. Bố cố ăn cho no rồi khỏe mạnh lại đi bố nhé! Nếu mà bố khỏe thì lần sau tao mới về thăm bố được chứ. Lần sau tao sẽ đem chồng con tao về thăm bố. Tao có 1 đứa con rồi, mà thằng chồng tao nó cũng tốt với tao lắm bố ạ, bố đừng có lo cho tao nhé.

Có những tiếng xì xào bất mãn, sao con bé lại xưng hô láo xược với bố như thế? Người mẹ vội quay lại phía mọi người, cất tiếng nói nhỏ nhỏ để cố gắng giải thích rằng ở bên Trung Hoa, người ta không có phân biệt thứ cấp như bên mình, nói chuyện với bất cứ ai cũng xưng là “tao” hết. Như một phép lạ, người cha từ từ mở mắt ra, lúc này cặp mắt của ông đã lạc thần. Ông hết nhìn vợ cũ rồi lại nhìn con gái và cố gắng biểu lộ sự vui mừng bằng cách xòe tay ra để nắm lấy bàn tay của Mai. Ông cố xiết chặt lấy những ngón tay thân yêu đó nhưng vì quá yếu, cái xiết tay trở nên rời rã rồi buông thõng xuống vô vọng. Mai rướn người lên, nó nắm lấy bàn tay của bố như để biểu tỏ sự đồng cảm giữa hai bố con. Ông Bình mấp máy đôi môi như muốn nói điều gì mà không phát được thành lời. Có lẽ ông muốn nói lời tha thứ cho người vợ đã bỏ cha con ông mà ra đi? Và biết đâu chừng đó lại là lời xin lỗi sau cùng với người vợ đáng thương? Bố của Mai và Thắng thật ra là một người đàn ông hiền lành, mộc mạc, chỉ vì máu mê cờ bạc đã khiến cho ông có những hành động ngông cuồng, tàn nhẫn đối với vợ con chứ không phải là người không biết yêu vợ, thương con.

Ngồi với chồng cũ một lúc, thấy ông đã nhắm mắt lại tỏ ra quá mệt mỏi, người mẹ đứng dậy, rón rén đi ra ngoài tìm con trai, để Mai ngồi lại đó một mình với bố. Mai kéo tấm chăn bông lên che kín cổ bố để ông khỏi bị lạnh. Nhìn thân hình còm cõi, tiêu tụy của cha, lòng Mai dấy lên một niềm xót thương vô hạn. Lìa xa bố khi còn quá bé nhỏ, Mai vẫn đinh ninh lần tái ngộ này sẽ rất ngưỡng chừng, cách biệt. Nhưng thực sự là Mai không thể ngờ được chỉ mới gần nhau trong giây lát, nó đã có cảm giác như hai bố con chưa bao giờ xa cách. Một sợi dây vô hình tự bao giờ đã ràng buộc hai bố con nó lại với nhau. Nước mắt tuôn trào, Mai run run nâng bàn tay khô đét của bố lên, trùi mền áp vào một bên má của mình. Nó bóp nhẹ bàn tay thân yêu đó như muốn truyền hơi ấm và sự sống của mình sang cho bố. Bỗng dưng Mai ao ước thời gian ngừng hẳn lại và hai bố con cứ được gần nhau như thế này mãi mãi.

Thấy mẹ bước ra khỏi căn buồng và đang tiến về phía mình, Thắng đứng lên, dìu mẹ ra ngoài hiên để nói chuyện cho được yên tĩnh vì trong nhà vừa chật chội lại người qua kẻ lại lảng xãng. Vừa ngồi xuống, mẹ đã ôm lấy vai Thắng, nghẹn ngào:

- Ôi con trai của mẹ ơi ! Gặp lại con, mẹ mừng quá ! Bao nhiêu năm trời xa cách, ngày nào mẹ cũng thương nhớ con. Tạ ơn Phật Trời thương xót cho mẹ lại được gặp con.

Thắng cũng thốn thức không kém, ngả đầu trên bờ vai gầy gò, xương xẩu của mẹ và có cảm tưởng vẫn như ngày nào mẹ con còn sống bên nhau. Những ngày tháng của thời thơ ấu đói nghèo nhưng tâm hồn trẻ thơ vẫn thấy thanh bình biết bao khi được còn được chở che bằng vòng tay âu yếm của mẹ. Thắng hít thật sâu vào lồng ngực cái mùi khét nắng toát ra từ tấm áo xảm cũ kỹ, bạc màu và cảm nghe một thứ hạnh phúc tuyệt vời mà đã từ lâu Thắng hằng khao khát, ước ao. Hai mẹ con cứ ngồi như thế một lúc rồi Thắng hỏi mẹ câu hỏi mà đã từ rất lâu vẫn ấp ủ trong lòng :

- Sao ngày ấy mẹ trốn đi mà không cho con theo với ? Mẹ ở đâu thì con cũng ở đó thôi mà.

Mẹ xiết chặt vai Thắng, nói qua tiếng nấc :

- Ôi giờ ơi ! Làm sao mà mẹ đưa con đi thoát được cơ chứ ! Con là cháu trai, nối giòng nối giống của gia đình mà ! Đâu có ai lại để yên cho mẹ đem con đi! Phải cắn răng bỏ con lại thì mẹ mới thoát được dễ dàng. Thắng ơi ! Con hãy hiểu cho lòng mẹ lúc bấy giờ ! Mẹ rời xa con mà ruột gan đau như kim đâm, muối xát chứ có vui sướng gì đâu hở con !

Thắng lại hỏi tiếp :

- Thế còn cái Mai ? Sao con nghe tin đồn là nó bị đem đi đâu mất rồi cơ mà ?

- Thì lúc đầu, cái bà mà đem mẹ sang Tàu làm việc ấy mà ! Họ định đem nó đi bán cho người ta rồi chia cho mẹ ít tiền. Nhưng mẹ có chịu đâu ! Họ mới đem nó đi

nhốt vào một chỗ, làm cho mẹ và những người đi cùng tưởng mất rồi ấy chứ. Mẹ phải tìm mãi mới thấy nó, thế là mẹ phải dấu nó đi, chứ bà kia mà tìm thấy thì chết. May mà có nhà ông bà lão kia, họ thương hại mà nuôi cái Mai hộ. Sau khi người kia tìm mãi không thấy cái Mai, họ mới bỏ đi. Mẹ lấy người chồng ở gần em Mai mà không dám đi thăm để cho người ta biết, mãi mấy năm sau, thấy yên ổn rồi mới dám thò mặt ra mà nhận nó đấy chứ. Nhưng mà nó lấy chồng cũng để cho ông bà lão làm chủ hôn vì đã hứa cho nó làm cháu ông bà rồi. Bây giờ thì mẹ đã có 2 đứa con cho nhà người ta rồi. - ngừng một chút, mẹ Thắng thở dài, nói tiếp - Thật ra thì mẹ đã có 3 đứa con chứ không phải là 2 đứa, nhưng đứa đầu là con gái nên vừa đẻ ra thì nhà chồng của mẹ họ đem nó đi đâu không biết, chỉ bảo đem cho người ta thôi.

Thắng thở dài, nghĩ tới hoàn cảnh hiện nay của mẹ, đã cố gắng thoát khỏi cuộc sống đói nghèo rồi bây giờ vẫn phải lận đận, lam lũ như thế này hay sao ! Thắng lại hỏi :

- Thế bây giờ mẹ có đỡ vất vả hơn xưa không mà trốn đi làm gì cho khổ người ra ?

- Thì cuộc sống trong nhà quê ấy mà ! Ai lại không vất vả quanh năm. Đủ ăn đủ mặc là may lắm rồi đấy con ạ. Nhưng được cái là thanh thoi tâm trí vì bố dượng của con tuy nghèo nàn nhưng được cái hiền lành, chí thú làm ăn chứ không...

Nói tới đây, người mẹ ngưng bật. Bà cảm thấy những lời trách móc đối với người chồng cũ đang nằm chờ chết trong căn buồng kia vào giờ phút này không được tốt đẹp gì. Đoán được ý mẹ, Thắng cũng không hỏi thêm. Một lát sau, Thắng lên tiếng, giọng có hơi phàn nàn :

- Nếu ngày ấy mà mẹ cố kiên nhẫn ở lại thì chỉ mấy năm sau là con đi làm nuôi mẹ được rồi ! Đâu cần phải bôn ba như vậy cho mệt cả người, cuối cùng rồi mè o lại hoàn mè o thôi.

- Thôi con ạ ! Con người ta có số cả. Ngày ấy mà mẹ không ra đi thì chưa chắc gì mẹ đã sống được cho tới hôm nay. Sức chịu đựng của con người có hạn thôi con ạ. Con biết đấy ! Mẹ khổ quá mà ! Mẹ không còn sức để chịu đựng thêm, nên suy đi tính lại cũng chỉ còn cách tìm con đường thoát mà thôi.

Thắng khoe :

- Mẹ ạ ! bây giờ con đã lấy vợ rồi. Vợ chồng con đã có một cháu gái. Cháu dễ thương lắm mẹ ơi. Hay là mẹ vào Nam cùng với con rồi ở đó với chúng con một thời gian, khi mẹ về, con sẽ biếu mẹ tiền để đem về mà sinh sống.

Người mẹ cười, nói qua màn lệ :

- Mẹ biết hết đấy chứ ! Tuy không được ở gần con, nhưng hề có ai về thăm quê thì mẹ lại nhờ người ta hỏi dò về con rồi sang bên ấy kể lại cho mẹ nghe. Mẹ rất

yên lòng khi biết con đã có cuộc sống đầy đủ. Nhưng con phải nhớ đấy nhé ! Đừng có mà bê tha cờ bạc, rượu chè lại khổ vào thân đấy. - ngừng một lát, bà tiếp — Còn vào Nam ấy à ! Không được đâu ! Các em còn bé, không xa mẹ được lâu đâu. Với lại còn công việc đồng áng, không thể để ông ấy làm một mình được, nặng nề lắm con ơi.

Rồi bà móc từ túi áo trong ra một cái gói, đưa cho con trai :

- Đây là quà của mẹ cho cháu nội, con đưa cho mẹ để tiêu cái gì thì tiêu.

Thắng tò mò đỡ lấy cái gói rồi loay hoay mở ra. Bên trong là số bạc 200 ngàn đồng tiền Việt Nam. Có tờ còn mới, nhưng có tờ đã cũ kỹ lắm, ngả sang màu vàng nhạt. Những nếp gấp cứng ngắc chứng tỏ chúng đã nằm yên trong chiếc túi từ rất lâu rồi. Thắng gói cái gói giấy trở lại và đưa cho mẹ, giọng hơi cầu nhàu :

- Mẹ đã nghèo, còn cho cháu làm gì ! Vợ chồng con làm lụng đủ nuôi cháu rồi, mẹ đừng có lo. Đây này, con biếu mẹ thêm ít tiền nữa nhé.

Nói rồi Thắng rút cái ví từ trong túi quần ra, nhưng mẹ đã cản lại và bảo :

- Gì thì gì. Từ khi cháu ra đời đến giờ mẹ đã được gần gửi nó ngày nào đâu. Con phải cầm lấy món quà này cho mẹ yên lòng. — Bà cúi đầu xuống, nói với giọng thiếu nã - Thật ra mẹ xấu hổ với vợ con của con lắm ! Mẹ không biết ăn nói làm sao khi mai kia phải gặp vợ con và cháu nội. Có người mẹ nào lại nỡ nhẫn tâm bỏ con mà đi cho đành ! Mẹ khốn nạn lắm phải không con ? Con oán trách mẹ lắm phải không ?

Thắng chòang tay qua vai mẹ, bóp nhẹ nhẹ, xót xa :

- Không ! Trước kia thì con oán mẹ lắm, nhưng bây giờ con đã hiểu mẹ rồi. Mẹ đừng nghĩ ngợi gì mẹ nhé.

Rồi ngồi thẳng người lên, nhìn thật sâu đôi mắt mẹ, Thắng nói như một lời tuyên thệ.

- Con sẽ không dẫm lên bước chân của bố, không để cho vợ con của con phải khổ như mẹ con mình đã từng bị khổ sở, chia lìa.

Người mẹ âu yếm nhìn con trai và mỉm cười. Đây là lần đầu tiên Thắng thấy nụ cười tươi toát ra từ đôi mắt mẹ. Trên khuôn mặt đen sạm, cằn cỗi đó chỉ còn đôi mắt là vẫn như ngày nào mẹ cười và nói anh em Thắng phải cố ăn thật nhiều để chóng lớn cho mẹ vui. Thắng ôm lấy mẹ, và kêu lên nho nhỏ hai tiếng «Mẹ ơi» thật trìu mến. Từ nay, Thắng sẽ mãi mãi đem theo trong lòng hình ảnh nụ cười của mẹ như một niềm an ủi âm thầm.

Sáng sớm hôm sau, mẹ Thắng và em Mai lại phải tất bật chuẩn bị để ra đi. Mai đầm đìa nước mắt, nó bệu bệu nói «Bố ơi ! Con không muốn đi đâu hết ! Con chỉ muốn ở lại đây với bố thôi». Nó phủ phục bên cạnh giường người bố đang sắp sửa đi vào cõi chết, không muốn chia

ly. Nhưng rồi hình ảnh đứa con thơ đại hiện ra, và Mai chột hình dung ra một anh Thắng đáng thương chờ đợi mẹ trong nỗi đau buồn vô vọng, cho nên nó đành gạt lệ đứng lên.

Đưa tiễn mẹ và em gái một chặng đường khá xa, rồi cuối cùng Thắng cũng phải đứng lại. Nhìn mẹ và em leo lên xe, Thắng nghe lòng quặn thắt, nhưng đầu đó có một nỗi vui nho nhỏ len vào. Kết cuộc rồi sẽ có những cuộc trùng hoan nối tiếp, không còn những bứt rứt trong lòng của cả hai mẹ con. Phiến đá đau buồn trong ngực Thắng từ mười mấy năm nay đã biến mất tự hồi nào, làm cho Thắng cảm thấy mình nhẹ nhõm đi nhiều. Xe từ từ chuyển bánh, Mai thò đầu ra khỏi cửa sổ xe, kêu lớn :

- Anh Thắng ơi ! Em về nhà. Nhưng mà anh em mình sẽ lại gặp nhau. Em hứa đấy.

Thắng mỉm cười giơ tay vẫy, nhớ lại cả đêm qua, con bé Mai chịu khó ngồi học cách xưng hô bằng tiếng Việt với anh Thắng, rồi lại lẳng xăng chạy vào thăm bố. Thế mà hôm nay nó vẫn chẳng hề tỏ ra mệt mỏi tí nào. Thắng cũng trả lời em :

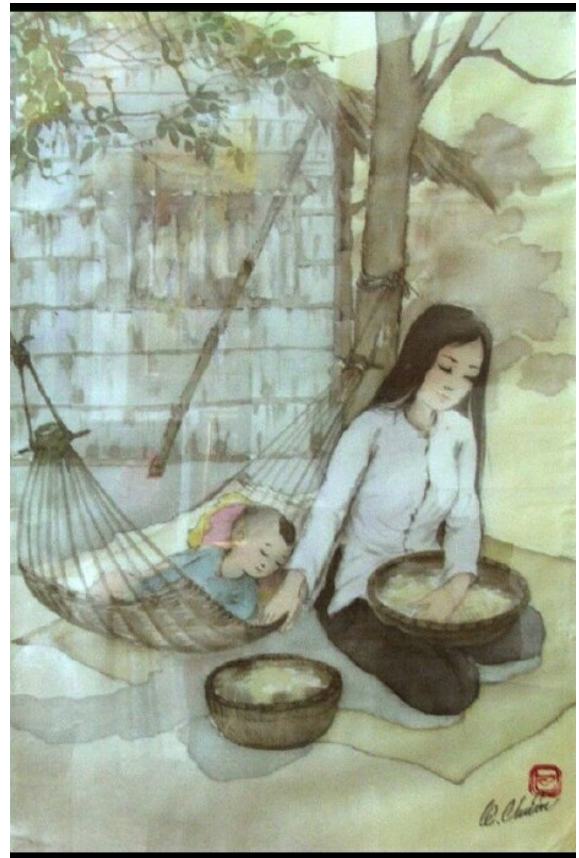
- Ủ ! Nhưng mà phải đến thăm mẹ thường để còn học nói tiếng Việt, chứ lần sau về mà anh em không nói chuyện được nhiều thì buồn lắm đấy.

Mai toét miệng cười, giơ tay vẫy trở lại. Trên khuôn mặt cằn cỗi của nó, đôi mắt vẫn lung linh, ngời sáng ! Và khi nó cười, Thắng như nhận ra con bé Mai bé bỏng ngày nào ngồi trên lưng cho anh Thắng công đi khoe với hàng xóm đứa em xinh xắn của mình. Chiếc xe mỗi lúc mỗi xa dần, đem theo hai người thân thương mà Thắng tưởng chừng như vừa gặp lại trong giấc chiêm bao.

Đêm hôm đó, bố của Thắng ra đi. Nhìn bố với đôi mắt nhắm nghiền và khuôn mặt thanh thản, Thắng thầm cảm tạ ơn trên đã đem đến cuộc gặp mặt cuối cùng của hai người đã có những tháng năm dài sống bên nhau mà như chưa hề gặp gỡ.

Nguyễn Phạm Thy Hảo

**... Sống đúng theo giáo lý nhân quả,
người Phật tử phải mạnh chứ không bạo.
Sống đúng theo giáo lý nhân duyên sinh,
người Phật tử đem biệt nghiệp của đạo
tâm chuyển hóa cộng nghiệp loạn động.
Ngày nay và lúc này, trước nạn khủng bố
đang lan tràn thế giới, bạo lực chuyên chế
vây hãm con người, thì đức tính hiếu sinh
và Vô úy - không sợ hãi - giúp cho mỗi
người đứng lên giữ đạo cứu đời, như sen
vượt bùn nhờ dâng hương khoe sắc trên
mặt nước....**



hai người mẹ nhỏ

Võ Thị Diễm Đàm

Năm 2005 là mốc thời gian, Na Uy và Việt Nam là hậu cảnh.

** ** *

Lặng tai nghe động tĩnh từ phòng ngủ có cánh cửa hơi hé, Kamilla xếp vội bộ áo mưa vô ba lô đi vườn trẻ của em trai mới bốn tuổi, Joergen. May mà tối hôm qua xem dự báo thời tiết trên truyền hình, thấy sẽ có thể mưa ngày mai nên Kamilla vội xếp gọn gàng, đặt bộ áo mưa ngay lối vào cho dễ nhớ để sáng nay thấy mà đem đi. Kamilla biết, nếu trong ba lô của Joergen không có bộ áo mưa hôm nay là mấy cô giáo vườn trẻ sẽ bực mình, sẽ lo lắng, sẽ hỏi tới hỏi lui, và sẽ hỏi về mẹ.

Thở dài, nghiêng người nhìn vào phòng khách, Kamilla gọi nhỏ:

- Đi, Joergen.

Cậu bé đang ngồi xem chương trình truyền hình thiếu nhi buổi sáng, ngồi xếp bằng, cách TV không quá một mét. Say mê, Joergen không quay đầu nhìn chị, không trả lời mặc dù em nghe tiếng chị thúc đi, tiếng thúc đi quen thuộc mỗi sáng.

- Đi lẹ Joergen. Chị trễ học.

Im lặng

- Lẹ đi Joergen!

- Chút xíu nữa.

- Không chút xíu gì hết, lẹ, ra chị mang giày cho.

Im lặng.

Nhón từng bước chân, Kamilla đi nhanh vô phòng khách, với lấy cái TV-remode nằm trên xô pha, bấm nút of. Ngón tay trở để lên đôi môi hồng bóng hơi chu chu, ra dấu im lặng, Kamilla kéo tay em, giúp em đứng dậy. Đã quen cảnh này, mắt liếc nhìn về phía cánh cửa phòng ngủ hơi hé mở, Joergen nường theo tay chị kéo, cũng nhón bàn chân trắng hồng trên nền gỗ màu nâu lợt bóng. Kamilla luồn mấy ngón tay vào mớ tóc nâu ẩn chút đỏ đỏ có những lọn quăn quăn, gãi gãi đầu em. Joergen thích lắm, đầu dựa vào người Kamilla, đưa ngón tay cái lên miệng, mút.

Đặt em lên ghế đầu, khụy chân, cúi người, tay vuốt vuốt bàn chân mụm mẫm, mang cho em đôi vợ len, Kamilla thì thầm:

- Em giỏi, chiều chị lại vườn trẻ đón em rồi hai chị em mình đi chợ, rồi chị mua cho em cây kem trái banh ngehen, cây kem có viên kẹo chanh ở giữa đó, ngon lắm. Em giỏi ngehen. Chị mang giày cho em ngehen. Đôi giày bata ngẫu ghê đi nè. Minh đi lẹ ngehen, tám giờ rồi rồi. Chị sợ bị trễ học. Mẹ ngủ. Em giỏi ngehen.

- Dạ... mẹ ngủ.

** ** *

Tiếng lục đục phía góc bếp làm Thảo thức dậy. Thảo quay nhìn về nơi có ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn treo lòng thòng từ mái nóc nhà thấp. Nhìn dáng người lui cui bên lu nước gần cái bếp có mấy cục than hơi ứng đỏ, yên lòng, Thảo lật tấm mền nỉ màu nâu xậm có in hình mấy cành bông đỏ cam và lá xanh xanh tô điểm, rón rén ngồi dậy. Dụi mắt, cúi đầu tìm kiếm đôi dép mủ màu xanh lợt mà Thảo đã xếp ngay ngắn dưới gầm giường tối hôm qua. Ánh đèn mờ quá, chiếc dép nằm ở chân giường, chiếc dép nằm lẫn trong những chiếc khác chiếc ngổn ngang xấp ngửa. Thảo chưa kịp xỏ chân vô dép thì người đàn bà quay lưng lại, nói, giọng thì thào:

- Ngủ đi con, còn sớm mà.

- Ngoại luộc khoai xong chưa? Ngoại luộc đậu phọng xong chưa?

- Chưa, còn sớm, ngoại bắt nước đây, ngủ đi con.

- Bữa nay con đi học được không ngoại?

- Hôm qua giờ coi bộ em chơi, để ngoại đem em theo ngoại, con đi học rồi về lẹ đăng cho em về nhà chơi. Dang nắng dang nôi cả ngày ngoài đường biểu làm sao mạnh được. Thôi kệ, ráng! Mong sau đưng mưa là được. Ngủ đi con.

- Con để cái nón ở nhà, ngoại bắt Tí Em đội ngehen ngoại.

- Con đội đi, để ngoại cho em đội cái nón lá này của ngoại cũng được. Trưa học về nắng lắm.

- Không được, thằng Tí Em này khôn lắm, điệu lắm, nhất định nó không chịu đội nón của ngoại đâu. Học về, con đi dọc dọc lẹ đường, đi xát nhà người ta, không sợ nắng đâu ngoại. Minh ráng để dành tiền mua cho Tí Em cái nón vải ngehen ngoại.

- Ờ... ngủ đi con.

- Hôm qua còn đậu phọng luộc hả ngoại? Để con lột vỏ, kho nước mắm đường tiêu trưa nay ăn ngehen ngoại.

- Ờ... học về nhớ ghé chợ mua bó rau muống. Nhà còn đầu chiên, con đập tỏi chiên rau, có chút rau chút cải cho em ăn.

- Dạ. Nước sôi kìa ngoại, để con bỏ mấy trái bắp luộc chung luôn. Kệ, ẻo uột nhưng chắc ngọt lắm đây, bắp đầu mùa mà, Tí Anh, Tí Em khoái lắm. Hôm qua con phụ ông Ba Cụt khiêng mấy bao bắp xuống xe lam, ông cho cả rổ, đủ người hai trái sáng nay đó ngoại.

* * *

Như đa số các vườn trẻ, dọc theo hai bức tường dài năm mét là hai băng ghế thấp phía dưới. Hai dây tủ rộng dài bốn mươi centimet treo cao vừa đủ tầm tay người lớn nhưng nếu là trẻ em thì phải đứng trên băng ghế mới với tới, cả thấy hai mươi bốn cái tủ với băng tên bên ngoài. Dưới mỗi cái tủ là ba cái móc áo, mỗi cái móc áo nhìn như ngón tay cong lại, sẵn sàng chịu đựng sức nặng của quần áo mưa, ba lô, bộ áo liền quần mùa đông. Chiều rộng hơn ba mét của căn phòng vừa đủ chỗ cho cánh cửa dẫn vào căn phòng rộng ấm áp bên trong và hai cánh cửa cầu tiêu.

Không nhìn nhưng Kamilla cảm nhận ánh mắt cô Hilde đang đứng dựa vào ngạch cửa trò chuyện cùng mẹ của Alex và thỉnh thoảng phóng về mình. Kamilla biết, biết là cô Hilde chỉ chờ hai mẹ con Alex đi về là cô sẽ kiểm chuyện hỏi này hỏi nọ. Muốn tránh, muốn dẫn Joergen về trước nhưng kẹt nôi là vừa mặc cái áo khoác mùa xuân thì Joergen đòi đi tiểu.

Tiếng kéo nước từ cầu tiêu phía bên phải, tiếp theo đó là tiếng Joergen vọng ra:

- Xong rồi.

Đang nói chuyện, cô Hilde xoay về phía cầu tiêu, giọng hơi dịu:

- Xong rồi thì sao nữa?

Tiếng Joergen:

- Em nói với Kamilla.

- Ô... em còn đang ở vườn trẻ mà. Nào, bây giờ bắt đầu nghe. Em kéo quần lên được chứ? Xong! Em kéo khóa quần lên được chứ? Kéo từ từ thôi! Xong! Em cài nút quần được chứ? Xong! Em cài dây nịt được chứ? Xong hết! Đó, thấy chưa, em giỏi lắm mà...

Tiếng Alex cười to. Trong cầu tiêu im bật. Mẹ của Alex kéo tay con đi như để tránh cho Joergen phút mắc cỡ khi ra khỏi toalet. Kamilla cười hùa, cười nho nhỏ. Vừa ra khỏi cầu tiêu, Joergen chạy lại Kamilla đang ngồi chờ trên băng ghế, dúm đầu vào chị, dấm tay cái lên miệng, mút. Mặc áo khoát cho em, Kamilla mong sao cô Hilde nói câu từ già quen thuộc mỗi ngày. Nhưng không, giọng cô Hilde hơi thấp:

- Hôm nay mẹ làm ca chiều?

- Dạ.

- Hã Ringnes làm ba ca phải không? Tuần rồi mẹ em cũng làm ca chiều?

- Dạ.

- Lạ vậy! Phải đổi ca chớ.

- Dạ... hã cần người.

- Mẹ làm thêm ca đêm?

- Dạ... lâu lâu một lần.

- Rồi ai lo cơm nước cho hai em?

- Mẹ làm cơm sẵn.

- Hai em ở nhà một mình suốt đêm?

- Dạ không, có dì Maalfrid lại ngủ chung.

- Mỗi đêm? Dì Maalfrid không có con sao? Không có gia đình sao?

- Ô... không... ở... đi ở... ở... một mình.

- Em nhớ nhắc mẹ đưa Joergen đến vườn trẻ buổi sáng để cô nói chuyện với mẹ.

- Dạ.

- Em không thể thay mẹ đưa đón Joergen hoài được. Cô phải nói chuyện với mẹ em.

- Dạ.

Sợ bị hỏi tiếp, Kamilla xoay người ngồi xụp xuống nền gạch bông, cài nút áo khoát cho em. Bằng cách này, Kamilla chấm dứt lời hỏi han. Cô Hilde lắc đầu lộ vẻ bất lực, nói:

- Cám ơn cho ngày hôm nay, Joergen! Chào tạm biệt! Ngày mai mình gặp lại nghe Joergen.

Cài cẩn thận móc cửa gỗ của vườn trẻ, Kamilla quay nhanh người vì sợ chạm phải ánh mắt lo âu với nhìn theo của cô Hilde bám vào lưng hai chị em từ nãy giờ. Kamilla hiểu là các cô giáo ở vườn trẻ đã bắt đầu đánh dấu hỏi về những lời giải thích của mình về mẹ. Nhưng biết làm sao đây! Thở dài. Nắm bàn tay em mụn mủm, Kamilla kéo em đi lên quãng đường dốc hướng về phía chiếc cầu sắt.

Cái hờn tủi trong cầu tiêu khi nãy chưa tan trong lòng Joergen, nhắm đã qua khỏi ánh mắt của các cô giáo vườn trẻ, em trì tay chị, không chịu đi. Dừng lại, Kamilla cúi nhìn em. Đưa ngón tay cái lên miệng, Joergen dựa đầu vào chị, một dấu hiệu tìm nơi nương tựa của một đứa bé luôn luôn cảm thấy thiếu một điều gì đó. Cảm động, Kamilla ngồi thụp xuống, biểu:

- Chị làm ngựa nha! Mình chạy một hơi là tới siêu thị. Mình ghé vô mua một cây kẹo mút nghe. Chị một cây, em một cây, nhưng mình không được ăn kẹo bây giờ, phải ăn cơm chiều trước, chờ đến chương trình truyền hình thiếu nhi mới được ăn kẹo nghe... hi... hí... hí...

Sức nóng tháng tư xuyên qua mái tole, bao trùm căn nhà một phòng rộng ba mét dài năm mét đang hâm hấp chịu đựng từ khi mặt trời qua khỏi chóp cây điệp tây phía trước nhà ông Tám Đé. Không quan tâm đến sức nóng hầm hầm bao quanh, Thảo ngồi bệt trên nền xi măng, đầu cúi nghiêng nghiêng, tay viết lia lia lên quyển tập nằm vừa đủ bề rộng chiếc ghế nhựa thấp màu nâu. Ngưng tay, Thảo lướt mắt đọc hàng chữ trong quyển sách nằm trên nền xi măng, ngồi viết lại tiếp tục. Ráng tập trung tư tưởng để viết cho xong bài văn vì Thảo chỉ mượn được quyển sách Việt Văn của Phương Thanh buổi trưa này thôi, nhưng Thảo vẫn lắng tai nghe chùng chùng hơi thở của Tí Em đang nằm im thềm thiếp trên cái giường mét tư kế bên.

Tí Em lại trở bệnh. Gần năm tuổi mà ốm tong, nhỏ xíu như đứa bé ba tuổi con nhà bình dân, Tí Em nằm trên giường lúc mê lúc tỉnh. Nghe tiếng em cựa mình, để cẩn thận cây viết trên quyển tập đang viết dở, Thảo vội lết lại gần giường, hỏi:

- Tí Em uống nước đậu nành rang nghe, chị có pha đường cho ngọt ngọt, ngon lắm, thơm lắm.

- Dạ.

Tiếng thì thào hơi khàn khàn vì lớp đờm nơi cổ.

Hồi sáng, nấu một ấm nước lớn, Thảo bỏ chén đậu nành vừa mới rang vô ấm nước, trút hết bịch đường một ngàn mua bên nhà dì Tám, quậy đều, để yên, chờ nguội. Thảo cẩn thận chế hỗn hợp nước đậu nành rang đã ngả sang màu nâu vàng vô chai coca cola nhựa trắng trong đã lột mất nhãn hiệu. Vặn nút chai thật chặt, Thảo cột một đầu

dây nylon màu xanh quanh cổ chai, đầu dây kia cột vào viên gạch. Đặt viên gạch xuống nền xi măng, Thảo thả cái chai nước đậu nành rang vô lu nước lạnh. Bằng cách này, Thảo có chai nước lạnh cho Tí Em uống cả ngày, uống nước lạnh cho mau giảm nhiệt.

Những chiều Tí Em chơi khỏe, Thảo tranh thủ chạy ra chợ phụ dọn hàng đường đậu bột mè dùm dì Tám. Dì nghèo, dì trả công cho Thảo bằng gói đường bịch bột, bằng mấy con cá khô dư món, bằng chén mắm hèm còn sót lại. Đậu một đậu teo, dì Tám để dành cho Thảo, dầm ba bữa được một nắm tay. Dì Tám chỉ Thảo rang đậu ngâm lấy nước cho Tí Em uống vừa giảm nhiệt vừa có chút bổ dưỡng mỗi lần Tí Em trở bệnh.

* * *

Trên giường nệm êm, dựa vào chị, miệng mút cằm chùng ngón tay cái, mắt hơi lim nhim nhưng Joergen vẫn ráng chờ nghe chị đọc đến chỗ thằng Albert Oerberg làm cơm chiều với ba nó. Lắng nghe động tĩnh, biết em đã ngủ say, Kamilla bước xuống giường. Cúi hôn lên vầng trán phẳng, Kamilla kéo nhẹ tấm mền được bọc bằng lớp vải mịn màu xanh dương đậm có hình ngôi sao vàng lọt lên phủ kín tận cổ, chỉ chừa gương mặt trắng hồng đang ngon giấc. Ngón tay cái đã rời khỏi miệng. Hơi thở nhẹ thanh thản.

Tắt đèn, Kamilla đóng cửa phòng Joergen, thở dài khi thấy mẹ vẫn còn ngồi trong nhà bếp. Không muốn để mẹ chú ý, Kamilla đi thẳng vô phòng tắm, làm vệ sinh cá nhân buổi tối. Nhìn gương mặt mình trong tấm gương lớn, nghĩ đến câu nói của Joergen khi nãy: “Ba của Albert Oerberg giỏi há Kamilla? Em muốn có ba.”, Kamilla ráng nuốt cục nghẹn bỗng trồi lên trong cổ họng, hít thật mạnh để xóa tan cảm giác nồng cay trong sống mũi và chớp chớp hàng mi để ngăn chặn dòng nước mắt chực trào ra.

Kamilla vừa có sinh nhật sáu tuổi, mẹ sanh Joergen được một tháng thì ba đòi ly dị để dọn đến một thành phố khác, nơi có người đàn bà sắp sanh cho ba một đứa con. Từ khi ba không còn về nhà mỗi chiều thì không hiểu sao, cứ mỗi tối sau chương trình thiếu nhi là em Joergen bắt đầu khóc. Tối nào cũng khóc. Em khóc dai dẳng, khóc nức từng cơn, khóc không biết mệt. Mẹ phải bông Joergen đi tới đi lui, dỗ em Joergen từ vai phải sang vai trái, từ ẵm nằm đến ẵm đứng, em Joergen vẫn khóc, khóc nức, khóc liên tục. Mẹ khóc theo. Mẹ chửi ba. Mẹ chửi ông bà nội. Có hôm đóng cửa dặn Kamilla ngồi im một chỗ coi truyền hình, mẹ gói kín em Joergen trong cái bao mền lông cừu trắng tinh, đặt em vô xe, mẹ đẩy xe em Joergen đi trong đêm tối lạnh căng căng. Chờ mẹ lâu quá, người ta bắn nhau trên truyền hình, Kamilla dấu mặt trong cái gối ôm, ngủ gục trước truyền hình. Mẹ trở về khi em Joergen thôi khóc, trong căn nhà rộng vắng tiếng cười.

Một tối, đang xem truyền hình trong khi tiếng khóc của em Joergen ứng ức cả tiếng đồng hồ, Kamilla đói bụng,

đòi mẹ làm thức ăn tối. Mẹ hét, tiếng hét lẫn át tiếng em Joergen khóc. Mẹ mắng Kamilla hư. Mẹ chửi Kamilla không hiểu nổi khổ nhọc vì phải cưu mang hai đứa con nhỏ một mình. Mẹ dẫn em Joergen xuống sô pha. Em Joergen khóc to thêm. Mẹ vô bếp làm thức ăn cho Kamilla. Em Joergen khóc thét từng cơn. Kamilla lại sô pha, định ẵm em lên. Loay quay vụng về, hai chị em té lăn. Mẹ chạy ra phòng khách. Mẹ bế em Joergen lên. Mẹ mắng Kamilla.

Từ đó, mỗi khi đói, nhìn gương mặt mẹ, Kamilla biết khi nào thì mình nên tự vô bếp, tự cắt bánh mì, tự thoa bơ, tự thoa một lớp chocolate, tự rót ly sữa, ngồi trước truyền hình vừa ăn vừa xem. Không bao lâu thì em Joergen thôi khóc đêm nhưng gương mặt mẹ bỗng dưng lạnh băng. Có những lúc thấy mẹ không quay người khi tiếng em Joergen cựa mình thức dậy, Kamilla chạy vào phòng em, bế em, chơi với em. Dần dần, Kamilla hiểu tiếng khóc của em Joergen là dấu hiệu đòi phải được thay tả, hay muốn bú từ một trong sáu bình sữa âm ấm mẹ đã pha sẵn mỗi ngày trong thùng bình thủy hình tròn lớn như trái bí rợ, hay phải được bế, được chơi cùng...

Mẹ không ngủ được nên mẹ phải uống rượu cho dễ ngủ. Mẹ buồn nên mẹ phải có rượu để giải khuây. Lúc đầu mẹ chỉ uống rượu tối thứ sáu và thứ bảy. Từ từ, thêm một ngày trong tuần, thêm vài ngày trong tuần, mỗi ngày. Càng uống rượu, mẹ càng im lìm. Càng uống rượu, mẹ càng để mặc đứa con gái bảy tuổi lo cho thằng em một tuổi. Mẹ dặn Kamilla không được kể cho các cô giáo vườn trẻ, cho ba, cho hàng xóm rằng mẹ uống rượu, ngay cả ông bà ngoại ở tận miền tây nên hai ba tháng mới đến thăm.

Cứ hai tuần, ba đón hai chị em Kamilla về nhà ba chơi. Người đàn bà của ba tử tế nướng chiều hai chị em Kamilla khi có mặt ba. Nhưng ba phải đi làm nhiều, làm cả tối cuối tuần để vừa cấp dưỡng cho cái gia đình mới, vừa cấp dưỡng cho hai chị em Kamilla. Những khi ba vắng nhà, gương mặt người đàn bà của ba đổi hồng tươi thành đen xám, giọng nói đổi từ đường ngọt thành muối thành chanh. Người đàn bà của ba nói xấu mẹ từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn. Bà mắng mỏ hai chị em từ cách ăn đến cách chơi. Bà không cho hai chị em Kamilla đến gần em bé vừa sanh, bà sợ hai chị em sanh lòng ganh tỵ mà làm hại đứa bé.

Ba mắng Kamilla độc miệng khi Kamilla kể cho ba nghe. Ba than Kamilla bị ảnh hưởng của mẹ. Còn bé quá, không đủ sức chống đỡ, uất ức, Kamilla không chịu đi theo những ngày cuối tuần ba được phép đón hai chị em. Kamilla không theo ba thì em Joergen cũng không theo được.

Không còn ở chung nhau nữa, ba mẹ lại gây nhau nhiều hơn, gây qua điện thoại, gây trước mặt hai con, gây ở văn phòng Cố Vấn Gia Đình... Mẹ không muốn hai chị em đi thăm ba thường xuyên nên mẹ bệnh vục, hỗ trợ ý tưởng không muốn thăm ba của Kamilla. Mẹ thù ba. Mẹ hận người đàn bà đang sống với ba. Mẹ cấm ông bà nội

đến thăm hai cháu. Mẹ tuyệt giao với gia đình bên nội. Ba giận dữ. Ba nản lòng. Ba bỏ cuộc. Người đàn bà của ba cố giấu niềm vui. Lòng hận thù của mẹ được vượt ve. Những giọt nước mắt được Kamilla cố ngăn, cục nghẹn nơi ngực được Kamilla cố nuốt ngược mỗi lần ai đó nhắc đến ba. Hình ảnh ba mờ dần trong tâm em Joergen.

* * *

Thảo thương Tí Em lắm. Mẹ sanh Tí Em khi Thảo mới sáu tuổi và Tí Anh được ba tuổi. Tí Em thiếu tháng, cái đầu nhỏ thua trái cam, da nhẵn nhúm khô xám, tay chân cong cong que củi, hầu như không bao giờ cử động. Mẹ bệnh liên miên trong mấy tháng cưu mang Tí Em và khi sanh thì mất máu nhiều quá nhưng mẹ không thể nằm lâu ở nhà thương vì ba không có tiền. Nằm ở nhà thương được hai ngày, chân mẹ yếu, người mẹ lả, ánh mắt mẹ lơ đãng, ba phải công mẹ từ ngoài đầu con hẻm vừa chặt vừa quanh co không chiếc xích lô nào vô được. Di Năm Hiển, dì Hạnh ở cùng con hẻm, rảnh được phút nào là chạy qua thay nhau trông chừng mẹ vì ba phải đi làm công cho người ta. Lương tuần vừa đủ trả nợ nhà thương, vừa đủ đông đầy hủ gạo, tiêu đường mắm muối. Nghỉ một ngày là đói một ngày. Sáng sớm ba nấu nồi cháo có chút rau chút cá cho bốn mẹ con. Ba vớt một tô nước cháo lỏng để dành cho Tí Em. Con bé Thảo sáu tuổi pha đường vô nước cháo, thay mẹ cho em bú. Con bé Thảo sáu tuổi đỡ mẹ ngồi dậy, đút cháo cho mẹ. Chẳng Tí Anh ba tuổi, không biết vòi vĩnh, chạy lăng xăng làm chuyện này chuyện kia theo lời chị sai biểu.

Ba nhấn người ra Quảng Ngãi kêu ngoại. Ngoại tất tưởi vay tiền đi tàu lửa vào Nam. Ngoại còn đang ngơ ngáo giữa dòng người, ngoại còn đang loay hoay hỏi đường đón xe lam ở ga Hòa Hưng thì mẹ tất tưởi. Mẹ đi nhẹ nhàng lắm, nhẹ như bước chân ba rón rén cài cửa đi làm mỗi buổi sáng sớm. Mẹ không nói một tiếng nào với Thảo và Tí Anh. Hai chị em thức dậy khi cái bụng cào cào muốn ăn và tiếng Tí Em ngoa ngoe đòi bú. Cho Tí Em bú, hai chị em mỗi người một tô cháo có mấy con tôm khô làm chất ngọt và nước mắm làm ngon miệng con trẻ. Chờ hoài không thấy mẹ kêu, con bé sáu tuổi ham chơi với em, không nghĩ, không thắc mắc chi cả.

Con bé sáu tuổi và thằng em ba tuổi ngơ ngơ ngác ngác khi một người đàn bà coi bộ già lắm rồi, vừa bước chân vô nhà là hỏi tên mẹ mình rồi ôm hai chị em, tiếng nói hòa nước mắt:

- Cái Thảo, cu Tí đây mà. Ngoại đây con. Bây không nhìn ra ngoại hở? Ờ, mà cái hồi ba mẹ bây đưa tụi bây ra thăm ngoại, con Thảo mới ba tuổi, cu Tí còn bú mẹ. Mà mẹ bây đâu? Em đâu?

Hai đứa bé hoảng sợ, rống khóc theo tiếng bà ngoại vừa khóc vừa rú:

- Ôi Trời... con tôi... con tôi sao thế này... con ơi là con... sao con không chờ mẹ...

Từ đó, ba lằm lũi sáng sớm đi, âm thầm chiều tối về. Từ đó, hai chị em có bữa cơm chắc bụng, Tí Em ngủ ngon giấc theo tiếng bà ngoại ru à ời trưa chiều. Chưa được nửa năm, bốn bà cháu chờ ba buổi tối, chờ ba ngày hôm sau, chờ ba một tuần... Ba không bao giờ về nữa.

Xin được chỗ ngồi khiêm nhường ngoài đầu hẻm nhỏ nối với một con hẻm lớn, và số vốn nhỏ nhoi vay được của dì Năm Hiển chỉ đủ cho bà ngoại luộc khoai từ, khoai mì, khoai lang, khoai sọ... bày trên cái sàng có đường kính độ hai gang tay, bán sáng sớm, bán chiều tối. Bốn bà cháu chia nhau bữa cơm trắng có đĩa cá kho keo, có tô canh rau xanh lờn vờn tốp mỡ thơm.

Nhưng hai lá phổi của Tí Em yếu quá. Chút hơi lạnh là em ho, ho kéo đờm. Chút trở trời là hai lá phổi hành em nóng sốt, sốt mê mang. Ngoại đành dùm tiền đưa em đi bác sĩ. Toa thuốc bác sĩ cho dài quá. Toa thuốc bác sĩ biểu phải uống liên tục cả năm. Lời bác sĩ khuyên phải ăn uống tẩm bổ, tránh dầm mưa dầm nắng. Nghe thì nghe vậy. Biết thì biết vậy. Nhưng làm sao bây giờ? Cát toa thuốc trong túi áo cánh, lặn lời bác sĩ khuyên vào lưng quần, ngoại nhắm mắt nuôi cháu và chỉ biết cầu Trời đừng trở nắng trở mưa bất chợt.

* * *

- Chiều nay câu lạc bộ thiếu nhi Haugerud có tổ chức disco, tụi mình đi chung không?

Giọng Krister náo nức, mắt nhìn lướt qua đám bạn sáu đứa đang ngồi vẽ quanh cái bàn vuông rộng, ánh mắt đậu lâu trên gương mặt Kamilla hồng sáng. Cả bàn nhao nháo:

- Ghé nhà tao!

- Ờ, nhà thằng Krister gần đó.

- Đem theo mấy đĩa CD Mc Music.

- Khỏi cần, chắc câu lạc bộ có đĩa đó.

- Tao có đĩa mới nhất của Blackstreet.

- OK... đem theo luôn đi.

- Mấy giờ?

- Sáu giờ rưỡi.

- Sớm vậy?

- Chơi trước cho vui.

- Kamilla, đi chứ?

Vén mái tóc vàng óng qua vành tai... ngược mắt nhìn nhanh về phía Krister... ngưng cọ vẽ... cúi đầu để mái tóc phủ che một phần gương mặt... cái cọ vẽ đưa tới đưa lui một cách vô thức... giọng hững hờ:

- Để coi.

Cả nhóm bỗng đứng im lặng, những đôi mắt trao đổi nhanh. Tiếng thầy Morten yêu cầu học sinh dọn dẹp trước giờ chơi phá tan những dấu chấm than vừa tỏ

đậm trong đầu năm cô cậu học trò lớp 5A trường Haugen, một trường tiểu học nằm phía ngoài thủ đô Oslo. Dấu chấm than được vẽ lên trong đầu những người bạn cùng lớp vì hai chữ “để coi” là cách trả lời thường xuyên trên môi người bạn gái khả ái ít nói này. Ai cũng hiểu nghĩa cặp chữ “để coi”.

Vừa mở cửa, mùi thức ăn thốc vào mũi làm Kamilla tháo nhanh dây giày, bỏ cái ba lô ngay lối vào, chạy vào bếp, reo nho nhỏ:

- Mẹ làm mì Ý hả mẹ? Làm nhiều nhiều nha mẹ để... Kamilla im bật.

- Ồ. Con coi ăn một hũ yaourt cho đỡ đói rồi làm bài. Chút bốn giờ con đi đón em, mình ăn chiều chung luôn.

- Dạ.

Cố dấu nổi vui rộn ràng dâng ngấm ngấm làm sóng mũi ngây ngây nồng, những niềm vui hiếm hoi đến bất chợt, Kamilla mở tủ lạnh rót cho mình một ly nước cam tươi Florida màu vàng thắm, chọn hũ yaourt dâu xanh, vào phòng mình. Không thể nào làm bài được... ánh mắt Krister... lời bàn bạc náo nức cho tối disco sẽ có ở câu lạc bộ thiếu nhi... giọng mẹ ngọt ngào... mùi nước sốt cà có thịt bằm chiên thơm... cái quần ống xòe màu hồng nhạt, cái áo sát cánh cũng màu hồng nhạt của bà ngoại tặng từ hôm sinh nhật chưa có dịp mặc... Kamilla lẩn ra giỡng êm, thiếp dần.

Như những bữa ăn có đủ ba mẹ con, bao giờ Joergen cũng ngồi đầu bàn, Kamilla và mẹ ngồi hai bên. Đẩy cái đĩa bàn ra phía trước, giọng Joergen nũng nịu:

- No rồi.

- Ăn cho hết đi em, giỗi chị cho tráng miệng.

- Tráng miệng gì?

Đưa mắt nhìn mẹ, Kamilla chờ.

- Mẹ mới mua hộp kem Mousse có lớp chocolate, mẹ để trong tủ đá.

- U... m... ngon chưa. Ăn thêm nghen Joergen.

- Mẹ...

Kamilla ngập ngừng, tiếp:

- Tối nay câu lạc bộ thiếu nhi... có mở disco từ bảy giờ đến tám giờ, mẹ cho con đi lúc sáu giờ rưỡi nha mẹ.

- Ồ... mẹ đi làm ca tối lúc mười một giờ. Con phải về ngay.

- Dạ! Mẹ ăn tráng miệng không? Con lấy cho mẹ luôn... ẹ ẹ Joergen... chị phải sửa soạn.

- Để đó mẹ dẹp cho.

Vui mừng, quên hết, Kamilla chạy ào vô phòng tắm, đánh răng, ngắm nghía mái tóc vàng lóng lánh thả dài vừa qua khỏi vai hơi cong ngược ra ngoài... lục tìm cái băng đô màu hồng... không... cái băng đô màu trắng... chứ không thôi nhiều màu hồng quá... quần hồng... áo hồng... vậy là giày trắng... gọi điện thoại báo cho nhỏ Erna... thôi đừng... cho tụi nó ngạc nhiên chơi... chắc Krister ngạc nhiên lắm đây...

Bước chân như nhảy nhót chợt đứng lại ở lối đi từ phòng tắm dẫn đến ba phòng ngủ nằm kế nhau khi Kamilla liếc nhìn về bộ sa-long da màu đỏ rượi chất trong phòng khách. Joergen ngồi trong lòng ghế bành rộng, hai chân xếp bằng, đang mãi mê theo dõi chương trình Sesam Sesam, ngón tay cái trong miệng thỉnh thoảng mút. Màu rượi vàng nâu nhạt long lanh trong chiếc ly tròn như nửa quả trứng ngỗng, thấp chân, đứng bên cạnh chai cognac màu nâu có dòng chữ trắng. Mẹ ngồi đó, đọc báo. Như con nai vàng đang nhảy nhót vui chơi trong đám cỏ non xanh tươi chợt vểnh tai lắng nghe tiếng chân cạp đất đi lần tới, tim Kamilla nhói đau.

Chạy ào vô phòng, gieo mình lên giường, dúi mặt trong gối, Kamilla ráng giữ tiếng nấc nhưng nước mắt thì cứ rùng rùng không muốn ngưng. Giận dữ, Kamilla bật ngồi dậy... nhưng rồi xịu xuống nhanh. Em biết! Em biết... chỉ chằm ngồi vào đồng lá khô nâu là ngọn lửa bùng lớn. Mẹ bắt đầu lôi những chuyện từ bao năm trước để chửi ba, mắng người đàn bà đã có hai mặt con với ba, trách ông bà nội bỏ bê cháu... Em biết! Nếu em lẳng lặng đi chơi, em Joergen sẽ gục ngủ trong lòng chiếc ghế bành

Người Bạn Đời

Này người bạn đời của tôi ơi!
Duyên nợ ba sinh trời định rồi
Chờ lúc qua cầu mới rõ phước...
Hay là nghiệp chướng vẫn chưa vơi ?!

Rừng hoa muôn sắc, bướm nhớn như
Ta đến với nhau thật bất ngờ
Chỉ một lần đầu mới gặp mặt
Mà tình như đã, tự bao giờ!

Như kẻ mất hồn, cứ thẩn thơ
Ngẩn ngơ, ngơ ngẩn, sống trong mơ
Vẽ vời, toan tính, bao nhiêu mộng.
Cứ tưởng cuộc đời đẹp như thơ !

Mỗi bước đường tình lấm ngọt bụi
Ai ngờ sóng gió trộn buồn vui
Hờn ghen, giận dữ..., bao lần khổ!
Hạnh phúc có khi cũng ngậm ngùi!

Những lúc bình yên thật tuyệt vời
Bên nhau hạnh phúc cũng đầy vơi
Gia đình êm ấm sau ra trước...
Chồng vợ chung lòng "tát biển khơi".

Đâu phải ngày nào cũng được vui
Những khi mưa, nắng. Lỡ khóc cười...
Cẩn rằng, ngậm miệng cho qua bữa
Trách được ai đây? Khéo trách trời!

Hờn giận bao phen rồi cũng qua
Tình trong vạn kiếp đến đây mà...
Càng thương, càng giận, càng tha thiết
Trả nợ cho nhau. Ấy gọi là!

Trả nợ cho nhau hay nợ thêm
Kiếp này chưa trọn nghĩa ƠN ĐỀN
Mấy mươi năm quả thật mau nhỉ ?!
Tóc bạc trên đầu vẫn chưa yên.

Bình-Sa

rộng thỉnh thoảng nức lên mút nhanh ngón tay cái vì gọi hoài mà không có chị Kamilla đến dỗ, bụng trống rỗng và màn ảnh truyền hình vô tình tiếp tục chương trình dành cho người lớn. Em biết! Mẹ sẽ rót thêm nửa ly, rồi nửa ly, rồi nửa ly, rồi nằm dài ra sofa. Và ngày mai, ánh mắt cô giáo vườn trẻ đậu lâu trên gáy mình. Cô giáo sẽ tìm cơ hội trống người để hỏi về mẹ.

Cứ thế, diễn đi diễn lại, một vài lần trong tuần và rồi sáng mai Kamilla phải gọi điện thoại đến hãng để báo mẹ nghỉ bệnh. Càng tệ hơn nếu những cuối tuần có thêm người đàn ông lạ cùng chia chai martin màu trắng nét chữ xanh, cười giòn, ói mửa... ngủ lại. Kamilla dấu tất cả. Không ai biết mẹ đã giảm giờ làm việc 50% theo giấy báo bệnh của bác sĩ. Hàng xóm không ai thắc mắc vì sao Kamilla thường xuyên đi chợ và đưa đón em Joergen. Nhà trường, vườn trẻ cần nhân vì mẹ Kamilla thường vắng mặt trong các buổi hội họp, ít khi đến họp thường năm... nhưng không tìm hiểu thêm. Bạn bè trong lớp đã quá quen những lời từ chối khi mời Kamilla dự tiệc sinh nhật hay rủ về nhà chơi sau giờ học. Bạn bè không còn quan tâm vì sao Kamilla không bao giờ rủ bạn về nhà hay tổ chức tiệc sinh nhật. Ông bà nội không được đưa cháu về chơi, đành phải tự an ủi bằng những món quà đắt tiền gửi cho cháu dịp sinh nhật, Giáng Sinh. Ông bà ngoại bắt đầu đoán ra hoàn cảnh bí bưng của con gái nhưng Kamilla khôn khéo bênh vực, bao che mẹ. Báo chí, truyền hình kết án chính quyền làm ngơ cho chủ nhân các nước chậm tiến dùng trẻ em dưới mười hai tuổi phải làm việc trong các hãng xưởng. Nhưng báo chí, truyền hình không biết rằng em Kamilla là người mẹ nhỏ của em Joergen, Kamilla là người chăm sóc mẹ những khi mẹ "quá ly". Kamilla sợ nhân viên Văn Phòng Bảo Vệ Trẻ Em đưa hai chị em cho người khác nuôi, mỗi người một nơi, không được lo cho em Joergen yếu đuối luôn nương vào chị vì mẹ căn dặn, mẹ dọa, mẹ hứa sẽ không bao giờ bước chân vô tiệm rượu.

** ** *

Thảo đến tuổi đi học, ngoại lao đao vượt qua từng vấn nạn tiền nong. Mỗi năm ít nhất phải có một bộ đồng phục gồm váy xanh đậm và cái áo cổ lá sen màu trắng, lệ phí mỗi học kỳ, sách giáo khoa, tập vở, bảo hiểm trường, bảo quản trường... trăm ngàn thứ, mai thứ này, mốt thứ kia. Bà ngoại luộc thêm thúng đậu phụng, ráng ngồi bán cho hết sàng khoai rổ đậu, về đến nhà là mọi người giăng mừng sửa soạn đi ngủ. Tí Anh ở nhà trông em. Những hôm Tí Em khỏe, hai anh em ra đầu hẻm chơi quanh quẩn bên thúng đậu sàng khoai với hy vọng được ngoại mua cho chén chè có nhiều nước dừa béo ngậy.

Lo cho hai em ăn sáng, Thảo đi học. Ngồi trong lớp, chạy ngoài sân trường giờ ra chơi, lòng bé Thảo không mấy phút được yên lâu. Thảo thắc mắc không biết Tí Anh có dẫn Tí Em ra nắng chơi lâu. Thảo băng khuâng sao Tí Em gần ba tuổi rồi mà đi chưa vững. Thảo lo lắng vì tiếng ho Tí Em hơi khàn khàn hồi sáng sớm. Thảo sợ

sợ khi bầu trời vẫn vẫn chuyển mưa, sợ ngoại đem cái rổ còn khoai luộc, đậu phụng luộc về chiều nay, lấy vốn đầu mà mua khoai mua đậu cho ngày mốt. Con bé Thảo bảy tám tuổi lo nghĩ bản khuôn khi nháy cò cò trong sân trường. Con bé Thảo tám chín tuổi vui mừng khi vừa nghĩ ra được món dừa kho keo mặn mặn beo béo sẽ làm cho hai em ăn chiều nay thì tiếng đồng thanh của cả lớp đọc theo cây thước cô giáo chỉ trên bảng cất ngang gương mặt tươi vui của Tí Anh Tí Em trong đầu...

Những hôm Tí Em lên cơn sốt, ho xù xụ, ho có lớp đờm làm nghẹn hơi thở, lớp đờm làm hơi thở kéo khè khè, thường lắm, mỗi tháng vài ba lần, mỗi lần năm ba ngày, thế là Thảo phải nghỉ học ở nhà trông em. Cũng may là trường cho Tí Anh học lớp buổi chiều. Nhưng buổi sáng trong lớp học, đầu óc con bé Thảo quanh quẩn trong căn nhà một phòng mái tôn hừng hực, đôi mắt dõi trông chừng vì con bé Thảo biết Tí Anh khờ lắm, Tí Anh ham chơi lắm, Tí Em không nghe lời anh, Tí Em theo anh ra chơi ngoài nắng...

- Con mua chi mà nhiều khoai lang quá vậy? Bán làm sao hết? Mà sao nhiều củ ề ề quá, làm sao luộc bán?

- Con tính rồi ngoại. Lợi lắm ngoại. Con mua nguyên bao khoai, rẻ hơn mua ký.

- Nhưng...

- Mình lựa mấy củ khoai tốt tốt mình luộc bán. Mấy củ ề ề sùng sượng, con gọt bỏ, con cắt bỏ chỗ sùng sượng, con xắt phơi khô, xắt to bằng ngón tay con nè ngoại. Ngoại cho con tiền thêm, con mua dừa nạo. Sáng sớm con hấp khoai khô, đem lên trường bán. Một gói một ngàn, khoai khô hấp nóng trộn dừa nạo, rải chút muối mè, ngon lắm ngoại.

- Nhưng con phải đi học. Ngoại...

- Không sao đâu ngoại. Con lên trường sớm hơn, con bán cho tụi bạn con. Nếu bán không hết buổi sáng sớm thì con sẽ hỏi nhờ dì Hạnh bán nước sinh tố giữ dùm con. Ra chơi con chạy ra bán tiếp, lúc ra về con bán tiếp. Bạn con thương con, bạn con mua dùm con. Mình kiếm thêm được đó ngoại.

- Bữa nào em bệnh thì sao?

- Thì nghỉ bán. Hay là mình làm thêm một thau nhỏ cho ngoại bán.

- Không được.

- Dạ... không được... người ta cho mình chỉ đủ chỗ để được cái thúng... mình bày thêm người ta ghét... người đuổi thì khổ.

- Hay là để ngoại xin bà chủ nhà trước, cho thì mình bán thêm. Ngoại thấy món khoai lang khô hấp trộn dừa nạo ngon lắm đó.

- Vậy là mình phải mua hai cái thau mới, hai cái khăn mới đắp lên trên, nhìn sạch sẽ thì người ta thích mua.

- Ở... mua thau mới... cha mày... bày thêm... mấy ngàn một cái thau... rồi khăn mới... mấy ngàn nữa... tiền đâu đây?

- Dạ... chắc bốn năm ngàn gì đó... cả khăn nữa chắc cỡ chục ngàn.

- Chục ngàn đồng... vậy là hai chục ngàn đồng... cha mày... tiền đâu...

- Hay là con thử bán trước. Từ từ có lời, mình để dành, mình có thêm vốn, mình mua thêm thau, khăn cho ngoại bán.

- Cha mày... bày đặt... chưa bắt đầu mà tính đủ chuyện... ờ... mà ráng coi sao... bán món này không cần bỏ vốn nhiều... bán không hết đem về cho em ăn... cha mày... khôn lỏi!

Sách vở thiếu trước hụt sau, lệ phí học kỳ hện lên hện xuống, ngày học ngày nghỉ, cô giáo thương tình lắm mới được ở lại lớp, chứ không thôi là bị đuổi từ lâu. Lớp hai ở lại, lớp ba ở lại, tụi bạn cùng tuổi lên cấp hai mà Thảo vẫn còn đang ì ạch ở lớp năm. Nản lắm! Nhưng ngoại bắt học. Thảo cũng muốn học nữa bởi Thảo biết mình học không thua gì tụi bạn, Thảo biết tại vì phải nghỉ học hoài nên theo không kịp bài. Thảo biết vì không theo học được các lớp luyện thêm nên học kỳ nào cũng lạch đạch hạng ba mươi, bốn mươi.

Bác sĩ biểu là em Tí Em bị suyễn nặng, phải hít thuốc ngày bốn lần để ngừa cơn suyễn. Vị chi mỗi tháng phải hít một ống thuốc màu nâu, mấy trăm ngàn đồng. Mỗi khi cơn suyễn kéo đến làm ngực Tí Em như bị thắt chặt, lớp đờm trong phổi dầy đặc, khí quản nở ra khiến không khí không vô mà cũng không ra được, Tí Em phải hít ống thuốc màu xanh, loại thuốc mắc tiền hơn. Những tháng mưa nhiều và lạnh, cơn suyễn đến thường hơn.

** ** *

Cô giáo hướng dẫn lớp 5A, bà hiệu trưởng, cô y tá trường, cô giáo xã hội, đại diện văn phòng Bảo Vệ Trẻ Em, nhà tâm lý giáo dục và mẹ của Kamilla; bảy người ngồi quanh cái bàn hình bầu dục trong phòng họp có cửa kính lớn nhìn ra khoảng rừng thông nhỏ nằm sát trường. Sau phần giới thiệu, bà hiệu trưởng mở đầu:

- Mặc dù quý vị thừa biết nhưng tôi cũng nhấn mạnh để bà Hagen, mẹ em Kamilla hiểu là tất cả những gì được bàn thảo trong căn phòng này hoàn toàn bảo mật. Và cũng xin thưa với bà Hagen, mục đích buổi họp này là tìm hiểu, thảo luận để mong đưa đến những giải pháp hữu giúp đỡ em Kamilla và gia đình chứ không phải là một phiên tòa xét xử gia đình bà. Xin mời cô Aud Vestby, cô giáo hướng dẫn lớp 5A.

Tay cầm cây viết, tay lật mở quyển sổ dày khổ A5 trước mặt, nhìn chừng những hàng chữ được ghi chép li ti vì không muốn bỏ mất một chi tiết nào trong những điều

mình đã chuẩn bị trình bày trong buổi họp này, cô bắt đầu:

- Tôi rất vui khi chúng ta thu xếp được buổi họp đầy đủ các ban ngành như vậy chỉ sau hai tuần báo động. Là giáo viên hướng dẫn lớp em Kamilla trong hai năm liên tiếp nhưng tôi lấy làm tiếc là không có cơ hội tìm hiểu em sâu hơn vì nhìn chung em là một học sinh ngoan, có trách nhiệm với sự học của mình, áo quần tươm tất, thức ăn trưa mang theo đầy đủ. Nhưng dần dần, có những đặc điểm làm tôi lưu ý đến mỗi khi em biểu lộ sự già dặn hơn tuổi.

- Cô có thể cho biết thêm chi tiết về sự già dặn hơn tuổi của em Kamilla.

- Đó là tinh thần trách nhiệm hiếm có ở lứa tuổi ham chơi này. Vì không thường làm kịp bài vở về nhà, em xin phép được ở trong lớp vào giờ ra chơi để tranh thủ làm bài. Trong những bài văn ngắn tự do, em thường có những nhận xét, những nghĩ suy, những cách kết thúc hay giải quyết vấn đề như một người trưởng thành. Những đề nghị của em khi được hỏi tới, rất thực tế chứ không vì cho sự ham vui thường có ở tuổi này, cho vừa ý bạn bè hay bốc đồng. Tôi tiếp tục?

- Xin mời!

- Một đặc điểm nữa là em không bao giờ kể về gia đình mình trong giờ chuyện trò đầu tuần hay sau các kỳ nghỉ lễ, trong khi các em khác nôn nao giờ tay chờ được phép. Tôi chỉ nêu những gì tôi đã ghi chú. Phần nhận xét và phán đoán để đi đến một giải pháp là thẩm quyền của quý vị, những người có kiến thức sâu rộng về đề tài này.

- Xin được nghe tiếp.

- Trong khoảng vài tháng gần đây, em Kamilla thường đi học trễ và bị đau bụng. Lúc đầu tôi không quan tâm nhưng khi thấy em bị đau bụng thường xuyên, tôi đã giới thiệu em lên văn phòng y tá trường. Xin chị y tá cho biết ghi chú của chị.

- Cám ơn! Xem kỹ sổ sách, tôi thấy em chỉ đến văn phòng của tôi một lần và được ghi chú là có triệu chứng khó tiêu, đã gửi giấy yêu cầu ba mẹ đưa em đi bác sĩ. Đến khi chị Aud hỏi tôi về chứng đau bụng thường xuyên của em Kamilla, tôi liên lạc với bác sĩ gia đình Hagen thì được biết là mẹ em chưa bao giờ đưa em đến để khám về chứng đau bụng này...

- Kamilla không cho tôi biết gì về điều này cả và tôi cũng không thấy Kamilla bị đau bụng ở nhà.

- Vâng, chúng tôi ghi chú điều này. Xin cô Aud tiếp tục.

- Cám ơn! Mỗi lần được chia nhóm để hợp tác biên khảo một đề tài nào đó, các em trong lớp phản đối khi có Kamilla trong nhóm. Các em than phiền là Kamilla hầu như không bao giờ đến họp. Cố ý theo dõi, tôi được biết Kamilla hầu như không đến dự sinh nhật nhà bạn, không bao giờ tổ chức sinh nhật ở nhà.

- Kamilla không muốn.

- Xin bà để cô Aud trình bày cho xong rồi chúng ta sẽ có ý kiến sau.

- Kamilla không bao giờ tham dự các buổi tiệc do câu lạc bộ thiếu nhi vùng này tổ chức. Theo tôi nhật xét, em Kamilla không phải là nạn nhân của những ác-ý-bỏ-rơi thỉnh thoảng xảy ra trong trường học. Em là một đứa trẻ cứng mạnh khi nói về mặt tâm thần. Em được bạn bè thương mến. Nhưng con nít là con nít. Rủ đi chơi một vài lần mà không được là quên ngay, không rủ nữa. Mời sinh nhật mà không đi, không được mời sinh nhật “trả lại” là tên người này không nằm trên danh sách mời về sau. Trong giờ đàm thảo mùa xuân dành riêng cho mỗi học sinh, cách đây ba tuần, tôi “quay” em Kamilla về những liên hệ hiếm khi của em với bạn bè trong lớp. Em tìm cách giải thích, biện hộ. Nhưng nửa chừng, em bật khóc. Em kể rằng em thương em Joergen tính tình yếu đuối, em Joergen không muốn rời chị, em sợ em Joergen phải ngồi nhà một mình vì mẹ phải ngủ để có sức đi làm...

- Tôi thường làm ca đêm, cuối tuần...

- Chúng tôi cố gắng hiểu hoàn cảnh người-mẹ-nuôi-con-một-mình của bà. Xin cô Aud tiếp tục.

- Cám ơn. Em không muốn bạn bè đến chơi vì em không muốn bạn bè biết về mẹ mình...

- Tôi...

- Xin bà! Xin mời cô Aud.

- Một điều tôi để ý nữa là những truyện em Kamilla thường mượn ở thư viện nhà trường là những truyện lấy gia đình làm hậu cảnh. Chính vì những điều đã nêu, tôi muốn có buổi họp này để các cơ quan có thẩm quyền phán đoán và tìm một giải pháp.

- Xin bà Hagen cho ý kiến về những nhật xét của cô hướng dẫn lớp 5A.

Bà Hagen nhìn ra cửa sổ, sức sinh động trên đôi mắt hơi đục không còn bao nhiêu. Im lặng thật lâu, quay nhìn mọi người, gương mặt có vẻ thách thức nhưng giọng lại khàn khàn như nhạ:

- Kamilla không dự sinh nhật hay tiệc tùng, không mời bạn bè đến nhà là vì tính cháu khép kín không muốn giao thiệp. Kamilla thương em nên Joergen quyến chị, không muốn rời chị, đó là điều tự nhiên thôi. Kamilla không thích kể về mình, về gia đình thì đó chỉ là cá tính đặc biệt của em, không ai dạy em điều này. Tôi là mẹ, Kamilla không sẵn sóc tôi. Ở nhà, Kamilla không bao giờ đau bụng. Gia đình chúng tôi không có nhu cầu cần sự giúp đỡ của các cơ quan công quyền. Tôi không hiểu tại sao phải có buổi họp này.

- Xin mời nhà tâm lý giáo dục.

- Trước hết, tôi có lời ngợi khen cô Aud đã báo động với nhà trường kịp thời và nhà trường thu xếp nhanh chóng

để có được buổi họp này. Tôi cũng đã đọc qua những ghi chú của vườn trẻ Eplebakken, nơi chăm sóc em Joergen. Em Kamilla thường bị đau bụng ở trường mà không bị đau ở nhà, nguyên nhân có thể vì em có quá nhiều lo âu ở nhà. Em không muốn dự sinh nhật bạn bè vì em hiểu ý nghĩa của sự cho và nhận, em không nhận vì em biết mình không có gì để cho. Nghĩ đến đây, tim tôi thất đau. Mười tuổi! Em Kamilla đã đánh mất tuổi thơ. Sự già dặn quá tuổi của em Kamilla là do sự tôi luyện qua nhiều năm, từ khi em còn rất nhỏ, có thể từ bốn hay năm tuổi. Khả năng ứng biến, sức chịu đựng đã tôi luyện em thành người có trách nhiệm. Một trách nhiệm quá nặng cho một đứa trẻ. Em đóng vai trò người mẹ cho Joergen mà ngay cả chính em cũng không nhận ra. Với em, đó chỉ là điều đương nhiên. Một người mẹ chưa đầy mười tuổi! Thưa bà Hagen, chúng ta phải làm việc với nhau rất nhiều. Chúng ta phải trả lại tuổi thơ cho em Kamilla. Cùng với nhà trường, tôi sẽ liên lạc với văn phòng xã hội, Bảo Vệ Thiếu Nhi, Cố Vấn Gia Đình... để tìm một giải pháp giúp đỡ gia đình bà. Chúng tôi cần thiện chí hợp tác của bà. Chúng ta phải trả lại tuổi thơ cho em Kamilla.

* * *

- Bà Hai, chủ tiệm giày An Thịnh bên Bà Chiêu trả lương sáu trăm ngàn đồng một tháng đó ngoại.

- Con còn nhỏ mà bán được gì.

- Dạ, bà Hai nói con dọn dẹp, dọn hàng, làm hộp, tập bán từ từ. Chừng con quen chuyện thì bà Hai cho con bán. Bà Hai nói hôm bà đi chợ Văn Thánh thăm dì Tám, bà thấy con giỏi, chịu khó phụ dì Tám nên bà có lòng thương. Dì Tám nói dùm thêm cho con đó ngoại.

- Làm cả ngày vậy rồi làm sao đi học? Từ sáng sớm cho tới chiều tối hả con?

- Con nghỉ học cho đến chừng nào bà ngoại hết bệnh thì con xin đi học lớp đêm.

- Đường xá xa xôi.

- Bà Hai cho tiền đi xe buýt nữa ngoại.

- Làm từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối rồi còn đi học đêm thì sức đâu mà chịu nổi.

- Dạ... chứ ngoại coi; Tí Em phải hít thuốc mỗi ngày bốn cử, bệnh là phải hít thêm thuốc xanh, mà em bệnh hầu như mỗi tháng, đây rồi tới mùa lạnh là Tí Em còn bệnh thường hơn. Bây giờ ngoại bệnh không bán buôn gì được, hai tuần nửa vô trường, con lên học cấp hai là phải đóng đủ thứ tiền, Tí Anh cũng phải đóng tiền, mua sách vở... Ban ngày con đi làm, ngoại ở nhà, không phải dang nắng dang nôi, coi chừng Tí Em. Con sẽ xin mượn bà Hai vài trăm để đóng tiền trường và mua sách vở cho Tí Anh. Từ từ mình kiếm thêm vốn cho ngoại tìm chỗ bán trong mát. Con được bà Hai thương cho làm là phước lắm ngoại.

- Ở... mười một tuổi đầu... Tính vậy cũng được đi, hôm nào Tí Em khỏe, ngoại lãnh vé số bán thêm, khỏe thì bán, bình thì ở nhà.

Thảo xếp đặt công chuyện nhà trước khi ra đường đón chuyến xe buýt dưới bầu trời chưa tan sương, chiều chạng vạng đi làm về ghé mua cho hai em bịch khoai chiên, tối rờ thăm chừng trán Tí Em trước khi nhét kỹ lại mép mùng. Trưa nghỉ ngơi nửa tiếng, Thảo dẹt nhiều ước mơ, trong đó có nụ cười Tí Anh và Tí Em, có bóng dáng bà ngoại đi chợ về giỏ đầy thức ăn. Thảo đâu biết rằng bà ngoại giấu không cho đứa cháu biết những cơn đau thắt phần trên bụng đến bất chợt, đau quặn lưng, đau đổ mồ hôi trán. Cơn đau quặn càng ngày càng thường hơn. Đường gân máu trong phân càng ngày càng nhiều. Bà khóc thầm cho đứa con gái mới mười một tuổi đầu đã có hai đứa con để chăm lo. Bà thương cho đứa con gái đã đánh mất tuổi thơ từ lâu mà không hề biết.

Võ Thị Diễm Đạm

sống bù cho con

Huỳnh Trung Chánh

Đối với các bà mẹ già, đứa con cái mình lớn tuổi bao nhiêu, nó vẫn là thằng bé con “nhỏ xíu” của mẹ như thuở nào. Mẹ tôi tíu tít đón mừng tôi, trở lại Virginia chăm sóc bà trong thời gian anh tôi đi về Việt Nam năm tuần lễ. Bà trìu mến nhìn tôi thật lâu, vuốt tóc tôi, rồi bỗng buồn hiu chép miệng hỏi: “Ồ kìa! Sao tóc con độ rày bạc nhiều quá vậy?”. Mẹ tôi đã tròm trèm ở tuổi 90, thằng con của bà cũng đã 67, nhưng chắc bà đinh ninh nó vẫn là đứa bé con như thuở nào, nên khi chợt khám phá ra mở tóc bạc của nó, bà bùi ngùi xót thương. Tôi cà rơn :

- Má già, thì con cũng lão đẹo già theo má! Rồi ngày nào đó, má đi theo ông bà ngoại, thì con cũng đâu chịu thua, con theo bên gót má cho coi!

Mẹ tôi cười hề hề :

- Thì ai cũng đi tới đó, sớm hay muộn vậy thôi! Dì Tám con theo Ông bà rồi đó! Kể ra, chết sớm cũng là một điều hay!

- Chết sớm thì có gì hay ho đâu má?, tôi thắc mắc.

- Ấy! Ông bà già xưa mình thường nói : “Thà làm trẻ mà hơn già lú lẫn! đó mà!”

Tôi rất ngạc nhiên vì chưa từng nghe qua câu phương ngôn, hàm ý “chết trẻ được thương tiếc còn chờ đến già yếu lú lẫn rồi thì chẳng còn ai thương” này. Có lẽ má tôi suy tư nhiều về cảnh có thể bị lú lẫn làm khổ con cháu, nên câu phương ngôn vốn xâm nhập và nằm yên trong ký ức của bà từ thời niên thiếu bỗng bật ra như thế. Tôi không muốn bà bị ám ảnh bởi tư tưởng bi quan này nên khóa lấp :

- Nhận định này không đúng đâu má! Theo con thì kẻ đã khó ưa dẫu sống hay chết, già hay trẻ gì thì cũng ưa hồng vô! còn người dễ thương thì chết sớm trẻ gì cũng khiến cho mình đau lòng thương tiếc cả! phải không má?

- Ừ.

Bà trầm ngâm một lúc, rồi lẩm bảm tiếp lời :

- Má đã già khụm rồi, mà chưa lẫn lộn. Kể ra thì may quá! Ừ! May thiệt là may!

Mẹ tôi quả thật tuy hay quên, đôi khi quên những chuyện rất gần hay quên cả mảng thời gian hàng mười năm, nhưng bà vẫn có những suy tư sáng suốt, đối đáp còn bén nhạy. Mẹ tôi có cái nhìn rất坦然 nhiên đối với lẽ chết sống trên đời : Chết là chuyện bình thường chẳng có gì đáng lo sợ, lúc nào chết thì sẵn sàng chết; còn Sống với tuổi già lợm khộm sức khỏe suy sụp thì cũng nhẫn nại hồn nhiên mà vui sống, dù rằng thỉnh thoảng bà cũng buột miệng cần nhần : “Sao má và dì Năm sống dai quá vậy kìa?” Với dì Năm thì con cái giữ kín các loại tin buồn, nhất là tin tức liên quan đến thân thích từ trần vì sợ bà xúc động, còn với mẹ tôi thì chúng tôi chẳng cần phải dấu diếm gì cả. Bà bao giờ cũng tỏ ra rất bình tĩnh trong mọi biến cố xảy ra trên cuộc đời này. Hai tuần trước, khi anh tôi thông báo tin buồn của dì Tám, mẹ tôi đón nhận tin đó rất bình坦然, khiến anh còn ngạc nhiên, chẳng biết bà có nghe rõ và hiểu rõ không? Nào ngờ, mấy hôm sau khi thằng cháu vào thăm nội, bà kể cho nó nghe chuyện bà Tám qua đời tại Việt Nam với lời “phê bình” : “sanh, lão, bệnh, tử, lẽ đương nhiên mà con! Có ai tránh được đâu!” Thì ra, mẹ tôi đã hiểu rất rõ, bà bình坦然 trước tin buồn vì bà nắm vững lý vô thường, chớ không phải vô tâm, bằng chứng là dạo này bà cứ nhắc đến Ông Bà Ngoại, nhắc những kỷ niệm bé thơ, kể lể hoàn cảnh và tánh tình của từng chị em, đã sống hay chết như thế nào? Nói đến dì Tám thì bao giờ bà cũng cũng nhắc đến tật khóc dai vô địch của dì khi còn bé, và cơn bệnh trầm kha của dì mấy năm cuối đời, rồi thờ phào nhẹ nhõm nói : “Giờ thì nó khỏe, không còn khóc,

không còn bệnh liệt giường nữa rồi!...” Nghe mẹ nhắc đến đi Tám, tôi cũng góp lời :

- Từ khi được tin đi từ trần, mỗi ngày ba thời con đều niệm chú vãng sanh hồi hướng cho đi! Má ạ!

Mẹ tôi hằng hái khoe :

- Chú vãng sanh má cũng thuộc nữa!

- Vậy thì mẹ con mình đồng niệm chú cầu nguyện cho đi Tám nha má!

- Ừ.

Mẹ tôi liền trang nghiêm niệm trôi chảy bảy biến Vãng sanh tịnh độ đà la ni : “Nam mô A Di Đà bà già, đa tha già đa già, đá địa già tha. A di rị đô bà từ. A di rị đá, tất đam bà từ. A di rị đá, từ ca lăng đế. A di rị đá, từ ca lăng đá. Già di ni, già già na. Chỉ đa ca lệ, ta bà ha”.

Già ở lứa tuổi 90 mà vẫn tụng đà la ni lâu lâu đã là việc hiếm hoi, riêng đối với trường hợp của mẹ tôi, tôi có thể nói đây là một sự kiện lạ lùng kỳ diệu. Bạn đọc chắc không đồng ý với tôi về quan niệm này, nên có lẽ tôi nên kể lể dài dòng một chút. Gia đình bên ngoại của mẹ tôi rất sùng mộ đạo Phật, Ông cố đã hiến đất và yểm trợ xây dựng ngôi chùa cổ kính Bửu Lâm, tục gọi là chùa Tổ tại Cái Bèo, Mỹ Xương (Sa Đéc), cả nhà đều quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới với hòa thượng Hải Huệ và đều thấm nhuần ít nhiều đạo pháp. Do đó, tuy Ông ngoại tôi theo nho gia, không thiết tha đến Phật Pháp, vào những ngày lễ lớn hằng năm bà ngoại vẫn đơn thân dẫn đám con về chùa Tổ sống trọn vẹn một ngày trong chùa (không rõ có phải là tu Bát quan trai không?) để thành tâm lễ bái, mẹ tôi đã học thuộc chú Vãng Sanh từ đạo đó. Sau khi lập gia đình, vì bên Nội tôi theo đạo thờ Ông bà, theo nghĩa là thờ cúng tổ tiên, kèm theo những hủ tục mê tín cúng kiến thánh thần tạp loại để cầu tài, cầu lợi... nên bà chẳng còn nhớ gì đến chùa chiền và đạo pháp nữa. Đến khi cha tôi bị lâm nạn, mẹ tôi đôn đáo cầu cứu khắp nơi : chùa chiền, đồng cốt, bùa chú, xăm quẻ, bói toán...

Điều đáng tiếc là mẹ tôi không gặp được bậc chân tu hướng dẫn, mà chỉ toàn gặp những kẻ giả dối lột tu hành để lường gạt bóc lột thiện tín : tiền dâng cúng nhiều thì niềm nở vẽ vời lắm trò lễ lộc, tiền eo hẹp thì bị khinh khi ruồng bỏ. Điều đáng tiếc khác là mẹ tôi cứ lầm tưởng đồng cốt, xăm bói... tạp nhạp cũng là “phó sản” của đạo Phật, nên niềm tin của bà đối với đạo Phật bị sụp đổ toàn vẹn. Trong hoàn cảnh khổ đau cùng cực, mẹ tôi được các tín hữu đạo Tin Lành tìm đến, an ủi, vỗn vĩa đưa đi nhà Thờ, kiến tạo cho bà niềm tin và sức sống. Từ đó, mẹ tôi và em gái tôi trở thành con chiên ngoan đạo, phần tôi có lúc cũng nghiêng về đạo Chúa, nhưng nhờ duyên may theo bạn viếng chùa Linh Sơn, mến đạo và trở thành Phật tử, riêng anh tôi thì chẳng mấy quan tâm vấn đề tôn giáo.

Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, đầu mẹ tôi sống với ai, chúng tôi đều đưa bà đi nhà thờ sinh hoạt hàng tuần.

Mấy năm nay, đi đứng khó khăn bà không đi hầu việc Chúa nữa, rồi lần lần dường như bà đã quên hẳn đạo Chúa, cũng chẳng nhớ gì lời cầu nguyện “Lạy Cha chúng con ở trên Trời” nữa, thế nhưng bài chú bà nghe từ thuở ấu thời chìm sâu trong quên lãng cả bảy tám mươi năm nay, bỗng hiện hành để mẹ tôi có thể đọc tụng trôi chảy, thì đây chẳng phải là điều kỳ diệu sao?

Trong kinh sách ghi chuyện là vào thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế, một hôm có một Ông lão chừng 90 tuổi đến tịnh xá Kỳ Hoàn xin xuất gia, các vị A La Hán đệ tử sau khi quan sát nhận thấy trong tám đại nạn kiếp lão chưa từng gieo trồng căn lành nên từ chối. Đức Phật nghe biết sự việc trên, Ngài cho ông lão xuất gia, và sau khi được Phật khai thị, ông liền đắc Sơ quả. Sau đó, Đức Phật mới giải thích cho các đệ tử hiểu, là xa hơn 80 vạn kiếp về trước, có lần ông lão là một tiểu phu bị cọp dữ rượt phải trèo lên cây trốn tránh. Tưởng yên thân nào ngờ cọp dữ quyết cạp cho thân cây gãy để vô mỗi, gã tiểu phu trong cơn sợ hãi bỗng nhớ đến Phật liền niệm lớn “Nam mô Phật”. Cọp dữ nghe tiếng la bỏ chạy đi, gã tiểu phu thoát nạn rồi tiếp tục kiếp sống buông lung không hề gieo trồng căn lành nào nữa trong 80 đại kiếp về sau. Bất ngờ, đến giây phút này, căn lành niệm Phật ngày xưa trở nên thành thực nên lão ta được Phật độ và đắc Sơ quả. Chỉ niệm Phật một câu thôi, là đã gieo thiện căn rồi, thì công đức niệm chú của mẹ tôi chắc chắn cũng có ngày thành thực.

Tụng chú xong mẹ tôi còn khoe bà còn biết chú “Án ma ni bát mê hồng” và biết tán hương nữa, bà liền ê a tán hương như sau :

“Mỗi nhật thân hôn, nhất chú hương
Tạ thiên tạ địa tạ quân vương..
.....(*)
Cửu huyền thất tổ độ gia nương
Phụ mẫu tại đường tăng long phước thọ
Phụ mẫu quá khứ trực vãng Tây phương
Sở cầu xứ xứ hiền hòa thực
Hữu mạng nhơn nhơn thọ mạng trường
Quốc hữu trung thân phò xã tắc
Gia vô nghịch tử nào gia nương.
Mam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát”

Bài tán hương xuất phát từ thuở còn quân vương của thế kỷ thứ 19, tưởng đã chôn vùi biệt tích, nay bỗng nhiên tái xuất hiện, nên đầu bài tán hương có điểm thiếu sót (*) và thật ra cũng không mấy đặc sắc, nhưng tôi sẽ trân quý giữ gìn như một kỷ vật của mẹ, một cổ vật tuy có vết nứt rạn nhưng hiếm hoi do mẹ tôi khai quật từ hang ổ sâu thẳm trong tiềm thức của bà.

Nhân lúc mẹ đang hào hứng, tôi bạo dạn thưa hỏi :

- Khi má từ trần má có cho phép con tụng chú vãng sanh cho má không?

- Má chết rồi! Đứa nào muốn làm gì thì làm!

- Con xin phép má cẩn thận, bởi vì, sau khi chết rồi thì cái hồn - tôi muốn dùng chữ thần thức nhưng sợ bà không hiểu - vẫn còn nghe biết rất rõ, nếu má đồng ý thì sau này khi hồn má nghe con tụng niệm má hài lòng mà tụng theo thì rất tốt, vì con tin tưởng rằng nhờ má hoan hỷ mà má sẽ sanh vào cõi lành. Ngược lại, nếu lúc đó má không đồng ý mà con bướng bỉnh tụng niệm, hồn má có thể bất mãn, sanh giận hờn thì rất nguy hiểm, vì sự giận hờn đó nó sẽ kéo mình đào thai vào cõi xấu. Vì vậy, con cần hỏi kỹ má lần nữa, má có thật sự bằng lòng, má có vui không?

- Ừ! má vui, má hứa đó!

Cứ vài ngày thì tôi hỏi bà lại lần nữa, rồi hai mẹ con đồng niệm chú Vãng Sanh. Tôi lập lại mãi, để bà có cơ hội xác định suy tư của bà về việc này, và hi vọng suy tư đó sẽ lần lượt huân tập vào tàng thức bà, giúp thân tâm bà an ổn vào những giờ phút lâm chung sau này.

Vấn đề khác biệt tôn giáo trong gia đình là vấn đề gai góc khó giải quyết. Đã bao lần, mẹ tôi vì quá thương con sợ con theo một tôn giáo lầm lạc nên đã viện trợ các vị mục sư cùng các tín hữu thuyết phục tôi “trở về với Chúa” gây cho tôi bao nỗi phiền toái.

Phần tôi, là một Phật tử thuần thành dĩ nhiên tôi cũng tha thiết mong muốn mang ánh sáng Phật Pháp đến với người mẹ thương yêu của mình, thế nhưng, đã hàng trăm lần tôi ngập ngừng gợi chuyện rồi đành lặng lẽ chuyển hướng, vì tôi tự biết mình bất lực : thuyết giáo bất thành, mà tình cảm mẹ con lại có thể bị thương tổn nữa. Do đó, ngày ngày, trong những thời công phu, tôi chỉ biết hồi hướng cầu nguyện cho mẹ “sống khỏe mạnh an vui, chết thì sanh về cõi Thiên của Chúa”, chớ nào dám cầu mong bà hướng về Phật đạo. Giờ đây, bất thành linh ánh sáng đạo pháp bỗng lóe lên trong tâm thức của bà : mẹ tôi tụng chú vãng sanh, nhờ vậy, tôi mới bạo dạn đề nghị tụng niệm cho bà khi lâm chung và đã được bà đồng ý. Kể từ nay, tôi có thể an lòng hồi hướng cho mẹ “sống an vui, chết nhẹ nhàng và sáng suốt nương theo vãng sanh đà la ni để quy ngưỡng về cõi tịnh độ phương Tây”. Tôi tin tưởng rằng đây là một phước duyên, phước duyên hy hữu mà Phật Pháp nhiệm mầu đã từ bi gia hộ cho mẹ con tôi.

Trách nhiệm khó khăn khác của tôi trong những ngày gần gũi săn sóc bà là “công tác” thực hiện thời dụng biểu trị liệu vận động tay chân cho bà, mỗi ngày ba lần, mỗi lần khoảng 35 phút, sao cho đúng “chỉ tiêu” mà anh tôi quy hoạch. Lại một điều là với anh tôi thì bà lắng lặng thi hành vì “nó là dân nhà binh kỷ luật sắt không khiêu nạt được”, còn với tôi thì bà than thở, kỳ kèo, đòi giảm một bớt hai... có khi bà còn “dọa” không thêm tập nữa. Nếu tôi năn nỉ bà thì may ra còn có kết quả, chớ còn giải thích lý luận cách nào bà cũng làm ngơ, vì vậy, bấy lâu nay tôi cứ phải thỏa hiệp, nhượng bộ ít nhiều để đổi lấy sự vui vẻ hợp tác của bà. Thế nhưng sức khỏe của bà ngày càng yếu, việc vận động đối với bà ngày càng cấp thiết mà cũng nặng nhọc hơn nên lần này tôi

dặn lòng phải “gồng mình” cứng rắn để “thuyết phục” bà tập thể dục nghiêm túc mới được. Tuy thâm quyết định như vậy, nhưng tôi nghĩ đây là chuyện gian nan khó thực hiện lắm, vì lòng dạ tôi yếu ớt, dễ dằn vặt ép buộc mẹ già. Sau khi anh tôi rời nhà, vừa chuẩn bị thời khóa thể dục đầu tiên, tôi chưa kịp mở lời thì bà đã ra vẻ buồn buồn gạ gẫm:

- Con ơi! sao hôm nay má làm biếng quá! Nghỉ một bữa nghe con!

- Má tập không đầy đủ thì chân tay yếu ngay, anh Hai căn dặn con hàng chục lần là không được bớt động tác nào hết, má à! Má nhớ không, lần trước anh Hai về kiểm soát xem má đi như thế nào, má đi lết bết hơn ngày thường khiến anh cần nhìn con “quá xá cỡ”. Đáng lẽ, má thương con thì má nên ủng hộ con chớ! má ráng đi ngon lành thì con đâu bị rầy như vậy!

Bà cười hi hi :

- Ừ! Thôi từ nay, “thương con mẹ phải bù đi cho con” vậy! Được không?

Thật không ngờ diễn tiến lại tốt đẹp và dễ dàng như thế này, tôi mừng rỡ, cố tình nhẩy dựng như đứa con nít :

- Hay lắm! Má chịu bù đi thì tập thể dục không được khiêu nạt, không đòi bớt nữa nghe!

- Ừ.

Mẹ con tôi nhìn nhau cười thật là vui.

(Thuở nhỏ, mẹ tôi thường kể con cái nghe chuyện một bà mẹ được ba đứa con trai hiếu thảo luân phiên nhau nuôi dưỡng mỗi người ba tháng. Để đánh giá lòng hiếu thảo của nhau, trước khi bàn giao mẹ cho đứa con kế tiếp, đám con kiểm soát sức khỏe mẹ bằng cách cân lường sức nặng của bà lên hay xuống. Vì đứa con út nghèo, cơm nước cho mẹ không đầy đủ, thân thể mẹ gầy gò, nên nó rất lo lắng bị hai anh quở trách. Bà mẹ thương thẳng con nghèo, bèn bao che nó bằng cách lén dấu trong mình mỡ chì cho nặng cân khi bàn giao, vì vậy mới có câu “thương con mẹ phải bù chì cho con”. Phần tôi thì lơ là, không hướng dẫn bà thao tập đúng mức khiến chân bà yếu đi, nên mới rất cần “bù đi” mới không bị anh la rầy. Mẹ tôi lớn tuổi rồi mà còn minh mẫn mượn câu chuyện này ví von thay chữ bù chì thành bù đi, khiến tôi kinh ngạc mà cũng vui tột cùng)

Tưởng mẹ tôi chỉ đùa cho vui thôi, nào ngờ mẹ thực hiện lời hứa bù đi rất “oanh liệt”. Kể từ hôm đó về sau, mẹ tôi nhẫn nại hoàn tất thời khóa, khi mệt quá bà đứng lại thở hổn hển, vừa cười vừa giải thích : “ngưng tập đi để má tập thở cái đã!”. Nghỉ một chút lấy lại sức, bà cố gắng tiếp tục chớ chẳng đòi hỏi giảm bớt một động tác thể dục nào cả. Thấy mẹ thao tác vất vả, tôi thương đứt ruột, mà chỉ biết hôn hít bà tán thưởng mỗi khi bà hoàn tất một động tác nặng nhọc. Thuở nhỏ, tôi chưa bao giờ biết hôn mẹ, bây giờ già rồi, mới tập hôn mẹ mà vẫn chưa quá trễ để khám phá được nguồn thương yêu tràn

ngập trong lòng. Ngoài ra, chẳng biết đỡ dần mẹ cách nào, tôi cùng tập theo động tác của bà, nhân đó, múa men làm hề, hay nói chuyện tầm phào, nói đót đát què mùa, nhái giọng đặc sệt địa phương để bà cười vui mà quên mệt. (Thuở nhỏ khi học chuyện Ông lão họ Lai, tuổi đã bảy mươi mà còn mặc áo xanh đỏ, bắt chước trẻ thơ làm trò cho cha mẹ vui, tôi chưa hiểu được. Giờ đây, tôi mới khám phá ra là dù mình già đến cỡ nào, ở bên mẹ, mình cũng chỉ là thằng bé con của ngày xưa, muốn bày trò vui nhộn gì cho mẹ vui cũng dễ cả.) Mỗi khi bà bắt đầu chán nản, ngán ngẩm chuyện thể dục, tôi liền tìm cách chọc bà cười, chuyện khó chịu bức mình nào cũng biến thành chuyện tiểu lâm cười cợt được. Đại khái, như khi bà đi chuyển phải cầm cứng đẩy cái khung bánh xe nặng nề, bà cần nhân : “Tập đi mỗi chân thì ít, mà mỗi tay quá chừng hà!” thì tôi cười cợt chen vào :

- Má đi đứng mỗi tay cũng bình thường thôi. Con đây, mà nói chuyện có khi còn mỗi tay nữa kìa!

- Ủa ! Sao kỳ lạ vậy?, mẹ thắc mắc.

- Có gì lạ đâu! Chỉ vì con nói tiếng Mỹ dở ẹt, phải quơ tay lia lịa làm dấu, nên mỗi tay vậy thôi.

Mẹ tôi hiểu ra cười hề hề. Nụ cười rộn rã vui tươi nhất là vụ cười lên ông anh hiếu thảo và chu đáo của tôi. Một hôm, sau khi vừa hoàn tất xong chương trình thể dục, bà đứng thở dốc cười cười, rồi cảm râm :

- Mình theo nó (tức anh Hai tôi) tập xong đã hụt hơi rồi, vậy mà nó còn cần dặn “Khi nào má rảnh, má nhớ tập thêm một mình càng nhiều càng tốt nghen!”

Vụ cần dặn : “nếu rảnh tập thêm” cũng có ghi trong cẩm nang của anh để lại, dĩ nhiên tôi làm lơ không áp dụng, vì tập đầy đủ theo chương trình đã nặng nề, tôi thâm lo ngại bị mẹ phản đối rồi kêu nài giảm bớt, huống chi cầu mong bắt bà tập “giờ phụ trội” nữa.

Tuy vậy tôi cũng thừa dịp bà than vãn, ra giọng điệu cợt nói lên anh cho vui :

- Xin lỗi nghe anh Hai, nói thật anh nghe chớ... mẹ con tui làm biếng lắm, đâu có h...u...đ...n và hơi sức đâu mà tập thêm! a anh Hai!

Mẹ tôi khoái chí quá cười ngất từng chập :

- Hi! Hi! Rảnh thì nằm nghỉ chớ ai h...u...đ...n đâu mà tập thêm! Hi!..hi!..

Chuyện chỉ có vậy thôi, mà mỗi lần nhắc lại thì như là chuyện mới, mẹ tôi vui vẻ cười rộn rã chẳng bao giờ nhàm chán.

Năm tuần lễ sống hủ hỉ ấm áp với mẹ trôi nhanh. Sau khi bàn giao mẹ cho anh Hai, tôi vào phòng riêng của bà thân mật cười giỡn, nói chuyện tầm phào, tận dụng những giờ phút thân thương bên mẹ trước khi từ giã. Mẹ tôi vốn hiền hậu, không cau có giận hờn nặng nề một ai, những năm sau này mẹ tôi lại càng dễ dãi, không giận, không than, không trách móc, và lúc nào cũng hài

lòng vui tươi với cuộc sống, với nỗi già nua còm cõi của mình. Do đó, ngoài việc nghe mẹ kể chuyện xưa cũ, tôi thường ngắm nhìn mẹ thật kỹ, ghi nhớ từng nét dễ thương vô tận của bà, để biết rằng mình có điểm phúc được bà mẹ hiền hậu tươi mát, sự tươi mát mà chính tôi ước mong sau này mình có thể học được nơi mẹ. Trong tình thương ngập tràn, tôi nói với mẹ :

- Con không biết sau này con có được vui tươi thoải mái như má không?

Mẹ tôi cười hề hề, khoát tay :

- Chuyện dễ mà!

Tôi giải thích :

- Vui tươi thoải mái như má không phải là chuyện dễ đâu! Má biết không? Khi già yếu thân thể bệnh hoạn khó chịu nên người ta thường sanh tật : rắc rối, giận hờn, cáu kỉnh, gây phiền nhiễu, gây kinh hoàng cho con cháu! Con sợ vài năm nữa con sẽ lâm vào cảnh này, sanh tật khiến con cháu xa lánh thì nguy lắm, má ạ!

Dường như mẹ tôi chẳng để ý gì về lời giải thích này, bà dí dõm mỉm cười ra vẻ bí mật, lên tiếng :

- Con đâu có già! Má nghĩ như vậy thì thấy các con trẻ hoài hà! Bớt đi sáu mươi tuổi tuổi, thì anh con tí như mới mười tuổi, con lên bảy, em con lên năm chớ bao nhiêu đâu! Nhỏ xíu hà!

Hài lòng với sự so sánh diều cợt của mình, mẹ tôi thích chí cười vang, tôi cũng cười phụ họa, nên bầu không khí rất vui nhộn. Nhân dịp này, tôi mở lời từ giả mẹ :

- Thằng bé bảy tuổi nhổng nhẻo với má nè! Má ơi! Mai con trở về Cali, má ở lại, khi nào rảnh nhớ tập thêm dùm con nhe má!

Nghe câu nói giỡn hàng ngày, mẹ tôi lại cười tươi lên.

Tôi tỏ vẻ nghiêm trang đính chánh :

- Lần này con không nói giỡn đâu. Con xin má vận động thiệt tình mà! Má vận động thì má khỏe. Má khỏe thì má sống lâu với tụi con thêm một chút.

Mẹ tôi cười cười lặng yên ra vẻ chẳng muốn bận tâm gì với chuyện sống chết cả.

Tôi tiếp lời :

- Ờ! Thì biết rằng trước sau gì cũng có ngày đó, nhưng má ráng vận động thêm đi để sống bù cho tụi con một chút vậy mà!

Huỳnh Trung Chánh

Ghi chú :

* Bài tán hương này có lẽ thịnh hành vào thời điểm miền Nam có tục lệ lập trang thờ nho nhỏ trước nhà để thờ “Thiên Địa”, tục gọi là “bàn thờ Ông Thiên”. Bài tán hương có vài điểm không ổn, và thiếu ít nhất là một câu, câu thứ ba tạ ơn Tam Bảo, có thể tương tự như là :

“Thập phương Tam Bảo thường gia hộ”. Bạn đọc nào hiểu biết rõ, xin chỉ dẫn để người viết sửa lại cho đúng. Xin cảm tạ.

8. Ngày tháng già nua

Huỳnh Trung Chánh

Vào mỗi mùa Vu Lan, tôi thường viết những truyện ngắn tưởng tượng về những bà mẹ, còn nhắc về người mẹ thật của tôi, tôi chỉ viết một lần trong tùy bút Tản mạn về Cần Thơ, để ghi lại quãng thời ấu thơ hạnh phúc nhất đời, một năm học duy nhất mà tôi được sống ấm êm trong vòng tay của mẹ.

nguyễn song anh Tôi mất cha khi vừa tròn tròn sáu tuổi. Thuở đó, tình hình an ninh kém cỏi, thương ông bà ngoại tôi sống đơn chiếc, mẹ tôi dẫn con cô gái út về quê nhà tại Cao Lãnh chăm sóc ông bà. Phần hai đứa con trai, bà gởi mỗi đứa một nơi - thường là các bà đi - để ăn nhờ ở đậu đi học. Tôi quen thui thủi sống một mình từ lúc mới tập tễnh học lớp một, mỗi năm chỉ gặp mẹ tối đa hai lần, còn anh em có khi hằng mấy năm trời vẫn chưa thấy mặt nhau, nhưng càng xa nhau thì chúng tôi càng thương mẹ, thương anh thương em.

Sau năm 1975, anh em chúng tôi đùm bọc dắt dìu nhau, đưa mẹ đi vượt biên. Em gái tôi đã lập gia đình tại Thụy Sĩ từ lâu, còn hai anh em tôi, tuy đồng định cư tại Hoa Kỳ, nhưng mỗi đứa lập nghiệp một phương, phương Đông và Tây cách nhau hàng ngàn dặm khiến cho bà mẹ, sống với đứa này thì nhớ đứa kia, đi qua lại hệt cả hơi!

Mẹ tôi năm nay đã ngoài 88 tuổi, những năm gần đây chân bà đã yếu, phải lần vách hay nường gậy mà đi, nhưng may mắn bà vẫn có thể lo việc vệ sinh và tắm rửa một mình. Được như vậy, là nhờ anh tôi rất hiếu thảo và chu đáo chăm sóc. Cả nhà giữ một chế độ ăn uống kiêng cử đặc biệt với những thức ăn toàn loại phẩm chất dinh dưỡng khỏe mạnh, ngoài ra, anh cũng

cho bà giữ thời khóa vận động chân tay nghiêm ngặt. Chương trình vận động tay chân của bà mỗi ngày 3 lần, mỗi lần gồm có 3 mục : a. tập bốn động tác khí công cải tiến nhẹ, mỗi động tác 10 lần, b. đi bộ (lần vách đi) 10 vòng, c. lái xe (nường theo loại khung có hai bánh xe đẩy đi) 10 vòng. Mẹ tôi vốn dễ dãi và bền bỉ chịu đựng, nên dù bà mệt mỗi chán ngán vận động lắm, nhưng vẫn chiều ý con cái gắng sức mà tập, bà chỉ lẩm thảm thở than : “Hồi nhỏ mình tập nó đi, bây giờ nó bắt mình tập đi, đúng là bị quả báo!” Lòng dạ tôi mềm yếu, mỗi khi được ủy thác trông chừng bà vận động, theo dõi bà chừng nửa chương trình, khi thấy chân tay bà lét bết, hơi thở phì phò, mặt mày buồn hiu, tôi thương quá, lánh đi nơi khác để cho bà tùy ý muốn làm sao thì làm. Tôi biết mình yếu ớt như vậy là hơi phụ lòng anh tôi, nhưng quả thật tôi không thể cố gắng nổi. Mẹ tôi mà sống với tôi, chắc chắn là tôi sẽ không nỡ ép bà vận động, và như vậy có lẽ bà đã ngồi liệt một chỗ từ lâu rồi.

Mấy năm nay, chân yếu không còn đủ sức đi lại chia sẻ thời gian với các con, mẹ tôi thường trực sống với anh tôi, và hằng năm tôi đến thăm bà đôi lần, mỗi lần lưu lại một hoặc hai tháng cho anh tôi thoải mái đi nghỉ hè, và tôi cũng thoải mái có được những giờ phút riêng tư hủ hủ với mẹ. Ông anh tôi tính siêu cẩn thận, lần nào cũng vậy anh dặn dò nhắc tới nhắc lui hàng trăm lần thời dụng biểu và những điều cần thiết cho việc săn sóc mẹ, tuy vậy anh vẫn chưa hài lòng, nên trước khi đi anh còn trao cho chiếc cảm nang, để mở ra xem xét lại từng mục kéo quên.

May mắn là về phương diện thực đơn thì tôi không bị ràng buộc quá đáng. Lần nào, bà xā tôi cũng ưu ái chuẩn bị cho tôi một va li thức ăn đặc biệt, gồm toàn những món ăn có thể thiếu tiêu chuẩn bổ dưỡng, nhưng rất hợp khẩu vị của bà : tôm kho tàu, cá kèo kho, mắm chưng... Những món ăn này gợi cho mẹ tôi nhớ lại hình ảnh quê hương xa xưa, nhất là khoảng thời gian trẻ trung khi mới về nhà chồng. Lần nào cũng vậy, mẹ tôi, mắt sáng ngời gặp con cá kèo, giẻ miếng tôm đồ au hay vít miếng mắm vào chén cơm, rồi cười cười nhắc nhở : “Ồ Cổ Chiên mình, cá kèo đây đây ở ven sông, người ta chē cá kèo, lòng tong, lục chốt không ăn, nhưng bây giờ, thì nó là món ăn hiếm có con

đêm sinh nhật

Riêng về H.

Đêm nghe gió giạt bên ngoài
Xếp trang kinh
chợt u hoài trăm năm
Từ tôi trụ bến thân tâm
Lông bông ý niệm
hôn trầm bờ mè
Tử sinh hai lối đi về
Kinh văn ẩn hiện
một bề tịch liêu
Chẳng không - chẳng có tình yêu
Mà trong vô lượng còn nhiều thiết tha.

sáng nay

Sáng nay thức dậy soi gương
Thấy thanh xuân đã đoạn trường thán
năm
Tìm trong nỗi nhớ âm thầm
Bước chân sinh tử thẳng trầm theo nhau
Gương soi thấu cả niềm đau
Đường về ngõ ngách đâu là quê hương
Dấu bên kia Thái Bình Dương
Đất dung côi tạm nắm xương luân hồi
Gởi vào gương xác hồn tôi
Một hình một bóng nửa thời lượng kinh
Vô cùng giữa phút lặng thinh
Chân tâm ảnh hiện lung linh nộ hồng
Ngày cuối thu, tiết lập đông
An nhiên theo dấu bến không tìm về.

nguyễn song anh

há!”..., “Mắm lóc, nội con làm cả lu ăn suốt năm chẳng hết”, “Ừ! Tôm càng ở Cổ Chiên mình nhiều lắm! thăng Xê nhảy xuống sông lặn một hơi, trồi lên hai tay cầm hai con. Còn vào mùa dỏ chà thì tôm càng nhiều quá ăn không xuể, mình phải phơi khô, phải kho tàu như vậy nè để ăn được nhiều ngày...”

Lúc sau này, mẹ tôi lắm cảm quên trước quên sau, chỉ có khoảng thời gian ấu thời và thời gian mới lập gia đình theo chồng về Cổ Chiên là còn nhớ rất rõ. Tôi biết bà thích chuyện xa xưa, nên mỗi khi bà nhắc nhở đến Cổ Chiên tôi thường nói đùa : “Đằng đó, ở Cổ Chiên có cá sấu không...?” Đây là câu đầu tiên mà mẹ tôi áp ứng hỏi trống cha tôi trong ngày lễ coi mắt khoảng 70 năm về trước, tới giờ này mà khi nghe nhắc lại bà vẫn còn sung sướng vừa thẹn thùng như một thiếu nữ đang xuân. Bà cười hì hì : “Ai biết gì đâu, nghe xứ Cổ Chiên lạ hoắc, tưởng chỗ cạp beo, cá sấu gì ở chớ!”

Năm xưa, nội tôi được người mai mối hướng dẫn đến nhà ngoại tôi để xin kết nghĩa sui gia. Sau khi bàn luận và cân nhắc tuổi tác các con gái gia chủ, nội bỗng nảy ý chọn mẹ tôi làm dâu, mặc dù trước đó người mai mối không hề đề cập gì về mẹ tôi cả. Mẹ tôi đang lúi húi phụ giúp người nhà chuẩn bị bếp núc đãi khách, bỗng bị bà ngoại ra lệnh cấp tốc chỉnh trang lại y phục, bưng nước trà mời khách. Mẹ tôi ơ hờ theo lệnh ngoại. Mẹ vừa trở xuống bếp chừng 10 phút, thì cha mẹ hai bên đã long trọng tác thành đôi lứa. Khi ngoại thông báo cho mẹ quyết định này, mẹ tôi chưng hửng chẳng biết người chồng tương lai của mình mặt mũi ra sao nữa, nhưng phận làm con cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó! mẹ tôi đâu dám hó hé gì. Sau đó, ngoại mới sắp xếp cho hai đứa nhỏ được trò chuyện riêng. Mẹ ngồi trước mặt cha tôi, thẹn thùng, sợ sệt, bối rối ngổn ngang, cúi gầm mặt chẳng dám ngẩng nhìn, ba hỏi câu nào thì trả lời trống trống câu đó. Sau cùng, bậm gan lắm bà mới hỏi câu đầu tiên mà tôi lập lại để ghẹo bà ở trên.

Quê ngoại tôi tại Hòa An, Cao Lãnh thuộc vùng nước ngọt, xóm làng gần gũi, vườn cây trái xanh um, còn quê nội tôi là một cù lao nhỏ, nằm ở vàm sông Cổ Chiên, tuy thuộc quận châu thành tỉnh Trà Vinh, nhưng vị trí sát biển nên nước lợ mặn quanh năm cây ăn trái hiếm hoi, xóm làng thưa thớt. Ngoại tôi tin tưởng ông mai, một nhà giáo đứng đắn trong vùng nên không dò xét kỹ, cứ đình ninh Cổ Chiên thuộc quận châu thành phải là chốn thị tứ, chừng đưa con gái về nhà chồng, thấy cảnh hoang vắng đìu hiu, toàn là ruộng lúa chen lẫn với rừng dừa nước, ngoại xót thương con gái đã khóc ròng, trong khi mẹ tôi lại tỏ vẻ bình thản. Có thể là bà đã phải gắng gượng đè nén tiếng nức nở để tránh gây khổ đau thêm cho Ông Bà ngoại chăng?

Khi tôi nghe mẹ kể đến chuyện này, tôi thường ghẹo bà : “Má vừa gặp ba đã thương tức khặc, thương quá xá cỡ rồi! ba sống ở đâu thì quyết chí theo ở đó, hùm beo cá sấu còn chẳng sợ huống gì rừng lá! phải không má?” Mẹ tôi dễ tánh nên tôi mới dám “cà rớn” với bà, tuy là lời

nói giỡn nhưng nó lại phản ảnh khá chính xác mối tình yêu tha thiết thâm trọng hy hữu của bà dành cho chồng. Có lần bà chị họ tôi nghe tôi nói câu này, cười hề hề theo kiểu “biết rồi! khổ lắm! nói mãi!” rồi lên tiếng : “Còn phải nói gì nữa! Nếu vợ không thương cậu sâu đậm, thì làm sao chịu nổi cảnh trung trinh góa bụa thờ chồng được?” Thật ra, chuyện mà tôi muốn nói ở đây là tình yêu của mẹ tôi trải qua những năm tháng dài mù mịt - cha chết khi mẹ mới 29 tuổi, tính ra đã 60 năm rồi - , mà vẫn còn sâu đậm tha thiết như thời trẻ trung mới là hy hữu, mới là đặc biệt. Cho nên, dù tuổi đã kề cận 90, quên trước quên sau, mà khi nhắc đến thời gian chung sống với chồng tại Cổ Chiên thì bà có thể thuật linh hoạt hàng trăm thứ chuyện, từ sinh hoạt linh tinh giỗ Tết cúng kiến, chuyện làm dâu, em chồng, cho đến chuyện bà con lối xóm, ông câu, ông nói liệu, chuyện lúa thóc, tôm cua..., chẳng chuyện nào bà quên cả. Mà kể câu chuyện nào liên quan đến chồng, thì giọng nói của bà lúc đó tức thời biến đổi thành tha thiết trang trọng, tình nghĩa tràn đầy. Một hôm bà nói nhỏ với tôi: !Má có bài thơ này viết về ba, con nên ghi lại kỷ niệm”. Rồi bà chậm chậm đọc cho tôi chép trọn bài thơ ba mươi hai câu. Tôi xin trích ra bốn câu kết như sau:

Anh hãy chờ em chốn cửu tuyền
Cùng nhau đi đất đến cung thiên
Nơi miền Tiên cảnh lòng vui thỏa
Đây chốn nghìn thu giấc ngủ yên.

Bài thơ thương nhớ chồng mong tái ngộ với chồng ở tuổi vàng này bà sáng tác vào năm 44 tuổi mà đến khi 88 tuổi bà vẫn còn nhớ rõ, đúng là mối tình chung thủy vĩnh viễn không phai. (Điều kỳ lạ là bà đã sáng tác hơn trăm bài thơ, tôi đánh máy in thành tập để bà tặng thân hữu, nhưng bà quên tuốt lượt không nhớ bài nào khác, kể cả chuyện in sách nữa).

Mấy ngày qua, mỗi khi tôi rót nước cam cho bà, bà đều tươi cười nói : “Ở Cổ Chiên mình làm gì có cam, ba con phải mua cam tận chợ Trà Vinh để vắt nước đó!” Đây là mẩu chuyện mới nghe lần đầu, nhưng tôi ơ hờ chẳng để ý. Chừng nghe liên tiếp vài mươi lần, tôi quan sát kỹ thái độ vui tươi của bà khi nói ra câu đó thì mới hiểu ra. Ở lứa tuổi mẹ tôi, vợ chồng thương yêu chiều chuộng nhau là việc phải dấu kín, do đó, bà chẳng hề nhắc nhở chuyện này với ai. Và bây giờ, đợi đến hơn 60 mươi năm sau bà mới dám thổ lộ cho tôi nghe, mà niềm hạnh phúc được chồng cưng “mua cam tận chợ Trà Vinh về vắt nước” vẫn còn miên man trong lòng. (Tôi nghĩ một bà vợ dâu được ông chồng đổi cả sự nghiệp để mua hột xoàn dâng tặng, chưa chắc đã hạnh phúc bằng mẹ tôi được ly nước cam ngày xưa của ba tôi đâu!)

Mẹ tôi hay quên, nhưng đầu óc vẫn còn sáng suốt, bà thường nhìn cái già nua lộm khộm của mình với nụ cười hóm hỉnh. Bà tự chọc quê sức khỏe yếu ớt mình là “không nghe lời”, là “sanh tật”, nên thường cười hề hà than : “Cái tay bữa nay không chịu nghe lời má rồi con ạ! hoặc : “Độ rày, má già nên hay sanh tật quá!”

Mẹ tôi quả thật có rất nhiều tật, mà đối với tôi thì tật nào cũng đáng quý và dễ thương vô cùng. Tật lâu đời và lớn nhất của bà là tật tận tụy hi sinh cho mọi người mà chẳng hề kể lể thở than. Sau năm 1945, vùng quê Cao Lãnh kém an ninh, hoa lợi lúa ruộng suy giảm, khả năng thuê mướn người giúp đỡ khó khăn, trong khi ông bà ngoại lại già yếu, bệnh hoạn liên miên. Mẹ tôi có bảy chị em gái, nhưng chẳng ai có điều kiện và thiện chí để về quê chăm sóc cha mẹ già, nên bà đành hi sinh lãnh nhiệm vụ này ròng rã hàng mười mấy năm trời mà chẳng hề được chị em nào gánh vác cho một tháng. Trong thời điểm này, phải kể đến những lúc cực kỳ gian khổ, khi bà ngoại bị nằm liệt hơn 3 năm, ông ngoại cũng không xê dịch trong 6 tháng, một mình mẹ tôi ngày đêm túi bụi lo cơm nước, lo đút từng miếng cơm, từng ngụm nước, nài nỉ từng viên thuốc, lo việc tiêu tiểu, tắm rửa, lại phải bù đầu chăm sóc nhà cửa ruộng vườn, chắt mót từng nải chuối, buồng cau... để có thêm hoa lợi. Mẹ tôi cực khổ dường ấy, nhưng luôn luôn cắn răng chịu đựng, chẳng một lời thở than, cũng chẳng hề dựa vào công lao của mình để suy bì, hay trách cứ nặng nề chị em nào cả. Thuở nhỏ, tôi rất ám ức “tật” này, nên cảm râm : “Má cực khổ phải nói ra cho mấy dì biết, nếu không, ai cũng tưởng má sung sướng lắm!”, mẹ tôi cười hỉ xả rồi thôi. Mẹ bền bỉ phụng dưỡng ngoại, cho đến khi ông bà lần lượt từ trần, thì mới lặng lẽ về Sài Gòn chung sống với các con, để lại nhà cửa ruộng vườn của ngoại cho bà chị gánh vác.

Với anh em chúng tôi cũng vậy, bà trọn đời xả thân tận tụy phục vụ, thương yêu chăm sóc, mà cũng chẳng bao giờ kể lể công ơn hay thở than mỗi mệt. Đến khi lũ cháu ra đời, tánh bà cũng chẳng khác, khi có cơ hội thì bà tức thời thương yêu chí thiết, chiều chuộng hết mình, chăm sóc nâng niu từng li từng tí. Các con tôi một mực thương quý nội và thường nhắc lại những ngày sống chung, được nội thăm dò nhu cầu từng bữa để lằng xằng phục vụ, hay cặm cụi làm đủ loại bánh, gọt sẵn đủ loại trái cây để nài nỉ, dụ dỗ chúng ăn. Thời còn ở Việt Nam, em gái tôi xuất ngoại giao hai con gái bé bỏng cho ngoại nuôi giữ mấy năm trời, bà sẵn sàng dang tay đùm bọc, nâng niu như bảo vật. Đến khi anh tôi vượt biên còn kẹt lại đứa con gái mới lên 4 tuổi, cũng yên tâm phú thác cho bà nhận lãnh. Cháu bé bất ngờ bị đau sốt xuất huyết nặng phải đưa vào bệnh viện Triều Châu cứu cấp. Thời đó, thuốc Tây khan hiếm, bác sĩ “ngụy” chỉ còn mấy móng, dịch sốt xuất huyết hoành hành dữ dội khiến tỷ lệ trẻ em tử vong rất cao, vì vậy bệnh viện Triều Châu đông nghẹt bệnh nhân, cháu bé còn có chỗ nằm, mẹ tôi phải ngồi chằm chập canh chừng cháu không phải một hai giờ mà là suốt bốn ngày đêm. Lúc đó, hàng ngày tôi bị buộc phải đi học tập thật chuyên cần, sáu giờ chiều mới có thể đến thay thế cho bà đôi giờ để bà tắm rửa tạm nghỉ ngơi lấy sức mà thôi. Sau khi mạng sống của cháu được cứu vãn thì mẹ tôi cũng gần hụt hơi. Tôi biết nếu mẹ tôi lơ là một chút thì mạng sống của cháu khó an toàn. Thời gian sau, tôi đưa mẹ và cháu đi vượt biên thành công,

mẹ tôi bàn giao cháu cho anh tôi với nụ cười, và tánh nào tật ấy, bà không hề kể lể những nỗi nhọc nhằn của mình. Anh có nghe chuyện cháu đau thì bất quá nghĩ rằng đó là chỉ chuyện ấm đầu, sổ mũi, uống một viên aspirine là xong, chớ đâu tưởng tượng hoàn cảnh thập tử nhất sinh của cháu ngày đó.

Giờ đây, tuổi ngày càng cao thì mẹ tôi - theo nguyên văn từ ngữ bà xử dụng - lại càng sanh tật nhiều thứ lắm. Tật hay quên, tật chân tay yếu ớt, tật mắt kém đọc viết khó khăn... Vì sợ bà sanh tật thành linh, nên anh em chúng tôi thay phiên nhau trông chừng bà ngày đêm, nhất là lúc bà tắm, sợ bà sanh tật té nên túc trực ở ngoài nghe ngóng. Bà tắm xong, chúng tôi xấy tóc, gỡ đầu cho bà, kéo bà sanh tật cảm lạnh thì nguy. Một hôm sau khi gỡ tóc cho mẹ, sẵn thấy có đôi vợ, tôi mang cho bà. Tôi bỗng ngẩn người, khi nhìn thấy móng chân của bà dài ngoằn, có móng như bầu vào thịt. Thì ra, tuy bà còn có thể tự cắt móng tay, nhưng bà đã “sanh tật” không thể cúi xuống để cắt móng chân được. Tôi sẵn sóc mẹ mà không để ý điều này, nên vừa xót xa vừa xấu hổ, lên tiếng hỏi bà : “Sao má không bảo tụi con cắt móng chân cho má?” Bà cười hồn nhiên : “Mấy người giàu sang, ăn không ngồi rồi, để móng tay móng chân năm này tháng nọ, mà có sao đâu?”

Mấy hôm trước, tôi túc trực bên ngoài khi bà tắm, nhưng chờ khá lâu vẫn không nghe xối nước. Việc tắm rửa của bà kéo dài là chuyện rất bình thường vì lẽ nội cái việc lụm khụm cổ đồ ra và bận đồ vào cũng tốn rất nhiều sức lực và thời giờ rồi. Tôi lên tiếng hỏi dò vài lần thì bà trả lời bình thường, mà tiếng nước vẫn im bất một cách lạ lùng. Hơn hai giờ sau, bà mới mở cửa bước ra, mặt hơi giận, lầm bầm : “Bữa nay, sao cái chân sanh tật cụt ngủn hà! bước vào bồn tắm hoài không được, nên đâu có tắm!”. Bồn tắm cao, tôi biết mẹ phải khó khăn mới đỡ chân lên vừa đủ để bước vào, nhưng vẫn làm lơ cho bà có cơ hội cố gắng vận động tối đa. Tôi an ủi : “Chuyện đó dễ mà, để ngày mai con sắp xếp lại, rồi má sẽ bước vào bồn tắm dễ ợt hà!” Lâu lắm rồi tôi mới thấy mẹ tôi lộ vẻ buồn, bà than : “Sao má sống lâu quá vậy? Má đâu muốn sống dai như vậy, con ạ!”. Tôi an ủi mẹ theo tinh thần đạo Chúa của bà : “Mình đâu có thể mong muốn chuyện gì được má! Chúa bảo sống đến đâu thì mình sống đến đó thôi, phải không má?”. “Ừ!”. Tuy bà “ừ”, nhưng nhận thấy bà vẫn chưa vui, tôi giả giọng con nít lên tiếng : “Má nó chết, thì ai nuôi nó! hu hu!”, nhờ vậy mẹ tôi cười tươi lên. (Nguyên thuở mẹ còn ấu thơ, chừng năm sáu tuổi, một hôm bà chứng kiến bầy chó vạt con gà mẹ chết. Bà khóc sướt mướt, vỗ mãi không nín và cứ thắc mắc hỏi ngoại : “Má nó chết thì ai nuôi nó!” Ngoại bực mình quá nói : “Má nó chết thì mầy nuôi nó!”. Vậy mà mẹ tôi đồng ý, nín khóc, rồi mỗi ngày đứng ra “chít chiu” sẵn sóc đám gà con cho đến khi chúng lớn thành gà giò. Chuyện này là một trong những chuyện hiếm hoi tại Cao Lãnh mà mẹ tôi kể lại. Một hôm mẹ tôi và dì Năm - một bà 88, một bà 90 tuổi - được con cháu sắp xếp cho điện thoại thăm nhau, hai bà

đều lẫn lộn, chuyện người này nhớ thì kẻ kia quên, nói năng huyền thuyên mà trớt quớt chẳng hiểu nhau, thế nhưng vừa nhắc đến vụ "Mẹ nó chết, ai nuôi nó", hai bà rộn ràng tranh kể lại cho nhau nghe và đồng hơn hờ vui cười.

Ngày hôm sau, tôi nhắc cái ghế đặt sát bồn tắm, bà ngồi trên ghế đỡ chân bỏ qua bồn, rồi đứng dậy tắm dễ dàng, nên mẹ tôi rất hài lòng. Tật "chân cụt" lần này thì giải quyết được, nhưng chắc chắn bà còn sanh tật dài dài, và đó là điều khiến cho tôi lo lắng triền miên. Hồi tôi đang học lớp năm, có lần tôi bị nổi dờn trên háng, mẹ tôi bảo tôi cởi quần ra để bà xúc thuốc. Tôi mắc cỡ còn vùng vằng thì bà nạt đũa : "Tao là má mày, tao sanh mày ra mà mắc cỡ nổi gì". Hôm qua, tôi đã nhắc lại chuyện này cho mẹ tôi nghe, để chuẩn bị, có ngày nào đó, tôi phải săn sóc mẹ, mà mẹ mắc cỡ thì tôi sẽ lập lại tương tự như vậy : "Con là con của má! từ bụng má chui ra, mà má mắc cỡ nổi gì!"

Mấy năm trước, tôi có viết truyện ngắn tựa đề "Lấy chồng xa xứ", theo đó, người con gái sau khi hiểu được công ơn cha mẹ như trời như biển sức mình không thể báo đền chữ hiếu, bèn cất tiếng thở than qua điệu ru em:

Cha mẹ ơi! sanh con là gái
Biết chừng nào trả ngãi mẹ cha
Chừng nào cho cá hóa rồng
Đền ơn cha mẹ, ấm lòng thuở xưa.

Thật ra, tôi đã viết bài này cho chính tôi, và đây là tiếng than của tôi khi nghĩ đến sự hiếu dưỡng nan giải của mình đối với mẹ. Bạn đọc có thể chế diễu tôi : "Cha này, đàn ông mà mượn giọng đàn bà tâm sự thì yếu quá! tệ quá!". Các anh các chị biết không? tôi nghĩ rằng vì tôi là đàn ông nên sự tình mới trở nên tồi tệ. Giả dụ tôi là đàn bà, thì tôi có thể chăm sóc mẹ chu đáo những chuyện thân mật : tắm rửa, thay quần áo... thì tốt đẹp cho mẹ con tôi biết là bao nhiêu.

Huỳnh Trung Chánh, Suffolk, VA mùa Vu Lan

... Với tâm từ bi, người Phật tử không chỉ tận lực giải khổ cho thân bằng quyến thuộc nội ngoại tôn thân mà hết lòng giải trừ khổ họa cho mọi loài chúng sanh trong mọi miền thế giới, thế nên trước nỗi khổ của đồng bào, đồng loại, người Phật tử không thể ngoảnh mặt xoay lưng, cũng không thể thoả hiệp với thế quyền nhằm mưu cầu lợi dưỡng để mặc cho dân lành bị cướp mất quyền sống....

(TB Vu Lan 2552-2008)



ba dòng nòi mẹ

phamtinanninh

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhận được thư Bình, thằng bạn thân tình từ thời nối khố. Nó là đứa cuối cùng trong đám bọn tôi rời xa đất nước, vừa mới được sang định cư bên Mỹ theo diện HO 31. Lá thư chỉ vắn vắn mấy dòng:

" Tao đã đến Mỹ vừa đúng hai tuần. Ở đây ồn ào và ngọt ngào quá, tao muốn tìm một chỗ bình yên. Mà có cách nào giúp tao sang Bắc Âu với mày. Bởi tao nghe mày kể bên ấy dù có buồn và mùa đông khá lạnh, nhưng cuộc sống yên bình, thích hợp cho những người cần một nơi để chữa trị những vết thương khó lành được trong lòng.

Tao đang có nhiều vết thương, và cũng đang có nhiều điều rối ren không giải quyết được. Rồi có dịp tao sẽ tâm tình với mày sau. Bây giờ, bằng mọi cách mày giúp tao sang đó với mày. Càng sớm càng tốt.."

Hơn một tháng trước, Định đã báo cho tôi biết việc Bình sẽ sang Mỹ. Nó đã phụ giúp vợ Bình sẵn sàng tất cả mọi thứ để đón Bình. Định còn bảo khi nào Bình đến Mỹ rồi,

nó sẽ báo để tôi sang thăm. Ba thằng gặp lại, tha hồ mà kể chuyện xưa. Vậy sao bây giờ vừa mới đoàn tụ vợ con, Bình lại muốn sang Bắc Âu với tôi, một nơi xa tít mịt mù ?

Gọi điện thoại cho vợ Bình và Định nhiều lần, nhưng không ai bốc máy. Hôm sau tôi vào sở xin lấy trước một tuần hè, và đặt vé máy bay sang Mỹ.

Bọn tôi là ba thằng bạn thân từ những ngày mới lớn. Cùng học một lớp ở trường làng, rồi lên trường huyện. Điều đặc biệt là tên của ba thằng đều có vần “inh”. Trong lớp bạn bè thường gọi bọn tôi là Ninh-Bình-Định, mặc dù cả ba thằng chưa hề biết quê quán của Quang Trung đại đế, cái nơi nổi tiếng “con gái cầm roi đi quyền” đó nó ra sao. Tuổi thơ ở nhà quê khá nhọc nhằn, nhưng lại có biết bao kỷ niệm êm đềm của những ngày câu cá tắm sông, những trận bóng sỏi nổi trước nhiều khán giả là đám con gái cùng trường, mà trái banh chỉ là những trái bưởi rụng nhặt được phía sau hè. Rồi cả ba thằng được may mắn vào thành phố Nha Trang học trung học. Dù khác lớp nhưng cùng vào một đội bóng của trường. Đội bóng bao lần chiếm giải quán quân. Sau khi đậu tú tài, nhìn thấy con đường học hành sao mà xa xăm diệu vợi quá. Muốn học thêm phải khăn gói vào tận Sài Gòn, trong lúc kinh tế gia đình đang lúc khó khăn. Không đành lòng bắt cha mẹ phải còng lưng thêm chút nữa, ba thằng rủ nhau vào lính.

Làm đơn tình nguyện vào binh chủng không quân, bởi hình ảnh những chàng phi công hào hoa đi mây về gió, trong bộ đồ bay, khăn quàng cổ tím, đã là thần tượng của bọn tôi từ lâu lắm. Vậy mà chỉ có riêng tôi là mộng ước không thành, vì thiếu thước tấc, bị loại ngay vòng khám sức khỏe đầu tiên. Hai thằng bạn được toại nguyện, nhưng không vui. Vì kể từ hôm nay, không còn “chúng mình ba đứa” nữa.

Tôi tiễn hai thằng đến Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân nằm bên bờ biển Nha Trang, rồi một mình khăn gói vào Sài Gòn học tiếp.

Khi bọn nó sang Mỹ học phi hành, thì tôi vào quân trường Thủ Đức. Cứ vài tuần tôi nhận thư từ bên Mỹ. Nhìn tấm ảnh hai thằng chụp trước cổng trường, hoặc đứng bên cạnh một chiếc F 5, tôi thấy thèm cái oai phong của tụi nó. Sau khi về nước chỉ có thằng Bình được lái phản lực A-37 cho một phi đoàn đóng ở Biên Hòa, còn thằng Định thì ra phi đoàn trực thăng tận ngoài Vùng 1.

Tôi ra trường, được bổ sung về một tiểu đoàn tác chiến đang làm lực lượng lưu động cho Quân Đoàn, rày đây mai đó, gần như chỗ nào có trận chiến là tôi có mặt. Vậy mà so với mức độ hiểm nguy, chết chóc, chẳng nhằm nhò gì với cái chuyện đi bay của thằng Định. Bởi phi đoàn của nó chuyên thả và bốc những toán biệt kích delta trong các vùng địch. Sau một chuyến công tác, nếu may còn sống, được thưởng một số tiền và mấy ngày phép xài chơi. Bao nhiêu lần nó thoát chết trong đường

tơ kẽ tóc. Nó bảo đúng là đạn tránh nó. Nhờ vậy mà nó là thằng thường có mặt ở thành phố Nha Trang. Cứ sau một lần thoát chết, nó trở về đây, còn tôi và thằng Bình, cả năm chỉ được một tuần “anh về với em rồi anh lại đi”. Có lẽ nhờ vậy mà nó có khá nhiều mối tình để kể cho bọn tôi nghe mỗi lần có dịp gặp nhau, hay bất ngờ liên lạc được trên các tần số không lực.

Nhưng rồi trong ba thằng, tôi lại là thằng bước lên xe hoa trước nhất. Thằng Định vẫn muốn thoải mái đi mây về gió, không bị vướng chân vướng cẳng, còn thằng Bình thì khá kín miệng nên chuyện tình duyên của nó bọn tôi cũng mờ mịt lắm.

Một lần tiểu đoàn đổ quân xuống Ninh Hòa lúc hai giờ sáng, khi cả cái thị trấn nhỏ này còn đang say ngủ. Đại đội tôi được chỉ định vào đóng quân trong sân vận động. Sáng hôm sau, quần áo chỉnh tề, tôi rủ thêm hai thằng bạn lính vào một ngôi nhà phía trước “thăm dân cho biết sự tình”, không ngờ “hồn lữ sa vào đôi mắt em”, đôi mắt nai tơ của cô bé chủ nhà. Đám cưới tôi có mặt cả hai thằng bạn nói khố, và hai thằng đều tình nguyện làm phụ rể.

Ba năm sau, Định lên chức quan ba, được chuyển về một phi đoàn đóng ở Pleiku làm trưởng phòng hành quân, nên chúng tôi có nhiều dịp gặp nhau, khi ở thành phố, khi thì trong các cuộc hành quân trực thăng vận. Lâu lâu nó tình nguyện bay tiếp tế cho đơn vị tôi, thả cho tôi vài ký thịt tươi và chai rượu đế. Mùa hè 72, tôi bị thương ở căn cứ Võ Định, Kontum. Suốt hơn hai tuần bị địch bao vây và pháo kích nặng nề, tôi nhận lệnh phải mở đường máu rút quân ra, nhưng vết thương nặng ở chân phải của tôi là một trở ngại lớn cho đơn vị. Trong lúc Định đang bay chiếc CNC (trực thăng chỉ huy), nhưng đã điều động hai chiếc võ trang (gunship) bắn nghi binh và yểm trợ, rồi một mình nhào xuống bốc tôi trong lưới đạn phòng không dày đặc. Chiếc trực thăng bị nhiều vết đạn mà bọn tôi vẫn an toàn. Mặc dù nó dày đạn kinh nghiệm và bay rất tài ba, nhưng đúng là đạn đã tránh nó, như nó vẫn thường ba hoa với đám bạn bè.

Chỉ có thằng Bình là “số để bọc điều”. Từ A-37 nó chuyển sang lái F-5, nhưng vẫn quanh quẩn ở Biên Hoà, rồi Cần Thơ. Nó là thằng đẹp trai và ít nói. Trước đám con gái, tôi và thằng Định thì lú lo chuyện dưới biển trên trời, còn nó chỉ ngồi cười mỉm. Có lẽ nhờ vậy, mà sau này nó âm thầm về Nha Trang và cua dính Mỹ Khê, một cô bé răng khểnh khá xinh ở trường Nữ, mà ngày xưa cả ba thằng đều quen biết, bởi đã từng thách nhau cùng đạp xe theo “tán”, sau các buổi tan trường.

Mỗi lần về Nha Trang thăm bố, nó đều rủ tôi và Định bay về Nha Trang với nó một vài hôm. Lúc này chiến trường Tây Nguyên khá sôi động, phi đoàn Thần Tượng ở Nha Trang có một biệt đội trực thăng tăng cường cho Pleiku, mà hầu hết các chàng pilot đều là bạn thân của Định, nhờ vậy mà tôi và Định về Nha Trang dễ dàng như đi chợ. Có khi chỉ ở Nha Trang một đêm, rồi sáng hôm sau lại có mặt ở chiến trường. Những lần gặp nhau,

đều có mặt My Khê. Cô bé học trò trường nữ ngày xưa bây giờ đã là cô giáo. Nhưng có lẽ đi dạy học chỉ để làm kiếng, bởi cô ta là con nhà giàu. Ông bà già có mấy tiệm buôn trên đường Độc Lập. My Khê được nuông chiều, nên ngay cả chuyện bếp núc cũng không rành. Lần nào gặp nhau ở nhà nàng, bọn tôi cũng chỉ được mời một món duy nhất mà nàng rất tự hào do chính tay mình nấu : cháo trắng ăn với hột vịt muối.

Cuộc tình này cũng kéo dài đến mấy năm. Không phải để tập làm sao “đừng nhìn nhau mà cùng nhìn về một hướng” như lời khuyên trong sách, mà vì cha mẹ My Khê rất tin vào bói toán. Tuổi tác của hai người chưa thể kết hôn.

Cuối cùng, đến mùa hè 73, thì cuộc tình dài này cũng kết thúc bằng một cái đám cưới khá linh đình ở nhà hàng La Frégate. Khách khứa lên đến trăm người.

Lần này chỉ có thằng Định được làm phụ rể, còn tôi bị loại khỏi vòng chiến bởi “xác thân đã nhuốm mùi trần tục”, một vợ mấy con, nên được thằng Bình giao cho cái chức tiếp tân, chỉ đứng mỉm cười đón khách.

Đúng là thằng Định có số đào hoa. Không biết tài tán gái thế nào mà sau đám cưới, tôi đi tìm nó khắp nơi, cuối cùng bất ngờ gặp nó ôm chặt cô bé phù dâu xinh đẹp, ngồi ngoài bờ biển. Có lẽ đúng như mấy ông bà già thường nói “lắm mối tối năm không”, đến ngày mất nước thằng Định đào hoa nhất bọn vẫn cứ còn độc thân.

Tháng 3-75, miền Trung mất vào tay giặc, Định theo phi đoàn di tản về Nha Trang rồi Biên Hoà. Trong cái cảnh dầu sôi lửa bỏng này nó gặp lại vợ chồng Bình. Sau một ngày với bao nhiêu phi vụ hiểm nguy, tối đến hai thằng lại bù khú mà tao mi tớ với nhau như cái thời còn đi học. My Khê, bà xã của Bình cũng vừa sinh được cô con gái đầu lòng, nên căn cứ xá lúc nào cũng rộn rã tiếng cười hoà lẫn tiếng khóc của trẻ thơ. Nhờ vậy mà hai thằng phi công cũng bớt được phần nào những ưu tư lo lắng trong giờ phút lâm nguy của chính mình và đất nước.

Sau những trận đánh lầy lừng của các đơn vị ở Long Khánh, cũng chỉ có khả năng cầm chân địch hơn một tuần. Biên Hoà bỏ ngõ. Phi đoàn của Bình nhận lệnh đem máy bay xuống phi trường Trà Nóc tránh pháo. Bình nhờ Định đưa vợ con về Tân Sơn Nhất, cùng ở tạm trong cư xá, nhà của một thằng bạn cùng khoá, sau mấy lần bị thương, không còn khả năng phi hành nên về làm trong Bộ Chỉ Huy Hành Quân Không Quân.

Ngày 29.4, phi trường Tân Sơn Nhất bị pháo kích liên tục. Tình hình nguy ngập, cả phi đoàn của Định chỉ còn lại vài chiếc trực thăng. Anh em trong phi đoàn ngồi lại tính chuyện bay ra hạm đội Mỹ đang chờ ngoài biển..

Trong lúc bạn bè chạy ngược xuôi tìm chỗ cho vợ con, chỉ có Định là một thân một mình nên chẳng lo lắng gì, ngoài cái tâm trạng bực tức, chán chường. Định liên lạc với Bình, báo cho biết việc phi đoàn của nó sẽ bay ra

hạm đội, bảo Bình thu xếp gấp về Sài Gòn để kịp đưa vợ con đi. Định bảo là nó được dành ba chỗ trên tàu, vừa đủ cho vợ chồng Bình và một đứa con nhỏ. Nhưng Bình từ chối, bảo là vùng 4 còn an toàn, phi đoàn phản lực của nó được đặt dưới quyền của tướng tư lệnh Nguyễn Khoa Nam. Bình chỉ nhờ Định lo cho vợ con nó đi cùng. Tù tình hình nó sẽ đi sau.

Khi Định và vợ con Bình đến đảo Guam hai ngày, thì biết tin Sài Gòn thất thủ. Định đi tìm Bình khắp nơi nhưng không thấy. Người ta bảo có lẽ Bình đã bay sang Thái Lan.

Ngày tôi khăn gói đến địa điểm trình diện “học tập cải tạo” bất ngờ gặp Bình. Trong cái cảnh “nước mất nhà tan” này mà có được một người bạn thân thì cũng vui được nỗi buồn. Nó kể là anh em trong phi đoàn không đành rời căn cứ trong lúc hai ông tướng quân đoàn vẫn còn ở lại sống chết với anh em. Sau khi hai ông tự sát, thì tình hình đã quá muộn màng, địch quân bao vây, pháo kích dữ dội vào phi trường, nên anh em chỉ còn kịp phá hủy một vài hệ thống trên phi cơ.

Ở tù chung trong trại tù An Dương Biên Hòa gần một năm, khi chuyển ra ngoài Bắc mỗi thằng bị chia mỗi ngả.

Ra tù, tôi ghé lại thăm gia đình Bình. Ông già nó qua đời, chỉ còn bà mẹ và cô em gái, nhưng nhà cửa được xây lại khang trang và cuộc sống khá sung túc so với những người khác trong vùng. Mẹ nó bảo tiền bạc do vợ Bình gửi về đều đặn. Bà còn khoe mấy tấm ảnh của vợ con Bình được phóng lớn treo trên vách.

Đúng một năm ra khỏi tù, tôi vượt biên. Trong trại tỵ nạn Bataan, bên Phi, khi chuẩn bị lên đường định cư thì nhận tin Bình được thả về. Nhưng chỉ vài tháng sau thì lại được tin nó bị bắt khi tổ chức vượt biên.

Mãi đến tám năm sau nó mới lên đường sang Mỹ theo diện HO. Tôi định chờ một vài tuần để nó tạm ổn định cuộc sống và gia đình, tôi sẽ bay sang thăm vợ chồng nó và thằng Định, thì bất ngờ nhận lá thư này của nó.

Máy bay đáp xuống phi trường Fayetteville, North Carolina lúc 9 giờ rưỡi tối. Một phi trường nhỏ ở một nơi tôi hoàn toàn xa lạ. Anh tài xế taxi người da đen chở tôi chạy lòng vòng qua những rừng thông hoang vắng càng làm đầu óc tôi căng thẳng, lúc nào cũng trong tư thế “ứng chiến” để đối phó với những điều bất trắc.

Cuối cùng thì anh ta cũng tìm tới được địa chỉ nhà Bình. Trong nhà tối om. Cổng khoá chặt. Tìm chuông cửa nhưng không thấy. Tôi mở bóp tìm địa chỉ của Định, nhưng lâu nay viết thư cho tôi, Định chỉ dùng P.O.Box. Tôi hỏi anh tài xế taxi tên một motel gần nhất. Tôi viết vài chữ lên tấm giấy nhỏ, bảo Bình đến tìm tôi ở motel ấy, rồi gắn lên cửa.

Trưa hôm sau, người đến tìm tôi không phải là Bình, nhưng là ông già vợ của Bình. Tôi chỉ gặp và nói chuyện với ông vài lần trong ngày đám cưới của Bình, nhưng

nhận ra ngay. Mặc dù bây giờ ông già hơn xưa, nhưng có tướng đẹp lão. Và vẫn còn hàng ria mép. Ông bảo chính My Khê nhờ ông đi đón tôi.

Trên đường đưa tôi về nhà, ông cho biết là ông đang làm chủ một khách sạn nhỏ và một nhà hàng. Ở cách xa nhà vợ chồng Bình chừng hai mươi phút lái xe.

- Tôi nghiệp, vợ chồng nó đang có chuyện buồn. Chuyện phức tạp quá nên hai bác đã cố gắng hết sức nhưng không giải quyết được. Cháu là bạn bè thân, hy vọng cháu nói bọn nó nghe.

- Cháu muốn được nói chuyện riêng với bác trước khi gặp vợ chồng Bình.

Tôi muốn biết rõ ràng việc gì đã xảy ra với vợ chồng Bình, để biết cách ứng xử sao cho thích hợp.

Ông già của My Khê quay xe lại, tìm đường rẽ sang một hướng khác. Hơn mười phút sau, ông dừng xe trước một nhà hàng Á châu.

- Cháu vào đây với bác. Nhà hàng này là của bác.

Ông bảo người con gái đứng trong quày mang cho tôi một phần ăn, và một tách trà cho ông, rồi kéo tôi ngồi xuống một cái bàn nằm riêng trong góc.

Ông bảo tôi cứ dùng cơm tự nhiên, rồi bắt đầu tâm sự :

- Hai bác thật là buồn và khó xử, chẳng biết phải tính làm sao. Khi thằng Định đưa con My Khê, vợ thằng Bình sang Mỹ với đứa con chưa tròn một tuổi. Một thân một mình nơi xứ lạ quê người, tất cả từ việc lớn đến việc nhỏ gì nó cũng trông cậy vào thằng Định. Mà Định quả là thằng chí tình với bạn bè, Nó hết lòng lo lắng cho vợ con thằng Bình, mê chuyện học hành mà đành phải bỏ, đi làm hai ba ca để vừa có đủ tiền lo cho mẹ con My Khê, mà còn gửi về Việt Nam giúp gia đình thằng Bình sau tháng 4/75 trải qua bao năm túng quẫn. Rồi cũng chính nhờ thằng Định giúp việc bảo lãnh gia đình bác từ Việt Nam sang Mỹ đoàn tụ với mẹ con My Khê.

Nhưng rồi tất cả cũng vì Bác mà gây nên cơ sự. Trước khi rời Việt Nam, hai bác có ra chào vợ chồng anh chị sui gia, là ba má của thằng Bình. Ông bà khóc lóc kể cho bác biết là có tin do vợ một người bạn cùng tù với Bình vừa ra thăm chồng ngoài Bắc về, bảo là Bình đã bị bắn chết trong một lần trốn trại với mấy người bạn tù khác nữa ở biên giới Lào. Chính vì vậy mà hai bác khuyên con My Khê nên tiếp nối với Định, bởi bao nhiêu năm nay nó đã hy sinh ở vậy để tận tình lo lắng cho mẹ con My Khê, và cháu Lina, con của Bình cũng xem Định như là cha của nó.

Hai bác tâm tình khuyên mãi, tội nó mới làm đám cưới. Sống với nhau hơn mười năm, tội nó có hai đứa con, thì mới nhận được tin là thằng Bình vẫn còn sống, chỉ bị thương nhẹ, rồi đem đi biệt giam ở một trại tù nào khác, không ai biết.

Từ ngày ấy thằng Định buồn ghê lắm và lúc nào cũng ngồi thờ thần một mình. Nó giấu việc này không dám nói với thằng Bình, và cũng chính nó phụ với hai Bác gửi tiền về giúp đỡ gia đình Bình và lo cho Bình sang Mỹ theo diện HO.

Tôi đưa tay xin ngưng lời bác.

- Bây giờ thằng Định đang ở đâu thưa Bác ?

- Trước ngày thằng Bình sang đây, thằng Định mang hai đứa con của nó với My Khê sang đây nhờ hai bác mượn người giữ hộ, rồi “mu” qua Hawaii. Con My Khê khóc lóc, bảo nó cứ ở lại đây, khi nào thằng Bình sang My Khê sẽ nói chuyện với thằng Bình, thằng Bình sẽ hiểu được bao điều khúc mắc và chắc sẽ không buồn.

Hai bác cũng giải thích cho nó biết, dù sao thằng Bình với con My Khê cũng đã xa cách quá lâu, và sự việc xảy ra là do bao nhiêu nghịch cảnh đẩy đưa, chứ Định là một thằng tốt bụng, hết lòng chung thủy với bạn bè. Hai bác cũng sẽ nhận trách nhiệm này trước mặt thằng Bình, khi nó tới đây.

- Rồi cuối cùng ra sao, thưa Bác ?

- Vợ chồng bác khuyên giải suốt cả mấy ngày liền, nhưng nó vẫn không nghe, nó xin lỗi hai bác và con My Khê, rồi nhờ bác trao lại cho thằng Bình một lá thư.

Nó xin được phép dán lá thư lại nên hai bác cũng chẳng biết nó viết cái gì trong đó. Khi đến Hawaii, nó có gọi phôn về cho bác, bảo đang chạy taxi với một thằng bạn cũ. Chút nữa bác sẽ cho cháu số phôn của nó, để cháu liên lạc khuyên giải nó hộ bác.

Bác chở tôi lại trước nhà vợ chồng Bình, bỏ tôi trước cửa, chỉ tôi cái chuông điện nằm kín phía bên trong cánh cửa, rồi lái xe về. Bác bảo là để đám trẻ bọn tôi gặp nhau sẽ được tự nhiên hơn.

Người ra mở cửa là My Khê. Vừa nhận ra tôi, My Khê nắm chặt tay tôi, nhoẻn miệng cười, nhưng lại bật khóc ngay sau đó. My Khê đưa tôi vào nhà, chỉ cho tôi nơi Bình ở, căn nhà sau, chung vách với gara xe. Tôi gõ mấy lần, cửa mới mở.

Sau bao nhiêu năm hai thằng bạn thân từ thời nối khố gặp lại nhau, nhưng đều không vui, ôm lấy nhau mà lòng dạ bùi ngùi.

Suốt đêm hôm ấy tôi ở trong phòng Bình, nhưng hai thằng không ngủ, nằm tâm sự thâu đêm.

Tôi chưa biết phải nói điều gì với Bình, thì Bình mở đầu tâm sự.

- Khi biết việc này, tao có bất ngờ, và dĩ nhiên cũng buồn ghê lắm. Nhưng chỉ sau một đêm suy nghĩ, tao lấy lại được sự bình thản, và nghĩ là My Khê đã thuộc về Định, và hai người rất xứng đáng trong tình yêu, trong cuộc hôn nhân mới này. Tao phải cảm ơn thằng Định, đã hết lòng cứu mang vợ con tao và cho My Khê một gia đình hạnh phúc, một chỗ dựa vững chắc trên xứ lạ quê

người. Hơn nữa tao và My Khê xa cách khá lâu, trong lúc nàng đã hội nhập vào xã hội Mỹ này từ lâu rồi, còn tao bây giờ cũng đã già, lại là một thằng quê mùa, bệnh hoạn, mà vết thương trên thân xác cũng như trong lòng tao vẫn chưa lành được. Tao tự biết mình thực tình không còn thích hợp, không còn xứng với nàng. Tao cũng đã tâm tình với My Khê và điện thoại cho thằng Định, nói hết nỗi lòng. Mong nó trở về đây. Cháu Lina, con gái của tao cũng nhớ nó mà khóc cả ngày. Tao hiểu, con bé còn xa lạ với tao lắm. Mà nó xa lạ là phải. Không dễ dàng gì cho một cô con gái đã hơn 20, không hề biết mặt cha từ lúc mới năm tháng tuổi, bây giờ phải chấp nhận một ông cha bất ngờ từ trên trời rơi xuống

- Thế rồi vợ mày và thằng Định tính sao ?

- My Khê thì chỉ khóc và im lặng, còn thằng Định thì nhất quyết trả My Khê lại cho tao. Nó còn bảo là nó nhớ tao lắm, nhưng không muốn gặp tao.

- Bây giờ mày tính sao ? Tao sẽ giúp được gì cho tụi mày ?

- Tao nhờ mày. Chỉ có mày có thể giúp tao trong lúc này. Mày đưa tao qua Hawaii gặp thằng Định và tâm tình giải thích để nó trở về với vợ con tao.

- Còn mày thì sao ?

- Tao một thân một mình. Nếu mày kéo tao sang Nauy ở với mày là phúc cho tao.

Có mày tao sẽ dễ quên bao nhiêu chuyện đau lòng. Còn nếu không được thì tao lang thang đâu cũng được. Lâu lâu kiếm được tiền tao lại ghé về đây thăm cháu Lina, cho dù trong lòng nó, có lẽ tao chưa hề là cha của nó.

Ba thằng bọn tôi lại gặp nhau, qua bao nhiêu năm chia cách cùng những đông tố trong đời. Ôm nhau mừng rỡ mà sao nghẹn ngào, không ai nói nên lời, chỉ có nước mắt chảy dài trên má. Ngày xưa, thằng Định là đứa ba hoa, khô hài nhất trong bọn, vậy mà cũng không mở miệng để nói một lời, dù chỉ là một chữ hello, mà nó đã thương xài từ lúc còn ở Việt nam, mỗi khi gặp bạn bè.

Không biết lúc này trong đầu hai thằng bạn đang nghĩ điều gì. Riêng tôi đang hình dung tới cuộc chiến bi thảm mà kẻ chiến thắng lại là những con người tàn ác nhất đã tạo nên bao chia ly tan tác.

Sáng nay, chủ nhật, mùa đông Bắc Âu khá lạnh. Tôi thức giấc đã lâu nhưng còn đang trằm chằm nằm nán trên giường thì nghe điện thoại reo. Bốc ống nghe chưa kịp hỏi là ai, thì nghe bên kia đầu giây giọng nói quen thuộc của thằng Định :

- Hello! Ninh ơi. Có thằng Bình đây, nó muốn nói chuyện với mày.

Tôi nghe giọng nói yếu ớt nhưng rất vui của Bình :

- Bình đây. Gọi thăm vợ chồng mày và báo cho mày một tin vui. Tao đang ở nhà vợ chồng thằng Định đây. Vừa từ bệnh viện về. Vợ chồng Định lên tận Houston tìm thăm

tao, báo tin cháu Lina bị bệnh rất nặng cần phải thay gấp một quả thận. Bác sĩ cho biết cách tốt nhất là lấy thận của người cùng huyết thống, nên tao theo Định và My Khê bay xuống North Carolina ngay để kịp thời lo cho cháu.

- Thế bây giờ mày và cháu Lina đã khỏe chưa? Tôi cất lời Bình.

- Bác sĩ bên này giỏi thật. Mọi việc tiến hành nhanh chóng. Bây giờ đã xong xuôi. Cháu Lina cũng đã khỏe lại. Đáng lẽ tao đã về lại Houston, vì tao vừa mới mở cái tiệm giặt ủi, do vợ chồng thằng Định giúp vốn, vợ chồng nó cũng vừa mua cho tao một ngôi nhà nhỏ, ở bên cạnh hai thằng bạn cùng phi đoàn với tao ngày trước, nhưng vợ chồng nó nhất định giữ tao lại. Cả cháu Lina nữa. Nó cũng muốn có nhiều thời gian để tâm tình với cha của nó. Mày cố gắng bay sang đây với tụi tao cho vui.

Chưa kịp trả lời, tôi lại nghe giọng nói của đàn bà :

- Ông bà qua đây để tôi còn đãi món cháo trắng ăn với hột vịt muối.

Tôi nghe những tiếng cười khúc khích, rồi giọng đùa nghịch của thằng Định xen vào :

- Hello, Ninh ! My Khê bây giờ nấu ăn nghề lắm đó, biết nấu cả cháo trắng tới bảy món. Vợ chồng mày nhớ bay qua sớm, không thì mất phần đó nghe chưa.

Tôi buông ống nghe, thần thờ nhìn ra ngoài cửa sổ như muốn tìm kiếm một điều gì. Trời mùa đông Bắc Âu phủ đầy tuyết trắng, nhưng sao trước mắt tôi đang lung linh bầu trời xanh bao la của cả một thời tuổi thơ. Cái thuở ba thằng chúng tôi vui đùa nghịch ngợm, trong lòng chưa hề vướng bận chuyện chiến tranh kéo theo bao cay đắng cuộc đời.

phạmtinninh

.. Người Phật tử Việt Nam không thể để cho Phật Pháp suy tàn trên đất Việt, không thể chuyên lo cúng bái làm công cụ cho các tư tưởng thời đại, các tổ chức thế tục. Vì Phật giáo mang tính toàn cầu và chủ động trong hạnh nguyện Bồ tát cứu dân, cứu nước, cứu nhân loại và mọi loài chúng sinh. Hơn nữa, các tư tưởng thời đại rồi sẽ qua đi, không một tổ chức, một triều đại hay chế độ nào, dù hung tàn, đối gạt đến đâu, thoát khỏi luật vô thường phế thải...

(TĐ Phật Đản 2546 của HT. Huyền Quang)



CƠM NGUỘI

Tiểu Tử

Ông già đó lái xe đưa hai thằng cháu nội sáu bảy tuổi đi ăn MacDonal's. Bữa nay chúa nhứt, vợ chồng thằng con ông không có đi làm, nhưng vì phải đi dự đám cưới của một người bạn vào buổi trưa nên thằng con ông nhờ ông đến nhà vừa giữ nhà vừa trông chừng hai đứa nhỏ. Nó đã điện thoại cho ông hôm tuần trước để... “xí chỗ” bởi vì nó biết hai đứa em của nó lâu lâu cũng nhờ ông làm như vậy. Nhà ông chỉ cách nhà của các con ông có ba bốn chục phút xe hơi - nếu xa lộ không bị kẹt - nên việc đi lại không gây nhiều phiền phức. Ông sống một mình, thành ra khi đứa con nào cần, gọi ông là ông “ừ “ ! Trừ phi ông đã hẹn lỡ với mấy ông bạn già đi đánh bài ở nhà ông nào đó, hay đi ăn phở ở khu 13 chợ tàu Paris...

Giữ hai đứa cháu đến bốn giờ chiều vẫn chưa thấy cha mẹ chúng nó về. Giờ này phải cho chúng nó ăn cái gì - quen giữ mấy đứa cháu nên ông rành thông

lệ đó. Ông đề nghị đưa chúng nó đi ăn MacDonal's, hai đứa vỗ tay nháy căng reo mừng. Vậy là ông chở chúng nó đi, sau khi viết ít chữ để lại trên bàn ăn cho vợ chồng thằng con ông biết.

Nhà hàng nằm ngoài đồng nên có sân chơi rộng lớn với nhiều đu và cầu tuột. Giờ này thật đông khách, nhứt là trẻ con. Nhờ có bãi đậu xe mênh mông nên ông già không phải khó khăn tìm chỗ.

Vừa xuống xe, hai thằng nhóc chạy thẳng ra sân chơi. Ông già nói với theo bằng tiếng Việt :

- Hai đứa muốn ăn cái gì để ông nội lấy.

Hai đứa không quay đầu lại nhưng nói to bằng tiếng Pháp :

- Hamburger và Coca.

Ông lại hỏi :

- Không lấy Happy Meal hả ?

Hỏi như vậy, vì thông thường trẻ con hay lấy món đó để có đồ chơi.

Tụi nhỏ vừa trèo lên cầu tuột vừa nói lớn bằng tiếng Pháp :

- Không ! Cái đó của con nít !

Ông bật cười, vừa chửi thầm “cha tụi bây” vừa bước vào trong. Nối đuôi một lúc rồi ông mang mâm đồ ăn ra ngồi ở một cái bàn ngoài sân dưới nắng, cho ấm. Hai thằng cháu nội của ông đang chơi cầu tuột, la hét bằng tiếng Pháp, om sòm. Trong đám trẻ tóc vàng, chúng nó tóc đen mắt hí nên dễ thấy. Ông nhìn theo tụi nó trèo lên tuột xuống, chen chúc với bầy tây con mà ông thấy thương.

Hai thằng cháu nội của ông chỉ hiểu chớ không nói được tiếng Việt. Tiếng Việt, tụi nó nói được có hai tiếng “ông nội”. (Đó là bây giờ, sau khi được ông sửa nhiều lần. Chớ hồi còn bốn năm tuổi, tụi nó gọi ông bằng “ông nại”, nghe thấy cười lắm !). Thành ra, trong đối thoại giữa ông cháu, tụi nó nói tiếng Pháp, còn ông thì dùng tiếng Việt. Ông nghĩ “Cứ bắt tụi nó phải nghe tiếng Việt, kẻo không chúng nó sẽ quên. Rồi mình sẽ đốc thúc ba tụi nó đưa tụi nó đi học nói và học viết nữa”.

Một lúc sau, thấy hai đứa nhỏ chơi đủ lâu, ông đứng lên vẫy tay gọi :

- Tí! Tú! Lại ăn nè!

Tụi nhỏ còn ráng tuột thêm hai lần nữa rồi mới chạy vào, mặt mày đỏ ửng, mồ hôi mồ kê. Ông nói:

- Vô toa-lét rửa tay rửa mặt rồi ra ăn.

Hai đứa gật đầu nhưng vẫn cầm ống hút chọc lủng nắp ly giấy, hút vài ngụm coca trước khi hí hửng đi vào bên trong. Ông mỉm cười nhìn theo mà nghe tình thương dào dạt trong lòng...

Ông nhớ lại ở bên nhà hồi xưa, hồi thời mà cha chúng nó bằng tuổi chúng nó bây giờ, ông cũng hay dẫn đi “ăn cái gì” lúc bốn năm giờ chiều chúa nhật. Mà ở Việt Nam đâu cần phải lái xe đi cả chục cây số như ở xứ Pháp này. Cứ thả bộ ra đầu ngõ là có đủ thứ để “bỏ bụng”: cháo lòng, mì, phở, v.v.... Hồi đó, khi được dẫn đi ăn, cha chúng nó cũng có bộ mặt hí hửng giống như tụi nó bây giờ. Vậy mà cũng đã gần bốn chục năm...

Hai đứa nhỏ trở ra ngồi vào bàn ăn hamburger. Thằng lớn, tên Tí, để ý thấy ông nội không có hộp MacDonal's nào, bèn hỏi :

- Ông nội không ăn gì à ?

- Không, ông không có đói.

Ông cầm cái ly giấy đựng cà phê đưa lên :

- Ông uống một cái cà-phê là đủ rồi.

Thằng nhỏ, tên Tú, chen vào, miệng còn ngòm ngòm hamburger :

- Máy người già kỳ cục lắm ! Ăn uống không giống ai hết !

Thằng anh rầy :

- Nói bậy! Mà nói như vậy là không có lễ độ!

Rồi nó lên giọng người lớn để dạy em, nói chậm rãi:

- Người ta nói : mấy người lớn tuổi không biết cách ăn uống. Mày hiểu chưa ?

Ông bật cười, chửi đồng “Cha mày”! Thằng Tí không hiểu tiếng chửi đó nên hỏi :

- Ông nội nói cái gì vậy ? “Cha mày” là nghĩa gì ?

Ông đưa tay gãi cổ, tìm cách giải nghĩa :

- Ờ... ông muốn nói... Nghĩa là... Nghĩa là...

Thấy ông nội nó có vẻ gặp khó khăn trong tiếng Việt, thằng Tí đề nghị :

- Ông cứ giải nghĩa bằng tiếng Pháp đi, có lẽ dễ hơn đó !

Ông gật đầu, nói bằng tiếng Pháp :

- Ông muốn nói rằng... muốn nói rằng là ... con dễ thương !

Thằng nhỏ mỉm cười, vừa gật gật đầu vừa hí hửng nói :

- Merci ! Merci !

Thấy thương quá, ông chồm qua mặt bàn hôn lên má phình phính của nó. Thấy vậy thằng em đòi :

- Còn con ! Còn con !

Ông bèn đưa tay ôm hai cái đầu cụng lại rồi hôn chúng nó trơ trát. Hai đứa rụt cổ cười lên hắc hắc. Trong khoảnh khắc đó, ông già cảm thấy không còn sự sung sướng nào bằng...

Ăn xong, thằng Tí xin phép ông nội cho tụi nó tiếp tục chơi một lúc nữa. Ông vén tay áo nhìn đồng hồ rồi gật đầu. Hai đứa nhỏ vừa chạy đi vừa nói nửa tiếng tây nửa tiếng ta : “Merci ông nội !”. Ông mỉm cười nhìn theo một lúc rồi mới đi vào bên trong lấy thêm một ly cà phê.

Ngồi vào bàn, ông vừa nhắm nhai vừa nhớ lại thời ông còn nhỏ. Hồi đó, ông ở dưới quê với bà ngoại. Chiều nào đi học về, cũng bước vào bếp bốc một cục cơm nguội to bằng nắm tay rồi ra ngồi ngoài hiên ăn với miếng đường mía màu nâu sậm đen nhỏ bằng ngón chân cái. Vậy mà sao ngon vô cùng!

Và ngày nào cũng vậy. Hể nghe đói - ngoài hai bữa cơm chánh - là cứ vô bếp lục cơm nguội. Lúc nào nấu cơm, bà ngoại cũng nấu nhiều. Bà nấu trong cái nồi đất và không biết nấu cách nào mà khi nguội cơm dính vào nhau chớ không rời. Cho nên chỉ cần cầm chiếc dĩa bếp xắn xuống một cái là có ngay một cục cơm gọn bân ! Nồi cơm nguội luôn luôn nằm trên đầu ông táo. “Để kiến đừng bò vô, vì kiến sợ tro bếp”. Hồi đó nấu bếp bằng củi nên bếp đầy tro.

Lâu lâu, bà ngoại có hốt tro đổ bớt, nhưng vẫn chừa lại một lớp dầy để giữ than cho âm ỉ dùng “ghế” nồi cơm. Bà giải nghĩa : “Sôi vừa cạn nước là đập tắt lửa ngọn rồi cời than với tro ra khỏi chừn ông táo, bắc nồi cơm xuống đặt lên đó cho gạo nở. Như vậy kêu là ghế nồi cơm. Nấu cơm ngon hay không ăn thua ở cái chớ biết ghế hay không biết ghế. Chỉ có vậy thôi !”.

Bà coi chuyện nấu cơm trong nồi đất và bằng lửa củi là chuyện dễ ợt. Điều quan trọng đối với bà ngoại là phải nấu dư dư ra một chút. “Cho thằng nhỏ nó có cơm nguội nó ăn”. Nói như vậy chớ thỉnh thoảng bà cũng cho “thằng nhỏ” một khúc khoai mì hay một củ khoai lang... những thứ không phải hiếm - nhứt là ở vùng quê - nhưng vì nhà nghèo

nên những thứ như vậy cũng trở thành hiếm hoi cho lúc đói lòng của “thằng nhỏ”...

Nghĩ đến đó, ông già buông tiếng thở dài. Sao mà có thể nghèo như vậy được ? Bà ngoại chỉ có mấy nọc trâu, vài hàng cau, đôi ba cây ổi cây mít... Ngần đó thứ chỉ đủ cho hai bà cháu có hai bữa cơm rau khô mắm hằng ngày. Vậy mà bà ngoại cũng ráng nuôi cho ông đi học. “Cái thứ mỗ côi, Trời bù cho cái khác. Thằng nhỏ sáng dạ học giỏi, bắt nó ở nhà chăn trâu sao đành”. Vậy là ông phải cắp sách đến trường như mọi đứa trẻ khác và chiều về nếu không có củ khoai thì vẫn còn có nồi cơm nguội...

Thành ra, cơm nguội đối với thằng nhỏ nghèo là ông hồi đó, lúc nào cũng có giá trị như hamburger của hai thằng cháu nội của ông bây giờ. Còn hơn thế nữa là nhờ có cơm nguội mà ông đã đi hết bậc tiểu học một cách trơn tru rồi sau đó thi đậu học bổng vào trường lớn ở Sài Gòn, cũng dễ dàng như bà ngoại nấu cơm trong nồi đất !

Ông già vén tay áo xem đồng hồ rồi đứng lên gọi :

- Tí ! Tú ! Về, tụi con !

Hai đứa chạy lại mang mâm hộp không, ly không đẹp vào trong rồi theo ông nội chúng nó ra xe.

Về đến nhà thì ba mẹ của hai thằng nhỏ cũng đã về rồi. Ba chúng nó hỏi bằng tiếng Việt :

- Tụi con đi chơi có vui không ?

Hai đứa gật đầu. Thằng Tí giành nói :

- Ông nội cho tụi này chơi cầu tuột, chơi đu, lâu thật lâu. Đã luôn !

Ba chúng nó quay sang ông già :

- Tụi nó có ngoan không, ba ?

- Ngoan chớ. Dễ dạy lắm.

Mẹ chúng nó vừa đưa cho mỗi đứa một cái bánh sô-cô-la vừa nói bằng tiếng Pháp:

- Mẹ tưởng tụi con không có đi ra ngoài nên mẹ mua bánh cho tụi con đây.

Hai đứa vừa ôm mẹ hôn vừa nói “Cám ơn ! Cám ơn !” tí lia. Thằng Tú bẻ cái bánh của nó ra làm hai rồi đưa phân nửa cho anh nó :

- Ăn với Tú nè ! Để dành cái bánh của Tí lác nữa ăn !

Thằng anh vui vẻ cầm lấy phần bánh nói “merci” rồi vừa hôn lên má em vừa nói bằng tiếng Việt:

- Cha mày !

Mẹ nó giật mình, trừng mắt, la lên bằng tiếng Pháp:

- Tí ! Sao con chửi nó ?

- Con đâu có chửi. Con nói nó dễ thương mà !

- “Cha mày” là tiếng chửi đó !

- Hồi này, ông nội nói “cha mày ... là dễ thương “ !

Ông già bật cười trong lúc mọi người đều ngạc nhiên nhìn ông không hiểu. Ông nói :

- Ồ ! Hồi này ba có giải nghĩa như vậy khi thằng Tí nói một câu dễ thương. Thật ra, hai tiếng đó tùy trường hợp và tùy cách nói mà thành tiếng chửi hay tiếng mắng yêu, tụi con hiểu không ?

Mẹ chúng nó quay sang hai con, nói bằng tiếng Pháp :

- Tiếng đó chỉ có người lớn mới có quyền dùng thôi. Tụi con không được nói, nghe chưa ?

Thằng Tí gật đầu, rồi vừa kéo thằng em đi vào trong vừa càu nhàu :

- Ồ... tiếng Việt Nam rắc rối quá !

Mấy người lớn nhìn nhau mỉm cười. Ông già nói, giọng nghiêm trang :

- Ba nghĩ tụi con nên sắp xếp thì giờ để chờ tụi nhỏ đi học nói và học viết tiếng Việt. Ở Paris thiếu gì chỗ dạy. Ngoài ra, ba cũng muốn nhắc tụi con thường xuyên nói tiếng Việt với chúng nó thay vì dùng tiếng Pháp. Để cho chúng nó đừng quên. Mình đi lưu vong, bỏ hết mất hết. Chỉ còn có tiếng nói mang theo mà cũng để cho mất luôn... thì mình sẽ thành ra cái giống gì, hả các con ?

Giọng ông già bỗng như nghẹn lại. Ba mẹ tụi nhỏ chững như xúc động, làm thinh. Yên lặng một lúc, mẹ thằng Tí vừa đi vào bếp vừa nói :

- Để con đi làm cơm. Ba ở lại ăn với tụi con nghen.

- Không, con. Chơi một chút rồi ba về.

Ba tụi nhỏ rót trà vào tách đưa cho ông già :

- Biết ba thích uống trà nên con có pha sẵn bình Ô Long cho ba đây.

- Ồ... Cám ơn con !

Ông già hớp một hớp, đặt tách xuống, gật gù :

- Ừm... Ngon !

Rồi ông tiếp :

- Hồi này, ở ngoài Mac Donal's, tự nhiên sao ba nhớ lại ba hồi nhỏ. Hồi đó, vì nghèo nên ba đâu có quà bánh gì để ăn. Ba chỉ biết có cơm nguội ăn với

đường mía, loại đường cục đậm đen nhìn không thấy thềm mà khi cắn vô mùi mật mía thơm phức làm tươi nước miếng.

Ông già ngừng nói đưa tách lên môi hớp một hớp trà, làm như ông vừa bắt gặp lại vị ngọt đậm đà của cục đường đen và ông cắn một hớp trà để đẩy đưa cho hậu vị...

Người con ông ngồi đối diện, uống trà trong im lặng. Anh biết cha anh đang sống lại với dĩ vãng nên không dám làm xáo trộn dòng suy tư của cha. Ông già nói tiếp :

- Hồi thời đó bà ngoại của ba nấu cơm trong nồi đất, nhúm lửa bằng giảm bào, chụm bằng củi. Muốn cho lửa bắt phải hít hơi đầy phổi rồi dùng ống trúc mà thổi nhiều lần. Ống trúc đó gọi là “ống thổi” .. Khi sử dụng, phải để ý. Bởi vì ống thổi có một đầu sạch và một đầu dơ. Đầu sạch là đầu mà mình chụm môi kê vào để thổi, còn đầu dơ là đầu mà mình thọc vào chỗ có lửa. Đầu đó luôn luôn bị cháy nám đen và dính tro bụi. Người không biết, thổi ở đầu dơ, một lúc sau mồm mép dính lọ đen thui mà không hay !

Ông già khịt mũi cười rồi mới tiếp :

- Rồi phải đợi cơm sôi để hạ lửa, sớm một chút là cơm nhão, trễ một chút là cơm khê. Nấu cơm cực lắm chứ không phải như bây giờ nấu bằng nồi điện, chỉ cần nhận có cái nút !

Ông ngừng nói, cầm tách lên hớp mấy hớp trà. Ba thằng Tí cũng đẩy đưa :

- Như vậy mới là tiến bộ, chứ ba.

- Dĩ nhiên. Đó là điều cần thiết cho cuộc sống. Bây giờ mà bắt mấy bà mấy cô nấu cơm bằng nồi đất, bằng lửa củi... chắc họ nổi loạn ! Ba muốn nhắc lại chuyện nấu cơm hồi trước là để cho con thấy trong hột cơm hồi đó có chút công sức của người nấu, có chút tình người làm cho hột cơm có giá trị hơn hột cơm “nhận nút” của thời bây giờ. Chỉ có vậy thôi.

Ông già ngừng nói, nhìn thằng con một chút rồi tiếp:

- Nhưng chuyện mà ba muốn nói ở đây là chuyện “cơm nguội”. Cơm nguội là một thứ chẳng có gì hấp dẫn ! Cho dù nó có nằm trong nồi đất hay trong nồi điện gì, nó cũng không gọi thềm như tô phở hay tô mì. Nó không có chỗ đứng trong hàng quà bánh. Chẳng ai để ý tới nó hết ! Vậy mà khi mình đói và chẳng có gì ăn thì cục cơm nguội lại trở thành “có giá” ! Nó như loại bánh xe xơ-cua của xe hơi : bình thường chẳng ai nhìn đến, nhưng khi bị xẹp bánh

mới thấy cái bánh xơ-cua, dù đã mòn lẩn, thật hữu ích vô cùng.

Ông già lại ngừng nói, tự tay rót trà vào tách, chậm rãi như để cho thằng con có thời giờ “thăm” những gì ông muốn nói. Sau một hớp trà, ông tiếp :

- Con thấy không ? Cục cơm nguội cũng có cái giá trị của nó đó chứ ! Ngoài ra, khi ăn cục cơm nguội, đối với những ai chỉ biết nồi cơm điện chứ chưa từng biết cái nôi đất như tụi con chẳng hạn, thì cục cơm nguội chẳng gợi lên hình ảnh gì khác. Nhiều lắm là chỉ gợi lên hình ảnh cái bánh xơ-cua thôi !

Còn như đối với những người như ba, nhai cục cơm nguội là nhớ công ơn người thổi lửa nấu cơm nuôi mình. Nhai cục cơm nguội là nhớ cái gốc nghèo của mình. Cái gốc mà từ đó ba đã cố gắng vươn lên để về sau, ở Sài Gòn, tụi con mới có đủ thứ quà bánh bỏ vào bụng khi cần, và để bây giờ, ở đây, tụi thằng Tí thằng Tú mới có hamburger. Con thấy không ? Cơm nguội đâu phải chỉ là cơm nguội !

Dứt lời, ông già đứng lên cầm tách trà uống một hơi. Ông đặt tách xuống rồi nhìn ra ngoài :

- Thôi, ba về kẻo tối. Già rồi, mắt mũi dở lắm, con à.

- Rồi ông hướng vào trong, nói lớn :

- Ông nội về nghe tụi con !

Tụi nhỏ ló đầu ra cửa buồng nói nửa tiếng Pháp nửa tiếng Việt “Au revoir Ông Nội”. Có tiếng mẹ chúng nó từ trong bếp vọng ra : “Dạ ! Ba về. Lái xe cẩn thận nghe ba !”

Ra đến cửa, ông già đưa tay bắt tay thằng con. Anh ta cầm tay cha, vừa siết mạnh vừa nói :

- Cám ơn ba ! Cám ơn !

Trong cái siết tay đó, hình như người con muốn nói lên một điều gì... Anh ta đưa ông già ra xe, đứng nhìn theo chiếc xe đi lẩn ra ngõ trong ánh hoàng hôn chập choạng. Xe đã đi khuất mà anh ta vẫn còn nhìn theo hướng đó, ân hận sao hồi nãy mình không nói được một lời gì để cho cha hiểu rằng mình thương cha vô cùng... thương vô cùng...

Trên đường về nhà, ông già lái xe chậm rãi. Hình ảnh cục cơm nguội vẫn còn vương vấn đầu đó ở trong lòng. Bỗng ông thở dài, lẩm bẩm: “Mình, bây giờ, cũng chỉ là một thứ cơm nguội đối với các con. Tụi nó chỉ phone tới, khi nào tụi nó cần...”

Con đường trước mặt ông sao thấy như dài thăm thẳm...

Tiểu Tử

TÌM HIỂU:

Con Số - Cửu Huyền Thất Tổ Đêm năm canh, Ngày sáu khắc

Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ

(Trích dẫn từ trang 838 đến trang 853 quyển Tử-vi & Địa-Lý Thực-hành của Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ)

Con số: Phàm người đời thường cho rằng, tất cả hiện hữu có được trên quả đất này từ con người đến thú vật cũng như cây cỏ và vật dụng... đều có số hết cả.

Đó là, con số đáng cho chúng ta suy ngẫm, riêng đối với con người khi lọt lòng mẹ sanh ra cũng tính bằng con số, bởi vì, từ khi người mẹ thụ thai đến khi lọt lòng mẹ phải mất một thời gian khoảng 9 tháng 10 ngày, rồi khi chúng ta lớn lên đến khi lìa đời cũng phải mất một thời gian dài hay ngắn, nếu người chết có số tuổi cao xem như chết già tức có số trường thọ, còn trái lại, người đó chết tuổi thấp xem như chết non tức có số chết yểu, hoặc người sanh ra được số sung sướng giàu sang phú quý hay bị số bất hạnh, nghèo khó...

Đó cũng là con số mà người đời hoặc thú vật, cây cỏ và vật dụng đều phải nhận lãnh khi hiện hữu trên quả đất này. Nhưng nếu để ý, sẽ thấy sự sanh sống của chúng ta bao bọc bởi những con số, bởi vì mỗi thứ đều mang con số và chúng ta bắt buộc phải tính toán cũng bằng con số để sanh tồn, từ cái ăn, cái mặc, cái nhà, cái xe, cho đến cái bệnh, cái đau và đưa đến cái chết... ví như, đi mua giày hay cái áo hoặc cái quần chúng ta phải biết số nào mặc vừa, còn không biết con số thì không thể hài lòng được.

Do vậy, con số đó là con số gì ?

Nếu chúng ta xét cho kỹ, thì thấy con số đó chỉ là con số chẵn hoặc con số lẻ đã được các nhà khoa học tìm ra cho chúng ta sử dụng sau này, nhưng nó chỉ đóng khung 10 con số căn bản. Đó là: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 (bởi vì, số 0 cũng là con số). Từ đó, chúng ta ghép nối để có những con số lớn hơn. Đây là, năm con số chẵn : 0, 2, 4, 6, 8 và năm con số lẻ : 1, 3, 5, 7, 9. Viết đến đây tôi lại nhớ. Căn cứ theo Hà Đồ Thiên Thiên Bát Quái gồm có 10 con số là : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10. Nhưng được phân định như sau :

- Năm con số dương = Trời tức số lẻ như đã dẫn ở trên là : 1, 3, 5, 7, 9. Nếu chúng ta đem cộng tất cả này thì có kết quả như sau : $1+3+5+7+9 = 25$.

- Năm con số âm = Đất tức số chẵn như đã dẫn ở trên là 2, 4, 6, 8, 10 (vì 1 ghép nối với 0 = 10). Nếu chúng ta đem cộng tất cả này thì có kết quả như sau : $2+4+6+8+10 = 30$.

Và nếu chúng ta cộng kết quả của số dương và số âm thì có được như sau : $25 + 30 = 55$, con số này gồm chung cả thiên địa rất công bằng, vì mỗi thiên và mỗi địa đều có 5 lại tương đắc, công bằng với nhau, vì : “ Thiên số ngũ, Địa số ngũ, ngũ vị tương đắc nhi các hữu hiệp “ (Số trời có năm số, số đất có năm số, năm ngôi cùng tương đắc mà điều hợp nhau).

Ngoài ra, theo Lão Tử đã viết : Nhứt sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật

Và theo Kinh Dịch đã viết : Tam thiên, lưỡng địa (bởi vì, tiên âm hậu dương) tức Trời 3, Đất 2.

Từ đó, người đời thường nói : “Trời cao, Đất rộng” hay “Trời tròn, Đất Vuông” là thế đó. Nếu chúng ta cộng Trời 3 là dương với Đất 2 là âm thì nó có số thành là 5 và cộng thêm vạn vật 2, thì trở thành 7 tức con số tối đa của nguyên số trong các con số lẻ đầu tiên kể từ 1, 3, 5, 7 đến 9, bởi vì con số 9 không phải là nguyên số, vì nó có thể chia chẵn làm ba lần, với 1, với 3 và với 9.

Hơn nữa, nếu chúng ta để ý lấy số lẻ của 5 số dương là : 1, 3, 5, 7, 9 đem cộng lại như đã thấy ở trên, có kết quả là 25 và rồi lấy số 25 tức 2 với 5 cộng lại thì lại có kết quả : $2 + 5 = 7$, thì cũng có kết quả là 7.

Viết đến đây, tôi nhớ những kích thước đáng lưu ý, về con số 3/2 tức Trời Đất ghép lại đã được trong dân gian người Việt Nam chúng ta đã áp dụng cho việc xây cất nhà, bằng chứng căn nhà Việt Nam xưa kia thường cất nhà có 3 gian và 2 chái.

Ngoài ra, con số này cũng áp dụng cho kích thước của cái bàn, cái cửa nhà nữa, ví như cửa có chiều cao 3 m, thì chiều ngang phải 2 m mới cân xứng, còn rất nhiều trường hợp như : thân hình, bàn tay, cái mặt và các lãnh vực khác nữa, ở đây không thể kê ra hết được.

Để tìm hiểu thêm về con số đã dẫn thượng đưa vào phong tục tập quán dân gian cũng như văn-học Việt Nam chúng ta, xin lần lượt trích dẫn như sau :

Con số 1 là con số thông thường để chỉ sự tối thượng của đấng tạo hóa trong vũ trụ. Vì thế, chúng ta đã thấy con số 2 là Đất và con số 3 là Trời như đã dẫn ở trên kia.

Dưới thời xa xưa còn chế độ quân chủ, thường dành con số 1 để chỉ nhà vua, bởi vì vua là thiên tử tức con trời để

cai trị thiên hạ tức nhưt nhưn (người ở đầu, người lớn hơn hết), từ đó trong thiên hạ khi sanh con đẻ cái cũng không thể gọi đứa con đầu lòng là con 1 mà chỉ gọi con trưởng hay con 2 hoặc con cả, vì sợ húy kỵ đến nhà vua, bằng chứng ở Việt Nam không có nhà nào gọi con đầu lòng là con số 1 hết là thế đó.

Con số 2 là con số sau con số 1 tức 2 con số 1 cộng lại (1+1= 2) và trong thiên hạ gọi đứa con đầu lòng bằng anh hai hay chị hai, viết đến đây tôi nhớ đến Bà Trưng Nhị (bởi vì, Bà sanh sau Bà Trưng Trắc, nên có tên Bà Trưng Nhị). Bà cùng Bà chị là Bà Trưng Trắc sanh đôi vào ngày mùng 1 đến tháng 8 năm Giáp Tuất nhằm năm 14 sau Tây Lịch tức thế kỷ thứ nhưt, đánh đuổi giặc ngoại xâm phương Bắc làm cho Thái Thú Tô-Định thua chạy về Tàu và chiếm được 65 thành, đến ngày rằm tháng Giêng năm Tân Sửu 41 mới xưng vương.

Riêng về tên của hai Bà phải gọi Trưng Trắc là Trưng Chắc và Trưng Nhị là Trưng Nhì mới đúng, bởi vì quê quán của hai bà Trưng có nuôi tằm để cung cấp cho ngành dệt vải, cái kén dày được gọi là cái kén chắc, còn cái kén mỏng được gọi là cái kén nhì, cho nên song thân của hai bà lấy tên trong nghề nuôi tằm để đặt tên cho hai bà. (nếu quý bà con đồng hương cần tìm hiểu thêm về hai Bà Trưng xin tìm đọc Tìm Hiểu Các Danh Nhân cùng tác giả Nguyễn-Phú-Thứ, từ trang 228 đến 245).

Ngoài ra, mỗi khi trong dân gian có lời thề với nhau, thì gọi là : hai bên vai vác tức nhờ tả và hữu thần chứng giám lời thề là sự thật. Đối với con người, nếu chúng ta thấy người nào đó có “cái mặt chiều dài bằng phân nửa chiều ngang hai vai”, thì thế nào cũng thấy gương cân xứng, bởi vì đúng với câu : nhất diện phân lưỡng kiên.

Hơn nữa, theo Kinh Dịch đã viết : tam thiên, lưỡng địa tức Trời 3, Đất 2. Ngày nay, nhân vật số 2 thường chỉ Phó Tổng Thống hoặc là nước đó có Tổng Thống tức số 1, mà không có Phó Tổng Thống, thì Thủ Tướng chính là nhân vật số 2.

Con số 3 cũng để chỉ Trời và trong văn học cũng như luật lệ xa xưa thường có thấy những từ ngữ như : Tam tài tức Trời, Đất và Vạn vật trong đó có con người; Tam cang tức 3 giềng mối quan hệ ở đời của người xưa là : Quân vi thân cang (Vua tôi), Phụ vi tử cang (Cha con), Phu vi thê cang (Chồng Vợ); Tam tòng dành cho người con gái là : Ở nhà phải chịu phép Cha Mẹ, có chồng thì theo chồng, chồng chết theo con; Tam Qui là luật lệ của người đạo Phật đối với Phật Tử phải : qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng; Tam Giác là hình có ba cạnh, v.v...

Con số 4 có các từ ngữ như sau : Tứ Đức là 4 đức tính của con người đạo đức dành cho đàn Ông phải biết : Hiếu, Lễ, Trung, Tín và đối với đàn Bà phải biết Công, Dung, Ngôn, Hạnh; Tứ Linh là 4 con vật được xem thiêng liêng là Long (Rồng), Lân, Quy (Rùa), Phụng (Phượng); Tứ Quý là 4 mùa trong năm Xuân, Hạ, Thu, Đông; Tứ Phương là 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc; Tứ Đại tức 4 đời trong gia tộc ruột thịt là : Ông Nội, Người

Cha, Con và cháu, nhà nào có được tứ đại xem như nhà đó có phước; Tứ hải giai huynh đệ , v.v...

Con số 5 có các từ ngữ như sau : Ngũ quan gồm có : Tai (nhĩ), Mắt (mục), Mũi (tị), Miệng (khẩu), Lưỡi (thiệt); Ngũ phước gồm có : Phú (giàu có), Thọ (sống lâu), Khương ninh (sức khỏe), Du hạo đức (đức hạnh), Khảo chung (trọn thân sống); Ngũ Hành gồm có: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; Ngũ cúng gồm có: Hương, Đăng, Trà, Hoa, Quả; Ngũ Thường gồm có : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín; Ngũ giới cấm là 5 điều ngăn cấm của đạo Phật đối với người Phật Tử là : Sát sanh, Đạo tặc, Tà dâm, Uống rượu, Nói dối. (Nếu chúng ta nhìn kỹ và so sánh Ngũ Thường của Nho Giáo và Ngũ Giới của Phật Giáo thì thấy có sự liên hợp giống nhau, bởi vì : Nhân = Không sát sanh; Nghĩa = Không đạo tặc; Lễ = Không tà dâm; Trí = Không uống rượu và Tín = Không nói dối); Ngũ Quả gồm có các trái cây như : Mãng cầu, Chùm sung, Dừa tươi, Đu đủ, Xoài; Ngũ Giác là hình có năm cạnh ; Ngũ Châu gồm có Á Châu, Âu Châu, Mỹ Châu, Phi Châu và Úc Châu, v.v...

Ngoài ra, con số 5 là con số kết hợp Trời và Đất, bởi vì, tam Thiên, lưỡng Địa và một đặc điểm đáng lưu ý nữa, trong dân gian mình thường tín ngưỡng cứ mỗi tháng có 3 ngày kỵ xuất hành.

Đó là:

Mùng năm, mười bốn, hăm ba,
Đi chơi cũng lỡ, lọ là đi buồn.

Nhưng nếu chúng ta bình tâm mà xét theo con số thì có kết quả ba ngày ấy cũng là số 5, bằng chứng là con số 14 tức 1 và 4, nếu đem 1+4 = 5. Con số 23 cũng vậy, tức 2+3 = 5. Do vậy, 3 ngày đó đều có số thành là 5.

Nhân đây, xin trích dẫn bài viết CON SỐ 5 viết chung với Gs Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh sau đây :

... Nhiều tổ chức và kiến trúc thời cận đại cũng có căn bản là số 5. Ví như, cơ quan đầu não quân sự lớn nhất thế giới tại Hoa Kỳ được đặt tại Ngũ Giác Đài.

Nói về quân sự, khi có binh lực thật mạnh, người xưa chia việc chỉ huy ra cho ngũ quân là : Tả quân, Hữu quân, Tiền quân, Hậu quân và Trung quân. Dưới thời nhà Nguyễn, chức vụ võ quan cao cấp nhất là Chánh Võ Nhất Phẩm được gọi là “Ngũ Quân Đô Thống”.

Nếu thời xưa là cái gì thuộc dĩ vãng, cổ hủ thì trở lại nói chuyện ngày nay. Tại Hoa Kỳ khi được vinh thăng cấp bậc Thống Chế tốt bậc trong quân đội như Dwight David Eisenhower (1890-1969) thì được dùng 5 ngôi sao cho cấp hiệu.

Riêng ở Pháp cũng có tướng năm sao, xin đơn cử tướng Général d’Armée Jean-Pierre Kelche, Grand Chancelier de la Légion D’Honneur, Président D’Honneur, ngài đã chụp hình lưu niệm và giới thiệu tác phẩm 4000 Từ Ngữ Thực Hành (4000 Mots Pratiques) sáng ngày 3 tháng 6 năm 2008 của tác giả Giáo Sư & nhà văn Hàn Lâm

Nguyễn Phú Thứ, huy chương Pháp : Chevalier dans l'Ordre de la Légion D'Honneur et Chevalier dans l'Ordre des Palmes Académiques (Bắc Đẩu Bội Tinh và Đệ Ngũ Hàn Lâm) trong đại hội Bắc Đẩu Bội Tinh Quốc Gia Société d'entraide des Membres de la Légion d'Honneur (SEMLH) tại Cité Internationale des Congrès - Nantes Métropole (France) 5, rue de Valmy - BP 24102 - 44041 Nantes Cedex, từ ngày 2 đến 4 tháng 6 năm 2008.

Trong vạn vật, con số 5 cũng luôn luôn được hiện hình như theo luật thiên nhiên của tạo hóa. Nhiều loài hoa hồng quý giá, hay cả những hoa thường như hoa hồng bụt, khi nở cũng xoè ra năm cánh.

Ngôi sao bẻ là một loài thủy tộc cũng có năm nhánh thay vì bốn nhánh hay sáu nhánh.

Một trái khế cũng có năm khía chìa ra như muốn mời mọc con người tiền sử lần đầu tiên nếm thử mùi vị chua nồng của loại trái cây mới.

Con người ta lúc đầu tiên tập đếm cũng chỉ tới số 5, vì dùng đầu ngón tay cũng chỉ tới được năm ngón.

Khi loài người bắt đầu thu nhập những âm hưởng của thiên nhiên, tiếng chim hót thông reo, tiếng gió thoảng bên khe núi và tiếng suối chảy lưng đèo, để đặt ra cung bậc, cũng xếp thành năm cung là : Cung, Thương, Giốc, Trủy và Vũ. Như tả về tài đánh đàn của Kiều, cụ Nguyễn Du đã viết :

“Cung thương lầu bực ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương”

Khi tả đến đoạn nàng Kiều gảy đàn cho Hồ Tôn Hiến nghe, cụ Nguyễn Du cũng viết là:

“Bắt nàng thị yến dưới màn,
Giở say lại ép cung đàn nhật tâu.
Một cung gió thảm, mây sầu,
Năm cung giở máu năm đầu ngón tay”

Con số 6 có các từ ngữ như sau : Lục súc gồm sáu con thú nuôi trong nhà là : Trâu, Ngựa, Dê, Gà, Chó, Heo; Lục khí là 6 khí : Gió, Lạnh, Nắng, Ấm, Khô, Lửa; Lục kinh là 6 kinh : Thi, Thơ, Diệc, Lễ, Xuân Thu, Tứ Thư; Lục bộ thượng thư gồm 6 bộ là : Lại (Nội Vụ), Lễ (Ngoại Giao), Binh (Quốc Phòng), Hình (Tư Pháp), Công (Công Chánh), Hộ (Kinh tế tài chánh); Lục nghệ tức 6 nghề là : Lễ, Nhạc, Săn bắn, Cỡi ngựa, Học chữ, Học tính; Lục đục tức là sáu sự ham muốn do lục căn mà ra. Đó là, Tai, Mắt, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý; Lục nhâm tức 6 Can có chữ Nhâm đứng đầu là : Nhâm Tý, Nhâm Dần, Nhâm Thìn, Nhâm Ngọ, Nhâm Thân, Nhâm Tuất. Ngoài ra, chúng ta còn thấy Lục Giáp tức 6 con Giáp là : Giáp Tý và Giáp Ngọ thuộc mạng Kim, Giáp Tuất và Giáp Thìn thuộc mạng Hỏa, Giáp Thân và Giáp Dần thuộc mạng Thủy.

Con số 7 cũng là con số đặc biệt, bởi vì nó kết hợp Trời Đất và vạn vật để thành 7 và nó có các từ ngữ như sau :

Thất bảo là 7 vật quý : Vàng, Bạc, Mã não, Hạt trai, Ngọc lưu li, San hô, Xa cừ; Thất tình là Hỉ (vui), Nộ (giận), Ai (buồn), Cự (sợ), Ái (thương), Ố (ghét), Dục (muốn); Thất sơn tức 7 núi ở Châu Đốc là : Két (Anh Vũ sơn), Dài (Ngũ Hồ sơn), Cấm (Thiên Cấm sơn), Tượng tức Voi (Liên Hoa sơn), Trà Sư (Thủy Đài sơn), Bà Đồi Ôm, và Cô Tô Thủy ; Thất phách là 7 vía, viết đến đây tôi nhớ người xưa thường áp dụng : Ba Hồn 7 Vía hay Bảy hồn chín Vía? hay Nam Thất Nữ Cửu? tôi xin góp ý như sau :

Tại Sao gọi Bảy hồn chín Vía hay Nam Thất Nữ Cửu ?

Ở miền Nam Việt-Nam xa xưa trước kia chưa có thuốc Tây, như là quý bà con đồng hương ở nông thôn, thường dùng lá cây để trị bệnh hay băng bó mỗi khi bị té...

Nếu người bị bệnh là nam thì dùng 7 và nữ thì dùng 9 hoặc là, mỗi khi con cháu bị vấp té, thì ông bà hay cha mẹ thường hú “7 hồn 9 vía” cũng áp dụng phương thức “nam thất nữ cửu”, nhưng ít người hiểu biết hoặc giải thích tại sao có con số sai biệt giữa nam và nữ?

Theo thiển nghĩ của tôi, phạm con người dù nam hay nữ đều có 9 bộ phận (người xưa thường gọi là cửu khiếu) được phân chia như nhau là :

- Phần trên gồm có 7 bộ phận là : 2 mắt, 1 miệng, 2 tai và 2 mũi.

- Phần dưới gồm có 2 bộ phận là : 1 lỗ tiêu và 1 lỗ tiểu.

Hơn nữa, chúng ta đã thấy ở trên kia, số 7 là con số tối đa của nguyên số thuộc thiên là số dương tức nam và nó cũng là 7 bộ phận nằm phía trên của thân thể, cho nên người xưa thường dùng con số 7 để chỉ cho dương nam tức thiếu dương là số hạp cho phái nam và con số 9 là chỉ chung bộ phận trên cộng với bộ phận dưới của thân thể cộng lại tức $7 + 2 = 9$ cho nên người xưa thường dùng con số 9 để chỉ cho dương nữ tức lão dương là số hạp cho phái nữ, từ đó, áp dụng mọi trường hợp, như là các thầy thuốc Đông y, không biết ý kiến này có đúng hay sai? xin các bậc cao minh bổ khuyết để được đầy đủ hơn, v.v...

Con số 8 là con số đã thấy các từ ngữ như sau : Bát Cạy ở đây chỉ hướng đi cho ghe tàu về đêm thời xa xưa, lúc bấy giờ không có đèn những vẫn đi trên sông rạch, nếu nói bát là đi phía bên mặt, nếu nói cạy là đi phái bên trái, thế mà người xưa đã ăn ý nhau, cho nên không bị tai nạn xảy ra; Bát Quái là 8 quẻ trong Kinh Dịch có nói : Thái cực sanh lưỡng nghi, lưỡng nghi sanh tứ tượng, tứ tượng sanh bát quái. Đó là : Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài; Bát giới là 8 điều răn của Đạo Phật là : không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không ngồi giường cao, không mang nữ trang (vàng), không múa hát vui vẻ quá lối; Bát cú là để chỉ luật thơ Đường, mỗi bài gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ; Bát Chánh Đạo là 8 con đường chánh của người Phật Tử theo Đạo Phật cần phải tu luyện hằng ngày để giải thoát. Đó là, chánh tri kiến, chánh tư duy,

chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, v.v...

Con số 9 là con số lẻ cao nhất tính từ 1, 3, 5, 7 và 9. Số 9 tức cửu cho nên có những từ ngữ như sau : Cửu Trùng ngôi vua ngự cao xa, ví như 9 tầng mây; Cửu Thiểu là Nhạc chín chập của vua Thuấn bày ra; Cửu Đỉnh là 9 cái đỉnh đúc bằng đồng xưa kia do Vua Hạng Võ thực hiện để thờ tổ tiên tộc họ, đến triều đại nhà Nguyễn chúng ta cũng thấy cửu đỉnh đặt tại Thái Miếu ở Huế để thờ tổ tiên Việt Nam; Cửu Hình chín hình phạt kẻ phạm tội thời xưa gồm có : khắc chữ vào trán (mặc), cắt mũi (tị), chặt chân (phi), thiến (cung), chém đầu (đại lách), cho đi đày (lưu), đem của đến chuộc tội (thục), đánh bằng roi (tiên), đánh bằng roi gỗ (phác); Cửu Tuyền là chín suối, để chỉ người chết đem chôn xuống đất; Cửu Long Giang là sông Cửu Long có 9 cửa; Cửu đại hơn ngoại nhân là ý nói quan hệ máu mủ là thân thuộc hơn hết, dù có họ hàng xa còn hơn người đứng.

Viết đến đây, tôi nhớ Ông Bà mình thường thờ Cửu Huyền Thất Tổ.

Vậy, Cửu Huyền Thất Tổ là gì ? Theo thiển ý của tôi là Cửu Huyền tức 9 đời và Thất Tổ tức 7 tổ ? Bởi vì, con số 7 và 9 ở đây để phân biệt nam và nữ như đã dẫn ở trên. Đó là ý kiến, xin quý bậc cao minh bổ túc chỉ dạy thêm.

Cửu Huyền hay Cửu Tộc hoặc Cửu Đại tức dòng họ gồm 9 đời tính từ cao đến thấp đối với dòng họ trong gia tộc, được tính từ đời Ông Bà Sơ trở xuống đến các Chút như sau : Ông Bà Sơ (Huyền tổ), Ông Bà Cố (Tằng tổ), Ông Bà Nội hay Ngoại (Tổ phụ/Hiên tổ), Cha Mẹ (phụ thân), bản thân, các con (tử), các cháu (tôn), các chắt (tằng tôn) và các chút (huyền tôn).

Có người nói : Cửu Huyền gồm 9 bậc, nghĩa là mình đứng ở giữa có trên 4 bậc và có dưới 4 bậc tức là : Cao, Tằng tổ, Tổ, Khảo, Kỷ, Tử, Tôn, Tằng tôn, Huyền tôn.

Còn Thất Tổ là gì ? Tc là tổ tông 7 đời, bởi có câu Thất Thế Phụ Mẫu cũng căn cứ sự dẫn chứng ở trên, được tính từ Ông Bà Nội trở lên đến Ông Bà Kỷ : 1. Ông Bà Nội (Tổ Phụ/Hiên tổ), 2. Ông Bà Cố (Tằng tổ), 3. Ông Bà Sơ (Huyền tổ), 4. Ông Bà Sờ (Lai tổ), 5. Ông Bà Sầm (Côn tổ), 6. Ông Bà Cẩm (Nhưng tổ) và 7. Ông Bà Kỷ (Vân tổ).

Do vậy, Ông Bà mình thờ Cửu Huyền Thất Tổ là thờ cả dòng họ nhiều đời từ Ông Bà Kỷ (Vân Tổ) đến các Chút trong thân tộc, đáng cho người hậu thế như chúng ta noi gương. Bởi vì, đó là căn bản đạo đức của dân tộc Việt Nam đáng ngưỡng mộ và biết ơn tiền nhân, không khác : "Ăn trái nhớ kẻ trồng cây", "Uống nước nhớ kẻ đào giếng", vậy!

Và lúc nào cũng tưởng nhớ đến quốc tổ Hùng Vương, bằng chứng trong dân gian thường ghi nhớ nằm lòng ngày giỗ tổ là :

Dù ai buôn bán gần xa,

Nhớ ngày giỗ tổ tháng ba, mừng mười

Hơn nữa, chữ Cửu Huyền Thất Tổ tức 9 huyền 7 tổ, nếu chúng ta cộng 2 con số 9+7=16, rồi cộng tiếp 1+6 thì có con số là 7 rất đúng con số tối đa của nguyên số gồm : Đất 2, Trời 3 và Vạn vật 2, v.v...

Đêm năm canh, Ngày sáu khắc tính như thế nào ?

(Trích dẫn từ trang 60 đến trang 70 quyển Tử-vi & Địa-Lý Thực-hành của Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ)

Thuở xa xưa, những bậc tiền nhân thường dùng Thập Nhị Địa Chi tức 12 con Giáp để gọi cho Năm, Tháng, Ngày, Giờ. Số 12 con Giáp tức 12 con vật tượng trưng đó được sắp theo thứ tự như sau : Tý (Chuột), Sửu (Trâu), Dần (Cọp), Mão hay Mẹo (Mèo), Thìn (Rồng), Tỵ (Rắn), Ngọ (Ngựa), Mùi (Dê), Thân (Khỉ), Dậu (Gà), Tuất (Chó) và Hợi (Heo).

Ngoài ra, phương cách dùng để tính các tháng theo con Giáp thì : Giêng (Dần = Cọp), Hai (Mão hay Mẹo = Mèo), Ba (Thìn = Rồng), Tư (Tỵ = Rắn), Năm (Ngọ = Ngựa), Sáu (Mùi = Dê), Bảy (Thân = Khỉ), Tám (Dậu = Gà), Chín (Tuất = Chó), Mười (Hợi = Heo), Mười Một (Tý = Chuột) và Chạp (Sửu =Trâu).

Nhưng tại sao, thời kỳ xa xưa đó lại đặt tháng Giêng là tháng đầu năm mà không gọi là tháng Một?

Theo thiển nghĩ của tôi, bởi vì lúc bấy giờ, dưới thời quân chủ còn Vua Chúa, thường dành con số Một để chỉ nhà Vua, là thiên tử (con trời) để cai trị dân chúng tức nhứt nhân (người đứng đầu, người lớn hơn hết), từ đó trong thiên hạ phải kiêng cử, cho nên mới đặt tháng Giêng?

Còn tháng Giêng tại sao là Tháng Dần ?

Căn cứ theo sách xưa, xin trích dẫn như sau : Nhân sinh ư Dần (Loại người sanh ra ở hội Dần).

Nhứt niên chi kế tại ư Xuân (Kế hoạch trong 1 năm phải được sắp đặt ở mùa Xuân)

Nhứt nhựt chi kế tại ư Dần (Kế hoạch trong 1 ngày phải sắp đặt ở giờ Dần).

Hơn nữa, trong 12 con Giáp, con Cọp là chúa sơn lâm, rất mạnh bạo hơn 11 con Giáp kia, cho nên người xưa chọn tháng Giêng là tháng Dần cho con Cọp cầm tinh là như thế?

Người xưa, tại sao tháng gọi tháng Chạp là tháng cuối năm mà không là tháng Mười Hai như năm Dương Lịch?

Theo thiển nghĩ của tôi, nước chúng ta thời bấy giờ phần đông làm ruộng, cho nên tháng cuối cùng của một năm, ruộng đã làm xong, đã đem lúa vô bồ, vì thế phần đông dành thời gian này lo các lễ cúng, tiệc tùng để tạ ơn Thần Nông hoặc cúng Đình Thần sau khi vụ mùa đã hoàn tất, hết nhà này đến nhà khác, có khi kéo dài cho đến Tết Nguyên Đán.

Hơn nữa, chữ Chạp là lễ cúng. Vì thế, nó còn có các tên lễ cúng khác như : Giỗ Chạp, Chạp Miếu, Chạp Mả...

Do vậy, thay vì gọi tháng Mười Hai là tháng Chạp là thế đó !.

< Khi nhắc đến Lễ Cúng Đình Thần, hằng năm thường cử hành lễ này (được biết ngày xưa các vị cựu quan chức ngày xưa, đơn cử như : Cụ Nguyễn Trung Trực (Rạch Giá) là người có công trạng chống Pháp, nên sau khi Cụ bị quân Pháp chặt đầu, Cụ được vua ban Sắc Chỉ Thần và được thờ tại Đình Thần Nguyễn Trung Trực Rạch Giá ngày nay, nếu cần xin xem quyển Danh Nhân Việt Nam hậu bán thế kỷ 19 cùng tác giả Nguyễn Phú Thứ từ trang 161 đến trang 195) trong các ngày Lễ Cúng Đình Thần, các vị bô lão cùng Ban Hội Tề mặc áo dài khăn đóng để đi rước sắc thần, (nếu làng xã đó chưa hoàn thành Đình Thần, để an vị nơi làm lễ cúng Thần), đặc biệt phải có các học trò lễ đứng hai hàng để : dâng hương, dâng trà, dâng rượu... và lễ bái (lạy) >.

Ngoài ra, phải nói đến Hát Bộ (có người gọi Hát Bội) để cúng Thần, thông thường Ông Hương Cả trong làng là người đứng đầu chủ xướng lễ cúng Đình và là người có thực quyền hơn hết, cho nên mỗi lần có gánh hát về hát cúng Đình, Ông Hương Cả chính là người Cầm Chầu để đánh những hồi trống chầu thưởng phạt cho nghệ sĩ, bởi vì Ông Hương Cả là bậc thâm nho lại rất rành tuồng tích, kể cả cách dặm mặt và các câu hát tuồng tích của các nghệ sĩ, cho nên Ông Hương Cả cầm chầu để khen thưởng hoặc bắt lỗi các đào kép trong lúc trình diễn, vì các nghệ sĩ không thuộc tuồng hát cương, cho nên không thể bắt một người nào đó đến cầm chầu mà không rành tuồng tích.

Thời xưa, các nghệ sĩ nào được Ông Hương Cả đánh nhiều hồi trống chầu, thì sau khi hát xong, sẽ được Ban Hội Tề (*) thưởng phẩm vật tặng riêng cho cá nhân nghệ sĩ đó.

Còn trái lại, các nghệ sĩ nào bị Ông Hương Cả đánh Khắc là gõ bên vành trống kêu các các thì các nghệ sĩ đó bị Ông Hương Cả phạt vì hát sai, hát cương, để nghệ sĩ biết thân mà hát lại cho đúng và nghệ sĩ nào bị đánh khắc nhiều lần, sau khi hát xong sẽ bị Ban Hội Tề cùng Ông Bầu đoàn hát quở phạt. Đó là, luật lệ thưởng phạt công minh của người Cầm Chầu đối với nghệ sĩ.

Mặc dù, Ông Hương Cả là người có thực quyền ở trong làng, nhưng những hồi trống chầu đôi khi cũng không hài lòng hết mọi người, cho nên cũng bị chê trách như thường.

Vì thế, trong dân gian mới có câu :

Ở đời có bốn cái ngu,
Làm mai, lãnh nợ gác cu, cầm chầu.

(*) Được biết, thời xưa Ban Hội Tề trong làng có 12 vị Hương Chức như sau : Hương Cả, Hương Chủ, Hương Sư, Hương Trưởng, Hương Chánh, Hương Giáo, Hương Bộ, Hương Quản, Hương Thân, Hương Hào, Xã Trưởng

là người có bốn phận giữ con dấu để thu thuế Điền, thuế Thân trong làng và Chánh Lục Bộ là người có bốn phận giữ Sổ Bộ Đời như : Khai Sanh, Khai Tử, Hôn Thụ ...)

Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc

Được biết, niên lịch cổ truyền Á Đông đã xuất hiện từ đời Hoàng Đế bên Tàu, 2637 trước Thiên Chúa năm 61.

Còn đối với : Đêm Nam Canh, Ngày Sáu Khắc như thế nào ?.

Chúng ta để ý sẽ thấy : Ngày tính Khắc, Đêm tính Canh, cho nên chúng ta đã từng nghe thấy như sau :

Canh Một dọn cửa, dọn nhà
Canh Hai dẹt củi, canh Ba Đi nằm...

Hoặc là : Nửa đêm giờ Tý canh Ba

Theo thiển nghĩ, chúng ta thấy câu : “Nửa đêm giờ Tý canh Ba” thì chúng ta có thể đoán được chữ nửa đêm (tức khoảng 12 giờ đêm hoặc 0 giờ), còn giờ Tý canh Ba (tức khoảng 23 giờ đêm đến 1 giờ sáng). Bởi vì, các bậc tiền nhân dùng 12 con vật cầm tinh tượng trưng tức 12 con Giáp, để phân chia bảng Giờ trong một ngày có 24 giờ như sau :

Bảng giờ trong 1 ngày của 12 con giáp

Giờ	Thời gian
Tý	Từ 23 giờ đến 1 giờ sáng
Sửu	Từ 1 giờ đến 3 giờ sáng
Dần	Từ 3 giờ đến 5 giờ sáng
Mẹo	Từ 5 giờ đến 7 giờ sáng
Thìn	Từ 7 giờ đến 9 giờ sáng
Tỵ	Từ 9 giờ đến 11 giờ sáng
Ngọ	Từ 11 giờ đến 13 giờ trưa
Mùi	Từ 13 giờ đến 15 giờ xế trưa
Thân	Từ 15 giờ đến 17 giờ chiều
Dậu	Từ 17 giờ đến 19 giờ tối
Tuất	Từ 19 giờ đến 21 giờ tối
Hợi	Từ 21 giờ đến 23 giờ khuya

Căn cứ sự phân chia giờ ở trên, chúng ta thấy :

a) Ban ngày dài được 14 giờ, còn ban đêm dài được 10 giờ và thấy được giờ Tý canh Ba, từ đó chúng ta tính được bảng 5 Canh như sau :

Tên Canh	Thời Gian
Canh 1	Từ 19 giờ đến 21 giờ tức giờ Tuất
Canh 2	Từ 21 giờ đến 23 giờ khuya tức giờ Hợi
Canh 3	Từ 23 giờ đến 1 giờ sáng tức giờ Tý
Canh 4	Từ 1 giờ đến 3 giờ sáng tức giờ Sửu
Canh 5	Từ 3 giờ đến 5 giờ sáng tức giờ Dần

Do vậy, nếu chúng ta đem so sánh Canh với giờ, thì có hai giờ bằng một Canh và nếu đem so sánh bằng Giờ trong một ngày của 12 con Giáp ở trước sẽ thấy đúng.

b) Mỗi ban ngày dài 14 giờ, được chia cho 6 khắc như bảng sau đây :

Tên Khắc	Thời Gian
Khắc 1	Từ 5 giờ đến 7 giờ 20 sáng
Khắc 2	Từ 7 giờ 20 đến 9 giờ 40 sáng
Khắc 3	Từ 9 giờ 40 đến 12 giờ trưa
Khắc 4	Từ 12 giờ đến 14 giờ 20 xế trưa
Khắc 5	Từ 14 giờ 20 đến 16 giờ 40 chiều
Khắc 6	Từ 16 giờ 40 đến 19 giờ tối

Như vậy, nếu chúng ta đem so sánh Khắc với Giờ, thì có 2 giờ 20 phút bằng 1 Khắc. Bởi vì, ban ngày dài 14 giờ, đem chia đều cho 6 Khắc, thì được 140 phút, tức là 2 giờ 20 phút.

Thế nên, chúng ta thường thấy câu : Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc là quả đúng vậy.

Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ

thiết thực kỷ niệm

1000 năm

Thăng Long

Nguyễn Song Anh

Bà Trưng quê ở Châu Phong
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên
Chị em nặng một lời nguyên
Phất cờ nương tử, thay quyền tướng quân
Ngàn tây nổi áng phong trần
Âm âm binh mã xuống gần Long Biên
Hong quân nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định dẹp yên biên thành
Đô kỳ đóng cõi Mê Linh
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta



Dẫn nhập:

Hà Nội, Thăng Long, Đông Đô, Đại La, La thành, Long Biên, tên gọi khác nhau nhưng là biểu tượng chung của kinh đô Việt Nam, của một đất nước có quá trình hơn 4000 năm lịch sử. Chúng ta đã và đang tiến hành chuẩn bị một cách tích cực, long trọng để kỷ niệm 1000 năm Thăng Long (1010-2010), nhất là từ khi các nhà khảo cổ đã khai quật và phát hiện được hàng triệu cổ vật thuộc khu vực Hoàng thành Thăng Long vào năm 2003.

Tìm hiểu lịch sử Thăng Long, ngoài việc chiêm ngưỡng, thán phục các công trình kiến trúc, còn là hành trình trở về cội nguồn dân tộc, nung nấu lòng yêu nước, ý chí bất khuất tự cường để bảo vệ chủ quyền dân tộc, chủ quyền lãnh thổ trong bất cứ hoàn cảnh lịch sử nào, dù chống ngoại xâm hay xây dựng đất nước.

Những chỉ dấu lịch sử về Thăng Long:

Nhiều cứ liệu bàng bạc trong các sách sử của Việt Nam đã đề cập đến Thăng Long. Trong phạm vi bài viết này, chỉ trích ra những dẫn chứng về kinh đô của nước Việt, trước và sau Thăng Long, theo "Việt Nam Sử Lược" của Trần Trọng Kim.

Bắc thuộc thời đại (111 trước Tây lịch đến 939 sau Tây lịch)

Địa danh Long Biên được biết đến sớm nhất vào thời Hai Bà Trưng:

- Mã Viện đánh được Trưng Vương đem đất Giao Chỉ về thuộc nhà Hán như cũ... Đem phủ trị về đóng ở Mê Linh - về cuối đời Đông Hán lại dời về Long Biên.

- Lý Nam Đế: Năm Tân Dậu (541) là năm Đại Đồng thứ 7 đời vua Vũ Đế nhà Lương, ở huyện Thái Bình có một người tên là Lý Bôn tài kiêm văn võ, thấy trong nước mình trong thì quan lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm Ấp cướp phá, bèn cùng với những người nghĩa dũng nổi lên, đánh đuổi Tiêu Tư về Tàu, rồi chiếm giữ lấy thành Long Biên...

Năm Giáp Tý (544) đời nhà Lương bên Tàu, Lý Bôn tự xưng là Nam Việt đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân...

Năm Ất Sửu (545) vua nhà Lương sai Dương Phiêu sang làm thứ sử Giao Châu và sai Trần Bá Tiên đem quân sang đánh Nam Việt. Lý Nam Đế thua phải bỏ Long Biên chạy về giữ thành Gia Ninh (huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên)... thua chạy về giữ thành Tân Xương tức là đất Phong Châu cũ thuộc tỉnh Vĩnh Yên bây giờ, chống không nổi, mới rút quân lên đóng ở động Khuất Liêu (thuộc đất Hưng Hóa)... Lý Nam Đế giao quyền cho tả tướng quân Triệu Quang Phục...

- Triệu Việt vương (549-571): Năm Mậu Thìn (548) Lý Nam Đế ở trong Khuất Liêu phải bệnh mất, sang năm sau Triệu Quang Phục ở Dạ Trạch được tin ấy bèn xưng là Việt vương... Quang Phục đem quân ra đánh phá quân Tàu, rồi về lấy lại thành Long Biên...

... Triệu Việt vương nghĩ tình họ Lý, cũng thuận chia đất cho Lý Phật Tử, dòng họ Lý Nam Đế. Lý Phật Tử đóng ở Ô Diên (nay ở làng Đại Mỗ, thuộc huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông). Triệu Việt vương đóng ở Long Biên, lấy bãi Quân Thần làm giới hạn (bãi ấy thuộc làng Thượng Cát, huyện Từ Liêm)... Nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính... vẫn sửa soạn để đánh lấy Long Biên...

- Hậu Lý Nam Đế (571-602): Lý Phật Tử lấy được thành Long Biên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu (thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên), sai Lý Đại Quyền giữ Long Biên, và Lý Phổ Đỉnh giữ Ô Diên.

Xây La thành:

Năm Đinh Vị (767) là năm Đại lịch thứ 2, đời vua Đại Tông nhà Đường, sử chép rằng có quân Côn Lôn và quân Đồ Bà là quân ở những đảo ngoài bể vào cướp phá ở đất Giao Châu, lên vây các châu thành.

Quan Kinh lược sứ là Trương Bá Nghi cùng với quan Đô úy là Cao Chính Bình đem quân đánh phá được lũ giặc ấy. Trương Bá Nghi bèn đắp La thành để phòng giữ phủ trị. La thành khởi đầu từ đấy.

Cao Biên đắp lại thành Đại La:

"Vua nhà Đường đổi An Nam làm Tĩnh Hải, phong cho Cao Biên làm Tiết độ sứ... ". Cao Biên đắp lại thành Đại La ở bờ sông Tô Lịch. Thành ấy bốn mặt dài hơn 1982 trượng linh 5 thước, cao hai trượng linh 6 thước, đắp một đường đê bao bọc ở ngoài dài hơn 2125 trượng linh 8 thước, cao 1 trượng rưỡi, dày 2 trượng. Trong cho dân sự làm nhà hơn 40 vạn nóc...

Sử chép rằng Cao Biên dùng phép phù thủy khiến thiên lôi phá những thác ghềnh ở các sông để cho thuyền bè đi được. Thiên lôi ấy có lẽ là Cao Biên dùng thuốc súng chăng?

Tục lại truyền rằng Cao Biên thấy bên Giao Châu ta lăm đất để vương, thường cứ cưới diều giấy đi yểm đất, phá những chỗ sơn thủy đẹp và hại mất nhiều long mạch...

Tự chủ thời đại

Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long: Thời đại tự chủ bắt đầu từ chiến tích Ngô Quyền phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938. Kinh đô lúc bấy giờ tại Cổ Loa, thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên. Đến nhà Đinh (968-980) rồi nhà Tiền Lê (980-1009), kinh đô đóng tại Hoa Lư, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình và quốc hiệu là Đại Cồ Việt.

Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) "người ở làng Cổ Pháp, nay thuộc về huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (ở làng Đình Bảng có lăng và đền thờ nhà Lý)... Thái Tổ thấy đất Hoa Lư chật hẹp không có thể mở mang ra làm chỗ đô hội được, bèn định dời đô về La thành.

Tháng 7 năm Thuận Thiên nguyên niên (1010) thì khởi sự dời đô. Khi ra đến La thành, Thái Tổ lấy cố có điềm trông thấy rồng vàng hiện ra, bèn đổi Đại La thành là thành Thăng Long, tức là thành Hà Nội bây giờ. Cải Hoa Lư làm Trường An phủ và Cổ Pháp làm Thiên Đức phủ.

Dời đô là công việc hệ trọng nên dù là vua, Lý Thái Tổ cũng không tự quyết đoán mà trình bày để triều thần bàn bạc. "Chiếu dời đô" đã thể hiện tính dân chủ ngay buổi đầu của triều đại tự chủ đời Tiền Lý:

"Huống... cố đô Đại la thành, trạch thiên địa khu vực chi trung; đắc long bàn hổ cứ chi thế. Chính nam bắc đông tây chi vị ; tiện giang san hưởng hội chi nghi. Kỳ địa quảng nhi thản bình, quyết thổ cao nhi sảng khải. Dân cư miệt hân điểm chi khôn; vạn vật cực phần phụ chi phong. Biển lăm Việt bang, tư vi thắng địa. Thành tứ phương bức thấu chi yển hội; vi vạn thế đế vương chi thượng đô.

Trẫm dục nhân thử địa lợi dĩ định quyết cư, khanh đẳng như hà?"

Nghĩa : "Huống gì thành Đại La... ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hưởng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa.. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?"

(Nguyễn Đức Vân dịch, Trích Thơ văn Lý-Trần, tập I, nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977)

Triều đại nhà Lý (1010-1225), ngoài chiến công hiển hách phá Tống (1076), bình Chiêm (1104), còn mở đầu trong việc chấn hưng đạo đức văn hóa dân tộc trên tinh thần tam giáo đồng nguyên mà Phật giáo được coi là nền tảng. Một vài công nghiệp còn được lưu truyền:

- "Thỉnh Kinh Tam Tạng": Nhà Lý lúc bấy giờ sùng đạo Phật, nhà vua trọng đãi những người đi tu, lấy tiền kho

ra để làm chùa đúc chuông... sang Tàu thỉnh Kinh Tam Tạng đem về để vào kho Đại Hưng.

- "Lập Quốc Tử Giám" năm 1076; Lập Văn miếu, xây chùa Một Cột...

* * *

- Chiêm Thành sang phá Thăng Long: Dưới triều Trần Phế Đế (1377-1388), "quân Chiêm Thành lúc bấy giờ ra vào nước Nam ta như vào chỗ không người, cho nên trong mấy năm mà vào phá kinh thành ba lần. Thượng hoàng cùng Đế Hiến phải bỏ thành mà chạy. Thế mà đến khi giặc về rồi cũng không sửa sang gì để phòng bị về sau..."

- Hồ Quý Ly xây thành Tây Đô: "Quý Ly định dời kinh đô vào Thanh Hóa cho dễ đường thoán đoạt, bèn sai quan vào xây thành Tây Đô ở động Yên Tôn (nay còn di tích ở xã Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc, tục gọi là Tây Giai). Đến năm Bính Tí (1396) Quý Ly bắt Thuận Tông phải dời kinh về Tây Đô... ". Thăng Long được gọi là Đông Đô từ đó.

Nhà Minh mượn cơ "phò Trần diệt Hồ" để xâm chiếm đất Việt. "Quân Minh thừa thế đánh tràn xuống sông Cái, đốt sạch cả các đồn ải, rồi tiến lên đánh lấy Đông Đô (tức là Thăng Long), bắt đàn bà con gái, cướp lấy của cải. Bọn Trương Phụ tích trữ lương thực, đặt quan làm việc, định kế ở lâu dài..."

- Thành Thăng Long từ triều Nguyễn: Nguyễn Phước Ánh (Thế Tổ Gia Long) khởi binh chống nhau với Tây Sơn từ năm 1778, đến năm 1802 thu phục được giang sơn cũ của chúa Nguyễn khi xưa và hợp cả Nam Bắc lại thành một mối. Khi việc đánh dẹp xong rồi, ngài xưng đế hiệu, đặt quốc hiệu là Việt Nam, đóng kinh đô ở Phú Xuân, tức là thành Huế bây giờ... Ngài đổi Bắc Hà là Bắc thành, đến năm 1805 (Gia Long năm thứ 4) lại ban lệnh phá hủy thành Thăng Long và xây trên đó tòa thành mới.

Tính ra trên nền cũ của La thành được dựng lên từ năm 767 dưới thời Kinh lược sứ Trương Bá Nghi, rồi đến khoảng trăm năm sau được Cao Biền xây cất trên nền cũ La thành qui mô hơn, tiếp đến khi Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long và các kiến trúc tiếp nối thời Trần, Lê kể cả kiến trúc Phủ Chúa thời Trịnh... cho đến khi Gia Long cho xây tân thành cũng trên nền cũ, Thăng Long thành cũng đã có ít nhất đến 4 tầng kiến trúc chồng chất lên nhau.

Nguyễn Du đã cảm tác về Thăng Long:

... Thiên niên cự thất thành quan đạo
Nhất phiến tân thành một cố cung...
Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành
Do thị Thăng Long cự đế kinh...

Nghĩa:

... Những ngôi nhà đồ sộ nghìn xưa, nay đã trở thành đường sá

Một tòa thành mới làm mất dấu vết cung điện cũ...

Mảnh trăng sáng ngày xưa soi tòa thành mới

Đó là Thăng Long, đô thành các triều đại trước...

* * *

Bài thơ Thăng Long thành hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan dâng tràn xúc động:

...Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương..

* * *

- Nguyễn Tri Phương tuấn tiết : ... "Sáng hôm rằm tháng 10 năm Quý Dậu (1873), quân Pháp phát súng bắn vào thành Hà Nội... Phò mã Lâm trúng đạn chết, ông Nguyễn Tri Phương thì bị thương nặng... đến nỗi phải bị bắt, ông quyết chí không chịu buộc thuốc và nhịn ăn mà chết."

- Hoàng Diệu tuấn tiết : "... sáng 5 giờ ngày mùng 8 tháng ba năm Nhâm Ngọ (1882), quan Tổng đốc Hoàng Diệu tiếp được tờ tối hậu thư của Đại tá Henri Rivière cho đến 8 giờ phải giải binh và các quan võ Việt Nam phải ra đời lệnh ở Đồn Thủy. Đúng 8 giờ thì quân Pháp khởi sự đánh thành. Ông Hoàng Diệu treo lên cây thắt cổ mà tự tận..."

Còn lưu truyền bài "Hà thành chính khí ca" của tác giả Vô danh.

Tin trong nước về chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long:

Trích dẫn những nguồn tin từ trong nước qua các báo chí.

- Một cuộc hội thảo bổ ích tại Hà Nội: Đó là phát hiện có tính cách quyết định để Chính phủ cho phép xây dựng hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận Khu di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long-Hà Nội, bao gồm khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu và khu thành cổ Hà Nội là Di sản văn hóa thế giới vào đúng dịp Hà Nội tròn 1000 năm. (An ninh thế giới, số 812, ngày 29.11.2008)

- Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội mang tầm quốc tế: Thành phố Hà Nội đang làm các thủ tục đệ nghị UNESCO ra nghị quyết về việc kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội vào năm 2010 và nâng Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội lên tầm quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh của Việt Nam ra khu vực và thế giới. Đây cũng là dịp để bạn bè thế giới có điều kiện ủng hộ và tham dự Đại lễ kỷ niệm. (Thế giới trẻ số 218, 16.4.2009)

- Giới thiệu, quảng bá Hoàng thành Thăng Long: Trung tâm bảo tồn khu di tích Cổ Loa-Thành cổ Hà Nội đã có buổi gặp mặt 24 Đại sứ và Tổng lãnh sự Việt Nam tại nước ngoài, nhằm giới thiệu về di sản Hoàng thành Thăng Long.

- Phối hợp tuyên truyền kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội: Ngày 13.3, Ban tuyên giáo TƯ và UBND thành phố Hà Nội ký chương trình phối hợp tuyên truyền kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Đến dự và chứng kiến lễ ký có các đồng chí Ủy viên Bộ Chính Trị: Tô Huy Rứa, Trưởng Ban Tuyên giáo TƯ Phạm Quang Nghị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. Theo đó, Ban Tuyên giáo TƯ sẽ phối hợp với thành phố Hà Nội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tài liệu tuyên truyền, giáo dục, quảng bá kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội và Đại lễ kỷ niệm, kết hợp việc kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009-2010. Ban Tuyên giáo TƯ chỉ đạo Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch phối hợp Ủy ban toàn quốc các Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, các Hội Văn học Nghệ thuật trung ương và địa phương tổ chức tốt cuộc vận động sáng tác văn học nghệ thuật kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội, gắn với cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh":...

Trước mắt, đã thấy ỉ xèo chuyện tuyên truyền dự thi kể chuyện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" (thực chất cũng nằm trong việc thực hiện Nghị Quyết 36 của ĐCSVN), với những khiếu nại hoặc sinh viên du học được "chọn lọc" qua các vở diễn cũ rích từ đạo diễn của phù thủy cộng sản VN:

- Bà Hoàng Lan, 58 tuổi, khiếu nại Pháp, "trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn được nghe câu hò xứ Huế, câu hát ví dặm của quê nhà... "

- thí sinh Trịnh Văn Thái, 61 tuổi, Việt kiều Thái Lan, "lớp học cách mạng của Bác Hồ"

- thí sinh Nguyễn Thị Hương Lan, 23 tuổi, du học sinh tại New Zealand, "đức tính tiết kiệm, giản dị của Bác Hồ".

- thí sinh Phó Đức Dương, du học sinh tại Trung quốc, "không có việc gì khó"

- Trịnh Thu Hương, Việt kiều Czech, "lời Bác dặn trước lúc đi xa"

- Nguyễn Huyền Trang, du học sinh tại Nga, "Bác Hồ đến thăm trại trẻ mồ côi Kim Đồng"

(trích dẫn từ Thế Giới Trẻ, số 193, ngày 16.10.2008)

Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội là dịp để ĐCSVN tuyên truyền đánh bóng chế độ trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng; trước tình hình bị ảnh hưởng của nền kinh tế suy thoái toàn cầu, đặc biệt nghiêm trọng là trước sự xâm thực của Trung quốc, nhưng vì ĐCSVN đã nâng niu quà tặng 16 chữ vàng "láng giềng hữu nghị-hợp tác toàn diện-ổn định lâu dài-hướng tới tương lai" nên cứ phải tiếp tục và cương quyết tiếp tục "ngậm đắng nuốt cay" "nuốt bồ hòn làm ngọt".

Người dân trong nước và bà con ở nước ngoài chắc sẽ không trông đợi gì vào ý nghĩa tổ chức Đại lễ kỷ niệm Thăng Long 1000 năm do Đảng chỉ đạo. Vì sao? Chỉ với

truyền thống ngàn năm giữ nước chống Bắc phương xâm lược, bài học yêu nước này Đảng dám giáo dục, tuyên truyền sao? Hãy xem thời gian qua khi nhìn về các sự kiện trọng đại của đất nước, dân tộc có dính dáng đến Trung quốc, Đảng CSVN đã bó tay, làm ngơ, thậm chí còn đàn áp tinh thần tranh đấu chống nô lệ Bắc Kinh:

- dâng đất đai ở biên giới Việt Trung, việc làm ngơ để Trung quốc chiếm đóng Hoàng Sa, Trường Sa.

- đàn áp sinh viên và nhân dân biểu tình chống rước đuốc Thế vận hội Bắc Kinh tại Sài Gòn ngày 29.4. 2008. (trong lực lượng đàn áp có cả đặc nhiệm Trung Cộng).

- theo lệnh Bắc Kinh, không tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày 17.02.79, ngày chiến thắng bọn xâm lược bành trướng Bắc Kinh ở 6 tỉnh biên giới phía Bắc, đặc biệt ở thị trấn Lạng Sơn.

- để cho Trung quốc đưa hàng ngàn công nhân Tàu và cả vật dụng vào khai thác quặng bauxite ở Tây nguyên, không đếm xỉa gì tới những lời điều trần của các chuyên gia kỹ thuật và quân sự.

- Mới đây nhất, theo tin từ Người Việt Online ngày 25.5.09, Trung quốc đều trúng thầu các dự án công nghiệp quan trọng rải rác từ Nam chí Bắc: Công ty thiết kế Vũ Hán và Tổng Công ty xuất nhập khẩu máy Trung quốc đồng loạt trúng thầu "công trình xây dựng đường sắt ở nội ô Hà Nội", "dự án nhà máy đạm ở Cà Mau", và "đáng quan tâm là các nhà thầu Trung quốc thường đem theo hàng ngàn công nhân và thiết bị của họ sang".

- Trong bài ký sự 6.5.09, báo Saigon tiếp thị viết: "Trên con đường Hồ Chí Minh, đoạn đi qua huyện Đông Giang (tỉnh Quảng Nam) có một "làng" công nhân người Quảng Đông (Trung quốc). Họ đã đến đây hơn ba năm qua để xây dựng hai công trình thủy điện Za Hung và Sông Kôn 2... Không những họ sống thành làng, họ còn lấy phụ nữ địa phương, đẻ con..."

Và nếu đọc lời thú nhận của Trần Anh Kim, cựu Trung Tá bộ đội Bắc Việt: "Trận đánh 8 giờ sáng ngày 17.02.79 tại cánh đồng Song Áng, Mỹ Cao, Văn Lãng, Lạng Sơn, bề gầy chiến lược của bọn bành trướng Bắc Kinh "Ăn cơm sáng ở Lạng Sơn, ăn cơm trưa ở Hà Nội"... ", chúng ta hãy hình dung cuộc điện một ngày không xa khi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xảy ra dưới "sự lãnh đạo của Đảng CSVN":

Phía Bắc: từ Nam Quan (đã bị TQ lấn sâu vào nội địa nước ta) đến Hà Nội bao nhiêu km đường chim bay, miền Trung: từ Hoàng Sa và Trường Sa vào Đà Nẵng, Huế; vùng Tây nguyên: từ Bảo Lộc, Đăk Nông đến Sài Gòn; và phía Nam: từ Cà Mau lên các thành phố trọng điểm Cần Thơ, Mỹ Tho, Sài Gòn... khoảng cách chỉ là gang tấc. "Tứ bề thọ địch" một khi đã "Đường hổ di họa": Cho nên đầu tư kinh tế, kỹ thuật kể cả giao lưu văn hóa chỉ là cái cớ và đường lối của tình báo quân sự Trung cộng.

* * *

Từ 16 chữ vàng, hãy nhớ đến lời của Nguyễn Biểu và Quang Trung Nguyễn Huệ:

- Nguyễn Biểu mắng Trương Phụ: "Chúng bây trong bụng thì chỉ lo đường chiếm giữ, ngoài mặt giương tiếng đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp... rồi tìm kế để vơ vét của cải, ức hiếp sinh dân, chúng bây thật là đồ ăn cướp hung ngược".

- Quang Trung: "Ta xem tờ chiếu của vua nhà Thanh chẳng qua cũng muốn mượn tiếng để lấy nước ta đó thôi."

Và sử sách cũng còn ghi dấu:

- Việc khai mỏ : Nước ta từ đời bấy giờ ở Tuyên Quang thì có mỏ đồng ở Tu Long, mỏ bạc ở Nam Xương và ở Long Sinh. Ở Hưng Hóa thì có mỏ đồng ở Trịnh Lan và Ngọc Uyển. Ở Thái Nguyên thì có mỏ đồng ở Sáng Mộc, Yên Hận, Liêm Tuyên, Tống Sinh, Vũ Nông; mỏ vàng ở Kim Mã, Tam Lộ, mỏ kẽm ở Côn Minh. Ở Lạng Sơn thì có mỏ đồng ở Hoài Viễn.

Những mỏ ấy đều là người Tàu sang khai cả, bao nhiêu quyền lợi về tay người Tàu hết, của 10 phần nhà nước không được một. Mà những phu Tàu sang làm mỏ hay quấy nhiễu dân sự. Tuy rằng năm Đinh Dậu (1717) Trịnh Cương đã định lệ rằng những người Tàu sang khai mỏ : chỗ đông lắm chỉ được 300 người, chỗ đông vừa 200 người, chỗ ít 100 người mà thôi. Thế mà về sau có nơi phu khách đông đến hàng vạn người... (Việt Nam Sử Lược-Trần Trọng Kim).

Thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội:

Nghe tin trong nước Đảng sẽ tổ chức 1000 năm Thăng Long-Hà Nội vào tháng 10.2010, trùng vào kỷ niệm ngày Cộng sản tiếp quản Thủ đô Hà Nội tháng 10.54. Sao không tổ chức vào khoảng tháng 7 (Tháng 7 âm tính ra vào tháng 8 hoặc cùng lắm vào đầu tháng chín dl), như Chiếu dời đô: "Tháng 7 năm Thuận Thiên nguyên niên 1010) thì khởi sự dời đô"

Nhân dân trong nước và đồng bào hải ngoại hướng về Thăng Long và sẽ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội vào tháng 7 âm năm 2010 theo cách riêng của mình trong khuôn khổ 16 chữ: Kế thừa truyền thống-Tưởng niệm anh hùng-Thực hành giáo huấn-Cải tổ giáo dục.

1. Kế thừa truyền thống: Quảng trường Ba Đình đổi tên là Quảng trường Thăng Long và di dời lăng mộ Hồ Chí Minh về làng Kim Liên, kể cả bốc mộ thân phụ của Nguyễn Tất Thành là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy về quê nhà. Thiết nghĩ "lá rụng về cội" và điều này cũng là niềm hãnh diện tự hào cho gia đình, cho bà con nhân dân ở Kim Liên. Đó cũng là theo nếp cũ đạo lý của tổ tiên. Bao bậc vua chúa, anh hùng liệt nữ đã góp phần cho sự trường tồn và phát triển của Thăng Long, có ai tự xây lăng tẩm đền thờ nơi kinh đô của cả nước? Ngay nơi chôn nhau cắt rốn, nhân dân kính cẩn xây đền thờ cho họ mà sử sách còn ghi dấu, chỉ nêu một vài chứng liệu:

- Phù Đổng thiên vương: Làng Phù Đổng, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

- Hai Bà Trưng: Làng Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây.

- Bà Triệu: Xã Phú Điền, huyện Mỹ Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Triệu Việt vương: Làng Đại Bộ, huyện Đại An, tỉnh Nam Định.

- Mai Hắc Đế: Xã Hương Lãm, huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An.

- Lý Thái Tổ: Làng Đình Bảng, huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh có lăng và đền thờ.

- Đặng Dung: đền thờ ở Can Lộc, Hà Tĩnh.

- Trần Hưng Đạo: đền thờ ở Vạn Kiếp, tỉnh Hải Hưng...

Thăng Long-Hà Nội là thủ đô của cả nước, của cả dân tộc. Giữa lòng thủ đô, ngạo nghễ lăng mộ của Hồ Chí Minh trong khi Lý Thái Tổ được dựng tượng cùng Lê-nin trong vườn hoa Chí Linh, mà địa danh Chí Linh lại gắn liền với anh hùng áo vải Lê Lợi. Di dời mộ phần Hồ Chí Minh là biểu thị lòng khiêm cung, tôn trọng tiền nhân. Ngoài ra, theo tín ngưỡng dân gian, ta thường nói câu "mồ yên mã đẹp". Lăng Hồ Chí Minh tuy có "hoành tráng" đấy nhưng không yên vì hài cốt phải phải được chỉnh trang định kỳ, rồi để trong lồng kiếng khi nâng lên, lúc hạ xuống để cho ông đi qua, bà đi lại "tham quan": Hoặc như trong thời chiến, lại phải đem thi hài đi lánh nạn như bản tin tường thuật: "Khu di tích K9 nằm trên địa bàn xã Thuần Mỹ thuộc huyện Ba Vì (Hà Nội). K9 còn được gọi là Khu di tích Đá Chông. Đây là nơi gìn giữ thi hài Bác Hồ từ năm 1969-1975. (Tuần tin Mới, số 296, 17.3.2009). Vậy trong thời gian đó, Đảng và Nhà nước tổ chức cho nhân dân và khách quốc tế vào lăng ở quảng trường Ba Đình để "chiêm ngưỡng" ai, hay chỉ là hình nhân bằng sáp?. Thành ra, thay vì "mồ yên mã đẹp" lại "động mồ động mã"!

Và khi đọc "Lật lá bài tẩy Trung quốc dùng để khống chế Bộ Chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam", chúng ta càng thêm bàng hoàng hơn nữa. Theo Hồ Tuấn Hùng, một sử gia Đài Loan chuyên ngành trên 30 năm, trong cuốn "Hồ Chí Minh bình sanh khả" cho biết : "cái xác Hồ Chí Minh hiện đang nằm tại lăng Ba Đình, chỉ là người Trung Hoa gốc Hẹ, đã đội lốt Hồ Chí Minh thật, chết năm 1932, có giấy khai tử của chính quyền bảo hộ Anh hẳn hoi... tên thật của người Hẹ này: Hồ Tập Chương, thuộc huyện Miên Lật, địa khu Đồng La, Đài Loan". Điều này đã được Tổng cục phản gián của cả hai bên Trung quốc và Việt Nam kiểm chứng xác nhận và Bộ Chính trị Đảng CSVN cũng đã thừa biết. Hồ Cẩm Đào cũng đã triệu Nông Đức Mạnh và Nguyễn Tấn Dũng qua cho xem các bằng chứng cụ thể.

Dù sao quăng trường Thăng Long sẽ không có lăng mộ nào nữa cả nếu chúng ta thành tâm kỷ niệm 1000 năm thủ đô lịch sử vào năm 2010. Mong thay !

2. Tưởng niệm Anh Hùng: Hồ Chí Minh đã từng nói khi viếng đền Hùng: "các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải ra sức giữ nước". Vậy không còn gì bằng nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội, Chính phủ Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hãy báo cáo chương trình hành động thiết thực với tiền nhân bằng các công việc sau đây:

A. Công bố cho toàn dân toàn thể các văn bản Hiệp định thư đã ký kết với Trung quốc về biên giới phía bắc.

Đây là những công bố quan trọng mà người dân đang quan tâm, đồng thời thể hiện điều mà Đảng và Nhà nước thường lập đi lập lại "Dân biết, Dân kiểm tra":

B. Phát hành bản đồ Việt Nam năm 2010 một cách chi tiết. Bản đồ này là một chứng minh cụ thể để dâng lên tiền nhân, để tạo thêm niềm tin cho nhân dân, để khẳng định chủ quyền lãnh thổ trước nhân dân và thế giới. Đồng bào và các nhà khoa học, các chuyên gia địa dư sẽ có dịp thẩm tra biên cương Tổ quốc khi so sánh với các bản đồ hành chính còn lưu trữ nơi văn khố trong và ngoài nước.

C. Tổ chức các cuộc du khảo về nguồn trên quê hương Thăng Long, nơi phát tích của Văn Lang. Thanh niên, học sinh, sinh viên sẽ có dịp sinh hoạt tại các địa danh, các chiếc nổi văn hóa, lịch sử của dân tộc. Ngoài khu di tích Hoàng thành Thăng Long, họ còn được dừng chân trên Bản Giốc, trên các nẻo đường từ Chi Lăng đến đầu nguồn biên giới Nam Quan ngày xưa. Họ sẽ thấm nhuần những bài học lịch sử hào hùng của cha ông và họ sẽ mỉm cười nhìn về phương Bắc mà tội nghiệp cho Mã Viện, một danh tướng 70 tuổi, đã đánh bại quân của Hai Bà Trưng, thế mà còn bộc lộ đã tâm tiêu diệt cả giống nòi người Việt chúng ta, khi hấn cho dựng cột đồng ngay biên giới "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt".

3. Thực hành giáo huấn: Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam giành độc quyền lãnh đạo đến nay, toàn thể các cán bộ đảng viên và bao thế hệ thanh thiếu niên đều được hướng dẫn học tập rập khuôn theo những nguyên tắc giáo điều xa lạ với truyền thống đạo lý tổ tiên. Khi "thành trì" của chủ nghĩa cộng sản là Liên bang Xô-viết Nga sụp đổ một cách thảm hại nhanh chóng kéo theo bức tường Bá-linh bị phá vỡ, Cộng sản Việt Nam nghĩ ra con đường thoát hiểm bằng "Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh" rồi giờ đây đưa thêm chiêu thức mới "Học tập gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Cả nước và toàn dân trong nước cũng như hải ngoại đang nghe vọng lại hồn thiêng sông núi, nghe âm vang trống đồng rộn rã mở hội Thăng Long và thành tâm lắng nghe những lời tâm huyết của tiền nhân. Đó là những lời nhắn nhủ, giáo huấn, cảnh giác cho con cháu Rồng Tiên:

- Bà Triệu: "Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá tròng kình ở bể đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đăm đuối, chứ không thềm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta".

- Trần Quốc Tuấn (Hưng Đạo đại vương): Huống chi ta cùng các người sinh ở đời nhiều nhưong, gặp phải buổi gian nan này, trông thấy những nguy sứ đi lại rầm rập ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tổ phụ... đòi ngọc lụa... vét bạc vàng; của kho có hạn, lòng tham khôn cùng, khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sao ! (Hịch tướng sĩ).

- Lê Lợi: Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo bo làm đầy tớ người?.

- Nguyễn Phi Khanh: Con phải trở về mà lo trả thù cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo khóc lóc mà làm gì?.

- Nguyễn Trãi: Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có...

... Vì họ Hồ chính sự phiến hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ ngược, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh... (Bình Ngô đại cáo)

- Lê Thánh Tông: Ngài bảo với triều thần: "Ta phải giữ gìn cho cẩn thận, đừng để cho ai lấy mất một phân núi, một tấc sông.

- Lê Hiến Tông: "Vua Thái Tổ đã gây dựng nên cơ đồ, vua Thánh Tông đã sửa sang mọi việc, ta nay chỉ nên lo gìn giữ nếp cũ và mở mang sự nhân chính ra cho sáng rõ công đức của cha ông".

- Mạc Ngọc Liễn để thư dặn Mạc Kính Cung: "Dân ta thì có tội tình gì mà nở để khổ sở mãi về việc chiến tranh?... đừng có đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình."

* * *

Bao nhiêu năm rồi, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đất nước, tự hào đang "ra biển lớn", đang có chân trong Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, thành viên và đảng cai tổ chức các hội nghị Asean. APEC... nhưng trước mỗi chuyến công du hay trong mỗi chương trình nghị sự, Chính phủ chỉ thừa hành chỉ thị của Ban tuyên giáo, của Bộ Chính trị có sự "Hợp tác toàn diện" của "Láng giềng hữu nghị".

Kỷ niệm thiết thực 1000 năm Thăng Long-Hà Nội, để tưởng niệm công đức tiền nhân, không có gì hơn là trân trọng nghe và làm theo lời dạy của tiền nhân, cụ thể là sửa đổi và bỏ đi điều 4 của Hiến pháp hiện nay. Đảng nghĩ sao? Chỉ khi đó, Hội nghị Bình Than, Hội Nghị

Diên Hồng sẽ sống lại mãnh liệt trên quê hương Việt Nam minh châu trời Đông!

4. Cải tổ giáo dục: Thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội không chỉ là niềm tự hào lịch sử mà còn phải nhìn vào thực trạng đất nước hiện nay. Tính từ khi ĐCSVN - một bộ phận của chủ nghĩa CS quốc tế - xuất hiện tại quê hương của các vua Hùng đến nay, dân tộc VN đã điêu đứng và bị tàn hại khôn xiết. Bây giờ còn khốc liệt hơn! Những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, phẩm giá và nhân cách của con người VN bị coi thường, rẻ rúng, nhất là hình ảnh người phụ nữ. Một nền giáo dục chỉ nhằm đào tạo những "con người mới xcn" phản ánh thực chất Phi Tự Do - Phi Nhân bản mà hậu quả tệ hại từ bao năm thập niên vẫn còn tiếp diễn ngày càng xấu hơn:

- Con người "lao động xã hội chủ nghĩa": tự mãn khoe khoang số xuất khẩu lao động phổ thông nhưng thực chất họ không có trình độ học lực, không có trình độ chuyên môn. Ra nước ngoài, số lao động này phải bán hoặc thế chấp ruộng vườn nhà cửa hoặc vay nợ để có 15.000 đô-la mua lấy hộ chiếu qua đám môi giới lao động.

Mà họ lại "rất xấu hổ, nhục nhã" khi cầm hộ chiếu Việt Nam (lời Tổng giám mục Ngô Quang Kiệt).

Bên Á châu, phụ nữ VN ra nước ngoài chỉ đi giữ em, làm việc nhà... nhưng thực tế đau thương là "lấy chồng" ngoại quốc hoặc bị thăm hơn phải sa vào con đường trụy lạc khác để có tiền trả nợ "hộ chiếu".

Bên Âu châu, Mỹ châu, mang "hộ chiếu doanh nghiệp" hoặc " hộ chiếu lao động" nhưng rồi đến nơi thì đứng bán hàng thuốc lá lậu, bán áo quần giả nhảm... rồi đi "trồng cỏ" (trồng cần sa) cho các Mafia Việt Nam, để có tiền "trả nợ hộ chiếu" và hy vọng kiếm chút vốn liếng hồi hương. Ở New York, Texas, Houston... ở Cộng Hòa Tiệp, ở London, ở Đức, báo chí ngoại quốc đã đưa tin không biết bao nhiêu vụ người lao động Việt Nam bị bắt vì "trồng cỏ".

- Con người "trí thức xã hội chủ nghĩa": nền giáo dục phi nhân bản, vụ lợi, hám danh đã dẫn đến tình trạng lạm phát trí thức mà báo chí trong nước đã phơi bày. Bây giờ bằng Cử nhân là chuyện nhỏ. Phải vung vít bằng Cao học, Thạc sĩ, Tiến sĩ mới "ngang tầm thời đại". Không ở trong khuôn viên các trường đại học mà ở đủ các ban ngành và bên cạnh các quân hàm còn dính thêm học vị:

...bản chất của phong trào "làm giàu đánh thắng" của Quân Khu 3 là "buôn lậu trốn thuế"... Những cán bộ có chức có quyền, họ dùng trợ lý có chuyên môn, có trình độ biết khom lưng quỳ gối, đi theo làm bài cho lãnh đạo. Bọn họ còn dùng tiền, cử trợ lý mua đáp án và đáp án chính là bài kiểm tra của họ.... Mua đáp án, cử người thi hộ, thuê sinh viên bảo vệ luận án lấy hàm "Tiến sỹ" (Trần Anh Kim-Cựu Trung Tá Quân đội Nhân dân Việt Nam).

- Tự do ngôn luận: ngày 28.5.09, theo bản tin của Ân xá Quốc tế, Việt Nam tiếp tục hạn chế tự do ngôn luận và đàn áp người bất đồng chính kiến.

- Tự do tín ngưỡng: Dân biểu Ed Royce : Hiện nay tôn giáo tại Việt Nam bị quấy nhiễu rất nhiều. Nhiều người bị cầm tù vì niềm tin tôn giáo, bị đánh đập và bị sách nhiễu. Ủy ban Hoa Kỳ về tự do tôn giáo quốc tế quan sát tình hình tại Việt Nam và đã đề nghị Quốc hội, Chính phủ cùng Bộ ngoại giao Hoa kỳ đưa Việt Nam trở lại danh sách CPC.

Một nền giáo dục nhân bản và tự do đích thực sẽ không bao giờ có trong nền giáo dục cộng sản. Điều này đã được chứng minh ở các nước cộng sản trước đây, giờ vẫn còn tiếp diễn ở một vài nước còn lại, trong đó có Việt Nam.

- Tự do báo chí: Toàn bộ báo chí đều chịu sự lãnh đạo đui dắt của Đảng, thậm chí còn viết những bài mạ lỵ, vu khống những người bất đồng chính kiến. Sự kiện nổi bật nhất là bài viết của Đinh Văn Tư, đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 11.5.09 "Chuyện không bình thường" nhằm chỉ trích Đại sứ Hoa Kỳ Michael W. Michalak bằng những lời lẽ khiếm nhã khi Đại sứ thăm và phỏng vấn nhà đấu tranh Đỗ Nam Hải, đại diện nhóm 8406. Buộc lòng Đại sứ phải gửi thư đề ngày 15.5 đến Phạm Đức Hải, Tổng biên tập Báo Tuổi Trẻ và đồng thời gửi đến Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; Lê Doãn Hợp, Bộ trưởng Bộ Thông Tin và Tuyên truyền; Lê Hồng Anh, Bộ trưởng Bộ Công an Nhân dân; Huỳnh Hữu Chiến, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, thành phố Hồ Chí Minh.

* * *

"It was with great disappointment that I read ở An unusual Story in your May 11 edition. I was indeed in Ho Chi Minh city recently where I met a number of people including government officials and private citizens. As the United States Ambassador to Viet Nam, it is both my job and my privilege to regularly meet with Vietnamese citizens from all across this country and from all walks of life... Thus I was saddened to read an article that you and I both know to be a complete fabrication... "

"Tôi rất thất vọng khi đọc bài "Chuyện không bình thường" trên số báo ngày 11.5 của Ông. Quả thực gần đây tôi đã ở thành phố Hồ Chí Minh và gặp gỡ một số người, bao gồm các quan chức chính quyền và các công dân. Là Đại sứ Hoa kỳ tại Việt Nam, việc thường xuyên gặp gỡ các công dân Việt Nam ở khắp nơi trên cả nước và thuộc mọi tầng lớp trong xã hội vừa là công việc vừa là đặc quyền của tôi... Vì vậy, tôi thấy buồn khi đọc một bài báo mà các ông và tôi đều biết rằng đó là một sự bịa đặt hoàn toàn..."

Bằng ngôn từ ngoại giao tế nhị, nhẹ nhàng nhưng bức nội dung cáo buộc đanh thép và gửi đến, không những Tổng biên tập Báo Tuổi Trẻ mà còn cả Chính phủ Việt

Nam với ngụ ý "Báo Tuổi Trẻ không dám đá kích Đại sứ Mỹ nếu không có áp lực hay chỉ thị từ "ở trên" (Người Việt Online, thứ sáu 29.4.09)

Một nền giáo dục lấy nhân cách và trí tuệ con người làm phẩm giá đào tạo sẽ không dẫn đến tình trạng bi đát và xấu hổ như vậy. Nhưng bóng tối của chủ nghĩa Cộng sản vẫn bao phủ nền giáo dục Việt Nam, và biết bao thế hệ thanh niên bị chìm đắm trong màn đêm của Tự Do, Dân Chủ, Độc Lập giả hiệu.

Lịch sử, văn hóa, văn minh và đạo đức kết tinh nơi 1000 năm Thăng Long-Hà Nội còn vang vọng những lời nói: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia"; vận nước tuy cường nhược có lúc khác nhau song hào kiệt đời nào cũng có". "Trồng cây mười năm đã khó nên" sự nghiệp "trăm năm trồng người" không thể cầu thả như ĐCSVN đã làm từ trên nửa thế kỷ nay. Nếu thực tâm hướng về dân tộc, nhớ lấy nguồn cội Thăng Long, Đảng có thể bước đầu nhổ cỏ dọn vườn giáo dục bằng những việc cụ thể và đầy dẫy trước mắt, trước khi cải tổ toàn diện nội dung nền giáo dục:

- chấm dứt ngay việc cho nợ bằng cấp 2, cấp ba trong khi lại có bằng Đại Học.

- kiểm tra và xử lý nghiêm minh trường hợp sử dụng bằng cấp giả, việc này Đảng và Nhà nước phải chịu trách nhiệm vì dính dáng đến một số cán bộ đương chức ở mọi ngành.

- bỏ ngay việc tuyển sinh còn theo tiêu chuẩn lý lịch và chỉ có một bằng cấp Đại học duy nhất, không có bằng A, bằng B, ... gì cả.

- nâng cao giá trị bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, sao cho các nước ngoài công nhận giá trị bằng tốt nghiệp của VN tương đương với bằng tốt nghiệp của họ. Không thể trút trách nhiệm và đổ lỗi cho cấp thừa hành vì chính Đảng CSVN từng đã trực tiếp chỉ đạo đường lối giáo dục cũng như chỉ tiêu tốt nghiệp.

Lời kết:

Chỉ độ một năm nữa sẽ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội. Ban tuyên giáo trung ương Đảng đã có nhiều văn bản chỉ đạo nhưng nhìn chung, chỉ mới thấy các hoạt động nhằm tuyên truyền cho Đảng là chính (thi kể chuyện "học tập theo gương đạo đức Bác Hồ").

Hiền tài và hào kiệt nước ta có không? Thưa có. Trong nước và ở hải ngoại. Thăng Long-Hà Nội nói riêng, cả đất nước nói chung sẽ từng bước vào vận hội mới, một khi Đảng Cộng sản không còn quay lưng lại với Dân Tộc.

"Nhật nguyệt hối mà lại minh, càn khôn bĩ mà lại thái. Nền vận thế xây nên chẵn chẵn, thẹn nghìn thu rửa sạch lâu lâu. Thế là nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng che chở, giúp đỡ cho nước ta vậy". (Đại cáo bình Ngô-Nguyễn Trãi)

nguyễn song anh



Lẽ ra

Đỗ Trung Quân

Lẽ ra chúng ta không phải làm những bài thơ thế này

Ta thấy chính mình

Chiếc bóng mệt mỏi trên vách

Thôi ngậm miệng lại

Mà sống nốt những ngày thừa

Ta thấy chính mình

Gương mặt no nê thỏa mãn từ những chuyến đi xa

Thái Lan, Hồng Kông, Singapore, Pháp, Ý, Hoa Kỳ...

Những chuyến rong chơi bằng tiền tài trợ

Du lịch, shopping, khu đèn đỏ...

Sao cũng được miễn là cứ thế mà đi

Mà hưởng thụ

Ta thấy chính mình

Qua những gương mặt quen ngày xưa

Ngày xưa chưa xa

Những chàng hai mươi đầy nhiệt huyết

Nay cười mỉa "rách việc!

êm thắm lại không muốn...

Đồ ngu!.."

Ta thấy chính mình

Chập chờn trên vách suốt đêm dài

con giun bị dày xéo bởi gót giày

Đất nước nhà cao tầng

Đất nước siêu thị

Đất nước xe hơi đắt tiền

Đất nước week-end

Đất nước resort

Đất nước không chiến tranh

Cớ gì đau quặn ruột?

Ta thấy mình trên vách hằng đêm

Như bóng ma gầy khô

Lẽ ra

Ta đâu còn phải làm những bài thơ như thế

Nếu những gương mặt nham nhở

Không cười gằn qua cột mốc số không

Nếu những con tàu lăm lăm súng đạn

Không gầm gừ trên biển đông

Và nếu nổi đống hèn

Không khắc một dấu máu lên vầng trán...

Đỗ Trung Quân



tổ buoi chieu trein nghia nua Hang Dong

Trần Trung Đạo

Một ngày hè như thế này 29 năm trước, người anh cùng sở làm và cũng cùng quê Đà Nẵng ghé qua hỏi tôi có thích đi Côn Đảo một chuyến với anh. Không giống như khi được các anh chị khác rủ đi thăm miền Bắc trong những lần họ nghỉ phép về thăm nhà mà tôi đã từ chối trước đây, Côn Đảo có một hấp lực cực mạnh khiến tôi gật đầu không chút gì ngần ngại. Chiếc ghe vượt biên anh đóng sắp hoàn tất và đã hứa dành cho tôi một chỗ. Nghĩ đến việc ra đi không hẹn ngày trở lại, thăm Côn Đảo là dịp hiếm hoi không thể bỏ qua. Côn Đảo là đất lịch sử của cách mạng Việt Nam, điểm hẹn của những tâm hồn yêu nước và cũng là nơi nhà cách mạng Phan Chu Trinh từng tả “Bốn mặt dày vò oai sóng gió / Một mình che chở tội non sông” trong bài thơ “Đập đá Côn Lôn” nổi tiếng của ông. Người anh cùng sở làm lo hết các phương tiện cần thiết, và như thế chúng tôi đi. Anh có vài việc phải đi, còn tôi chỉ đi theo cho biết chứ không làm gì cả.

Khi anh làm xong việc, thời gian còn lại anh em chúng tôi đi vài nơi trên đảo. Côn Đảo ngày chúng tôi đến còn rất hoang vắng. Những khu tù chính trị đã giải tán từ lâu. Tù chính trị mới không bị đưa ra đây mà vào Chí Hòa, Phan Đăng Lưu hay các trại tù miền Bắc. Các khu trại giam Côn Đảo đã trở thành một viện bảo tàng nhưng ít

có người thăm. Bên cạnh những xà lim nơi các đảng viên Cộng sản cấp trung ương từng bị giam giữ, Côn Đảo còn có những khu nổi tiếng vì được báo chí phản chiến Mỹ và Việt khai thác tận tình như chuồng cọp, chuồng bò. Khu chuồng cọp được xây từ thời thực dân, cũ kỹ, kích thước rộng bằng những lớp học nối tiếp nhau. Đặc điểm của khu chuồng cọp là phòng giam không có mái che mà chỉ có những bờ tường dày và thanh sắt lớn. Chị coi sóc ở đây, vốn là một tù nhân Côn Đảo, cho biết trên bờ tường dựng sẵn nhiều thùng vôi bột, nếu tù nhân la ó, phản đối, trật tự tù sẽ đổ vôi xuống.

Trên đường ra về chúng tôi đi theo chị coi sóc nhà tù đến nghĩa địa Hàng Dương. Nắng đã dịu nhiều. Mặt trời đang xuống dần bên kia đỉnh núi. Được gọi là Hàng Dương có lẽ vì chung quanh nghĩa địa có rất nhiều dương liễu. Nghĩa địa có nhiều khu. Mỗi khu có vài trăm ngôi mộ. Chị trình trọng giới thiệu một ngôi mộ mà chị gọi là rất linh thiêng: mộ chị Võ Thị Sáu. Tôi không biết gì nhiều về chị Sáu ngoài bản nhạc bắt đầu với “Mùa lèkima nở, ở quê tôi miền đất đỏ” và đọc đâu đó chuyện chị bị xử bắn khi còn trong tuổi vị thành niên. Tấm bia trên mộ chị Sáu hướng về phía biển và nổi bật lên vì ngày đó đã được xây cao hơn các ngôi mộ khác. Phía sau mộ chị Sáu có một cây dương liễu cụt ngọn, cằn cỗi, trên tàn cây có những chồi xanh nhú lên. Việc một cây bị chặt ngọn nên sinh ra những nhánh non là chuyện bình thường nhưng qua lời giải thích của chị hướng dẫn thì đó là một điều kỳ diệu, một dấu chứng linh thiêng, điềm báo của một cái cũ tàn đi nhưng những cái mới ra đời. Ngay cả một cây dương liễu cũng được giải thích bằng lý luận và niềm tin Cộng Sản.

Anh tôi không thích cảnh nghĩa trang buồn tẻ nên đã đi dạo nơi khác. Cả chị hướng dẫn cũng đi ra ngoài. Tôi ngồi một mình nhìn mấy trăm ngôi mộ, có tên và không tên, được đắp và không được đắp, cao thấp không đều. Bên cạnh một số mộ có bia, tên tuổi và vừa được chỉnh trang, hẳn là của các đảng viên Cộng sản cao cấp, rất nhiều ngôi mộ không có ngay cả tấm thẻ gỗ ghi tên, cỏ mọc đầy sau nhiều năm chưa được một lần chăm sóc. Phần lớn các ngôi mộ trong nghĩa địa Hàng Dương là dấu tích tàn ác của thực dân Pháp. Thời Việt Nam Cộng Hòa, chuyện ở tù Côn Đảo cho đến chết là chuyện hiếm hoi. Hầu hết tù chính trị chỉ ở một thời gian ngắn trước khi được đưa ra Thạch Hãn, Thiện Ngôn, Lộc Ninh, Bồng Sơn để trao trả về phía bên kia như đã ghi lại một cách chi tiết trong tác phẩm ký sự Tù binh và Hòa bình của nhà văn Phan Nhật Nam.

Hôm qua, khi bắt đầu viết bài này tôi vào Google tìm mộ chị Võ Thị Sáu. Cây dương liễu đã chết và được thay vào đó bằng cây phượng đỏ. Ngôi mộ của chị cũng được xây bằng đá đen, cao hơn ngôi mộ cũ nhiều và không phải sơn màu vôi trắng như lần tôi đến. Nghĩa địa Hàng Dương bây giờ là một trung tâm du lịch, màu sắc lòe loẹt, không còn những mộ cỏ hoang vu, những con đường đất hẹp và những hàng dương cằn cỗi chung

quanh. Tôi không cảm thấy chút nào xúc động khi nhìn lại cảnh nghĩa địa Hàng Dương mà chỉ tội nghiệp cho các em học sinh đang sắp hàng vào xem các di tích được gọi là cách mạng ở Côn Đảo. Các em đi xem kịch mà tưởng mình đang tìm về lịch sử cha ông.

Một trong những đặc điểm của chế độ Cộng sản là lừa dối. Không phải chỉ Việt Nam mà mọi quốc gia Cộng sản đều như thế. Khi chế độ Cộng sản Đông Đức sụp đổ, báo chí khám phá trong cơ sở dữ liệu của cơ quan an ninh Stasi một hệ thống lừa dối có tầm vóc quy mô ngoài giới hạn đạo đức của con người. Việc nghi kỵ, lừa dối không chỉ ở nằm trong hệ thống đảng, các cơ quan nhà nước, mà cả trong mỗi gia đình ruột thịt, máu mủ thân yêu. Anh lừa dối em. Vợ lừa dối chồng. Cha mẹ lừa dối con cái. Cháu chắt lừa dối ông bà. Lừa dối là phương tiện duy nhất để tồn tại trong xã hội Cộng Sản.

Tại Việt Nam cũng thế. Vỡ kịch tuyên truyền mà Đảng đã đóng suốt mấy chục năm qua làm thui chột nhận thức của nhiều thế hệ Việt Nam. Từ chuyện Lê Văn Tám lấy thân mình làm đuốc đến chuyện Tôn Đức Thắng kéo cờ Cộng sản trên Hắc Hải đều là những chuyện hoang đường nhưng nghe riết cũng quen tai, nghe riết nên tin là chuyện thật.

Có một thời không ít người dân miền Bắc còn tin rằng những khẩu CKC, AK47 của mấy chi dân quân đã từng bắn hạ những F-4 Fantom, F-111 của Mỹ. Theo lời kể của cựu Trung Tướng Yevgeni Antonov, nguyên trưởng đoàn cố vấn quân sự của Liên Xô tại Việt Nam trong một bài báo trên tờ Pravda nhân dịp đánh dấu 30 năm cuộc chiến Việt Nam chấm dứt, Liên Xô đã gửi nguyên một trung đoàn phòng không với đầy đủ vũ khí và trang bị sang Việt Nam tham chiến và 13 người lính phòng không Liên Xô đã chết trên đất bắc. Những chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội, kể cả chiếc chiến đấu cơ F4 Fantom của Thượng Nghị Sĩ John McCain, cũng từ hỏa tiễn của các đơn vị Hồng quân Liên Xô chứ không phải từ "Bộ đội phòng không anh hùng", nói chi là các chi dân quân núp bên bờ ruộng như trong mấy bức ảnh tuyên truyền của đảng.

Cũng theo lời kể của cựu thiếu tướng Liên Xô Yevgeni Antonov, chỉ huy lực lượng phòng không Liên Xô tại Việt Nam từ 1969 đến 1970, Việt Nam chỉ là một phòng thí nghiệm cho vũ khí Liên Xô. Họ muốn đích thân sử dụng vũ khí để chuẩn bị cho việc máy bay Mỹ và NATO oanh tạc vào nội địa Liên Xô trong trường hợp có chiến tranh giữa hai khối sau này. Cuộc chiến đã tàn, chế độ cũng đã tan, ngọn đèn đời sắp tắt, những người lính già Nga chẳng bị áp lực nào để phải nói dối, để tuyên truyền, để bảo vệ cho đảng, hay cho cả chính mình. Họ chỉ còn kỷ niệm, và kỷ niệm của tuổi về chiều thường thành thật, trong sáng như những ngày mới lớn.

Bên cạnh Liên-Xô, vào thời điểm 1967 ngoài hàng vạn tấn đạn dược, vũ khí, đã có 16 sư đoàn với 170 ngàn quân Trung Quốc tại miền Bắc Việt Nam để yểm trợ cho đảng Cộng sản Việt Nam nhưng đồng thời để bảo vệ

vòng đai an ninh của Trung Quốc. Tội ác của đảng Cộng sản Trung Quốc đối với dân tộc Việt Nam, từ các tư tưởng độc hại đến vô khí giết người, từ cái cách ruộng đất đến đến Hoàng Sa, Trường Sa, từ chiến tranh biên giới đến trận chiến Lã Sơn, không thể viết hết trong một bài, trong một cuốn sách mà phải xây dựng một trung tâm dữ kiện.

Máu đổ, thân rơi, nhà tan, cửa nát ở Hà Nội, Hải Phòng là điều có thật. Những mất mát đau thương vô cùng to lớn của đồng bào miền Bắc đã chịu đựng dưới đạn bom Mỹ là điều có thật. Cầm thù, phần uất vì thế là những phản ứng tự nhiên. Tuy nhiên không phải chỉ vì đế quốc Mỹ đã đơn phương xâm lược Việt Nam như các thế hệ sinh viên học sinh đã và đang được dạy. Hơn ba mươi năm là một thời gian đủ dài để đồng bào miền Bắc, các thế hệ trẻ miền Bắc có gia đình chịu đựng đau thương bất hạnh trong chiến tranh, nhìn lại cuộc chiến một cách khách quan và so sánh với thực tế đất nước để qua đó biết rõ những ai và học thuyết nào chính là nguyên nhân của chiến tranh, độc tài và chậm tiến hôm nay.

Đảng Cộng sản có thể tùy thích tạo ra hàng trăm đảng viên cỡ Lê Văn Tám, Tôn Đức Thắng. Đó là chuyện nội bộ của đảng nhưng họ không có quyền biến Côn Đảo thành tài sản riêng của đảng, không có quyền mê hoặc của các thế hệ trẻ Việt Nam bằng các mẫu chuyện hoang đường kiểu Lê Văn Tám như bộ máy tuyên truyền Liên Xô đã từng tô điểm lên một cậu bé nhà nông Pavlik Morozov bất hiểu trước đây. Côn Đảo cũng không phải là đất hương hỏa của Marx, Lenin để lại cho đảng Cộng sản Việt Nam mà là đất thiêng của cách mạng Việt Nam nơi nhiều thế hệ đã lấy xương thịt mình làm phân bón cho mầm xanh tương lai dân tộc.

Trong nghĩa địa Hàng Dương, bên chiếc cầu đá phía bên phải dinh chúa đảo, trước những xà lim chật hẹp, một ngày không xa, các thế hệ Việt Nam sẽ đến đó, không phải để nghe kể công, nghe tuyên truyền mà đến để im lặng cúi đầu tưởng niệm các anh hùng dân tộc.

Họ là ai ? Họ là những đảng viên Việt Nam Quang Phục Hội, Phong trào Đông Du, Phong trào Duy Tân, Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam Quốc dân Đảng, Đại Việt Quốc dân Đảng, Đại Việt Dân chính, Dân Xã Đảng, Đảng Lập hiến, Đại Việt Duy dân và nhiều tổ chức, phong trào không Cộng sản khác.

Họ là ai ? Họ là tín đồ các tôn giáo, nhất là Cao Đài và Hòa Hảo, hai tôn giáo được ra đời tại miền Nam, có truyền thống kiên quyết chống cả thực dân lẫn Cộng sản.

Nếu họ đã từng là đảng viên Cộng sản thì sao ? Không sao cả. Như tôi đã có dịp viết vài lần trên diễn đàn này, việc tham gia vào đảng Cộng sản của một số người Việt Nam, chủ yếu là để được tổ chức hóa nhằm mục đích hợp đồng chiến đấu, đạt đến chiến thắng dễ dàng hơn chứ không phải vì tin vào chủ nghĩa Cộng Sản. Ngày đó, vì điều kiện giao thông khó khăn, núi non cách trở, sự

phát triển của các đảng phái chống thực dân ít nhiều bị giới hạn bởi các đặc tính địa phương, bà con giòng họ, hoàn cảnh trưởng thành. Nếu họ sinh ra ở Quảng Nam họ sẽ gia nhập Việt Nam Quốc dân Đảng, sinh ra ở Quảng Trị họ sẽ gia nhập Đại Việt, sinh ra ở Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang họ sẽ gia nhập Dân xã Đảng. Đó là trọng điểm của các đảng phái chống Pháp trong những thập niên đầu của thế kỷ 20. Ông bà chúng ta có súng dùng súng, có gậy dùng gậy, và trong nhiều trường hợp chỉ là những bàn tay không gậy yếu.

Những người Việt yêu nước thời đó chọn lựa đảng phái như chọn một chiếc phao để đưa dân tộc sang bờ độc lập. Những nông dân hiền hòa chất phát, nhưng công nhân đầu tắt mặt tối làm sao biết được con đường họ đi không dẫn đến độc lập, tự do, hạnh phúc mà dẫn đến nghèo nàn, lạc hậu, độc tài và làm sao biết được chiếc phao họ bám cũng là chiếc bẫy buộc chặt chằng những cuộc đời họ mà còn gây hệ lụy cho cả dân tộc đến ngày nay.

Tôi tin, phần lớn những người yêu nước đã chết trong giấc mơ về một Việt Nam hòa bình, độc lập chứ không phải trong giấc mơ về một xã hội Cộng sản đại đồng. Người yêu nước bằng tình yêu trong sáng, không đánh thuê, đánh mướn cho một chủ nghĩa, một ý thức hệ ngoại lai vong bản hay cho một quyền lợi đế quốc nào sẽ không bao giờ chết, không bao giờ bị lãng quên. Lịch sử sẽ đánh giá, dân tộc sẽ ghi ơn họ một cách công bằng.

Tôi tin, cuộc chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến chính nghĩa. Đó là cuộc đấu tranh đầy gian khổ nhưng anh hùng của một dân tộc bị nô lệ đã đứng lên chống lại một thực dân tàn bạo. Trong suốt gần một thế kỷ trong bóng tối thực dân, hàng vạn đồng bào thuộc nhiều thế hệ Việt Nam đã bị bắt, tra tấn và đã hy sinh trên Côn Đảo. Ngoài một Nguyễn An Ninh để lại thị huyết, một Trần Cao Vân, một Phan Chu Trinh để lại những bài thơ viết bằng máu và mồ hôi trong những ngày đập đá, còn có hàng ngàn, hàng vạn đồng bào đã chết trong âm thầm, không để lại họ tên.

Nhưng cho dù họ có để lại đủ họ tên đi nữa, các thế hệ Việt Nam sau 1975 cũng không có quyền biết đến họ, không có cơ hội để cảm ơn họ, để thắp một nén hương, và phần mộ họ một mai có thể sẽ bị san bằng theo mưa nắng. Đảng Cộng sản không chỉ nhuộm đỏ miền Nam, nhuộm đỏ Việt Nam mà còn cố tình nhuộm đỏ cả lịch sử.

Côn Đảo ngày nay gắn liền với tên tuổi của các đảng viên Cộng sản trung ương Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Hà Huy Tập, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Lê Quang Vịnh, v.v... Các em học sinh đang sắp hàng chờ vào xem những xà lim kia làm sao biết được, với số đảng viên vồn vện 5 ngàn vào mùa thu 1945, đảng Cộng Sản, dù bị bỏ tù và chết gấp mười lần trong hai cuộc chiến, cũng không thể bằng với con số

khoảng 200 ngàn người Việt Nam yêu nước đã từng ở tù Côn Đảo theo nhiều nguồn ước lượng.

Các em cũng không biết rằng hàng trăm lãnh tụ cách mạng không Cộng sản mà đức độ và tài năng bao trùm nhiều lãnh vực như Đức Huỳnh Giáo Chủ, Trương Tử Anh, Phạm Quỳnh, Khái Hưng, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Bùi Quang Chiêu, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Thế Nghiệp v.v., đã không ở tù hay chết ngoài Côn Đảo chỉ vì họ bị Cộng sản thủ tiêu ngay tại đất liền.

Khác với đảng Cộng sản được thành lập từ nước ngoài theo chỉ thị của quốc tế Cộng sản và nhiều đảng viên được đưa sang Trung Quốc, Liên Xô huấn luyện một cách bài bản nhằm thực hiện các mục tiêu ngắn hạn cũng như dài hạn của trung ương đảng đề ra, phần lớn đảng phái không Cộng sản đã sinh ra và lớn lên ngay trong lòng dân tộc với tất cả khó khăn, thiếu thốn về mọi mặt. Họ không chỉ bị chết dưới lưỡi dao phong kiến, máy chém thực dân mà còn chết trong bàn tay của những người cùng máu mủ với mình.

Đọc lại diễn tiến của cuộc khởi nghĩa Yên Thế, quá trình thành lập các đảng phái không Cộng sản và lắng nghe các nhà cách mạng trải lòng qua thơ văn đẫm đầy máu lệ, mới cảm thấy lòng yêu nước của thế hệ cha ông thật vô bờ bến.

Bằng hành trang duy nhất trên vai là lòng yêu nước, các nhà cách mạng không Cộng sản dán thân vào con đường giải phóng dân tộc trên chuyến xe chạy bằng máu của chính mình.

Chiều mùa hè năm đó, lần đầu tiên trong đời tôi xúc động đứng im lặng trước anh linh của những anh hùng đã ngã xuống cho độc lập tự do thật sự của dân tộc. Xương thịt của những người đã hy sinh từ phong trào kháng thuế miền Trung, Hà Thành đầu độc, khởi nghĩa Duy Tân, Thái Nguyên, Yên Bái hẳn đã hòa tan vào lòng đất mẹ nhưng anh linh họ vẫn là ngọn đuốc soi sáng giấc mơ Việt Nam độc lập, tự chủ của dân tộc.

Như tôi có lần đã viết. Giấc của họ là giấc mơ của những người để lưng trần, tóc cắt ngắn, đóng khố che thân, dắt bầy con, vượt bao nhiêu núi rừng ghềnh thác trong cuộc nam tiến đầy gian nan nhưng vô cùng hiển hách, từ dọc bờ Dương Tử di dân xuống lưu vực sông Hồng cách đây gần 50 thế kỷ. Trong lúc bao nhiêu bộ tộc Bách Việt khác đã hoàn toàn bị tiêu diệt hay đồng hóa vào những tỉnh, những huyện như Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, Phúc Kiến của Trung Quốc ngày nay, giòng giống Lạc Việt qua bao độ thăng trầm, vẫn tồn tại và trưởng thành như một nước Việt Nam.

Giấc mơ của họ là giấc mơ của những người đã tạo nên nền văn minh Việt Nam rất sớm. Nơi đó, từ nhiều thế kỷ trước Công nguyên, tổ tiên chúng ta đã biết trồng cây ăn trái, biết làm đồ gốm, biết đẽo đá thành những lưỡi cuốc nhọn, biết đắp đất ngăn bờ để đưa nước sông vào ruộng. Tổ tiên chúng ta đã biết xây dựng các cơ cấu xã hội, lấy

thôn làng làm căn bản, lấy nông nghiệp làm nền tảng kinh tế, lấy tình nghĩa đồng bào làm sức mạnh, lấy nguồn gốc tổ tiên (một mẹ trăm con, chung cùng bọc trứng) làm nơi nương tựa tinh thần. Những hình ảnh thân thương quen thuộc của cây đa, bến nước, sân đình gắn liền trong tâm thức của mỗi người Việt Nam. Những chiếc trống đồng Đông Sơn, Ngọc Lữ được chạm trổ tinh vi đánh dấu một thời đại vàng son trong tiến trình phát triển văn minh nhân loại. Chính tinh thần văn hóa Hòa Bình, Đông Sơn đã hun đúc thành sức mạnh dân tộc, để các thế kỷ sau đó, đủ sức đối kháng với sự xâm lăng thô bạo của các nguồn văn hóa mang ý đồ đồng hóa phát xuất từ phương Bắc.

Giấc mơ của họ là giấc mơ của một dân tộc hơn một ngàn năm trong bóng đêm nô lệ nhà Hán, nhà Ngô, nhà Đường, nhà Minh qua bốn lần Bắc thuộc với bao nhiêu cực hình dày đọa, sáng xuống bể tìm ngọc châu, chiều lên non sấn ngà voi, trầm hương, châu báu, dân tộc Việt vẫn bảo vệ được tính độc lập, vẫn giữ được bản sắc văn hóa Việt trong sáng và thuần nhất.

Đất nước chúng ta đã hơn một lần bị mất đi và giành lại được nhưng chúng ta hãnh diện nói lớn rằng dân tộc Việt Nam chưa bao giờ bị mất gốc. Hình ảnh những chiếc búa, những chiếc rìu, những mũi thương, mũi dao, mũi tên bằng đồng đào được ở vùng Trung Châu, Bắc Việt, ở sông Bạch Đằng, dọc Ải Nam Quan không chỉ là những cổ vật mà còn là chứng tích của bao nhiêu trận mạc, bao nhiêu cuộc chiến đấu, bao nhiêu máu xương và nước mắt của tổ tiên đã đổ xuống trước các cuộc xâm lăng của các triều đại Bắc phương khác.

Lịch sử bao giờ cũng mang tính kế tục nhưng trước hết là lịch sử của thời đại. Mỗi thế hệ có một trách nhiệm để hoàn thành những trách nhiệm mà lịch sử giao phó cho thời đại của họ nhưng dù không hoàn thành, ngọn đuốc lịch sử vẫn phải được chuyển sang bàn tay thế hệ khác. Giấc mơ về Việt Nam tự do, dân chủ và giàu mạnh dù sớm hay muộn sẽ phải thành hiện thực.

Thời gian gần đây, tôi có dịp đọc nhiều bài viết từ những tấm lòng đang băn khoăn vì đất nước. Phần lớn bắt đầu bằng nhóm chữ “chưa bao giờ ... như hôm nay”. Chưa bao giờ con người Việt Nam bị khinh thường như hôm nay. Chưa bao giờ lãnh thổ Việt Nam bị chiếm đoạt trắng trợn như hôm nay. Chưa bao giờ chủ quyền đất nước bị đe dọa như hôm nay. Chưa bao giờ tài nguyên thiên nhiên bị thất thoát như hôm nay. Tất cả đều đúng cả. Tôi chỉ muốn thêm vào một “chưa bao giờ” nữa, đó là, chưa bao giờ ranh giới giữa dân tộc và phản dân tộc rõ ràng như hôm nay. Biên giới đó rõ ràng đến mức một người Việt Nam có thể chọn lựa đứng về phía chính nghĩa, phía dân tộc mà không phải lo lắng về sau.

Giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam đã chọn một con đường riêng của họ. Con đường đảng chọn cũng rất rõ ràng: phát triển đất nước theo định hướng Trung Quốc và cùng lúc bằng mọi giá duy trì chế độ độc tài toàn trị tại Việt Nam.

Bộ chính trị trung ương đảng Cộng sản Việt Nam không phải là những người không biết suy nghĩ, không thấy đúng, thấy sai và thậm chí có rất nhiều cơ hội để sửa sai nhưng quyền lợi cá nhân, phe nhóm và đảng đã che khuất sự sống còn và tương lai đất nước.

Nhân dân Việt Nam chịu đựng quá nhiều rồi, nhượng bộ quá nhiều rồi, lùi bước quá nhiều rồi. Từ xâm lăng Hoàng Sa đến chiến tranh biên giới, các trận đánh khu vực Lão Sơn, lấn chiếm Trường Sa, bắn chết ngư dân Thanh Hóa và hôm nay Bauxite. Chỉ một thời gian ngắn thôi mà nhìn ra biển, nhìn lên núi, nhìn xuống phố, nhìn qua sông, đâu đâu cũng thấy hàng Trung Quốc, đất Trung Quốc, đảo Trung Quốc, người Trung Quốc, vài chục năm nữa đất nước sẽ ra sao ?

Tại sao Trung Quốc không bắn thủng tàu, không ăn cướp tài sản, đất đai của Thái Lan, Philippines hay ngay cả của đàn em Bắc Hàn một cách công khai, lộ liễu như họ đã và đang làm đối với Việt Nam ? Một người có ý thức nào cũng biết, đơn giản bởi vì giới lãnh đạo Cộng sản Trung Quốc sống trong gan ruột của giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam những kẻ không còn một chọn lựa nào khác ngoài việc núp dưới chiếc dù Trung Quốc.

Như tôi có lần mách nước cho bà con ngư dân trong bài “Ai giết 9 ngư dân Thanh Hóa”, cách hay nhất để khỏi bị hải quân Trung Quốc bắn chết là khi tàu đánh cá vừa ra khỏi cửa biển thì xin các bác làm ơn hạ cái lá cờ gọi là “cờ tổ quốc” xuống dùm. Nếu phải treo thì treo đại một lá cờ Phi, cờ Thái Lan, cờ Nhật lên mũi tàu. Nói ra thì cho là phản động nhưng tin tôi đi, làm như thế bà con ngư dân mới hy vọng còn đường trở về với vợ con.

Thời điểm 1958, Pháp đã rút đi và Mỹ thì chưa đến mà Phạm Văn Đồng, còn có thể thay mặt cho 11 ủy viên bộ chính trị, hạ bút ký một văn kiện nhục nhã như thế thì với hoàn cảnh phe Cộng sản chỉ còn lại năm anh em trên một chiếc xe tang, trong đó có đến bốn em đang lâm cảnh hàn vi đói khát, thì chuyện gì mà họ không dám làm. Lê Khả Phiêu, trong giai đoạn tìm về chủ cũ năm 1991, cũng có thể đã ký những văn bản tương tự như văn bản của Phạm Văn Đồng, khác chăng, “đồng chí Phạm Văn Đồng bị lộ” và “đồng chí Lê Khả Phiêu chưa bị lộ” mà thôi.

Người Do Thái nguyên rủa Hitler, nhân loại kết án Hitler, nhưng nhân dân Đức trước khi có thái độ tương tự, họ phải biết trách các thế hệ Đức trong thập niên 30 của thế kỷ 20, bởi vì chính dân Đức thời đó bằng con đường bầu cử hợp pháp đã đồng ý đặt mình dưới sự lãnh đạo của Hitler và đảng Quốc Xã. Nhân dân Việt Nam chưa bao giờ bầu đảng Cộng sản để lãnh đạo nhưng chắc chắn cũng sẽ phải trả lời cho các thế hệ mai sau về thái độ thờ ơ, thỏa hiệp, yếu hèn của các thế hệ hôm nay trước tình trạng băng hoại đạo đức, lạc hậu kinh tế, thất thoát tài nguyên, mất mát lãnh thổ và suy yếu chủ quyền đất nước.

Trần Trung Đạo (trích từ talawas)



nước mắt chẳng khóc, khóc người phương xa

Nam Dao

Hỡi ôi con cháu bác Hồ
Nước mắt chẳng khóc, khóc Mai Cô phương xa

Trong mấy ngày gần đây, trên nhiều diễn đàn điện tử xuất hiện những bức ảnh chụp tuổi trẻ Việt Nam ở Hà Nội mặc T-shirt màu tang đen, tay cầm di ảnh danh ca Michael Jackson, khóc sướt mướt trước bàn thờ Michael Jackson (MJ) do chính các em dựng lên. Và kinh hãi hơn nữa là có những em quỳ sụp xuống đất vái lạy MJ.

Tất cả những hình ảnh này cho thấy MJ đã giữ một chỗ đứng thần tượng trong trái tim của người trẻ VN ở Hà Nội. Kèm theo những tấm hình đó còn có những dòng chữ như :

Không ai khóc vì mất Hoàng-Sa, Trường-Sa và cao nguyên Trung phần, nhưng khóc MJ

hoặc là:

Ông khóc Xít-ta-lin
Bố khóc Bác Hồ...
Giờ con cháu khóc Michael Jackson !!!

Và có lẽ chua chát hơn nữa là những vần thơ trào phúng cười ra nước mắt :

Tuổi trẻ Hà Nội lần đầu
Được phép rơi lệ khóc một người
Không phải là đao phủ thủ

Ôi thủ đô đầy ấp tình người
Việt Nam không phải con người, nên không ai khóc Việt Nam!

Dù Việt Nam đang bị lũ chó rừng Trung Quốc
Nó vồ, nó xé, nó nhai, nó nuốt trứng
Từ Bản Giốc, Nam Quan đến Hoàng Sa, Trường Sa
Từ ngư dân Quảng Ngãi đến nông dân Đắc Nông, Lâm Đồng

Hỡi ôi con cháu bác Hồ
Nước mắt chẳng khóc, khóc Mai Cô phương xa.

Tất cả những dòng chữ hay những vần thơ trên tuy ngắn ngủi nhưng tự nó đã nói lên thảm trạng bi đát trên quê hương Việt Nam trước thái độ làm ngơ toa rập của lãnh đạo CSVN. Thảm trạng đó đã được đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ qua Lời kêu gọi Biểu tình tại gia, giống tiếng chuông báo động cho toàn dân VN thấy vòng kim cô hiểm họa 3000 năm đô hộ giặc Tàu ngày càng siết chặt dân tộc VN nếu người dân không thức tỉnh vùng lên để ngăn chặn kịp thời những gót giày xâm lăng đang tràn vào cao nguyên Trung phần với cái cơ khai thác bóc lột. Thông điệp mà Hòa Thượng Thích Quảng Độ gửi đến toàn dân là qua thái độ tranh đấu tại gia để xây dựng ý thức hệ tự chủ, “Nam quốc Sơn hà Nam đế cư”, là yếu tố quan trọng để giữ tổ quốc.

Nhìn những khuôn mặt trẻ thông minh rạng rỡ, ôm di ảnh Michael Jackson, tôi thầm nghĩ giá như các bạn ấy ôm tấm hình tưởng niệm cha của ba em bé thơ ở Đồng Nai đã bị công an sai côn đồ hành hung cho tới chết để cướp đất thì hay biết mấy. Cũng đoàn người trẻ đó vai sát vai gia đình nạn nhân và cùng nhau thấp sáng lên những ngọn nến nhân quyền soi đường cho nhân loại nhìn cho rõ tội ác của CSVN thì đẹp và ý nghĩa biết bao! Cùng một hành động thấp nến tưởng niệm người quá cố nhưng nó đầy ấp tình thương dân biết ngần nào! Những việc làm hữu ích đó sẽ đem lại sức sống và niềm tin gây dựng tương lai VN tươi sáng một khi tuổi trẻ VN biết giống tiếng nói công bằng, lẽ phải và tình con người.

Ngắm thật kỹ những ánh mắt ngậm ngùi thương tiếc Michael Jackson hiện trên các khuôn mặt trẻ khôi ngô sáng sủa, tôi thắc mắc tự hỏi, nếu các bạn trẻ đó được nhìn thấy hình xác ngư dân sinh trong rổ đá, liệu những ánh mắt đó có phần uất trào lệ khóc thương người ngư phủ VN vừa bị tàu Trung Quốc bắn chết ngoài khơi Trường-Sa, Hoàng-Sa hay không ? Người ngư phủ VN nọ ra khơi trang bị một thùng đá để giữ cá khỏi ươn và gia đình họ nào có ngờ được rằng lợi tức là mẻ cá đánh được ướp đá mang về để nuôi sống gia đình đã bị tàu Trung Quốc tịch thu và được thay vào đó là cái xác ướp đá của người thân mình! Một cái chết thật tức tưởi và phi lý! Chết bởi viên đạn ngoại xâm ngay trên lãnh hải của tổ tiên để lại. Chết trước sự im lặng nhục nhã của nhà nước CS không dám lên tiếng bảo vệ dân! Đây là cái chết bi thương cần được tuổi trẻ VN đứng lên thấp nến tưởng niệm và chia buồn cùng gia đình nạn nhân.

Thấp nển để soi cho toàn dân Việt thấy rõ gót giày xâm lăng Trung Quốc đang giày xéo quê hương giết hại dân lành. Và thấp nển là cũng để thấp sáng ngọn lửa ý thức hệ tự chủ “Nam quốc Sơn hà Nam đế cư” trong lòng mình và trong lòng mỗi người dân Việt.

Từ hơn nửa thế kỷ qua, Hồ Chí Minh và đảng CSVN nhồi sọ bắt dân tộc VN vinh danh, khốc các quan thầy Xít-ta-lin, Mao, Lê-nin, bác Hồ và ngày hôm nay cho phép người dân được tự do khóc Michael Jackson. Nhưng CSVN luôn tìm đủ mọi cách thủ tiêu và dập tắt tất cả những tiếng nấc nghẹn ngào tưởng nhớ biến cố Tết Mậu Thân 68, Quốc Hận 30/4/75 hay những tiếng khóc uất nghẹn của những người dân thấp cổ bé họng bị nhà nước đàn áp trấn lột. Ngày hôm nay nhìn các bạn trẻ VN ở Hà Nội quỳ mọp vái lạy trước bàn thờ Michael Jackson, tôi thắm mơ trong một tương lai gần, khi thông tin không còn bị bưng bít, tuổi trẻ VN cũng sẽ biết nghiêng mình trước bàn thờ quốc tổ xác định lời thề sắt son với tổ tiên nguyện một lòng bảo vệ quê hương dân tộc. Tuổi trẻ VN cũng sẽ biết rơi lệ xót thương đồng bào, biết khóc vì nhục bởi lãnh đạo bán nước buôn dân, biết nhận lãnh trách nhiệm vùng lên tranh đấu giải thể cái chế độ bất nhân hầu bảo vệ đất tổ và đem lại ấm no hạnh phúc tình người cho muôn dân.

Dân ta thống khổ vô vàn
Sao dư nước mắt khóc người phương xa
Người ơi giặc đã vào nhà
Lệ hờn dâng sóng cuốn thù lập công.
Tiền đồ có vững mới mong
Muôn người hạnh phúc thông dong mỉm cười

Một nén hương gửi về quê nhà để tưởng niệm người quá cố và lời chia buồn chân thành xin gửi đến gia đình các nạn nhân.

Nam Dao (Adelaide, 8/7/2009)

tôi tìm hiểu Luật Đất Đai

Đỗ Thuý Hường

Tôi xin chia sẻ những gì tự tìm hiểu về cái bộ luật mất lòng dân này. Ngoài việc đọc lại Luật (tê ra có tới 4-5 cái, và nhiều nghị định, pháp lệnh đi kèm), tôi còn hỏi han những người cao tuổi, nhất là các nạn nhân. Riêng tôi, có thuận lợi hơn các bạn trong nhóm - vì tôi học luật, lại có ông nội từng ở ban soạn thảo luật 1993.

Chúng ta quan tâm chuyện đồng bào khiếu kiện triển miên do đất đai bị “thu hồi” nhưng được bồi thường quá rẻ mạt. Nhiều bạn nghĩ do tổ chức đảng ở địa phương lộng hành. Nghĩ vậy không sai, nhưng chưa đủ. Cái gốc là do LDD đã trút quyền sở hữu đất của dân, từ đó cán bộ mới có thể hà hiếp dân.

LDD ở Việt Nam đã gây đau khổ, oan khiên cho hàng chục triệu người, nhất là nông dân, kể từ khi nó ra đời (1987). Chính nó giúp tham nhũng tăng lên gấp 4 lần và mỗi năm rót 10% GDP vào túi bọn tham nhũng, hoặc lãng phí. Hoàn toàn có cơ sở để đạo luật này bị gọi là “sản phẩm của tư duy phản động”.

Suốt 20 năm vận hành, nó bị cuộc sống chống lại quyết liệt đến mức đảng CSVN phải sửa đổi, bổ sung, thay thế... tới 4 lần; và nay (2008) lại sắp phải thay luật lần thứ 5. Vậy mà Luật 2008 vẫn chỉ là tạm thời, còn theo thông báo chính thức thì tới năm 2011 mới hy vọng có luật “hoàn chỉnh”. Nhưng ngay hôm nay tôi có thể nói: Không bao giờ có LDD hoàn chỉnh, nếu không sửa tận gốc. Vậy cái “gốc” đó là gì?

Cái gốc “phản động” của LDD

Không nước nào dám coi tài nguyên đất đai là không quan trọng bậc nhất. Ở Việt Nam lại càng như vậy khi bình quân diện tích đất trên đầu người (vốn đã thấp) cứ ngày càng thu hẹp do dân số tăng nhanh. Đảng CSVN ý thức đầy đủ rằng độc quyền kiểm soát đất đai ở một nước mà nông dân chiếm trên 70% dân số sẽ tạo ra quyền lực tối thượng về kinh tế, qua đó là quyền lực độc tôn về xã hội và chính trị. Do vậy, hiến pháp 1980 được một quốc hội gồm 90% đảng viên thông qua có ghi một ý mà ngay khi đó người dân chưa thể nhận ra sự nguy hiểm cho mình, thậm chí còn hả hê vì thấy “toàn dân” (chung chung) được đảng đề cao: “Đất đai, rừng núi, sông hồ, hầm mỏ... mà pháp luật qui định là của Nhà nước đều thuộc sở hữu toàn dân”. Ông nội tôi bảo: Luật gia lỗi đời như bà Ngô Bá Thành khi giơ tay thông qua luật còn tưởng rằng “đất đai thuộc sở hữu toàn dân” nghĩa là... đảng sẽ cho mỗi người dân sở hữu một mảnh đất (!).

Dựa vào hiến pháp, LDD 1987 (và các năm sau) khẳng định: “Đất đai là “tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt không gì thay thế được, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở khác nhau và trải qua nhiều thế hệ nhân dân ta tốn bao công sức và xương máu mới khai thác, bồi đắp, cải tạo và bảo vệ được vốn đất như ngày nay”. Khi đó, mọi người chưa thể nhận ra đây là lời mào đầu để ngay sau này đảng CSVN có lý do biến sở hữu đất đai của người dân

(dù đó là tự mua một cách chính đáng, tự khai hoang, hoặc do tổ tiên để lại...) trong nháy mắt thành sở hữu của đảng. Kinh chưa? Chỉ bằng mấy tờ giấy mà đảng làm điên đảo cả xã hội!

Đảng ta giải thích sự tước bỏ quyền sở hữu đất đai của dân bằng lý sự như sau:

“Đất đai là kết quả của một quá trình chế ngự thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm của cả dân tộc chứ không của riêng ai. Tách khỏi những điều kiện của nhà nước, của cộng đồng, thì không một cá nhân nào có thể khai phá và giữ gìn bất cứ mảnh đất nào để rồi sau đó nói nó hoàn toàn là của mình. Có chăng, ở đây họ chỉ có công khai phá và sử dụng nó”.

Ai có công chống ngoại xâm? Đương nhiên, chúng ta phải học Lịch Sử Đảng để hiểu rằng đảng ta có công chống Pháp và Mỹ. Nhưng đảng cấm chúng ta nghĩ rằng sự nghiệp chống ngoại xâm là của toàn dân và có từ thời Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quang Trung... và sau khi đuổi được giặc thì người dân thời xưa vẫn có quyền sở hữu đất. Quyền này vẫn được thừa nhận trong 80 năm thực dân Pháp chiếm nước ta. Ấy vậy mà sau khi đuổi được thực dân Pháp thì đảng ta lại lý sự rằng không cá nhân nào có quyền sở hữu đất đai. Đảng là chủ sở hữu, người dân trong nháy mắt chỉ còn có “quyền sử dụng”; trong khi đó, đảng vô sản vốn chẳng có tí đất nào ban phát cho dân bỗng nhiên trở thành người có quyền ra lệnh “thu hồi” (!). Dùng từ “thu hồi” trong LDD chẳng lẽ không nói lên điều gì về nào trạng của đảng ta?

Thực hiện luật = làm xáo trộn và gây đau khổ

Luật 1987 mới thi hành được 5 năm rưỡi đã bị cuộc sống chống lại quyết liệt. Sự xáo trộn xã hội và bức xúc trong dân tới mức đe dọa, khiến đảng ta phải thay thế nó bằng Luật 1993. Luật này vẫn không thể “đi vào cuộc sống”, nên đến 1998 phải bổ sung nhiều điều. Vẫn không ổn, tới 2003 lại phải có luật mới. Nhưng chính cái Luật 2003 này đã tạo ra nhiều triệu dân oan, hàng chục ngàn cuộc khiếu kiện đông người và dài ngày, kể cả biến thành biểu tình... đến mức công an phải lộ diện đàn áp. Luật 2003 có công đầu đưa tham nhũng lên thành quốc nạn. Chính nó có vai trò hàng đầu khiến cho đảng phải ban hành và thực thi các quy định pháp luật về “cưỡng chế”, về tội “chống người thi hành công vụ”, “cấm tụ tập khiếu kiện quá 5 người”... Nay, lại sắp có luật 2008.

Biện bạch cách gì thì sự thay đổi luật soành soạch như vậy cũng cho thấy “lòng dân” không chấp nhận “ý đảng”. Điều này, đảng ta biết rõ hơn chúng ta. Ví dụ, sự thi hành luật 1987.

Đối tượng thi hành luật chỉ có 2: dân (ông chủ, theo học thuyết “làm chủ tập thể” của cụ Lê Duẩn) và nhà nước (đầy tớ, có nhiệm vụ... quản lý ông chủ). Luật 1987 khá đơn giản, vì nội dung chủ yếu của nó chỉ là quy định quan hệ đất đai giữa chủ và đầy tớ. Ông chủ tuy mất hẳn quyền sở hữu đất đai, nhưng vẫn được đầy tớ cho phép

sử dụng nó, khi cần thì “thu hồi”. Không có đối tượng thứ ba nào khác.

Chính khi LDD 1987 có hiệu lực, mọi người nhận ra một điều: Ý đồ tiêu diệt tôn giáo, tiêu diệt sở hữu và tiêu diệt thị trường là ngu xuẩn, là việc chống Trời.

Tuy về pháp lý, không ai có quyền mua bán đất, nhưng thị trường đất đai vẫn tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau, thông qua luồn lách, hối lộ. Dân vẫn có quyền sở hữu nhà, do vậy khi đã có nhà hợp pháp thì đương nhiên chủ nhà được “quyền sử dụng vĩnh viễn” (tức sở hữu) miếng đất nằm dưới cái nhà đó. Do vậy, chuyện ngược đời những năm đó là mảnh đất (cố định, tĩnh tại) lại phụ thuộc vào cái nhà (dễ biến động, có thể mua bán, đổi chác). Thế là, muốn bán (hay mua) đất chỉ cần làm cái nhà tạm bợ trên mảnh đất đó, rồi bán (hay mua) cái nhà đó là... xong. Cũng bằng cách đó, đất công bị chiếm dụng vô tội vạ. Người có quyền “cho phép làm nhà” tha hồ tham nhũng.

Luật ĐĐ 1993

Thấy rõ, không thể xoá được thị trường nói chung và thị trường đất đai nói riêng, đảng ta cho phép luật này có những bổ khuyết quan trọng.

Luật cho người dân được sử dụng đất lâu dài hơn (tới 20 và 50 năm) đồng thời có 5 quyền (sử dụng, chuyển quyền sử dụng, thừa kế, thế chấp và cho thuê đất: nghĩa là gần như có quyền sở hữu). Mặc dù về pháp lý, dân không có đất và nhà nước chưa thừa nhận thị trường đất đai, nhưng nhờ kẽ hở cố ý của luật, người ta vẫn mua bán đất; chỉ cần trong giao kèo ghi là... “giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Cũng lúc này, đảng cảm thấy nguy cơ “chệch hướng” ngày càng lớn, nên dấu buộc phải công nhận cơ chế thị trường, nhưng gắn cho nó cái đuôi “theo định hướng XHCN”. Tới nay, trải 20 năm, nhiều người cho rằng cái đuôi này sắp rụng hẳn, kể cả trong thị trường đất đai. Ông nội tôi nói lại: Những người tiến bộ trong nhóm soạn thảo luật 1993 phải rất khéo léo để không chạm tới nguyên lý “thép” (đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước thống nhất quản lý) mà vẫn đưa được 5 quyền cho dân. Kỳ công nhất, là đưa được ý “bồi thường theo giá thị trường” vào văn bản. Ý này giúp dân có cơ sở đấu tranh và tố cáo kiểu bồi thường (cướp) đất hiện nay là bất hợp pháp.

Luật 1993 lạc hậu rất nhanh vì không chỉ có hai đối tượng liên quan tới đất đai (như quy định ở luật 1987) mà còn phát sinh các đối tượng khác: cơ quan nhà nước, các tổ chức, đoàn thể, nông trường, đất của quân đội... Và thiếu những qui định về quỹ đất tạo cơ sở hạ tầng, chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích khác và thiếu cả qui định chế độ sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức... Chính vì vậy, chỉ sau 1 năm, đã có tới hai pháp lệnh được bổ sung để cấp cứu.

Với luật 1993, thị trường đất được ngấm ngấm phục hồi, sự mua bán công bằng và tấp nập hơn, giá cả phản ánh đúng giá trị của đất.

Luật này chứa đựng mầm tham nhũng và rối loạn. Ví dụ quyền “giao đất” ngang với quyền sinh sát, rất dễ quy đổi ra tiền. Nhưng bất công và đau khổ xảy ra ngay lập tức mỗi khi bọn đầy tớ “thu hồi” đất mà mà chúng tạm giao cho ông chủ. Tuy trên văn bản có ghi rõ: đất bị thu hồi được bồi thường theo giá thị trường, nhưng “giá thị trường” ở đây lại “theo định hướng XHCN”, nghĩa là do “đầy tớ” quy định. Đây chính là nguyên nhân khiến người dân thấy rõ mình bị ăn cướp. Khiếu kiện triền miên cũng từ đó mà ra. Cho tới năm nay, 2008, đảng thừa nhận rằng giá đất do nhà nước quy định để “đền bù” chỉ bằng 60% giá thực tế trên thị trường. Vậy, “thu hồi” là cướp trắng trợn 40% tài sản. Các luật về cưỡng chế, trừng trị “kẻ” chống người thi hành công vụ đã hỗ trợ đắc lực LDD mỗi khi đảng “thu hồi” một diện tích lớn. Chưa đủ, về sau còn có nghị định “cấm tụ tập trên 5 người để khiếu kiện”. Từ đó, trên báo chí, chủ đề liên quan đất đai chiếm tỷ lệ vào loại cao nhất.

Luật 1998 quy định việc (đầy tớ) giao đất cho các loại chủ (cá nhân và tổ chức), có thu tiền và không thu tiền sử dụng (thuê đất). Việc mua bán đất chưa được thừa nhận chính thức, do vậy vẫn được ngụy trang dưới dạng “chuyển nhượng quyền sử dụng” và phải có sự cho phép của cấp có thẩm quyền. Nhiều người giàu lên bất thường vì có quyền “cho phép”.

Luật 2003: dự kiến tám nội dung phải sửa

Trong cuộc họp báo này 7-3-2008 về sửa LDD 2003, ông bộ trưởng Tài nguyên — Môi trường nói có 8 nội dung phải sửa và “phải sửa ngay”:

- 1) vấn đề quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- 2) giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- 3) tài chính về đất đai, giá đất;
- 4) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- 5) thời hạn sử dụng đất;
- 6) quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa, lên sàn giao dịch chứng khoán;
- 7) thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất;
- 8) quản lý và phát triển thị trường bất động sản.

Qua đó, ta thấy nhiều điều đã phát sinh mà luật 2003 không lường trước, đồng thời nhiều vấn đề do sự ngoan cố về quan điểm và lập trường.

Ví dụ nội dung 4 cho thấy dân vẫn mất quyền sở hữu đất, nhưng nội dung 3 (giá đất) và 8 (thị trường bất động sản) lại cho thấy sức mạnh vô địch của cơ chế thị trường đối với mọi phản động lực dám chống lại nó. Hy vọng sẽ tới lúc thắng bại phân minh.

Trong hội nghị có người khen ngợi tính hiệu dụng và tiện lợi rất cao của bằng khoán điền thổ (giấy công nhận sở hữu đất thực hiện từ năm 1927 và đề nghị đảng ta nên học theo cách đó (của thực dân, phong kiến). Chuyện cấp riêng rẽ “sổ hồng” (công nhận sở hữu nhà, do Bộ

Xây Dựng cấp giấy) và “sổ đỏ” (chỉ công nhận “quyền sử dụng đất”, do bộ TN-MT cấp) đang bị phản đối dữ, dư luận đang đòi hỏi gộp lại... (xem vấn đề 4 ở trên). Cái nguyên lý thép về “sở hữu toàn dân” đang núng thế.

Nhưng vấn đề nổi cộm nhất vẫn là giá đất “thế nào là theo giá thị trường” (không kèm định hướng XHCN). Đây là điều mà tất cả các tờ báo đều nêu rõ sau cuộc họp báo. Mời các bạn đọc bài trên các báo khác nhau phản ánh nội dung cuộc họp báo nói trên và ý kiến, quan điểm của các tờ báo.

Những gì còn rơi rớt lại của mô hình XHCN “cũ”:

1. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước (của đảng, do đảng, vì đảng) thống nhất quản lý. Hậu quả:
 - a) đất công bị chiếm dụng vô tội vạ;
 - b) tham nhũng tràn lan;
 - c) khi trưng dụng đất tư nhân cho việc công ích lẽ ra cần coi người mất đất là những người có công, hy sinh, phải bồi thường cao hơn giá thị trường thì lại làm ngược lại.
2. Quốc doanh là chủ đạo (mặc dù quốc doanh chiếm dụng 70% vốn nhà nước nhưng chỉ đưa lại 30% lãi, nhưng nếu không thế thì... mất CNXH)
3. Cái đuôi “định hướng XHCN” gắn vào cơ chế thị trường khiến thị trường không phát huy hết tác dụng tích cực, mà còn ngược lại
4. Tất cả những gì ở trên chỉ để tạo cơ cho đảng ta cai trị dân vĩnh viễn.

Đỗ Thuý Hường

... Nay lại thêm chuyện lãnh thổ bị xâm lấn khiến lòng người ưu tư khắc khoải. Hai quần đảo Hoàng và Trường Sa đang trong cơn hấp hối, mà các nhà lãnh đạo đất nước làm ngơ. Không như trước, dưới các triều Đinh, Lê, rồi Lý, Trần, Lê, từ vua quan, bậc Cao Tăng và Phật tử cho đến toàn dân đều một lòng giữ nước. Vì giữ nước mới có đất nuôi dân. Vì giữ dân nên thăng hoa tinh thần và đạo lý làm nên văn hiến nước nhà. Người Phật tử bồi đắp tâm linh bao nhiêu cho tiến trình giải thoát giác ngộ, thì càng bảo vệ lãnh thổ bấy nhiêu cho chủ quyền của nòi giống tự do thoát ly nô lệ....

TIẾNG DÂN TRONG NƯỚC – TIẾNG DÂN TRONG NƯỚC

Đúng cái xóc thứ tám mười mốt, lão Sướng choàng tỉnh.

Nằm trong xe, lão với tay vớ sợi dây thừng, giật mũi cho con bò dừng lại rồi trèo xuống khỏi thùng xe. Lão dắt con bò cùng chiếc xe tới một gốc cây bên kia đường, cột lại tử tế, đoạn bước sang quán mụ cả Năm, hỏi mua gói thuốc lào.

Mặt trời đã lên nửa con sào, dân làng đi làm đông hết, tưởng trong quán không có ai. Té ra có cả mấy người đang ngồi lố nhố trên chiếc phản kê phía trong quán. Lão Sướng hơi giật mình nhận ra những gương mặt quen thuộc, vội cất tiếng: “chào các ông ạ”. Người ngồi trong cùng, dựa lưng vào tường, quay mặt ra phía ngoài là Tưởng - Bí thư. Hai bên là Dân, Chấn - trưởng, phó công an xã. Chấn còn là cháu họ của lão, gọi lão bằng chú. Một người ngồi quay lưng ra cửa quán, không cần nhìn mặt, lão Sướng cũng nhận ra đó là Lý - chủ tịch. Bốn người không ai để ý đến lão. Hình như họ đang mải mê chơi bài.

Mụ cả Năm đưa cho lão Sướng gói thuốc lào và nhận từ tay lão tờ giấy bạc lẻ, nhàu nát còn ấm hơi người. Chiếc tí vi treo trong quán vọng ra từng tràng những tiếng hò reo náo nhiệt. Đang có tường thuật bóng đá của giải ngoại hạng Anh. Lão Sướng quay người chui ra khỏi quán, bước về phía chiếc xe, loay hoay mở nút sợi dây thừng. Phía trong quán, chủ tịch Lý vừa quật một quân bài xuống chiếu, vừa hỏi bí thư Tưởng:

- Thế nào bí thư? Trận này tôi bắt Ác-se-nan, chấp một trái đấy.

Bí thư Tưởng đang nhìn hút theo con bò của lão Sướng, buột miệng nói:

- Được thôi, thì tôi bắt Chen-xi vậy.

Chủ tịch Lý hỏi tiếp.

- Nhai gà, vịt mãi cũng chán mồm. Tuần trước đánh cược con chó nhà lão Cử, anh em được bữa cờ tây ra trò. Trận này bí thư cược gì nào?

Vẫn mãi nhìn con bò cùng lão Sướng đang thong thả rời khỏi tầm mắt, bí thư Tưởng lại buột miệng nói:

- Cược con bò kia của lão Sướng. Chắc không?

Chủ tịch Lý ngoái đầu nhìn cái phần mông núng nính của con bò vừa đi khuất, nuốt nước bọt đánh ực một cái, cũng buột miệng reo lên:

- Ối Trời! Được con bò ấy mà thịt thì tuyệt hảo. Chắc quá. Nào - bắt tay. Thằng Dân và thằng Chấn chứng kiến nhé. Phen này có thịt bò ngon chén rồi.

Trưởng, phó công an xã Dân, Chấn thấy vụ cá cược có mùi hấp dẫn, lập tức hưởng ứng. Bốn người hỉ hả bắt tay nhau. Mụ cả Năm cũng xen vào:

- Tôi đăng kí toàn bộ bạc nhạc đấy nhé, với lại bốn cái cẳng. Bấy nhiêu làm phở chín cũng bán được cả tuần chứ không ít...

Trưởng công an Dân nhanh nhẩu ngắt lời mụ:

- Bạc nhạc thì được. Song bốn cẳng thì mụ đừng có mà nằm mơ. Cái đó để anh em vất vả chúng nó nhậu.

Phó công an Chấn tỏ ra hăng hái:

- Em xin chịu trách nhiệm về bộ da. Bộ da ấy tha hồ lành lặn, chắc chắn chất lượng cao. Bộ thuộc da Vĩnh Cửu trên huyện cứ gọi là lác mắt hột. Cái này bán mới được giá. Năm ngoái ta kiếm được năm bộ cả da trâu lẫn da bò, mang bán cho họ thành ra quen biết từ đó đến nay, lại học được chút kiến thức xem da các kiểu.

Bí thư Tưởng gật gù:

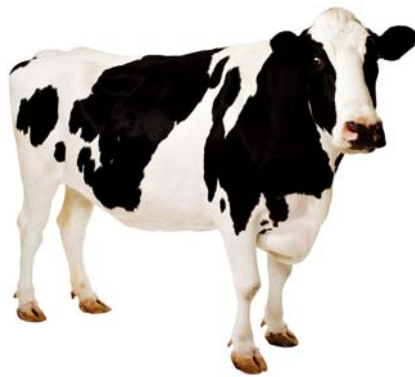
- Lâu lắm không được ăn thịt của giống bò tuyền ăn cỏ. Cái thứ thịt bò nuôi bằng thức ăn tăng trọng bây giờ ăn như thịt giả. Thịt tái kiểu gì mà nhợt nhạt, rữ rượi như thịt thặng chết trôi, nước máu chảy ra đều đều. Thịt ấy nếu không dai ngoách thì cũng bở như đất vách, ăn tuyệt chẳng thấy cái mùi gậy gậy, béo ngậy đặc trưng của bò đầu.

Chủ tịch Lý nịnh khéo:

- Cả xã đều kính nể kiến thức về bò của bí thư. Đến như mấy anh lãnh đạo huyện, được nghe cái lý luận phân tích về bò của bí thư còn thêm rõ rãi mà bảo: “Loại bò ấy chỉ có ở thời bao cấp, thuở còn hợp tác xã. Chứ thời này, kiếm đâu ra thứ thịt bò ăn tuyền cỏ ấy mà xơi...”

Bí thư Tưởng được thể, bèn tiếp tục bài giảng:

- Các ông nên biết, thịt loại bò ăn tuyền cỏ này tươi rât lâu. Cứ móc cả tảng mà treo lên xà nhà, để đến tận ngày hôm sau, các cơ trong tảng thịt vẫn còn giật giật, giật giật... Sờ tay vào có cảm giác nó đính đính, hút hút, mặt thịt đỏ sậm, lông lánh ánh kim. Phía bên dưới tuyệt không một giọt nước máu nào nhỏ xuống. Thịt ấy thái mỏng, ngang thớ mà tái thì tuyệt cú, ăn vừa ngọt vừa giòn, cứ như thể nó tan ra trong miệng. Tảng càng lớn,



ñaim moaboo

Phạm Lưu Vu

tươi càng lâu. Thịt tươi hút nước vào nên vừa khô vừa dính, đến khi nào tiết nước máu ra là hết tươi. Thịt bò kị nhất cắt vụn, cắt vụn không tươi lâu. Phải ăn đến đâu, xẻo đến đấy mà thái. Nếu tay chân, dao thớt cứ sạch khô, không hề dính một giọt máu nào, thì thịt như thế mới đạt tiêu chuẩn.

Mọi người vừa nghe vừa thèm đến nóng cả mặt.

Chủ tịch Lý báiphục:

- Vậy bất luận ai thắng cược, thì hai quả mông cứ xin nhường nhà bí thư. Nhà tôi xin tặng vai vậy. Bắp biếc chia cho cánh Công an, Mặt trận. Đầu, đuôi chia Hội phụ nữ... Riêng bộ lòng đánh chén tại chỗ.

Bí thư Tưởng tỏ ra khiêm tốn:

- Được cái mông ấy thì nhà tôi chỉ cần một quả cũng thừa nữa ra rồi. Quả mông kia đem biếu các anh lãnh đạo huyện, các anh ấy cũng rất thèm xơi loại thịt bò thời bao cấp như thế này. Ăn những thứ thời bao cấp hiện đang là một cái mốt ẩm thực. Và lại các ông quên là lâu nay ta chẳng “nói năng” gì, huyện đang có “vấn đề” với ban lãnh đạo xã ta à. Liệu có “yên” vị mà mơ thịt bò ăn cỏ được mãi không ?

Trưởng công an Dân hơn hở vừa quật đánh đét một quân bài xuống chiếu, vừa nói:

- Nhất trí với ý kiến của cả chủ tịch lẫn bí thư. Vậy xin bí thư cho phương hướng giải quyết, đồng thời quyết định ngày ạ.

Bí thư Tưởng kết luận.

- Cái ấy giao cho bên công an, dân phòng các anh lo, triển khai ngay ngày mai càng tốt, không nên hoãn sự sung sướng lại. Nhớ lên kế hoạch thật chu đáo, phải làm sao cho nhân dân luôn tâm phục, khẩu phục mới được...

Bất ngờ phó công an Chấn lại tỏ ra ngập ngừng:

- Em thấy có chỗ hơi khó. Trận trước, con chó của lão Cử thì ta vu cho là chó dại, bắt giết thịt thì được rồi. Nhưng còn con bò này... chả lẽ bảo nó là bò điên ?

Trưởng công an Dân lập tức ngắt lời:

- Chú bởi thật thà nên kém sáng kiến. Chú không biết lão Sướng chuyên trị ngủ trong xe, mặc cho con bò tự kéo về làng hay sao ? Thế thì có khó gì, bò cũng phải chấp hành luật lệ giao thông chứ... Thôi! Chú vì có họ với lão Sướng nên việc ấy để anh giải quyết. Cứ làm đúng tinh thần chỉ đạo của bí thư là được rồi.

Lão Sướng đánh chiếc xe bò vào tận trong làng, nhà lão ở cuối xóm Con Chó. Làng xóm vắng tanh vì người lớn ra đồng, trẻ con đi học, chỉ có những ông già, bà lão ở nhà. Về đến nhà, lão tháo con bò ra khỏi xe, dắt nó ra sau vườn, cột dưới gốc một cây nhãn, quẳng cho nó một ôm cỏ rồi rửa ráy chân tay, vào nhà chuẩn bị đánh một giấc ngủ bù đến trưa. Trước khi đi ngủ, lão không quên kéo một liều thuốc lào theo thói quen. Sáng nay, lúc ra

khỏi chợ lão mới nhớ ra rằng gói thuốc trong người đã hết, nên mới phải dừng lại mua ở quán mụ cả Nấm.

Ngày nào cũng vậy, cứ ba giờ sáng là lão Sướng thức dậy, đánh chiếc xe bò của mình chở hàng cho mấy bà thâu rau, quả trong làng lên chợ Huyện bán. Chợ cách làng năm sáu cây số, chiếc xe phải đi mất gần hai tiếng. Quãng đường đầy những ổ voi, ổ bò mà lão đã thuộc nằm lòng. Từ làng lên tới chợ có đúng tám mươi một cái ổ voi như thế. Mỗi khi lăn bánh qua, chiếc xe bị quăng bên này, quật bên kia như muốn hất mọi thứ đang công trên lưng xuống đường. Lão gọi đó là những cái xóc. Tám mươi một ổ voi là tám mươi một cái xóc. Lúc đi trời còn tối, gặp những cái xóc ấy lão phải để ý giữ cho hàng hoá khỏi rơi, miệng nhắc mấy bà hàng rau đi bộ theo phải cẩn thận kéo bước hụt. Lúc quay về thì nhẹ nhàng xe không, vả lại trời đã sáng. Lão cứ việc khoan tròn trong thùng xe mà thiu thiu ngủ, mặc kệ cho con bò kéo chiếc xe đi. Lão ngủ trong xe rất tài, ngủ mà vẫn không quên, vẫn đếm được chính xác từng cái xóc trong giấc mơ màng. Tới đúng cái xóc thứ tám mươi một là lão tỉnh dậy, nắm sợi dây thừng vắt vắt cho con bò rẽ vào trong làng. Trăm ngày như một, không bao giờ lão ngủ quên trong xe. Con bò và chiếc xe là nguồn sống chính của nhà lão gồm bà vợ già, mắt mũi kèm nhèm và hai đứa con dâu đỡ người đã mấy chục năm nay, suốt ngày thờ thần, lúc lên cơn thì xé quần xé áo, lăn lộn cả ra vườn. Chồng chúng nó chết trong chiến tranh, một thằng được công nhận liệt sĩ. Chính nhờ món tiền tuất liệt sĩ ấy của nó mà lão sắm được con bò, sắm từ hồi nó còn là một con bê mới đẻ. Một thằng bị người ta làm thất lạc giấy tờ thành ra mất trắng, chả có danh hiệu với tiêu chuẩn tiêu chiếc gì.

Lão Sướng chưa kịp đi ngủ thì có tiếng gọi to tướng của một anh dân phòng ngoài ngõ, mời lão lên ngay trụ sở dân phòng của xóm để làm việc. Lão Sướng giật thót người. Có việc gì mà phải lên trụ sở dân phòng? Xưa nay nhà lão ăn ở tử tế, chẳng phiền hà đến ai. Hai đứa con dâu đỡ hơi chỉ suốt ngày tự nhằn nhở với nhau quanh vườn, rủ nhau điên những cái điên hiền lành như bùn đất. Cả con bò cũng được lão đích thân chăn dắt, không để phá lúa hay hoa màu của nhà nào. Càng nghĩ không ra, lão Sướng càng sốt ruột, đành vội vã chạy tới trụ sở dân phòng.

Trụ sở dân phòng trấn ngay đầu xóm. Đó là một căn phòng ba mét nhân ba mét trơ trọi, đội mái tôn nhọn hoắt như cái chóp nón. Đẳng - trưởng xóm đang ngồi sau một cái bàn gỗ bọc phoọc-mi-ca trắng lở lói, hai bên là hai anh dân phòng mặt non choẹt, ngồi im như pho tượng. Trưởng xóm một tay giở quyển sổ, tay kia lăm lăm chiếc máy tính nhỏ, bảo lão Sướng:

- Tôi mời ông đến nộp bổ sung phí giao thông đường làng. Nhà ông còn mấy suất chưa đóng.

Lão Sướng giật nảy người, ngờ ra.

- Tôi đã đóng đầy đủ cả quý rồi kia mà. Bây giờ mới đầu tháng tư?

Trưởng xóm ôn tồn giải thích:

- Xã mới có điều chỉnh, không như những năm trước chỉ thu theo đầu người. Từ năm nay, phí giao thông áp dụng cả với vật nuôi và phương tiện cho công bằng, có danh mục đóng dấu đỏ kèm theo đây. Con bò nhà ông bốn chân, thu bằng hai suất người. Chiếc xe cũng hai suất, tổng cộng tám suất. Mỗi suất cân rưỡi thóc một tháng, trừ số đã đóng theo cách tính như mọi năm, vị chi là...

- Các anh biết thừa đấy, hai đứa con dâu đỡ người nhà tôi có bao giờ thò mặt ra đường đâu. Thế mà cũng phải đóng phí giao thông. Lão Sướng nhăn nhó.

- Mặc kệ, ai bảo các bà ấy cũng là người. Trưởng xóm lý luận.

Như chợt nhớ ra điều gì, lão Sướng vội vàng thắc mắc:

- Còn con bò, tôi tưởng phí giao thông đã tính trong thuế đồng rồi cơ mà?

- Thuế đồng thực ra mới chỉ tính trên số diện tích cỏ nó gặm hàng năm. Trưởng xóm kiên trì giải thích - Nuôi bò, nuôi trâu kể từ năm nay còn phải đóng phí môi trường, bởi nó hay ỉa rơi vãi trên đường. Phí môi trường của bò mười lăm cân thóc một năm.

- Nó ỉa đến đâu, tôi nhặt đến đấy. Chứ có khiến ai phải ngồi hộ đâu. - Lão Sướng cố cãi.

- Đề nghị ông ăn nói cho cẩn thận. - Trưởng xóm nhắc nhở rồi tiếp tục mở lý luận của mình - Lấy gì đảm bảo rằng ông nhặt sạch trăm phần trăm, không sót lại mẩu phân nào trên đường? Thế còn nó đái rong thì sao? Dễ thường ông cũng hứng được chắc.

Lão Sướng hết cách cãi, đành lần túi móc ra một nắm giấy bạc lẻ, vừa đưa cho trưởng xóm, vừa năn nỉ:

- Tôi chỉ còn ngần này, chắc chưa đủ. Còn thiếu bao nhiêu, các anh thư cho đến chiều, để tôi hỏi vay trước mấy bà hàng rau.

- Được thôi!

- Trưởng xóm để dãi - nhưng ông nhớ tự giác đấy, đừng để chúng tôi phải gọi.

Từ trụ sở dân phòng ra về, trong lòng lão Sướng cứ có cái gì tức anh ách. Lão chẳng lạ gì cả tam đại nhà cái thằng Đẳng - trưởng xóm kia. Nó ngày bé cũng là thằng ăn cắp ăn trộm, học hành dốt đặc cán mai, sở dĩ được làm trưởng xóm là nhờ trên người ta tưởng nhớ đến bố nó. Bố nó còn ít hơn lão mấy tuổi, ngày trước cũng làm chức trưởng xóm trưởng thôn gì đấy. Bỗng một hôm, dân làng phát hiện bố nó treo cổ tự tử ở ngay cây đa đầu làng. Chẳng ai hiểu vì cái gì mà khiến lão phải quyên sinh. Lục trong túi lão, người ta chỉ thấy một mẩu giấy nhỏ ghi vắn vện năm chữ với một cái dấu ba chấm: "Vi nhân dân quên mình...". Lá thư tuyệt mệnh ngăn ngủi ấy

của lão ta làm cho mọi người nhức đầu, nghĩ mãi không ra. Ai cần lão phải quên mình theo kiểu ấy cơ chứ. Về sau, dân làng rí tai nhau truyền đi một cách giải thích khác xem ra cũng có lý. Té ra trước đó, lão ta ứng cử hội đồng nhân dân xã nhưng bị trượt, dân quên không bầu lão...

Lão Sướng vừa về đến nhà thì bà Cồn ở xóm Con Lợn tìm đến có việc.

Bà bảo:

- Biết bác ngày nào cũng lên chợ Huyện, tôi sang gửi bác ngày mai mua hộ mấy cái nón rộng vành về đội ban đêm.

Lão Sướng tròn mắt ngạc nhiên:

- Sao lại phải đội nón ban đêm, sợ phải gió à ?

Bà Cồn chép miệng:

- Nào ai sợ phải gió phải giếc gì. Ma quỷ còn chả sợ nữa là.

- Thế thì đội nón làm gì?

- Lão Sướng rõ ràng chưa hiểu.

Bà Cồn nhả miếng trầu ra cầm trên tay, thông thả giải thích:

- Chả là dạo này, tối tối các ông ấy hay tụ tập chèn chèn trong nhà mù Goá Len ở xóm Con Mèo. Mấy lần rồi, chẳng hiểu say xỉn đến mức nào mà lúc về ngang ngõ nhà tôi, các ông ấy phát rồ rú nhau trèo lên cây nhãn nhà lão Trạch, mỗi ông leo ra một chạc cây rồi ỉa đái đầy cả xuống đường, có tay còn nôn thóc, nôn tháo nữa. Bà cháu tôi đi về qua bị dây hết cả quần áo. Xóm Gà, xóm Vịt cũng có mấy người từng bị cứt rơi xuống đầu như thế. Thành ra bây giờ, ban đêm có việc ra đường ai cũng phải đội nón. Nào ai biết các ông ấy đang phát rồ trên cái cây nào để mà đề phòng...

- Thế sao lúc ấy bà không mắng cho họ một trận - lão Sướng bảo.

Bà Cồn nhìn lão như nhìn một người ngoài hành tinh:

- Bác biết họ là ai rồi mà còn dám nói thế à. Tức mấy cũng phải ngậm trong miệng. Lôi thôi họ nhân đà say, sai người bắt giải về ủy ban thì có mà khốn. Nói thế thôi, chứ chẳng ai lại đi chấp những người say làm gì.

Thì ra là vậy. Lão Sướng biết ngay việc này đầu tiên ở cái anh bí thư Tường. Lão biết anh ta từ hồi còn nhỏ, hẳn có thói quen hay ỉa trên cây, rất mê ỉa trên cây. Nhà anh ta có cây sung lả ra bờ ao, cả nhà quanh năm trèo lên cây sung ấy ỉa xuống ao để nuôi cá. Sau này lớn lên, anh ta ra gánh vác việc làng, việc xã, thói quen ấy dần dần không còn. Song con người ta không biết thế nào mà nói trước được. Nhất là những lúc say xỉn, không làm chủ được ý nghĩ của mình nữa thì cái bản năng xưa nó lại trỗi dậy chưa biết chừng. Còn những tay kia, chắc là

a dua, nịnh nọt anh bí thư cho có hội, có phường vậy thôi.

Bà Cổn về lâu rồi mà lão Sướng cứ suy nghĩ vẩn vả mãi về cái vụ dân làng phải đội nón đi đêm kia. Liên hệ với việc phải đóng phí môi trường của con bò, trong đầu lão chợt bật lên một ý nghĩ phản kháng ngầm rất chi là... hả lòng hả dạ. Rằng cứ theo như ý nghĩa của cái phí môi trường kia, thì đáng lẽ bọn họ phải đóng mỗi người bằng ba bốn suất con bò nhà lão... Song đó chỉ là ý nghĩ thôi, thế cũng đủ hả lăm rồi, đổ bao giờ lão dám nói ra mồm.

Lão Sướng ngủ bù một giấc đến giữa trưa thì thức dậy, cùng vợ con ăn qua loa mấy bát cơm dưa mắm rồi dắt bò ra cánh đồng chăn, vừa chăn, lão vừa tranh thủ cắt ít cỏ, hoặc vợ lá lấu về cho con bò ăn đêm. Không như những dân chuyên nuôi bò thịt, lão tuyệt đối không cho con bò của mình ăn thức ăn tăng trọng. Thứ ấy tuy có làm cho nó béo tốt, tăng cân. Nhưng chỉ là béo bệu, rất mau xuống sức, và nhất là không thể kéo nặng được. Chiều về, lão không quên tắm rửa, kì cọ cho toàn thân nó sạch óng dưới ráng chiều. Lão chăm chút cho con bò còn hơn cả bản thân lão. Những ngày mùa đông tháng giá, không đun nước tắm cho nó được thì lão tắm khan. Lão cẩn thận dùng bàn chải, chải kĩ từng xăng tí mét vuông mình mấy xuống đến tận bốn chân con bò, không để một mẩu bùn đất hoặc một con ve nhỏ bé nào bám vào. Được chăm sóc kĩ càng như thế, con bò của lão lúc nào cũng khoẻ mạnh, béo mướt. Ai trông thấy nó cũng thích mắt, thêm thuồng.

Lão Sướng là người chỉ sướng ở mỗi cái tên. Đời lão đã gặp nhiều mất mát, nhất là mất đứt cả hai thằng con trai, đến nỗi vợ lão khóc lòa cả hai mắt. Hai đứa con dâu trời xui đất khiến thế nào, lại nhất tề rũ nhau cùng dỡ người để lão phải nuôi báo cô. May mà lão sắm được cỗ xe với con bò, lại có việc quanh năm thành ra ngày cũng kiếm được vài cân gạo, đủ cho bốn kiếp người với một kiếp bò đắp đổi lẫn hồi. Cuộc đời nhờ vào những cái tẻ nhạt đâm ra lại có vẻ yên bình, mặc dù sự mất mát đã biến thành những vết sẹo to lớn biết đi. Lão chẳng còn cái thú nào khác ngoài việc sáng nào cũng thiu thiu đếm những cái xóc trong giấc mơ từ chợ Huyện về làng. Một... Hai... Ba... Bốn... Năm... Tám mươi một cái lúc đi, lại tám mươi một cái lúc về... Cứ như thế trời đã khoán sẵn những cái xóc ấy cho số phận của lão. Mỗi lần chiếc xe lắc qua lắc lại, mài người lão mấy cái xuống sàn, chiếc máy đếm đầu đó trong đầu lão lại ghi nhớ cái số đếm ấy vào một giấc mơ nhẹ nhàng, tới đúng số tám mươi một là về đến làng...

Có tiếng người quát tháo dưới đường làm lão Sướng giật mình, ra khỏi cơn mơ màng. Chiếc xe và con bò của lão đã đột ngột dừng lại, điều chưa từng xảy ra bao giờ. Lão ngủ quên chẳng ? Không thể nào. Giấc mơ vừa rồi nhắc cho lão biết chắc chắn rằng vừa mới qua cái xóc thứ sáu mươi, còn hai mươi một cái xóc nữa mới về đến làng. Có chuyện gì vừa xảy ra. Lão vội vàng mắt nhắm mắt mở, lập cập trèo xuống khỏi thùng xe.

Sáu bảy người toàn công an, dân phòng đang quay quanh chiếc xe và con bò như vừa đội đất chui lên, dẫn đầu là Dần - trưởng công an xã.

- Con bò của ông vi phạm luật lệ giao thông, gây tai nạn nghiêm trọng. - Trưởng công an Dần vừa đồng dục nói với lão Sướng, vừa chỉ tay sang phía vệ đường, rồi lại chỉ vào gầm chiếc xe.

Lão Sướng nhìn theo cánh tay chỉ của trưởng công an xã. Bấy giờ lão mới hoảng hồn khi thấy một người đang nằm thu lu, hai tay ôm đầu, cổ rạn ra mấy tiếng rống như bò rống. Con bò thì vẫn im lặng, ngơ ngác không hiểu những con người hiện hữu đây đang làm cái trò gì. Sau lưng nó, một chiếc xe máy Trung Quốc nằm chắn ngang, vừa vặn chạm hai bánh của nó vào hai bánh của cỗ xe bò, khéo như có người khiêng đặt vào vậy.

Có cái gì không bình thường ở cái gã đang nằm rống bên vệ đường kia. Chẳng biết nó là con cái nhà ai? Lão Sướng tiến tới chỗ gã, định cúi xuống nâng nó dậy. Ngay lập tức, một bàn tay túm vai lão kéo lại:

- Yêu cầu ông không được động đến nạn nhân. Đây không phải việc của ông - tiếng một công an viên.

Lão Sướng còn chưa kịp có phản ứng gì thì trưởng công an Dần đã nhanh nhẹn phân công:

- Tính mạng nhân dân là quan trọng. Hai đồng chí khẩn trương chở nạn nhân đi trạm xá cấp cứu. Một đồng chí đo đạc, đánh dấu hiện trường. Còn lại theo tôi áp tải chủ xe cùng tang vật về trụ sở ủy ban để giải quyết.

Cả người, xe và con bò cùng bị dong về trụ sở ủy ban. Lão Sướng bị tống vào một căn phòng cuối dãy nhà ngang, có một công an viên ngồi canh ngoài cửa, chờ lập biên bản, khám nghiệm hiện trường. Hồi lâu sau, trưởng công an Dần cho dẫn lão lên, đặt trước mặt lão một xấp biên bản đã thảo sẵn. Trưởng công an xã vừa đọc, vừa giải thích vào tai lão:

- Theo kết quả khám nghiệm hiện trường, con bò của ông lưu thông lấn sang phần đường dành cho chiều ngược lại. Theo luật, ông bị phạt hai trăm ngàn đồng, giữ phương tiện (cả con bò và chiếc xe) hai mươi ngày. Đề nghị ông kí vào biên bản thay cho con bò.

Sự việc đã hai năm rồi mười. Lão Sướng có muốn cãi cũng không được, đành cầm bút nguệch ngoạc vào tờ biên bản, mặt mũi tái xanh như tàu lá. Trưởng công an xã chờ cho lão kí xong xuôi, mới nói tiếp:

- Riêng vụ tai nạn gây ra cho người và chiếc xe kia, chúng tôi còn chờ kết quả giám định phương tiện, xác minh thương tật thì mới tính toán được mức bồi thường. Vì vậy chúng tôi buộc phải giữ ông lại ủy ban để chờ giải quyết.

Lão Sướng nghe đến đó thì hoảng lạnh cả sống lưng. Bấy giờ lý trí của lão mới có vẻ dần dần được khôi phục. Lão cất giọng xin xỏ:

- Xin các ông chiếu cố hoàn cảnh tôi là gia đình liệt sĩ...
- Tôi biết, tôi biết! - Trưởng công an xã vội ngắt lời - Chính vì thế trong biên bản không ghi ông là người vi phạm luật giao thông, cũng không ghi ông là người gây ra tai nạn, mà tất cả là do con bò. Thậm chí lúc tai nạn xảy ra, ông còn đang ngủ khi nửa kia. Có điều ông là chủ của con bò thì phải bồi thường thay cho nó là lẽ đương nhiên. Chúng tôi giải quyết bất cứ việc gì cũng nghĩ đến tình trước, lý sau...

Lão Sướng nhìn con bò đang bị buộc dưới trời nắng chang chang mà dứt từng khúc ruột. Khuôn mặt già nua, đầy nếp nhăn của lão ràn rụa nước mắt. Đến trưa thì bà vợ lòa của lão được báo đã mang cỏ lên cho con bò, mang cả cơm cho lão. Lão cố trệu trạo nhai, cố nghiền nghẹn nuốt những miếng cơm trộn lẫn nước mắt, như một như được chan bằng canh rau đay, rau mồng tơi.

Quá trưa thì Chấn - phó công an xã mò tới. Lão Sướng mừng rỡ như bắt được vàng, đầu lão loé lên một tia hy vọng. Lão vội vã thều thào:

- Cháu xem có cách nào cứu con bò, cứu chú với Chấn ơi !

Phó công an Chấn cố làm ra vẻ thiếu não, ngồi xuống bên lão bảo:

- Gay lắm chú ạ. Con bò lưu thông trái đường, phạt hai trăm thì chịu rồi, giữ hai mươi ngày thì cháu có thể xin giảm bớt được. Song còn cái vụ bồi thường kia, nghe nói bị gãy hai đẽ xương sườn. Chưa biết họ đòi bao nhiêu.

Khoảng giữa buổi chiều, trưởng công an Dẫn lại cho dẫn lão lên.

Dẫn thông báo luôn:

- Báo để ông mừng. Tai nạn không gây nguy hiểm đến tính mạng. Nạn nhân chỉ bị gãy hai đẽ xương sườn. Chiếc xe cũng đã có kết quả giám định hư hỏng. Đây là yêu cầu bồi thường của người bị hại, công an chúng tôi để hai bên tự giải quyết với nhau. Nếu phía bên kia đồng ý bãi nại, chúng tôi sẽ cho ông về.

Lão Sướng ù cả tai khi nghe đến số tiền phải bồi thường. Năm triệu cho tiền thuốc men, bốn triệu sửa chữa chiếc xe máy Trung Quốc. Cộng cả tiền phạt là chín triệu hai. Đời lão chưa bao giờ có món tiền to đến thế, gần bằng ba con bò... Lão luống cuống đến mức lẩn đùng ra khỏi ghế, chẳng biết phải trả lời thế nào. Trưởng công an xã hất hàm, hai công an viên phải túm lão dậy, dìu xuống căn phòng lúc này để lão nằm mà nghĩ cho bình tĩnh.

Xâm xắm tối, phó công an Chấn đến dúi vào tay lão cái bánh bao rồi bảo:

- Cháu năn nỉ mãi, họ mới đồng ý không đòi tiền tiếc gì cả, chỉ phải đền con bò cho họ là xong xuôi chú ạ. Thôi thì cũng là cái vận cái hạn, đó là cái giá rẻ nhất, ngoài ra không còn cách nào khác. Chú cứ suy nghĩ đi. Nếu chịu mất con bò thì lập tức cháu bảo họ thả chú về nhà...

Mất con bò ? Lão Sướng chưa bao giờ dám nghĩ đến điều đó. Mất con bò là mất dứt nguồn sống duy nhất của cả nhà lão. Vợ chồng già và hai đứa báo cô kia chỉ còn cách dắt nhau lên chợ Huyện ăn xin. Lão đau quá, ân hận quá. Giá lão đừng có cái thú mơ màng đếm những cái xóc kia, mà điều khiển con bò cho cẩn thận. Từ nay, dù có muốn lão cũng không còn cơ hội được đếm những cái xóc ấy trong giấc mơ nữa rồi. Bò ơi! Con trai ơi! cha có lỗi với các con, có lỗi với số phận của cha, của cả ba người đàn bà đang sống kiếp đời thừa kia... Bây giờ còn biết làm thế nào ? Lão chợt nhớ hôm nọ ở chợ, có một bà già trở lão mà bảo: “ông năm nay cẩn thận kẻo gặp phải hạn to...”. Đời lão chẳng bao giờ tin vào sự bói toán, hưởng chi năm nay lão đã ngoài bảy mươi, các cụ ngày trước bảo đó là cái tuổi hết trạch, quỷ thần đã tha rồi, còn phải kiêng kị gì nữa. Rốt cuộc lão vẫn gặp hạn ở cái xóc thứ sáu mươi...

Sáng sớm hôm sau, khi phó công an Chấn mở cửa phòng thì lão Sướng đã rũ ra như một tấm giẻ rách, khuôn mặt nhảm nhảm đen sạm lại, ngô nghê y hệt hai đứa con dâu lão lúc lên cơn.

Biện pháp giữ người quả nhiên có tác dụng. Phó công an Chấn vốn vãi:

- Chú đồng ý rồi chứ ? Vậy chú điếm chỉ vào tờ giấy này, rồi cháu bảo họ đưa chú về nhà.

Lão Sướng có còn con đường nào để mà chọn nữa đâu. Vả lại, lý trí của lão đã kịp chia tay với lão từ đêm hôm qua rồi. Một con bò, chứ mười con bò đối với lão bây giờ cũng thế. Sân ủy ban hôm nay nhộn nhịp khác thường. Chính quyền, các ban ngành, đoàn thể... tề tựu không sót một ai. Tiếng trưởng công an Dẫn oang oang gọi người này, quát người kia, phân công công việc tui bụi. Bản thông báo về vụ tai nạn có kí tên, đóng dấu của trưởng công an xã dán la liệt khắp nơi. Con bò của lão Sướng đã được dắt ra cột ở giữa sân. Trước mặt nó là một chiếc búa tạ và một cái chậu to tổ bố. Có mấy người cưỡi trần tròng trục, bấp thịt cuộn cuộn đang hươ lên những con dao bầu sáng loáng.

Lão Sướng như người mộng du bước qua chỗ con bò. Nó bị bỏ đói suốt đêm qua, giờ đang cố rống lên những tiếng rống cuối cùng, những tiếng rống âm u đã bắt đầu nhuộm mùi tanh tanh của địa ngục. Lão cụp mắt, không dám nhìn thẳng vào nó nữa. Cứ như thế, lão lẫm lẫm bước đi, hai bên là hai anh dân phòng có nhiệm vụ hộ vệ lão về đến tận nhà. Đang đi, chợt nghe phía sau có một tiếng “bộp” khô khốc, ngay sau đó là một cái gì vừa đổ vật xuống. Tiếng rống đã im bật. Đất dưới chân như bị rung lên, tiếng “bộp” kia vừa giáng vào gáy con bò, hay là giáng vào gáy lão. Lão Sướng tối sầm mắt lại, giơ hai tay lên trời rồi lão đảo khuyu xuống. Sau lưng lão, sân ủy ban từng bừng không khí đình đám, bấy giờ mới thực sự diễn ra một đám mổ bò.

Đám mổ bò hôm ấy náo nhiệt đến tận trưa. Sau khi chia phần đầu đấy, bộ lòng bò vĩ đại được chế biến tại chỗ

cho những người lâu nay vất vả vì việc dân, việc xã liên hoan chề chén với nhau suốt cả buổi chiều, lại còn say sưa ca hát đến tận nửa đêm...

Mờ sáng hôm sau, trên con đường quen thuộc từ làng lên chợ Huyện, người ta thấy có bốn bóng người lẫm lẫm dắt nhau đi. Không ai khác, chính là lão Sướng, bà vợ lòa và hai đứa con dâu dờ hơi. Bốn người cùng túm vào một đoạn dây thừng do lão Sướng nắm một đầu dây. Lão dẫn họ lên chợ để đổi sang kiếp ăn xin. Nhưng lão còn phải đếm lại một lần cuối cùng, không phải trong giấc mơ, lần lượt tám mươi một cái xóc này nữa, thì mới tới được cái đích ăn xin của kiếp mình, kiếp vợ lão, và hai đứa con dâu báo cô của lão...

Phạm Lưu Vũ

Yêu nước?

Hoàng Cúc

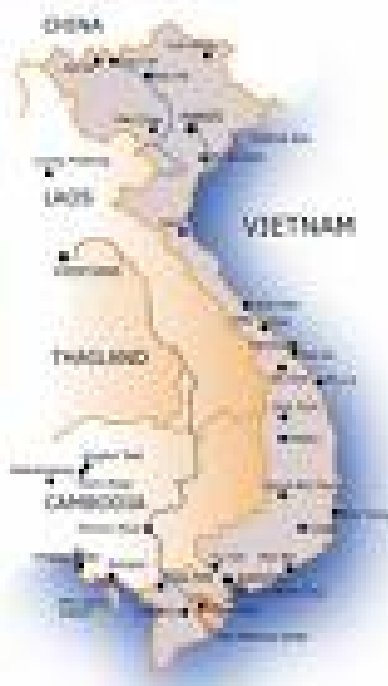
"... Lòng yêu nước mà cũng bày trò thi đua, tranh cướp, rồi ngậm tằm bán máu thịt tiền nhân, dựng kềm gai, giường sủng trước nhân dân ..."

Tôi đi
Phố vắng
Chỉ có phèng la thi đua yêu nước.
Mưa
Và mưa
Sững ỨT.

Lòng yêu nước mà cũng bày trò thi đua, tranh cướp
Rồi ngậm tằm bán máu thịt tiền nhân
Dựng kềm gai, giường sủng trước nhân dân,
Cái lũ độc quyền yêu nước!

Tôi đọc lại lời cha ông thừa trước:
"Đối trời lừa dân đủ trăm nghìn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi."

Lời người xưa vốn là lời kết tội
Dành cho quân cướp nước tham tàn
Thế mà nay,
Nước non ngập tiếng kêu oan
Giang sơn chúng đem chia chác.



"Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu
mỡ bấy no nê chưa chán.

Cái thứ chúng thi đua, tranh giành, bán
chác,

Là tình yêu hay xương máu đồng bào ?

Mưa

Tôi chỉ thấy mưa

Tôi chỉ thấy mưa

Mưa sa mang màu cờ đỏ

Màu máu dân oan !

"Lẽ nào trời đất dung tha ?

Ai bảo thần dân chịu được?"

Mưa máu tràn mi, tôi gọi tên đất nước

Nhưng chỉ thấy mưa

Mưa

Và mưa

Sững ỨT.

Tổ quốc ơi,

Có bao giờ nhục thế này chăng?

Khi gái Việt thành đồ chơi rẻ mạt,

Trai Việt xếp hàng,

Oằn lưng kiếp tôi đòi mua cái chết.

Tôi muốn thét

Tôi muốn gào

Tôi muốn lũ thi đua yêu nước

Hãy mở mắt nhìn dân nước lầm than

Chớ quay lưng

Đục khoét tiền giá máu

Để rồi con cháu đốt trong động lấc

Thật là

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ

xuống dưới hầm

tai vạ"

Khói tiền bay

lên

Hoá thành mưa

Mưa

Và mưa

Tôi chỉ thấy trời

mưa

Mưa

Và mưa

Sững ỨT.

Mưa sa mang

màu cờ đỏ !

Hoàng Cúc

**"một thước núi, một tấc
sông của ta, lẽ nào ta lại
vứt bỏ? Người phải kiên
quyết tranh biện, chớ
cho họ lấn dần. Nếu
không nghe còn có thể
sai sứ sang phương Bắc,
trình bày rõ điều ngay lẽ
gian, nếu người dám
đem một thước núi một
tấc đất của THÁI TỔ làm
mồi cho giặc thì phải tội
nặng ... "**

(Vua Lê Thánh Tông 1442-1497)

trên đồng ruộng sáu xã

Võ Đắc Danh

Ông Tư Hảo có một dáng đi lằm lũi, âm thầm như một người tuyệt vọng. Chiều hôm ấy, khi rời khỏi nhà ông, nắng đã tắt dần, xe chạy rất xa nhưng tôi ngoảnh lại vẫn còn thấy ông đứng lặng người như trời trồng trước sân nhà. Ông đang nghĩ gì ? Nghĩ về vợ ông và đứa con trai đang bị giam trong khám Chí Hòa ? Hay đang nghĩ về cái quyết định cưỡng chế khu đất dưới chân ông ? Nghĩ về một phương án đấu tranh để cứu lấy vợ con, cứu lấy đất đai, cứu lấy sự sống cho cả gia đình ? Cũng có thể là tất cả, tất cả những suy nghĩ, những bế tắc đang dồn nén ông trở thành điên loạn. Liệu ông có thể nhập viện tâm thần như anh Tạo chẳng ? Hôm anh Tạo dựng lại túp lều trên nền nhà vừa bị chính quyền cho xe ủi thành bình địa, ông Hảo còn mang đến cho anh chiếc ghế bố. Rồi khi anh Tạo lên cơn điên, bị đưa đi nhập viện tâm thần, ông lặng người nhìn theo mà rưng rưng nước mắt. Lẽ nào bây giờ lại đến lượt ông ?

Tôi nhìn ông đứng đó như trời trồng mà hoang mang lo sợ, có một chút ân hận vì mình đã nghĩ xấu về ông. Hôm ấy, lần đầu tiên tôi gặp ông trong quán cà phê Guitar, người phụ nữ ngồi cạnh ông cho tôi biết: “Đây, xin giới thiệu với nhà báo, ông này là đặc công rừng sác, danh hiệu bốn mươi năm tuổi Đảng, nhưng vợ con vừa bị bắt giam, nhà cửa đất đai sắp bị cưỡng chế”. Tôi vừa mở cặp lấy sổ tay ra thì ông vội bỏ đi. Tôi năn nỉ ông ngồi lại, những người khác cũng năn nỉ ông ngồi lại, nhưng ông cương quyết bỏ đi, cái dáng đi lằm lũi, âm thầm như một người tuyệt vọng. Mấy người phụ nữ trong quán nói dói theo một cách chua cay rằng ông nhu nhược, thà để vợ con ngồi tù, thà để nhà cửa, đất đai bị cưỡng chế chứ không dám đấu tranh, sợ bị khai trừ ra khỏi Đảng. Hôm sau tôi gọi điện xin gặp ông, ông từ chối: “Thanh tra Chính phủ còn không can thiệp được, báo chí các anh thì làm được gì?”. Rồi ông cúp máy.

Những ngày sau, tôi tiếp tục lần mò lên quận 9, cuối cùng thì tôi cũng tiếp cận được ông. Thật ra, không phải ông im lặng vì sợ mất cái danh hiệu bốn mươi năm tuổi Đảng như bà con láng giềng đã nghĩ. Ông đang tuyệt vọng, ông đang bị mất lòng tin, ông đang bị tổn thương, cái vết thương đau đớn gấp ngàn lần so với những vết thương trên cơ thể ông thời chiến tranh bom đạn. Sau khi nghe câu chuyện về cuộc đời ông, tôi chợt nghĩ rằng, trong hơn ba ngàn nạn nhân bị mất đất ở khu công nghệ

cao này, có lẽ ông Tư Hảo là người bị đối xử tàn tệ nhất, cạn tài ráo máng nhất so với sự cống hiến, sự hy sinh của một đời người, một gia đình ba đời mang áo lính.

Ông ngâm ngùi nhớ lại, năm 1966, tại Hải Phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến tiễn đưa đoàn chiến sĩ đặc công của ông vào Nam. Một chai kem đánh răng, một cây bàn chải, một chiếc khăn lau mặt, những lời căn dặn mộc mạc, ân cần mà thiêng liêng vô bờ bến. Cha ông, một cựu chiến binh, một cựu tù binh đầy khí phách đã nói với ông, ngắn gọn mà nghiêm khắc: “Không được hàng giặc dù bất cứ hoàn cảnh nào”.

Đặc công rừng sác anh hùng ! Tám mươi phần trăm nằm lại chiến trường, ông Tư Hảo trở về với hàng chục vết thương, hàng chục Huân chương, Huy chương, bằng khen, giấy khen của một thời vào sinh ra tử. Ông thấy mình may mắn hơn, hạnh phúc hơn nhiều bạn bè, đồng đội. Có những người giành lấy cái chết thay ông. Đó cũng chính là món nợ máu xương mà ông phải trả bằng nỗi nhớ suốt đời, không thể nào quên. Ông ra quân, cưới một cô giáo cùng quê. Năm ấy - năm 1977 - ông về Hải Phòng bán ngôi nhà tổ được hai cây vàng, mang vào Sài Gòn mua một căn nhà chật hẹp ở Tân Bình. Những đứa con chào đời trong cảnh ăn bo bo thay cơm. Là dân đặc công rừng sác, không quen sống giữa phố phường chật hẹp, ông bán nhà, dời qua một khu phố cặp bờ sông Sài Gòn để được lặn hụp, mò cua bắt cá, phụ với đồng lương của vợ để nuôi con. Khi được tin ngôi nhà của ông nằm trong khu vực giải tỏa để xây dựng cầu Thủ Thiêm, ông lúi ra ngoại thành, vừa có đất rộng, vừa gần gũi với cá tôm. Đồng đội cũ của ông có những người khá giả đã giúp ông, mỗi người cho mượn một ít để mua 1600 mét vuông đất rẫy giữa đồng, thuộc “vùng ruộng sáu xã”, phường Long Thạnh Mỹ, quận 9. Tại đây, cuộc sống có lẽ thanh nhàn hơn, để thở hơn với một dãy chuồng heo, một ao nuôi cá, đất trồng rau. Những đứa con lớn lên, học xong phổ thông thì ông Hảo lại cho vào quân đội, âu cũng là cái nghiệp của dòng họ, gia đình. 1600 mét vuông đất, ông tách ra 1000 mét, cắm cọc chia đều cho năm đứa con. 600 mét còn lại, ngoài ngôi nhà chung và phần đất chăn nuôi, trồng trọt, ông Hảo xây một ngôi nhà nhỏ bên cạnh để thờ 121 liệt sĩ đặc công rừng sác. Càng về già, dường như ông càng lúi sâu vào cõi tâm linh, cả ngày lẫn đêm ông sống trong căn nhà nhỏ ấy, chăm lo nhang khói, chơi các loại đàn dân tộc một mình, nhưng ông luôn có cảm giác rằng 121 đồng đội đang ngồi quanh, thưởng thức những làn điệu của ông.

Cuộc sống thanh bần như thế tưởng sẽ an phận đến cuối đời. Nào ngờ, đất lọt vào quy hoạch khu công nghệ cao. Làng xóm náo động lên với chuyện đền bù, giải tỏa. Không hiểu người ta tính toán bằng cách nào mà toàn bộ đất đai, nhà cửa, vườn rau, ao cá, chuồng heo của ông trị giá chỉ có 395 triệu đồng, nếu tính theo giá vàng thì

chưa bằng một phần ba cái giá mà ông đã vay mượn để đổ vô đây, giờ vẫn còn mắc nợ. Còn nếu so với giá đất hiện tại thì con số ấy chỉ trên một phần mười. Người ta bảo ông lên ban đền bù giải tỏa của quận để nhận tiền và ký biên bản bàn giao đất. Ông hỏi giao đất rồi đi đâu ? Người ta nói ở đây chỉ làm công việc chi tiền đền bù giải tỏa theo quy định của cấp trên, ông có thể lên cấp trên mà hỏi. Ông làm đơn lên quận, năm lần bảy lượt, người ta nói thì cứ giao đất đi, nếu chấp hành tốt thì sau này sẽ được mua một nền tái định cư và một căn hộ chung cư, nếu thích thì ở, không thích thì bán lại cũng có lời. Ông nhẩm tính, một cái nền tái định cư một trăm mét vuông giá một trăm rưỡi triệu đồng, một căn hộ chung cư năm trăm triệu đồng, trong khi cả một cơ ngơi của ông người ta chỉ trả chừng ấy cục tiền, lấy gì để mua lại cái gọi là tái định cư ấy, rồi vợ chồng ông, rồi năm đứa con, dâu rể, cháu nội cháu ngoại, rồi hương hồn của 121 đồng đội ông, nhét vào đâu cho hết ? Ông hình dung một cuộc sống không có con heo, con gà, con vịt, không có vườn rau ao cá thì đời ông chẳng khác con chim bị nhốt trong lồng, và, nghiệt ngã hơn thế nữa là biết lấy gì để nuôi hơn chục miệng ăn trong khi con cái ông phần đông là lính. Từ ngày vợ ông nghỉ hưu, ông phải chạy vạy ngày hai buổi đi làm gác cổng cho một nhà máy gạch ở Biên Hòa để kiếm thêm tiền thuốc tiền trà và tiền sữa cho đứa cháu nội mới sinh.

* * *

Cô Chín Coi ngâm ngợi nói, cách đây năm sáu năm, cô nghe người ta tuyên truyền rằng, thành phố sẽ biến “vùng bưng sáu xã” này thành khu công nghệ cao, cô hỏi công nghệ cao là gì ? Người ta nói công nghệ cao là . . . đại khái là “Đô thị Internet”, là “Không gian kết nối toàn cầu”, nó cao siêu lắm, có giải thích thì những người nông dân như cô cũng không thể nào hiểu nổi. Nhưng muốn cho dân giàu nước mạnh thì phải có công nghệ cao. Với công trình này, thành phố Hồ Chí Minh sẽ “đi trước và về đích trước” trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Nghe thế, không riêng gì cô Chín Coi mà bà con trong xóm cũng lấy làm tự hào. Ít ra cũng phải vậy mới phù hợp với đạo lý uống nước nhớ nguồn, mới xứng đáng với Tăng Nhơn Phú Anh Hùng. Tăng Nhơn Phú là thánh địa của hai đơn vị đặc công rừng sác Anh hùng, là căn cứ của chiến khu B, của tiểu đoàn 3, tiểu đoàn 4 phân khu Sài Gòn Gia Định. Nơi đây đã sinh ra những người con Anh hùng của Tổ quốc: Trung tướng Đào Sơn Tây, Đại tá Trương Văn Ngự, Đại tá Nguyễn Văn Hiến, biệt động Sài Gòn Lê Văn Việt, Nguyễn Văn Tăng, đặc biệt là “Hùm xám” Bảy Bê đã trở thành nhân vật huyền thoại Sáu Tâm trong bộ phim Biệt Động Sài Gòn.

Cô Chín Coi dẫn tôi chui qua tấm vách ván mục trong căn nhà mục nát để cho tôi xem dấu vết của căn hầm bí mật đã tồn tại trong căn nhà này ngót ba chục năm, qua hai cuộc đấu tranh giữ nước. Bao nhiêu người từng trú ẩn nơi đây, được lòng đất, lòng người chở che mạng

sống, cô không nhớ hết. Năm 1948, người anh thứ Hai của cô bị lính Tây chặt đầu tại cầu Bến Nọc. Năm 1949, người anh thứ Ba và người chị thứ Năm của cô cũng tiếp tục hy sinh. Mẹ cô, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Huỳnh Thị Cơ, trước khi qua đời đã để lại cho cô 1700 mét vuông đất vườn và 2500 mét vuông đất ruộng. Bà dặn, đất này là mồ hôi khổ hạnh và xương máu gìn giữ của gia đình, không được bán, phải trùng tu lại cái hầm bí mật để làm di tích lịch sử cho địa phương mình, gia đình mình.

Nghĩ vậy, năm 2000, có người gạ mua phần đất thổ vườn của cô với giá 3,4 tỷ đồng, cô không bán dù gia cảnh nghèo nàn. Cô nghĩ, bán thì sẽ làm tủi vong linh mẹ, và lại năm đứa con rồi sẽ ở đâu ? Chia cho mỗi đứa mấy trăm triệu đồng rồi ăn xài cũng hết. Ở xứ này, từ ngày đất đai sốt giá, không ít người phát lên rồi sau đó lại trắng tay, nghèo hơn cái thời chưa bán đất. Hiểu thế, cô cắt đất ra chia đều cho năm đứa con. Thế rồi dùng một cái, người ta gởi cho cô giấy quyết định thu hồi đất để giao cho dự án khu công nghệ cao, toàn bộ đất đai và tài sản trên đất được đền bù 560 triệu đồng, riêng 2500 đất nông nghiệp, người ta nói rằng đây là đất biển, không có sổ đỏ nên không được đền bù. Trong phần đất thổ vườn, có 180 mét vuông cô tách ra làm con đường nội bộ của gia đình, nay bị xem là đất công, cũng không được đền bù. Ban đầu, người ta hứa sẽ bán lại cho cô bốn nền tái định cư với giá 600 triệu đồng. Cô nghĩ, hai khu đất của gia đình cô 4500 mét vuông, trị giá hàng tỷ, giờ đổi lấy 400 mét vuông, chỉ bằng một phần mười, nhưng phải bù thêm 40 triệu đồng. Cô làm đơn đi kiện, cùng với bà con làng xóm đi lên Sài Gòn, ra tận Hà Nội kêu oan, kết quả : Cô bị thu hồi lại ba nền tái định cư vì lý do đi kiện !?

Dẫn chúng tôi ra sau vườn, chỉ tay về phía một khu nhà máy mới xây, cô nói, giọng chua xót đến tận cùng: “Chỗ đó, 2500 mét vuông đất nông nghiệp của cha tôi canh tác từ năm 1953, đến năm 1962, cha tôi giao lại cho tôi, tôi làm ruộng mỗi năm cũng được hơn trăm gạ lúa. Bây giờ họ nói đất biển, không đền bù. Ủy ban huyện tịch thu, giao cho dự án khu công nghệ cao, khu công nghệ cao bán mặt bằng cho công ty Allied của Singapore, công ty Allied bán lại cho công ty Jabil của Mã Lai xây dựng nhà máy sản xuất linh kiện điện tử. Đó là kết quả của một gia đình mấy chục năm theo kháng chiến, mấy chục năm nuôi giấu cán bộ dưới hầm bí mật . . . Vậy mà tôi tưởng xây dựng khu công nghệ cao, trước hết là để cho đồng bào nghèo của vùng căn cứ kháng chiến được hưởng lợi . . . ai dè . . . bây giờ người ta coi coi đất quan trọng hơn dân.”

Chưa có con số thống kê chính xác xem có bao nhiêu gia đình là nạn nhân của khu đất được mệnh danh là “Đô thị Internet”, là “Không gian kết nối toàn cầu” này. Chỉ biết rằng có hơn năm trăm hộ, sau nhiều năm đi gõ cửa các công đường đã được đón nhận bằng sự lạnh lùng vô cảm, họ ký tên vào danh sách lập đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại sân vườn quán cà phê Guitar để mong cầu

cứu vong linh của vị Cha già dân tộc. Ngày ngày, họ đến đó thấp nhang khấn vái, trao đổi, nghe ngóng thông tin, xem đây là nơi để nương tựa vào nhau, và, cùng nhau đối phó trước những bất công. Nhưng, bất công cứ càng ngày càng đe dọa nặng nề.

Tại nhà ông Tư Hảo, ngày đêm vợ chồng ông thấp nhang khấn vái vong linh của 121 đồng đội, sống khôn thác linh, hãy vì ông, vì những người dân của xóm làng này mà ra tay phù hộ, hãy giúp ông có đủ trí, đủ lực để chống lại bọn sâu dân một nước, bảo vệ lẽ công bằng như ngày xưa chúng ta đã từng kề vai sát cánh để giữ gìn từng tấc đất của non sông.

Ngày 22 tháng 11 năm 2007, theo lịch tiếp dân thường lệ của UBND quận 9, khoảng 50 người từ quán Guitar kéo ra làm một cuộc biểu tình. Mục tiêu của họ là yêu cầu chính quyền phải giải quyết thỏa đáng về giá đền bù, về tạm cư và tái định cư trước khi thu hồi đất. Đi một đoạn đường thì bất ngờ họ lọt vào vòng vây của hơn bốn trăm nhân viên công lực với đầy đủ khí giới, trong đó có cả một chiếc xe phóng thanh kêu gọi bà con giải tán, đừng nghe bọn xấu lợi dụng mà làm mất trật tự an ninh. Hôm ấy, UBND quận 9 khóa cổng rào, nội bất xuất ngoại bất nhập. Khi đoàn người biểu tình vừa đến cổng thì bất ngờ có mấy chục thanh niên mặc thường phục nhào ra giật băng-rôn, khẩu hiệu, quốc kỳ và ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách thô bạo. Bà con chống trả lại, hai bên ẩu đả nhau, công an vừa can thiệp, vừa quay phim để làm chứng cứ. Cho đến bây giờ, những người ngang nhiên gây sự hôm ấy vẫn chưa rõ tông tích là ai, còn những người chống trả lại thì bị bắt giam cùng một đêm 02 tháng 03 năm 2008, tức là “bắt nguội” sau hai tháng mười ngày với tội danh “gây rối trật tự công cộng”. Trong số mười người bị bắt ấy, có vợ và con trai ông Tư Hảo.

Ông Hảo cho rằng đây là một cái bẫy, một âm mưu, một trò ném đá giấu tay để đẩy bà con vào tội gây rối trật tự công cộng. Nhưng dù là tội gây rối trật tự công cộng - với mục đích đấu tranh đòi quyền lợi chính đáng của những người nông dân tay trắng-thì sao lại phải vây bắt giữa đêm hôm khuya khoác ? Đêm ấy, khoảng 10 giờ đêm, công an quận 9 đến bao vây từng nhà bắt 11 người, phần đông là phụ nữ. Riêng tại nhà ông Tư Hảo, có hơn một trăm nhân viên công vụ tạo thành những lớp hàng rào thịt bao vây nhà ông, bốn người công an khống chế ông vào một góc tường, sau đó họ đọc lệnh bắt vợ ông về tội gây rối trật tự công cộng rồi còng tay giải ra xe. Sáng hôm sau, họ viết giấy mời anh Biền, con trai lớn của ông lên huyện, lại đọc lệnh bắt rồi còng tay giải vô khám Chí Hòa. Chiều lại, một anh phó công an quận và trưởng công an phường đến gặp ông để xin lỗi, họ nói biết rằng làm như vậy là sai, nhưng vì lệnh của cấp trên, mong ông thông cảm.

* * *

Tình cờ trên đường đến quán cà phê Guitar, tôi gặp anh Minh dẫn hai đứa con nhỏ chừng bốn năm tuổi. Hỏi đi

đâu, anh nói đem hai đứa nhỏ đi gửi nhà người quen để đi làm mướn. Hỏi sau không gửi cháu vào nhà trẻ, anh nói trước có gửi, nhưng từ ngày mẹ nó bị bắt đến nay, hết tiền rồi, làm mướn không đủ nuôi năm cha con. Hai đứa lớn, mười lăm, mười sáu tuổi cũng phải nghỉ học để đi đan giỏ mướn. Tôi dúm vào tay anh mấy chục ngàn, coi như bù vào một ngày công làm thợ hồ của anh để được nghe thêm một câu chuyện đau buồn của một gia đình đang tan nát vì cái dự án Khu Công Nghệ Cao trên Vùng Bưng Sáu Xã này. Vợ chồng anh Minh và chị Trang cưới nhau năm 1989, khi ra riêng, được cha mẹ cắt cho 551 mét vuông đất vườn. Năm 1995, sau năm năm làm thuê tích cóp được một ít vốn, anh đào ao nuôi cá và xây chuồng nuôi heo. Năm 1997, cơn bão Linda đi qua, tất cả trở thành bình địa. Trong cảnh trắng tay, hai vợ chồng anh dắt hai đứa con thơ lang thang đi làm phụ hồ kiếm sống. Ba năm sau, họ trở về dựng lại nhà cửa. Lây lắt được vài năm thì phải đối đầu với cơn sóng gió của dự án Khu Công Nghệ Cao. Người ta nói vợ chồng anh không có hộ khẩu (đã bị xóa vì đi kinh tế mới năm 1976) nên không được tái định cư, chỉ được đền bù 121 triệu đồng và trợ cấp sáu tháng tiền tạm cư để thuê nhà trọ, mỗi tháng 400 ngàn. Đó là khoảng tiền gọi là “nhân đạo” để vợ chồng anh có thời gian tạm cư để đi tìm cuộc sống khác. Nhưng đi đâu ? Đi đâu với 121 triệu đồng cho một gia đình gồm hai vợ chồng với bốn đứa con, trong khi mảnh đất mà anh đang ở trị giá gần hai tỷ đồng, nếu bán đi một nửa, anh có thể xây được một ngôi nhà khang trang và còn chút vốn liếng để làm ăn sinh sống, con cái được học hành một cách đàng hoàng.

Chị Trang cùng với bà con trong xóm kéo ra quận đấu tranh, hy vọng sẽ được xem xét lại. Nhưng không ngờ, trên con đường đi đòi quyền lợi chính đáng ấy, chị bị đẩy vào nhà giam, cùng với mười người dân trong cái đêm kinh hoàng 02 tháng 03 năm 2008. Anh Minh nghẹn ngào kể lại, đêm ấy, khoảng mười giờ đêm, hơn ba mươi nhân viên công vụ đến bao vây nhà trọ và đọc lệnh bắt chị Trang. Thấy vợ mình bị còng tay trong khi đang mặc đồ ngủ, anh Minh năn nỉ nhà chức trách cho vợ anh thay bộ đồ khác kín đáo hơn, nhưng họ không chịu, một mực giải ra xe. Anh hét lớn: “Tôi sẵn sàng chịu còng tay thế mạng cho vợ tôi được thay quần áo”. Nhưng họ vằm im lặng, lôi chị đi trong tiếng khóc la của bốn đứa con.

“Vì lợi ích quốc gia - anh Minh lại nghẹn ngào - nếu thật vậy thì trước hết người ta phải biết coi trọng quyền lợi của người dân. Đằng này, vì lợi ích quốc gia mà bao nhiêu gia đình phải tan nhà nát cửa, bao nhiêu thương dân vô tội phải ngồi tù . . .”

Than ôi ! Gia đình anh Minh vẫn chưa phải là số phận cuối cùng trên Đông Bưng Sáu Xã này. Ngôi cách chỗ chiếc bàn của chúng tôi vài mươi mét bên kia là anh Nguyễn Công Tạo, một người tan nhà nát cửa đến phát điên. Tôi gặp anh sau khi anh xuất viện được gần hai tháng, bà con trong xóm nói anh đã hết điên rồi, anh cũng nói với tôi như thế. Nhưng thỉnh thoảng tôi lại thấy

anh cười một mình, cười không thành tiếng, chỉ neoh mắt, nhếch môi, nhưng ẩn sâu trong nụ cười vô cơ của anh như có một cái gì đó thật não nùng, cay đắng. Tôi gặp anh vài lần, nghe anh kể, không phải tôi không tin anh, nhưng tôi vẫn ngờ ngợ khi nghe anh kể về những ngày điên loạn, lúc nhớ lúc quên. Vì vậy mà tôi phải mất nhiều thời gian để tìm hiểu về anh qua những người hàng xóm, trong đó có dì Ba Thêu, một trong những người tận tâm chăm sóc anh Tạo trong những lúc khốn cùng. Dì Ba kể, anh Tạo là một thanh niên hiền lành, chất phác, ly dị vợ cách nay hơn mười năm. Vợ anh dắt theo đứa con gái, anh nuôi đứa con trai. Hai cha con sống trong căn nhà cấp bốn trên khu vườn tạp 300 mét vuông. Hàng ngày, anh chạy xe ôm và bốc vác để nuôi con. Khi triển khai dự án Khu Công Nghệ Cao, người ta đền bù cho anh cả nhà lẫn đất chỉ 97 triệu đồng. Song, cũng ngay trên mảnh đất này, người ta bán lại cho anh cái nền tái định cư 100 mét vuông với giá 160 triệu đồng. Thấy chuyện vô lý, anh đi kiện. Rồi một hôm, sau một ngày vác đơn đi kiện trở về thì ngôi nhà của anh đã bị san lấp thành bình địa, nghĩa là anh bị cưỡng chế vắng mặt. Trước mắt anh chỉ còn lại một đồng tường gạch ngổn ngang, đổ nát, cây cối bị chặt phá hoang tàn. Tất cả vật dụng trong nhà bị dân ve chai lấy hết. Chỉ còn con chó từ đâu lần mò tìm về mừng chủ trong ánh mắt hốt hoảng, thất thần.

Kiên quyết không giao đất, anh dựng lại túp lều bằng mấy tấm bạt nylon, bà con hàng xóm thương tình, người cho anh tấm đệm bàng, kẻ cho cái mùng cũ, vài bộ quần áo cũ và một bình đựng nước. Nhưng mấy ngày sau, chính quyền quận 9 đưa xuống 200 nhân viên công lực cùng với phương tiện cơ giới để cưỡng chế lần thứ hai. Và lần này, họ dùng kobe đào nát mảnh đất của anh thành những đường mương cắt ngang cắt dọc để anh không còn nơi dựng lại túp lều. Cha con anh Tạo cùng với con chó dắt díu nhau qua gốc cây của người hàng xóm để tạm cư. Cảm thương cảnh màn trời chiếu đất của anh, ông Tư Hảo mang đến cho anh chiếc ghế bố cũ. Ngày chạy xe ôm, đêm về hai cha con nằm xoay nghiêng trên ghế bố dưới gốc cây, bên cạnh sự bảo vệ, chở che của con chó trung thành. Thế nhưng tai họa nối liền tai họa, chẳng con trai của anh bị tai nạn giao thông ngoài xa lộ, được người dân tốt bụng ở địa phương đưa đi cấp cứu trong bệnh viện Gia Định. Dì Ba Thêu cùng với bà con hàng xóm vận động nhau góp tiền chạy lo cho đứa bé. Anh Tạo bắt đầu quần trí, người ta thấy anh thức suốt đêm, ngồi bên cạnh con chó trên nền nhà cũ, miệng nói lảm nhảm, chửi bới lung tung, mắt long lên, thân sắc khác thường. Rồi anh mài dao, múa như múa kiếm, miệng la hét “chém chúng nó”. Không ai dám gần anh ngoài con chó trung thành. Sau vài ngày thì anh hiện nguyên hình của một người điên, đốt lều, đốt cây cỏ, đập phá, chửi bới. Có lúc trời nắng như thiêu, anh để mình trần, đầu trần ngồi lạng người trên nền nhà cũ, bỗng đứng anh ngược mặt lên trời, cất tiếng kêu một hồi dài, tiếng kêu ú ớ như tiếng chó tru.

Không còn cách nào khác, gia đình và hàng xóm xúm nhau đưa anh vào bệnh viện tâm thần.

Chúng tôi trở lại quán cà phê Guitar lần sau cùng thì thấy anh Tạo đã tỉnh táo, con trai anh cũng lành bệnh trở về. Chỉ có con chó là biệt tăm. Anh Tạo rầu rĩ nói: “Trong cảnh không nhà, không chủ, sống lang thang không nơi nương tựa, biết nó đã lọt vào tay ai. Nếu còn sống thì nó đã về. Chó là con vật trung thành, không bao giờ phản chủ”. Hai cha con anh Tạo mắc hai chiếc võng dưới tấm lều bạt trong vườn bạch đàn của ông Lộc, cha anh, ngày đi kiếm việc làm thuê, đêm về ngủ võng. Tài sản là một bình nước cột dưới gốc cây, phía trước túp lều. Tôi vừa mừng cho sự tỉnh táo của anh Tạo thì cũng bắt đầu lo cho ông Tư Hảo khi thấy ông bước vào quán, miệng nói lảm nhảm: “Ba mươi năm trước, tao về đây giải phóng Sài Gòn. Bây giờ, người ta không cần tao nữa, nhưng người ta cần đất của tao. Đất của tao có giá hơn tao. . .”

Phần đất của ông cắt cho người con trai lớn - tức anh Biên đang bị tạm giam - đã bị giải tỏa, ngôi nhà thờ 121 liệt sĩ của ông đã bị kober đập thành bình địa. Phần còn lại không biết sẽ tồn tại được bao lâu nữa. Cách nay mấy hôm, ông được vào thăm vợ. Thấy vợ tiêu tụy, xanh xao, ông đã không cầm được nước mắt. Đêm ấy, ông ngồi một mình bên chai rượu đến hai giờ khuya. Rồi bất thần, ông gọi điện thoại sang nhà chị Nga hàng xóm, một hai bảo chị phải đến nhà ông gấp. Chị Nga vượt hơn hai cây số trong đêm chạy qua, thấy ông xếp sẵn hai bộ quần phục, gắn đầy những chiếc huy chương lên ngực áo, ông nói: “Em giữ giùm anh hai bộ đồ này, chờ vợ anh ra tù trao lại cho bà ấy giữ giùm anh”. Chị Nga vừa khóc, vừa van xin ông hãy bình tĩnh để tiếp tục làm tròn bổn phận của người chồng, người cha trong một gia đình đang điều dưỡng. Nghe đến trách nhiệm ấy, dường như ông tỉnh lại.

Sau câu chuyện chị Nga kể, tôi nhìn ông Hảo và tự hỏi, liệu ông còn tỉnh được bao lâu khi tài sản của ông tiếp tục bị đe dọa và vợ con ông tiếp tục ngồi tù.

Trên đường về, đầu óc tôi cứ quay cuồng trong câu hỏi: Lẽ nào người ta cần đất hơn cần dân ?

Sài Gòn, tháng 6 năm 2008 (Bài đăng trên báo Văn Nghệ số 25, ngày 21 tháng 6 năm 2008)

**... LDD ở Việt Nam đã gây đau khổ, oan
khiên cho hàng chục triệu người, nhất là
nông dân, kể từ khi nó ra đời (1987).
Chính nó giúp tham nhũng tăng lên gấp 4
lần và mỗi năm rót 10% GDP vào túi bọn
tham nhũng, hoặc lãng phí. Hoàn toàn có
cơ sở để đạo luật này bị gọi là “sản phẩm
của tư duy phản động”...**

Sinh viên Luật Đỗ Thúy Hằng (xem bài trang 86)

hồi ký của một

thằng hèn!!

Tô Hải

Vì sao tôi viết hồi ký?

“Khi bắt tay vào viết hồi ký, ấy là lúc mọi khát vọng sáng tạo đã cạn, mọi ham mê, hoài bão đã tắt, và thần chết đã cầm lưỡi hái hiện trước cửa sổ...”

Câu mở đầu đó, nếu tôi không nhầm, là của George Sand (1) mà tôi đã đọc, đã thương cảm và đã tự nhủ rằng rồi đây chính mình cũng sẽ phải để lại cho đời ít dòng nói thật khi bước vào tuổi 70, nếu như cái chết lãng nhách không đến bất chợt! Biết đâu đấy, rồi đây lịch sử sẽ có thêm được một số chi tiết trong “tội ác diệt văn hóa” của nhà cầm quyền Việt Nam trong một thời gian dài trên nửa thế kỷ nhờ những chứng liệu được ghi trong hồi ký của một kẻ từng làm thứ văn nghệ gọi là “vì Đảng vì dân” trong suốt đời mình.

Hãy nhìn lại lịch sử văn học nghệ thuật ở miền Bắc Việt Nam mà xem. Một lỗ hổng lớn!

Đúng vậy! Hậu thế sẽ thắc mắc: làm sao mà từ năm 1945 đến đầu thế kỷ 21, nhân tài đất Việt ở miền Bắc Việt Nam - một thứ Đàng Ngoài của lịch sử lặp lại - ít ỏi đến thế? Tác phẩm của họ đâu rồi, ngoài lèo tèo mấy bài thơ của Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán...và chẳng có một tiểu thuyết, một đoạn văn nào đáng được trích giảng trong các trường từ tiểu, trung đến đại học? Vậy mà suốt thời kỳ đất nước nằm dưới “sự lãnh đạo vô cùng sáng suốt” và “duy nhất đúng đắn” của những tên “xuất thân thành phần cơ bản”, trình độ học thức ở mức “đánh vần được chữ quốc ngữ”, các văn nghệ sĩ công chức ở nơi này vẫn được nhà cầm quyền trao tặng “Giải thưởng Nhà Nước”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và đủ thứ bằng khen giấy khen, được trang trọng lồng kính treo kín những bức tường phòng khách!

Thử hỏi những tác phẩm được khen nức khen nở ấy giờ ra sao? Té ra tất cả đã bị lịch sử xếp xó.



Hơn thế nữa, những tác giả được Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa khen hàng loạt nọ, trong thực tế, còn là những kẻ bán rẻ lương tâm đã lợi dụng các loại hình văn nghệ để ca ngợi những điều bất nhân, bất nghĩa bị cả nhân loại phỉ nhổ: khuyến khích con đấu cha, vợ tố chồng; hô hào kích động người cùng một nước chém giết lẫn nhau; ra sức ngợi ca những tên sát nhân khét tiếng như Stalin, Mao Trạch

Đông... thậm chí, còn quỳ gối khấu đầu tạ ơn những tên đao phủ và cái tổ chức tội ác là “Đảng đã cho ta một mùa xuân”, dạy những đứa trẻ bập bẹ biết nói: “tiếng đầu lòng con gọi Stalin!”.

Nhục nhả thay cho những kẻ cam tâm bợ dít, luồn tròn kẻ giết cha mình! Cho tới cuối thế kỷ 20 vẫn còn những kẻ u mê cứ tưởng các “tác phẩm” tuyên truyền cho cuộc chiến huynh đệ tương tàn, cho hận thù dân tộc, cho đấu tranh giai cấp của chúng là giá trị lắm! Cứ xem chúng tâng bốc nhau, nịnh bợ nhau, bôi xấu nhau, kiện cáo nhau, để được nhận cái... vết như một thời làm lính văn nghệ của Đảng thì thấy.

Không thể nín nhịn mãi, nhân dịp người ta tổ chức mừng sinh nhật 70 tuổi của tôi để ghi công những năm làm nô bộc của tôi, tôi đã công khai phủ nhận tuốt tuột những gì tôi gọi là “tranh cổ động bằng âm thanh” trên Tivi Sài Gòn. Tôi kiên quyết không cho phát lại những gì tôi được nhà cầm quyền ngợi khen suốt quá trình sáng tác. Để nhắc đến những tác phẩm của tôi, tôi chỉ đồng ý lên một chương trình do chính tôi soạn thảo và đặt tên. Nó gồm những tiếng nói của trái tim bị cấm đoán, bị lên án, thậm chí bị trừ dập suốt nửa thế kỷ.

Sau hết, dựa vào thời cơ “Đổi Mới”, nhờ những bạn bè đồng tình với tôi và còn giữ được một số quyền hành cuối cùng trước khi về hưu, chương trình Nửa Trái Tim Tôi của Tô Hải đã ra mắt trọn một tiếng đồng hồ với toàn những “tác phẩm bỏ tủ lạnh”, với những lời tuyên bố gây “sốc” mạnh trong giới làm nhạc ăn lương.

Những đồng nghiệp thực sự có tài và có tâm sự giống tôi thì hài lòng. Số này, khi trả lời phỏng vấn, cũng chỉ dám nhận một cách khiêm tốn con số ít ỏi những gì mình làm ra xứng đáng được gọi là tác phẩm. Còn số khác, những “nhạc sĩ” bám chặt thành tích 500, 1000 bài hát ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác, động viên con em ra chiến trường hiện còn tiếp tục lải nhải kể công với Đảng để xin “tư tiền cơm” nhân danh giải này giải nọ thì tự ái, nổi khùng, gọi tôi là “tên phản động”.

Trả lời những câu hỏi của báo chí hoặc truyền thanh truyền hình, tôi luôn nhắc lại nguyên lý bất diệt của nghệ thuật: “Chỉ những gì từ trái tim mới đến được trái tim”! Nhưng trái tim của tôi, hỡi ôi, gần một thế kỷ qua

lại không đập vì... tôi! Nó bị trói buộc, bị cưỡng bức phải đập vì những cái xa lạ với tôi: vì Đảng, vì hai cuộc chiến, vì những tín hiệu nhập khẩu từ các nước cộng sản Nga, Tàu. May thay, thời thế rồi cũng đổi thay.

Liên Xô, “quê hương của cách mạng vô sản toàn thế giới”, “ngọn đuốc soi đường cho nhân loại” sụp đổ cái rụp. Thân tượng Marx, Lenin, Stalin gần 70 năm được tôn thờ hơn cả Chúa Trời bị đập tan!

Đọc hồi ký, di bút của các văn nghệ sĩ vĩ đại của mọi thời đại như Beethoven, Modigliani, Rubinstein, Stravinsky, Litz, ... hay của các nhà chính trị như de Gaulle, Khrutchev, Nixon, ... càng thấy cái cao thượng của họ bao nhiêu càng thấy cái bẩn thỉu, thấp hèn của các nhà “chính chọe” (politicaillerie) bấy nhiêu.

Biết bao tên tuổi lớn đã chịu sự hắt hủi, lên án, thậm chí săn đuổi, cách ly của một thể chế, của tập đoàn nắm quyền lực, kể cả bị lên án là “phản bội” đã để lại cho chúng ta các tác phẩm ghi lại những gì họ suy ngẫm qua những trải nghiệm trong cuộc đời, những buồn đau, khổ cực, những chịu đựng ghê gớm cả về vật chất lẫn tinh thần để tồn tại, để tìm tòi và sáng tạo.

Trong khi đó, hồi ký của các “lãnh tụ cách mạng” chỉ là những cuốn sách viết ra cốt tủy đề cao mình một lần cuối, để giải thích (chống chế thì đúng hơn) cho những hành động sai lầm, đổ tội cho người khác về những thất bại mang tính lịch sử mà kẻ viết hồi ký chính là tội phạm. Vậy thì, tôi, Tô Hải, một cái tên được nhiều người biết ở cái thời “âm nhạc phục vụ công nông binh”, ở cái thời mà âm nhạc, nếu không làm đúng yêu cầu của Đảng sẽ lập tức bị bọn “quan văn nghệ” lên án là “mất lập trường”, là “cá nhân tiểu tư sản”, thậm chí là “âm nhạc phản động”, có gì để mà hồi với ký?

Bánh xe lịch sử quay với tốc độ kinh hoàng đã cuốn phăng những “tác phẩm”, và cả những tác giả của chúng từng đoạt giải thưởng này huân chương nọ lại than ôi, có cả tôi trong đó!

Lẽ công bằng chậm chạp cho đến nay đã phục hồi một cách rụt rè (không cần một quyết định hành chính nào hết) những tác phẩm và những tác giả một thời bị đọa đầy, bị cấm đoán. Cuộc Đổi Mới - thực tế là trở lại như cũ - với các quan niệm về cái đẹp đã cho những “tên tuổi lớn” một thời trong mọi lãnh vực quân sự, chính trị, văn học, nghệ thuật những cái tát tỉnh người!

Trong “cơn đau cuối đời”, một số cựu ủy viên trung ương đảng không còn chỗ ngồi ghé trong các ban chấp hành mới, mấy ông tướng bị cho ra rìa, ngồi chơi xơi nước hoặc bị khai trừ khỏi đảng vì bất tuân thượng lệnh, đã tỉnh ngộ. Kinh nghiệm một đời theo Đảng đã cho họ cái để viết nên những trang “sám hối” có phần nào giá trị. Họ phải trả giá cho sự dám nhìn lại cuộc đời bằng con mắt khách quan và tỉnh táo bằng sự trừng trị tương đối nhẹ nhàng so với người đối kháng khác: bị giam lỏng tại nhà, bị cắt điện thoại, tịch thu computer...

Trong khi đó - tôi xin nhắc lại - mấy anh văn nghệ sĩ mở ngủ vẫn xúm đen xúm đỏ chen lấn nhau để giành bằng được mấy cái giải thưởng cho những tác phẩm mà con cháu ngày nay chẳng còn coi là cái giống gì. Ấy là chưa kể những kẻ chẳng bao giờ góp mặt trong nền văn nghệ, kể cả văn nghệ “phục vụ cách mạng”, nhân dịp này dịp khác cũng được nhà nước vô sản hào phóng ban thưởng về “sáng tác”! Một bức tranh cười ra nước mắt.

Riêng tôi, khi chẳng còn lao động nghệ thuật được nữa (đúng hơn là không còn muốn lao động nghệ thuật nữa) bỗng đứng lại được cái Nhà Nước công nông binh tặng cho cái “Huân Chương Lao Động Hạng Nhất”. Và khi không còn sáng tác nữa (đúng ra là không muốn sáng tác nữa) lại được người ta treo lên cổ cái mẽ-day “Giải thưởng Nhà Nước”! Sướng chưa?

Tội nghiệp cho mấy anh Văn Chung, Nguyễn Đình Phúc, Lê Yên, Vũ Trọng Hối, Trần Ngọc Xương, ... chẳng còn sống ở trên đời để mà hưởng cái “Giải thưởng Nhà Nước” nọ. Nói thêm chút cho vui: Cái giải thưởng này quy ra tiền cũng được gần bằng một phần mười giải thưởng tặng cho hoa hậu đấy. Mà để làm hoa hậu thì cần quái gì phải có học.

Bi kịch hay hài kịch đây?

Dù sao cái giải thưởng đáng giá hai năm lương hưu của tôi cũng là món tiền thêm vào cho hai năm tôi ngồi viết những trang tiếc nuối cuộc đời mà các bạn đang cầm trong tay. Không có nó thì đành ôm cả núi ân hận mà về với đất. Vì không có nó thì lấy gì ăn để mà viết? Cho nên tôi cũng thấy cần ghi lại ở đây “lời tri ân” đối với Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tạo điều kiện cho tôi viết nên những dòng hồi ký này.

Thế là, với sức tàn còn lại, tôi bắt đầu...

Những hình ảnh đầu tiên đến với tôi rõ nét nhất chính là những thời gian, không gian, sự kiện và những con người đã mang lại cho tôi những cảm xúc, những niềm vui và nỗi buồn.

Trong đầu tôi tràn ngập hồi ức đòi được thoát ra.

Vì thế trong khi viết, tôi luôn phải cố gắng sao cho khỏi lạc “chủ đề tư tưởng” (cách nói méo mó trong ngôn từ văn nghệ cộng sản). Và trước hết, tôi phải dè bẹp được sự “hèn nhát” trong tôi là cái đã bén rễ sâu chặt do thời gian quá dài sống trong lồng kín, cách ly bầu trời tự do. Tôi sẽ viết để bạn bè, con cháu hiểu và thông cảm nỗi đau của những người cả cuộc đời phải sống và làm việc với cái đầu và trái tim của tên nô lệ. Tôi tình nguyện làm một trong những người vạch trần những bộ mặt chính trị dỏm, văn nghệ dỏm, những tên cơ hội, đã cản trở, giết chết tác phẩm, đẩy những tài năng vào hố sâu quên lãng.

Đáng buồn là những chuyện được giấu kín đó, tôi đều được biết, thậm chí còn được tham dự các kế hoạch hại người (được gọi là kiểm điểm, học tập, thu hoạch...) ngay từ khi chúng mới được phác họa, trong suốt quá

trình tôi ở cương vị cấp ủy, lãnh đạo chỉ đạo nghệ thuật. Để bảo vệ chỗ đứng của mình, tôi đã không dám cãi lại những lời chửi rủa bố tôi là đồ “phản động”, mẹ tôi là “Việt gian”, họ hàng nhà tôi là “tay sai đế quốc”! Vậy thì làm sao tôi dám bảo vệ cho một Đoàn Phú Tứ là không phản bội, một Phạm Duy là không phải “dinh tề” chỉ vì không chịu được gian khổ”?

Tôi đã chọn con đường cúi đầu nín lặng mặc dù tôi biết rõ nguyên nhân vì sao ông cậu Đoàn Phú Tứ của tôi phải về Thành, biết rõ không ai không sợ chết mà lại dám một mình vác đàn, nhin đói vượt U Bò, Ba Rền vào chiến trường Bình Trị Thiên ác liệt nhất để viết nên Bà Mẹ Gio Linh, Về Miền Trung như Phạm Duy. Tôi đã là thế đấy. Những âm mưu hạ tiện đó, tôi không phải không biết. Trái lại, tôi hiểu ra ngay từ lúc chúng mới được bàn bạc trong “nội bộ”. Lòng tôi chống lại thủ đoạn hại người, nhưng miệng tôi lại không dám nói ra.

Nổi bất bình bị dồn nén ám ảnh tôi suốt mấy chục năm trời. Dần dà, nó biến tôi thành một núi mâu thuẫn. Mặc dầu tôi tự nguyện dồn nén, miệng nói lửa kia thỉnh thoảng lại bùng ra. Những phản ứng không kìm được xảy ra ngày một nhiều và được các công bộc mẫn cán của Đảng ghi lại bằng giấy trắng mực đen trong lý lịch đảng viên của tôi, kèm theo nhận xét “không có ý thức bảo vệ Đảng”, “hay phát ngôn vô trách nhiệm”. Tôi mang tội “không có ý thức bảo vệ Đảng” chẳng qua vì tôi không chịu bảo vệ Đảng và những đảng viên có chức có quyền làm những điều sai trái.

Ngay cả với trưởng ban Tổ Chức Trung Ương Lê Đức Thọ quyền sinh quyền sát là thế mà tôi cũng có lần nói thẳng mặt: “Tại sao khi những người nhân danh Đảng làm bậy, chúng tôi phê phán họ thì lại bị ghép vào tội chống Đảng, chống chủ nghĩa cộng sản? Tại sao lẽ phải bao giờ cũng thuộc về họ, mặc dầu họ không có một xu kiến thức để đối thoại với chúng tôi?”

Đó là một trong những “cú liều” đem lại cho tôi nhiều thiệt thòi, cay đắng. Với những “cú liều” này, bạn bè bảo: “Tô Hải là thằng ‘có bản lãnh’”. Những người cùng nghĩ như tôi nhưng biết giữ mồm giữ miệng thì khoái lắm, vì đã có Tô Hải nói thay! Số còn chức còn quyền nhưng không đến nỗi tội tệ quá thì cố tìm cách “hãm phanh” tôi lại để các “anh trên” đỡ vì đau đầu mà phạng lung tung. Còn tôi, ở cái tuổi ngoài 70, chẳng còn gì để mất, lại được sự cổ vũ của số lớn bạn bè, tôi cứ “nổ” khi có điều kiện.

Cũng có người cho rằng tôi “dại” có cỡ, có kẻ nhắc là “cẩn thận kéo vào tù!”. Nhưng tôi đã quyết: 55 năm miệng bị lấp khoá kéo, nay đã già, đã về hưu, có chia sẻ với bạn đọc những hồi ức của đời mình thì cũng chẳng còn phải e ngại các lời ong tiếng ve rằng mình vì tư lợi, muốn kiếm chác cái gì. Còn về Đảng ư? Tôi đã cóc cần nó từ khuya rồi và hết sức vinh dự được trở lại hàng ngũ nhân dân đang bị một nhóm người bắt sống cuộc sống trại lính, ăn gì, mặc gì, xem gì, đọc gì, thậm chí chết kiểu gì cũng đều do họ quy định và cho phép!

Tôi đã nói và sẽ nói, nói tất, nói với bạn bè, với người thân, với con cháu, chắt, chút, chút những gì mà bộ não ông già 70 còn ghi nhớ được về cái thời tưởng mình là một cánh đại bàng bay bổng giữa trời. Nhưng, than ôi! Gần hết cuộc đời, tôi vẫn chỉ là “con đại bàng... cánh cụt”, chạy lè tè trên mặt đất mà vẫn vấp ngã đến gãy mỏ, trụi lông. Hi vọng rằng sau khi đọc hồi ký này người đọc sẽ thương cảm cho tôi, cho các bạn tôi, những người ngây thơ, tội nghiệp, cả cuộc đời bị lừa dối và đi dối lừa người khác một cách vô ý thức. Biết đâu chẳng có ngày đất nước này hoàn toàn “đổi mới” thật sự, hồi ký này sẽ được in ra để làm tài liệu lưu trữ về một thời cay đắng và tủi nhục nhất trong lịch sử Việt Nam. Và, may ra, lay trời, những “đại bàng cánh cụt” chúng tôi sẽ được nhắc tới, như những chứng nhân lịch sử.

Nhưng, “vừa là tội đồ vừa là tông phạm” làm sao những con đại bàng cánh cụt kia có thể bay cao, bay xa? Thôi thì xin làm con sói của Alfred de Vigny, con bói cá của Musset tru lên tiếng rú cuối cùng, phanh ngực, xé lòng, hiến cho lịch sử một mẫu trái tim, một mẫu trí óc, một chút hơi tàn của thân xác. Với niềm tin vô bờ bến rằng ngày tàn của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam đã đến rất gần, dù có chậm hơn ở các nước bậc cha ông, anh cả, anh hai đến vài ba thập kỷ, niềm tin ấy vẫn cháy bỏng trong tôi thúc giục tôi vứt bỏ mọi sợ hãi, mọi hèn kém để ngồi vào computer.

Tôi bắt đầu...

Đôi điều phi lộ viết ... sau cùng

Tập Hồi Ký này tôi viết xong từ năm 2000, nhưng do... hèn, tôi đã không dám cho nó ra mắt bạn đọc. Vâng, do... hèn, chứ chẳng phải do cái gì khác, tôi đã giấu nó đi, lại còn cẩn thận ghi thêm một dòng ở ngoài bìa “Để xuất bản vào năm 2010”. Như một lời di chúc dặn vợ con, khi tôi đã... chết!

Tới năm 2003, mang bản thảo ra đọc lại, thấy ngòi bút của mình sao vẫn rụt rè, vẫn lấp lửng mới biết mình vẫn chưa hết sợ sức mạnh tàn bạo của nền “chuyên chính vô sản” mà mình từng ném trái. Nhất là sợ rồi đây vợ con mình phải chịu đựng những đòn thù bản thủ của bầy dã thú đội lốt người, nếu chẳng may những gì mình viết ra rơi vào tay chúng. Tôi thấy cần phải sửa lại cuốn sách - từ cách viết, từ cái nhìn chưa đủ tinh tường về những sự kiện lịch sử - và viết thêm về những con người cần được nhắc tới, mỗi người là một mảnh gương nhỏ, nhưng gộp lại người đọc có thể thấy hình ảnh một thời đại.

Và tôi viết thêm chương Tôi đã hết hèn!

Nhưng đã đến chưa, cái thời cơ có thể đưa cuốn sách mà tôi ấp ủ bấy lâu ra trình diện người đọc? Vẫn chưa phải lúc chẳng? Ngẫm ra, tuy viết là “Tôi đã hết hèn”, nhưng trong thực tế cái hèn vẫn còn đó, nó vẫn bám chằng chằng, như một bộ phận của cơ thể, cái sự mình khẳng định với mình rằng đã hết hèn mới chỉ là sự mạnh dạn với bản thân khi cầm bút mà thôi! Còn đấu tranh trực diện với cái sức mạnh tăm tối đang cai trị đất nước, kim

hãm sự phát triển của cả một dân tộc là chuyện khác, không phải là điều ai cũng dám làm!

Đặc biệt, ba bốn năm gần đây tôi may mắn có điều kiện làm quen với Internet, nhờ đó được tiếp cận với rất nhiều người mà tôi vô cùng cảm phục. Dù đang sống ở trong nước, họ không hề sợ hãi trước đàn áp, ngục tù. Đó là những Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc. Đó là những Hoàng Tiến, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Thanh Giang, Vũ Cao Quận... Đó là những nhà sư, những linh mục thà chết không chịu đứng chung hàng với lũ tu sĩ “quốc doanh”, và nhiều, rất nhiều người khác nữa!

Cũng không thể không nói đến ảnh hưởng của hàng chục website cổ võ dân chủ trên khắp thế giới, cũng như những gì bạn bè tôi, đồng đội, “đồng chí” cũ của tôi như Bùi Tín, Vũ Thư Hiên phải bỏ nước, bỏ cả vợ con ra đi để được viết lên Sự Thật, mở mắt cho bao người còn đang sống hèn như tôi. Không có những cái đó thì nhân dân còn tiếp tục bị lừa dối bởi lũ bồi bút cho đến nay vẫn ra rả ca tụng một chủ nghĩa đã lỗi thời với cả nhân loại.

Tôi cũng mong sao mỗi người trong số các văn nghệ sĩ sắp già từ cõi đời nhầy nhụa này hãy để lại một “bản di chúc” nói lên Sự Thật, dù chỉ là 1/1000 Sự Thật, để tạ tội với đồng bào, về những gì mình đã vì miếng cơm manh áo, vì yếu hèn mà phải cúi đầu làm thân trâu ngựa. Được như Ba Người Khác của Tô Hoài cũng đã là tốt, làm được thế thì người viết cũng có thể được nhân dân “xá tội” cho phần nào.

Người đọc đang chờ xem “di cảo” của một Chế Lan Viên, một Nguyễn Đình Thi □ hai nhân vật đứng đầu bấy nọ lệ cầm bút. Đáng ngạc nhiên là theo Nguyễn Đình Chính (con trai Nguyễn Đình Thi) thì cuốn hồi ký của Nguyễn Đình Thi sẽ chỉ được phép công bố vào năm... 2014?! Sao lại lâu đến thế? Nguyễn Đình Chính vẫn còn sợ, còn tính toán thiệt hơn, còn bắt linh hồn người cha ở thế giới bên kia tiếp tục đóng kịch mãi sao? Hay chính tác giả cuốn hồi ký dọa sẽ in năm 2014 vẫn còn chưa tin là chủ nghĩa cộng sản đã đến ngày tuyệt diệt?

Tôi sẽ phải đưa vào chương sẽ viết những nhận thức mới, tình cảm mới, những sự kiện bổ sung dưới ánh sáng mới, một chương gần như tóm tắt tất cả những gì tôi đã viết vào lúc chưa có được sự tiếp xúc và tiếp sức của phong trào đòi tự do, dân chủ, đòi quyền con người đang ào ào dâng lên mỗi giờ, mỗi ngày trong cái xã hội độc tài đảng trị đáng nguyền rủa.

Viết xong chương bổ sung cần thiết, tôi sẽ công bố cuốn hồi ký của đời mình trên mạng Internet toàn cầu để mọi người nếu đã biết rồi sẽ biết thêm về mặt trái với những góc khuất của một xã hội tồi tệ được sơn son thếp vàng bởi một lũ bồi bút hèn hạ, trong đó, than ôi, có cả bàn tay của kẻ viết những dòng này.

Tại sao lại phải công bố trên Internet? Bởi vì không thể trông chờ sự xuất hiện của một nhà xuất bản tư nhân nhờ “ơn trên” nào đó sẽ ra đời trong một cuộc đổi mới giả hiệu, và tập hồi ký này sẽ được in. Trong cái quái thai “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” vẫn độc tài với tự do tư tưởng, với nhân quyền tối thiểu, chuyện đó quyết không thể xảy ra.

Thật tình, tôi những ước mong lời nhắn gửi của tôi sẽ đến tay đồng bào, bè bạn, đồng đội, “đồng chí” cũ của tôi, những thế hệ sau tôi, kể cả “kẻ thù” của tôi nữa, trong dạng một cuốn sách bằng giấy trắng mực đen hơn là một cuốn sách trên màn hình máy tính. Mạng thông tin toàn cầu cho tới nay vẫn còn là một cái gì xa lạ với tuyệt đại đa số dân chúng Việt Nam, kể cả nhiều người gọi là có học nhưng đã về già, không còn sức để đọc mấy trăm trang trên computer!

Cuối cùng, xin người đọc, nhất là các bậc thức giả, hãy lượng thứ cho những thiếu sót, những nhầm lẫn ở chỗ này chỗ khác về tên tuổi, địa danh, ngày, tháng... mà một cây bút “trẻ” ở tuổi 80, tài vốn hèn, sức đã kiệt, có thể mắc phải.

Tô Hải

(1) là bí danh của tiểu thuyết gia Pháp tên thật là Amandine Aurore Lucile Dupin, sau trở thành Baroness (French: baronne) Dudevant; sinh 1 tháng Bảy, 1804 - chết ngày 8 tháng Sáu 1876.

(trích Hồi Ký Một Thăng Hèn, của Tô Hải)

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

- Quý Hoà Thượng, Thượng Tọa, Tăng Ni chùa Khuông Việt, Na Uy.
- Quý Thầy Thích Thiện Mỹ, Thầy Thích Phước Lạc, Thầy Thích Hạnh An, Thầy Thích Thông An, Thầy Thích Hạnh Định, Thầy Thích Trung Hiến, Thầy Thích Nguyệt Hà, Thầy Thích Thánh Hữu (Việt Nam).
- Hội Người Việt Tị Nạn Oslo và vùng Đông.
- Anh em trong cơ sở Việt Tân tại Oslo.
- Quý Phật tử trong ban trai soạn chùa Khuông Việt.

Đã đến tụng niệm, gửi vòng hoa, phúng điếu, điện thoại gọi lời phân ưu cho Cha chúng tôi là Ông Nguyễn Ngọc Bình. Pháp danh Minh Khánh đã tạ thế ngày 14 tháng 3 năm 2009 nhằm ngày 18 tháng 2 năm Kỷ Sửu tại bệnh viện Nguyễn Trãi - Việt Nam. Thương thọ 81 tuổi

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ suất xin quý vị niệm tình tha thứ.

Thay mặt toàn thể gia quyến - Thứ nữ Diệu Phúc
Nguyễn Thị Ngọc Bích đồng cảm tạ

danh hiệu

“đảng viên cộng sản”

Bùi Tín

“... Chế độ Cộng sản bị cả Quốc Hội châu Âu vạch mặt, kể tội ác rành rọt như thế, những đảng viên cộng sản Việt nam có thấy mình có liên quan không, có còn tự hào về đảng cộng sản, về danh nghĩa đảng viên cộng sản của mình hay không?...”

Tôi ở trong đảng cộng sản hơn 40 năm! Gần hết cả cuộc đời rồi còn gì! Đã gần 20 năm nay, tôi là người tự do, không thuộc đảng nào hết. Có gì sung sướng bằng! Tôi hoàn toàn hài lòng, vì có ích cho dân, cho nước hơn hẳn, khác hẳn trước.

Thế mà mới đây, báo An ninh Nhân dân (!) - sao họ hay lạm dụng chữ “nhân dân” thế nhỉ - khi kể về anh Nguyễn Tiến Trung gặp Bùi Tín ở Paris, đã nói bừa rằng Bùi Tín là đảng viên đảng Việt Tân (!). Thật là chuyện khôi hài, ăn ốc nói mò, vì tôi không hề sinh hoạt một phút nào, một buổi nào với đảng Việt Tân; điều này, người Việt ở Paris am hiểu tình hình đều rõ. Thêm một bằng chứng ngành công an cộng sản thoái hoá, biến chất, vô tích sự, nói lảm nhảm, chỉ ăn hại tiền thuế của nhân dân; báo Công an, An ninh chỉ gieo rắc dối trá và vu cáo, truyền bá chuyện đồi trụy, giật gân để kiếm chác, không còn biết liêm sỉ là gì. [Tôi không ghét bỏ gì đảng Việt Tân, đảng này đã từ bỏ con đường bạo lực và hiện có những người lương thiện, yêu nước, nhưng tôi không từng là đảng viên VT].

Nhân đây tôi nghĩ về vô vàn bạn bè, người quen, bà con họ hàng của tôi ở trong nước, do hoàn cảnh éo le là chỉ có một mình đảng cộng sản được coi là hợp pháp, nên hiện nay vẫn miễn cưỡng mang danh nghĩa đảng viên cộng sản, dù rằng họ đã chán ngán đối với sự lãnh đạo của đảng, với sinh hoạt đảng, với danh hiệu đảng viên. Chính tổng bí thư đảng cộng sản Nông Đức Mạnh và ủy viên bộ chính trị trưởng ban tuyên giáo trung ương đảng Tô Huy Rứa phải than vãn rằng đang có hiện tượng “nhạt lý tưởng”, “nhạt niềm tin”, “không sốt sắng sinh hoạt đảng”, thậm chí ngày càng có “một số đảng viên bỏ sinh hoạt đảng và nghiêng ngả trong lập trường xây dựng chủ nghĩa xã hội”! Họ gọi hiện tượng quay lưng với đảng, với CNXH là nguy cơ “chệch hướng”, là hiện tượng “tự diễn biến”, chán đảng, tự bỏ đảng.

Để các bạn bè và người thân quen của tôi ở trong nước còn mang danh nghĩa “đảng viên cộng sản” ngẫm nghĩ sâu thêm về cái danh nghĩa chẳng còn mấy hấp dẫn và

đẹp đẽ ấy, tôi xin kể về cái Nghị Quyết của Quốc Hội Châu Âu số 1481 năm 2006, với đầu đề: “Quốc tế cần lên án những Tội ác của những chế độ cộng sản toàn trị” - “Need for international condemnation of crimes of totalitarian communist regimes”. Nghị quyết 1481 này được thảo luận sôi nổi và được thông qua bởi đa số áp đảo tại cuộc họp toàn thể Quốc hội châu Âu ngày 25-2-2006.

Nghị quyết 1481 bắt nguồn từ Nghị quyết 1096 của Quốc hội châu Âu (27-6-1996) có nội dung: “Những biện pháp tháo dỡ di sản của những hệ thống cộng sản toàn trị đã qua” - “Measures to dismantle the heritage of the former communist totalitarian systems”. Sau khi các nước cộng sản theo chế độ “chủ nghĩa xã hội” trong phe XHCN ở Đông Âu và Liên Xô cũ sụp đổ từ năm 1989 đến năm 1991, Liên minh châu Âu được mở rộng, Quốc hội châu Âu nhận thấy rằng tuy phe XHCN đã tan vỡ, nhiều chế độ cộng sản đã sụp đổ nhưng di sản của nó vẫn còn dai dẳng, một số chế độ cộng sản lạc lõng và bất nhân vẫn còn tồn tại ở Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba ... nên cả nhân loại vẫn còn phải cảnh giác, còn phải chung sức để xoá bỏ hoàn toàn chế độ cộng sản toàn trị ác độc còn rơi rớt lại.

Bản nghị quyết chỉ ra rất rõ rằng: “Các chế độ cộng sản toàn trị đều có những đặc điểm chung là vi phạm rộng lớn quyền con người, bao gồm những hành động: ám sát, hành quyết cá nhân và tập thể, đày đoạ người dân trong các trại tập trung, bỏ chết đói, tra tấn, lao động khổ sai và những hình thức khủng bố khác, loại bỏ do kỳ thị tôn giáo và chủng tộc, chà đạp tự do báo chí và từ chối đa nguyên chính trị”.

Theo những nội dung trên, hiện nay, Việt Nam vẫn còn nguyên si là một chế độ cộng sản toàn trị tiêu biểu, với những cuộc đàn áp, bắt bớ các chiến sĩ dân chủ, các trí thức yêu nước như Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Phạm Thanh Nghiên, Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung, Hồ Thị Bích Khương..., việc đàn áp đánh đập, bắt giam các giáo dân và Phật tử ở Thái Hà, Tam Toà và Lâm Đồng, việc đàn áp người theo đạo Cao Đài ở Tây Ninh, người theo đạo Hoà Hảo ở Long Xuyên và người theo đạo Tin Lành ở Tây Nguyên ... Cái chế độ toàn trị ấy vẫn cấm tự do báo chí và cấm đa nguyên đa đảng để duy trì chế độ độc quyền đảng trị tro trên, bất công !

Chế độ Cộng sản bị cả Quốc Hội châu Âu vạch mặt, kể tội ác rành rọt như thế, những đảng viên cộng sản Việt Nam có thấy mình có liên quan không, có còn tự hào về đảng cộng sản, về danh nghĩa đảng viên cộng sản của mình hay không?

Nghị Quyết 1481 chỉ rõ: “Sau sự sụp đổ của chế độ cộng sản toàn trị ở Trung Âu và Đông Âu đã không có cuộc điều tra quốc tế về tội ác của các chế độ ấy, đã không có những cuộc xử án quốc tế như đối với bọn tội phạm nazi trước đây. Do đó công luận quốc tế ít biết về vô vàn tội ác nói trên”. Vì vậy, một số đảng Cộng sản vẫn

tồn tại với cái vỏ hợp pháp (!) và vẫn gắn mình với những tội ác kể trên.

Nghị Quyết 1481 cho rằng những nạn nhân của các chế độ cộng sản toàn trị còn sống hay gia đình họ xứng đáng được hưởng sự quý mến, thông cảm và chia sẻ những đau khổ của họ.

Có đảng viên cộng sản ở trong nước hỏi tôi rằng tại sao ở châu Âu vẫn còn một số đảng cộng sản hoạt động. Xin thưa rằng sau khi phe XHCN tan vỡ cuối năm 1989, sau khi đảng CS Liên Xô tiêu ma (cuối năm 1991), các đảng cộng sản châu Âu lâm vào khủng hoảng cực kỳ nghiêm trọng.

Đảng cộng sản Anh, thành lập từ năm 1920 tại nước Anh, từng được chủ nghĩa Mác cắm rễ sâu, có cơ sở của Quốc tế cộng sản sớm nhất, nơi có mộ Karl Marx được đảng viên CS khắp thế giới đến viếng suốt năm, lại là đảng CS “chết đứng” đầu tiên, nhanh nhất, sau khi đảng CS Liên Xô tan vỡ cuối năm 1991. Tháng 11-1991, ban lãnh đạo đảng ra thông báo đơn giản, nhẹ nhàng, sòng phẳng, chấm dứt hoạt động sau 71 năm. Các đảng viên chuyển sang đảng Lao Động Anh, hoặc nằm im. Năm 2008, một nhóm cộng sản cũ lập Cánh tả Dân Chủ (la Gauche Démocratique) ra ứng cử ở địa phương, chỉ được 0,55% phiếu bầu (!), đảng CS thực tế không còn sống.

Đảng Cộng sản Italia là đảng lớn, thành lập năm 1921, từng giữ khoảng cách với đảng CS Liên xô khi Hồng quân kéo vào Hungari năm 1956, tuy rằng vẫn nhận viện trợ 47 triệu đôla từ Moscow, năm 1991 cũng nhanh nhẩu tự tuyên bố giải thể. Nhiều đảng viên và lãnh đạo của đảng này gia nhập đảng Xã hội - Dân chủ và đảng Dân chủ - Thiên chúa giáo. Đảng CS Italia trên thực tế không còn tồn tại.

Đảng Cộng sản Pháp từng có ảnh hưởng lớn, từng là “đảng của những người yêu nước” - “le parti des patriotes, des fusillés”, bị phát xít Đức xử bắn nhiều nhất trong thế chiến II, có hồi là đảng được tin nhiệm nhất, thường đạt trên dưới 30% phiếu bầu. Từ khi đảng CS Liên Xô sụp đổ, dù đảng CS Pháp tuyên bố từ bỏ lý thuyết chuyên chính vô sản, từ bỏ cả nguyên tắc dân chủ tập trung, đảng vẫn sa sút rất nhanh, nay chỉ còn dưới 5% phiếu bầu, kém cả đảng fát-xít của Le Pen !

Đảng CS Pháp hiện nay phải công khai công nhận chế độ chính trị đa nguyên đa đảng và quyền tư nhân ra báo, - trái ngược với đảng CS Việt Nam, vì nếu không công nhận 2 điểm then chốt ấy, đảng CS Pháp sẽ không còn lý do tồn tại và sẽ bị loại lập tức ra khỏi đời sống chính trị ở Pháp, những đảng viên CS Việt Nam có biết điều ấy không ?

Với những ai từng là đồng đội (quân nhân), đồng chí (đảng viên cộng sản), đồng nghiệp (viết báo), đồng hương (Hà Tây và Hà Nội), đồng môn (cùng trường), bạn bè, họ hàng, người thân của tôi, tôi xin chân thành nói rõ rằng đã đến lúc các vị cần suy nghĩ kỹ về cái danh hiệu đảng viên của đảng cộng sản VN hiện nay.

Nếu như các người lãnh đạo đảng CS Việt Nam mang nguyên cái lập trường cộng sản của họ sang trình bày ở nước Pháp này, với những nội dung: kinh tế thị trường theo định hướng XHCN (!), “chuyên chính vô sản”, “dân chủ tập trung”, “chế độ độc đảng”, “cấm tư nhân ra báo”... thì chưa cần nói đến những trại cải tạo tàn ác, những phiên tòa bịt mắt, những vụ đánh đập phạt tử, giáo dân, họ sẽ lập tức bị công luận lắc đầu, bêu môi, coi họ là những kẻ bệnh hoạn, man rợ, không có tư cách công dân, không có tính người, không thể là một con người đúng nghĩa, không thể là một công dân bình thường, lương thiện của trái đất này vào thế kỷ XXI !

Vậy có một ai trong các bạn còn tự hào là đảng viên cộng sản, đề bênh vực những lý thuyết, nguyên tắc, đường lối và những hành động hàng ngày hiện nay của chế độ cộng sản toàn trị mà Quốc hội Châu Âu sau khi nghiên cứu kỹ đã kết luận vững chắc là những Tội Ác chống nhân loại, cần vạch mặt và lên án cho toàn thế giới nhận rõ, hay không?

Bùi Tín



Nam quốc sơn hà

**Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.**

Sông núi nước Nam

**Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Rành rành định phận tại sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.**

(Lý Thường Kiệt)

nỗi buồn chính sự và... chiếc lá cuối cùng!

Trần Thị Hồng Sương

“... có một thành phần không được im lặng nữa, đó là con cháu các ông bà Cộng Sản đương chức hay hưu trí. Con cái nhưng đã được đào tạo thành người hiểu biết đã thấy cái sai, biết mặt thật của những việc mà cha anh mình đã từng can dự nay phải lên tiếng trung thực thì mới đúng trách nhiệm...”

Ngày 10.4.2007, Ông Eric John, Phó trợ lý Ngoại trưởng Mỹ về Đông Á - Thái Bình Dương, tuyên bố: “Việt Nam đã đạt tới mức phát triển mà đáng ra phải đủ tự tin để cho phép không gian cần thiết cho sự thông thoáng về chính trị hơn nữa”.

“Do đó đối với tôi hay chính phủ Mỹ thì nếu xét về góc độ này thì thật là không có lý khi người ta lại phải bỏ tù những người cố đóng góp vào sự cởi mở về chính trị đó”.

Ông Eric John ngạc nhiên, song người VN không ai ngạc nhiên!

CSVN không thay đổi không vì thiếu tự tin mà vì không muốn mất quyền lợi cá nhân và phe nhóm nên làm hại đất nước và làm cai tù của nhân dân VN! Các nhà đấu tranh dân chủ trí thức như Nguyễn Tiến Trung, Lê Công Định, Trần Huỳnh Duy Thức, kể cả Việt kiều như Nguyễn Sĩ Bình còn chưa làm giống nổi sinh viên và giáo sư ở Thiên An Môn Trung Quốc. Đem xe tăng cán một đêm là chết hết, làm gì mà sợ, làm gì mà nguy hiểm!

Chẳng qua là muốn rửa bàn tay vấy chàm tội lỗi phải cất công dàn dựng đủ thứ nào toà án, nào bản tin nhận tội...! Không cần phải nói nhiều khi con ma T4 còn dám khuynh đảo các bậc công thần các đảng viên kỳ cựu thì các con ma T4 biết ăn biết chơi còn khuynh đảo trí thức đến thế nào, chắc ai cũng đã từng nghe nhà văn Dương Thu Hương và Trần Khải Thanh Thủy nói rõ!

Tôi không hề bị dao động thay đổi chút xíu lòng tin nào với các anh em trí thức trẻ bị hành hạ tinh thần chỉ vì những hình ảnh trên Tivi. Tôi từng yêu cầu để Phương Nam tự quyết định khi CA dùng cha mẹ già của anh làm áp lực! Người anh hùng Nguyễn Trung Trực ngày xưa còn bị tử hình vì Pháp hèn hạ bắt mẹ ông hạn cho ông phải ra đầu hàng! CSVN chửi chê Pháp nhưng làm y hệt Pháp thì ta phải thấy bản chất đó là gì chứ?

Tôi đã xem các đoạn phim về diễn viên Nguyễn Tất Thành đóng vai nông dân bận đồ bà ba đen, chân không đạp nước cùng nông dân và cảnh ông diện đồ tây trắng,

cầm ba ton, hút thuốc Con Mèo, đi dạo trong thủ tướng phủ với hình hài trang phục, món ăn, điệu thuốc, mà ông thích nhất! Hai nhân dáng trắng đen khác nhau thế đấy! Tôi thấy đoạn phim ông đóng vai cùng bộ đội hành quân với cảnh bộ đội vui như trẻ hội hay đoạn phim ông trồng cây tưới nước như cư sĩ thông dong cao quý nhưng chung quanh có các cô sơn nữ đứng nhìn cười tươi như hoa và trong số đó hình như có cả nàng Nông Thị Xuân! Đoàn làm phim có lần kể là các cảnh quay luôn được chính ông Nguyễn Tất Thành chỉ dạy đấy!

Kỹ thuật điện ảnh người làm thành quỷ còn... như thiệt! Lời nói thì cứ cắt dán thành khác ý hoàn toàn. Tuy nhiên dân VN có thống kê cho thấy là người dễ tin quảng cáo nhất thế giới. Cái gì bị ế cứ quảng cáo là tăng doanh số! Các công ty tranh nhau quảng cáo thuốc trị bá bệnh tá lả trên truyền hình như sơn đông mãi võ hay biểu diễn bán thuốc chữa bệnh bên Trung Quốc. Việt Nam đi du lịch TQ đều bị dụ mua thuốc trong khi sách hướng dẫn du lịch của các nước căn dặn đến Trung Quốc mua gì cũng không thể phân biệt nổi thật giả!

Chuyện nhà nước làm như đóng phim diễn kịch!

Nhà nước đang bấm máy quay phim chuyện ma hình sự “Lính kín chống âm mưu bạo động” của thế lực thù địch gồm rất nhiều ma không thấy được hình dạng và nhóm Việt Tân, diễn viên đóng vai tù nhân khá đạt nhờ kỹ thuật làm nhạt nhòa méo mó hình ảnh, cho phục trang nghèo và dơ như con mèo ướt! Nhưng lời thoại thì ôi thôi, cắt dán ngúc ngắc thấy rõ, đạo diễn bị chê là khờ hết nói nổi! Ai đời Việt Tân bị giới thiệu là tổ chức khủng bố mà “mở lớp” hai ba thầy dạy có “một học viên” là ông Định về... kỹ năng bày tỏ phản kháng bất bạo động! Dùng chữ “mở lớp”, có hai ba thầy là có chủ ý để buộc tội “có tổ chức” nặng hơn! Chà! Ông Luật sư Định là hoàng tử hay sao mà có lớp học sang trọng tốn kém như vậy kìa! Lại còn lấy hình ông Việt Kiều nào chụp trong một buổi họp với ông Nguyễn Chính Kết, nhìn gà hóa quốc, tác nghiệp quá tồi, cho đó là Luật sư Lê Công Định khiến chủ sở hữu bức hình phải lên tiếng phản đối trò giả mạo! Nói bậy sao không xin lỗi người ta đi chứ? Luật sư Định đang hoạn nạn chưa kiện nhưng công tố nhà nước, hội luật gia đâu rồi không bênh vực hội viên? (Hội gì mà chỉ có hại cho hội viên không vậy nè?)

Mẫu phim thảng trước dở quá, phải bỏ làm lại! Phiên bản mới không nghe các diễn viên nào nói đến liên hệ với Việt Tân mà là liên hệ với giới chức Mỹ! Chính sách tìm gặp và giúp các nhà dân chủ và gia đình hoạn nạn lâm cảnh bị khủng bố bị quản thúc tại gia là chính sách tổng thống Bush thúc giục các đại sứ phải làm! Mỹ can thiệp, gặp gỡ hoài có gì là lạ, nghĩa là không có gì gọi là tội! Chà! T4 mà hết thế lực thù địch là đẹp tiệm về nuôi cá chần bò thì mất oai và cực lắm! Có thế lực thù địch mạnh

mẽ mới nuôi mập con ma T4 chứ! T4 là nhóm sợ VN có an ninh hoà bình nhất, sợ thế lực thù địch nhất giống hệt Việt kiều sợ bị “lay off” mất việc làm.

Thống kê chuyện ma của T4 quá nhiều đến không chịu nổi rồi!

Chuyện súng trong hành lý đã dán băng kiểm tra an ninh (security check) chắc. Mỹ cho mua súng để trong nhà, phòng khi phải tự vệ chống cướp chứ đâu phải muốn xách súng đi đâu thì đi! Vu khống như vậy sao mà Công tố nhà nước im re, không truy tố kẻ làm kiểu con ma T4 báo chí đăng tin tùm lum. Bác Võ Nguyên Giáp cho con ma T4 là nguy cơ phải xử lý đến nơi đến chốn mà không làm là vì sao, vì ai?

Nhiều phạm nhân và các người ủng hộ dân chủ thích thú khi biết chuyện Bà Hồ Thị Bích Khương chửi Công An te tái, bị đánh trào máu miệng, bị bỏ hầm tối gì Bà cũng liều mạng xả thân vì dân oan, chửi tuốt; rốt cuộc phải thả cho đỡ mệt, yên ổn cho trại tù, không thì anh em tù cứ ngóng nghe bà Bích Khương kể chuyện đánh lộn với Công An! Em ông Anh Kim muốn ông Anh Kim cũng làm như vậy để tỏ hào khí! Không cần đâu, mỗi người làm một cách cho có nhiều điều bất ngờ thú vị! Chửi nhặng xì thì chỉ khi được thả ra viết hồi ký mới hay chứ lúc đó chỉ có trại tù biết, trại tù nghe, chứ bàn dân thiên hạ thế giới đâu có nghe được thấy được!

Vụ Cha Lý Công An hết sức tự tin cho phóng viên nước ngoài tham dự và tin mọi người đã bị khuất phục hoàn toàn, đưa công khai là “sập bẫy” dính chông, hình Cha Lý bị bùm miệng tràn lan khắp thế giới, hết đường thanh minh!

Đến bây giờ mà chưa dám đưa vụ Luật sư Lê Công Định, Kỹ sư Tiến Trung, Kỹ sư Trần Huỳnh Duy Thức, ông Anh Kim, ra công khai là vì sợ bị “sập bẫy” gì đó, có thể dính chông nặng hơn vụ Cha Lý một lần nữa của các nhà dân chủ giăng ra tại toà đấy! Ai sợ ai còn chưa biết! Thường chỉ có người không có uy tín không có công lý mới sợ sự công khai chứ! Có khi đang lo thương lượng với ông Webb cho trục xuất qua Mỹ hay gì gì đó cho rồi... Cứ chờ xem hồi sau sẽ rõ!

T4 cứ làm vậy ra, bộ ngoại giao lo thu vén, ém nhem lại! Đâu dám xử Luật sư Bùi Kim Thành công khai, hết nhốt trại tâm thần rồi cho đi Mỹ chữa bệnh cho êm! Ở tù hai ba năm, năm bảy năm sau, Luật sư Đài, Luật sư Công Nhân, Cha Lý, Trung, Định, Thức... và mọi tù nhân chánh trị cam đoan sẽ chỉ thành ... “cao thủ” mà thôi, sẽ kiên định chống trả phản kháng mạnh hơn, dứt khoát hơn chứ làm sao thay đổi được khi chánh sách mà anh em muốn phải thay đổi chưa thay đổi!

Vì dân chủ là mục tiêu nên người ủng hộ dân chủ cứ sinh sôi nảy nở như cỏ, và câu nói của Nguyễn Trung Trực có thể lấy làm châm ngôn cho thời nay: “Chừng nào CSVN nhỏ hết cỏ nước Việt Nam thì mới hết người VN đòi dân chủ nhân quyền!”

Tình hình đến nước này thì anh em cần chuẩn bị để ra toà ngõ hầu được tự nói thay lời bị buộc nói và khẳng định mình “tội hay không tội” trước công luận. Cần phải làm sao cho bọn độc tài hiểu rằng bắt dễ thả khó! Nhớ ghi lại tên Hội đồng xử án cho kỹ để sau này có dịp nhắc lại thời toà án đáng bị kết án nhất vì xử theo lệnh đảng!

Sau vụ Luật sư Lê Công Định và nhóm trí thức trẻ bị bắt, nhiều người đặt câu hỏi: Trí thức có nên và có dám lên tiếng phản biện không? Thậm chí còn nêu gương nhà báo có tài có tự trọng, chán quốc doanh né đi làm phóng sự du lịch tự do cũng có tiền sống khoẻ! À, nhà báo này mới làm vì mình, chưa vì nước không đáng trách những cũng chẳng có gì đáng trọng. Còn như người khác có điều kiện hưởng thụ mà có ý chí cao hơn thì là con người khả kính hơn! Theo tôi tuy hoàn cảnh điều kiện tự chọn một cách bầy tỏ.

Nhưng có một thành phần không được im lặng nữa, đó là con cháu các ông bà Cộng Sản đương chức hay hưu trí. Con cái nhưng đã được đào tạo thành người hiểu biết đã thấy cái sai, biết mặt thật của những việc mà cha anh mình đã từng can dự nay phải lên tiếng trung thực thì mới đúng trách nhiệm.

Chị Đặng Mỹ Dung (Yung Krall) một phụ nữ gốc Cần Thơ, con ông Đặng Văn Quang là đại sứ MTGP tại Liên Xô, kêu gọi rất sớm sửa việc CSVN cần thay đổi. Việc làm của chị đúng đắn đáng khâm phục. Cha của chị Đặng Mỹ Dung tên thật là Đặng Văn Quang, bí danh Đặng Quang Minh, một cán bộ tập kết ra Bắc khi chị Mỹ Dung mới lên chín tuổi, cùng một người anh ruột 18 tuổi của Mỹ Dung (Đặng Văn Khôi. Sau này Khôi trở thành một Sĩ quan Hoả tiễn phòng không, tốt nghiệp ở Nga). Mỹ Dung cùng mẹ và 5 chị em khác ở lại Miền Nam, nhưng vì cả họ nội gồm các cô và chú đều tham gia cộng sản nên mẹ chị (bà Trần Thị Phạm) phải dắt nhau về tá túc bên ngoại ở Long Thành, Cần Thơ. Bên ngoại của Mỹ Dung lại là những người không thích cộng sản tàn ác.

Chị Dung chống CS nhưng với “Ngàn giọt lệ rơi” [*] chứ không với lòng thù địch, trái lại chắc chắn lúc nào chị cũng sẽ đứng cơm chăm bón cho người cha tội nghiệp của mình. Lực lượng này cùng với những người đầy bản lĩnh chính trị khác như các dân biểu Việt trên nghị trường Mỹ, như Bà Hồng vợ ông Webb, Bà Peter Peterson cựu đại sứ, là thế lực không thể nào CS dám gọi là thù địch .

Ông Hồng Hà ở Miền Bắc từng theo dõi hoạt động của Cụ Hoàng Minh Chính đã đưa ra nhiều lời khuyên đầy bao dung ái ngại cho gian truân của các nhà dân chủ và cũng muốn các nhà dân chủ cố gắng giữ thế công khai tự do. Tuy nhiên biên giới của sự việc này không hề rõ ràng để biết đâu là điểm phải dừng mà nhà nước nắm chuôi muốn bắt lúc nào bắt, muốn giam lúc nào thì giam, chẳng sợ gì ai, chẳng sợ phải quấy! Ông Hồng Hà mời ý kiến phản hồi tham gia, để đi đến thống nhất suy nghĩ chọn lựa mục tiêu chung, tùy cơ ứng biến tùy hoàn cảnh để đấu tranh có hiệu quả với ít tổn thương nhất!

Các chuyên gia phân tích chính trị quốc tế đánh giá phong trào dân chủ chia hai phái tạm gọi là phái bảo vệ xã hội chủ nghĩa và phái chủ trương hội nhập quốc tế. Đây là hai trường phái tư tưởng chiến lược nhiều hơn là phe phái tranh giành quyền lực.

Đó cũng là câu trả lời cho ông Lê Hồng Hà: “Thức nhà nước CSVN làm giống quốc tế thực hiện đúng các công ước đã ký kết để hội nhập quốc tế” là điều đã thống nhất, nhưng ai làm ít bị sát thương nhất thì phải là thành phần như chị Dung Krall.

Tôi hy vọng người đồng cảnh ngộ như chị biết cha mẹ anh chị can dự và đang sai lầm, không thể để chị làm “chiếc lá cuối cùng” làm niềm hy vọng mong manh hồi hộp chờ ngày tắt ngấm và để lại một huyệt hăng cho thế hệ đàn em phải quá nhọc nhằn như Luật sư Định, Tiến Trung... khi thời gian qua, tuổi già của chị đang đến!

Kiểm điểm lại sẽ thấy số người là con cái các ông bà tham gia cuộc chiến tranh từ 1945-1975 đến nay đang sống ở nước ngoài hay trong nước không hề ít. Việc cứ tránh né im lặng, há miệng sợ mắc quai, nhiều người là con cái các bà mẹ VN anh hùng đang ở các nước. Họ chỉ chịu bày tỏ riêng lẻ là ủng hộ kêu gọi dân chủ nhân quyền, muốn cha anh thay đổi nhưng không hề chịu lộ diện v.v... Không đến nỗi là vì quyền lợi vì họ sống tách biệt nhưng sợ bị chính anh em xung quanh không tin vì là con cháu CS. Nhưng mà mình bạch như chị Yung Krall sẽ có nhiều người tin. Những lời nói chân thật như “Hồi ký một thằng hèn” có tác dụng làm CSVN phải suy nghĩ!

Nỗi lo lớn nhất hôm nay của toàn dân trong ngoài nước là chống kế hoạch xâm lăng của Trung Quốc, nhất là khi đất nước không ở trong tay Quốc Hội và Quốc Hội cũng không mang được tính đại diện toàn dân. Tất cả ở trong tay ba ông bị dèm pha là đức yếu-tài nông dính với PMU18, ký cho khai thác bôxít, người thì tâm trí mông lung mờ mịt đã đặt một chân vào cửa tử nửa người, nửa đã là ma liêu xiêu nhợt nhạt và người thay lòng đổi dạ nhanh chóng, có ít lòng tự trọng vừa nói yêu sự thật bỗng vội lo bịt miệng, bỏ tù không cho nói lên sự thật!

Ba ông Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng không tài cao mà chức cao nên tin vào Trời và cố gắng làm bạn với quỷ dữ Trung Quốc. Các chùa chiền miền Bắc được phục hồi tôn tạo nên công đức cao dày được Trời ban chức Bí Thư, Ông Triết cho cất Đại Nam Quốc Tự có đủ ông Thiện ông Ác và lớn hơn Tử Cấm Thành nên giành được chức Chủ tịch Nước. Ông Dũng sợ điếm bắt lãnh khi hôn Phụ Tử biểu tượng của Kiên Giang sụp đổ nên lập nhà thờ tự rước cặp hạt từ Hà Nội nhà thờ lớn hơn đền thờ Nguyễn Trung Trực nên được làm người thứ ba là Thủ Tướng! Sao mà giống tin đồn do cải táng bà Hoàng Thị Loan lên núi nhằm long mạch mà ông Nguyễn Tấn Thành mới phát lên!

Xin các hạt giống đỏ CS hãy có ý thức trách nhiệm, theo gương trung thực của chị Dung nhận lấy vai trò làm gạch nối, làm chất đệm cho cuộc chuyển đổi êm đẹp để chấn

hưng nước nhà. Vì nếu cha anh chỉ biết có lo cất nhà cao cửa rộng chùa chiền miếu mạo, không lo quốc kế dân sinh đoàn kết tiến bộ thì sẽ giống lo làm sẵn chỗ để rước Trung Quốc vào ở và lấy làm văn phòng cai trị VN đấy! Liệu còn ai an thân mà hưởng thụ không?

Trần Thị Hồng Sương

[*] tên tập hồi ký của chị Dung

cần giáo dục về sự xấu hổ

Nguyễn Hưng Quốc

Từ năm 1945, đặc biệt từ năm 1954, người Việt Nam, nhất là ở miền Bắc và sau đó, từ năm 1975, trong cả nước, không ngớt được/bị giáo dục về lòng tự hào. Tự hào về bốn hay năm ngàn năm văn hiến. Tự hào về tài đánh giặc, hết giặc Tống đến giặc Minh, giặc Thanh, giặc Chiêm, rồi cuối cùng, giặc Pháp và giặc Mỹ.

Ngoài ra, người Việt Nam còn tự hào về tài trí của mình, bao gồm cả tài văn chương, với những tên tuổi có thể làm lu mờ truyền thống lừng lẫy của thời Tiên Hán và Thịnh Đường bên Trung Quốc.

Tự hào. Lúc nào cũng tự hào. Sách viết về đất nước và con người Việt Nam lúc nào cũng ánh lên về sự tự hào. Có những điều tự hào có thực và cũng có không ít những điều chỉ do tưởng tượng.

Câu nói “ra ngô gặp anh hùng” hay “nhiều người ngoại quốc mơ ước sáng ngủ dậy thấy mình là người Việt Nam” được lặp lại lặp lại từ học đường đến các phương tiện truyền thông đại chúng.

Tuy nhiên, theo tôi, đã đến lúc nên có chính sách giáo dục người Việt Nam về lòng xấu hổ.

Thật ra, nói “theo tôi” là một cách nói hơi cường điệu. Rõ ràng, tôi không phải là người đầu tiên và càng không phải là người duy nhất nói lên điều đó.

Trước, từ giữa thập niên 1980, đạo diễn Trần Văn Thủy đã nhấn mạnh vào nhu cầu giáo dục lòng xấu hổ. Trong cuốn phim tài liệu Chuyện tử tế nổi tiếng, Trần Văn Thủy đã so sánh việc giáo dục tại Nhật và tại Việt Nam: Trong khi ở Nhật, một quốc gia tiến bộ và giàu mạnh nhất châu Á, trẻ em luôn được giáo dục là đất nước của họ rất nghèo tài nguyên và bị thua trận một cách nhục nhã, thì tại Việt Nam, một quốc gia thuộc loại lạc hậu và nghèo đói nhất trên thế giới, trẻ em lại luôn được giáo dục một cách đầy tự hào: tài nguyên thì giàu có, lịch sử thì rực rỡ, con người thì anh hùng, tài trí thì vô song, v.v...

Cũng trong thập niên 1980, sau Chuyện tử tế một tí, trong bài “Nhìn từ xa... Tổ quốc”, nhà thơ Nguyễn Duy cũng

nói đến hiện tượng “bội thực tự hào”, hơn nữa, “ngộ độc tự hào” của người Việt Nam.

Ông chỉ ra những điều nghịch lý: “xứ sở thông minh / sao thật lắm trẻ con thất học”, “xứ sở thật thà sao thật lắm thứ điếm”, “xứ sở cần cù / sao thật lắm Lãn Ông”, “xứ sở bao dung / sao thật lắm thần dân lia xứ”, “xứ sở kỷ cương / sao thật lắm vua / vua mánh - vua lừa - vua chôm - vua chĩa / vua không ngại - vua choai choai - vua nhỏ”. Nhưng trên tất cả là nghịch lý: Trong tuyên truyền, lúc nào cũng “hát đồng ca”: “Ta là ta mà ta vẫn mê ta”, trong khi đó, trên thực tế, ai cũng biết: “Thần tượng giả xèo xèo phi hành mớ / ợ lên thum thum cả tim gan”.

Tuy nhiên, xin lưu ý: Trần Văn Thủy và Nguyễn Duy không phải là những người đầu tiên phê phán bệnh tự hào và đặt vấn đề về nhu cầu giáo dục lòng xấu hổ.

Ngay từ đầu thế kỷ 20, các nhà nho cấp tiến đã nhận ra được điều đó. Trong các tác phẩm của mình, cả Phan Chu Trinh lẫn Phan Bội Châu đều nhiều lần nhấn mạnh đến cái ngu và cái hèn của người Việt Nam. Hãy thử đọc lại đoạn văn này của Phan Chu Trinh:

“Nhân dân nước Nam bây giờ, ngu xuẩn như trâu như ngựa, tha hồ cho người ràng trói, cho người đánh đập, có miệng mà không dám kêu, gần chết mà không dám than thở.” (Trích theo Đặng Thai Mai, Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20, nxb Văn Học, Hà Nội, 1974, tr. 85).

Việt Nam hiện nay là một quốc gia độc lập. Tuy nhiên, trên rất nhiều phương diện, so với mặt bằng chung của thế giới cũng như so với chính tiềm năng và tiềm lực mà chúng ta có, có rất nhiều điều khiến chúng ta phải xấu hổ.

Cần xấu hổ về trình độ phát triển của Việt Nam hiện nay vốn rất thấp không những so với thế giới mà còn so với cả các quốc gia láng giềng của chúng ta ở châu Á.

Cần xấu hổ về khoảng cách giàu nghèo phi lý và bất nhần giữa thành thị và nông thôn, giữa cán bộ và người lao động bình thường không có quyền thế và thân thế.

Cần xấu hổ về tinh thần vô kỷ luật, thậm chí, rất kém văn hoá nhan nhần khắp nơi, từ công tư sở đến ngoài đường phố, từ cách làm việc đến cách đi lại.

Cần xấu hổ về sự hoành hành của nạn tham nhũng ở mọi cấp.

Cần xấu hổ về những cách hành xử của nhà cầm quyền: nhu nhược đối với nước ngoài, đặc biệt với Trung Quốc, nhưng lại độc tài và tàn bạo ngay với những người tha thiết nhất đối với chủ quyền và sự toàn vẹn của Việt Nam.

Theo tôi, không chừng xấu hổ nên được xem là một đức hạnh cần thiết nhất hiện nay.

Trong chừng mực nào đó, có thể nói, người Việt Nam hiện nay nên được chia thành hai loại: Loại biết xấu hổ và loại không biết xấu hổ.

Giận thay, chính những kẻ không biết xấu hổ ấy lại đang không ngừng rao giảng chân lý, công lý và đạo lý.

Nguyễn Hưng Quốc

Hội Người Việt Tị Nạn Tại Na Uy

CÔNG DÂN NA-UY GỐC VIỆT

TÍCH CỰC ĐI BẦU

QUỐC HỘI NGÀY 14.09.2009

Là người Na Uy gốc Việt, bạn được hưởng mọi quyền lợi tại Na Uy?

Nhưng nếu không đi bầu, bạn mất quyền lợi cao quý nhất - quyết định việc nhà việc nước.

Là người Na Uy gốc Việt, bạn đã đóng góp nhiều cho quê hương mới Na Uy?

Nhưng nếu không đi bầu, bạn thiếu bổn phận quan trọng nhất - kiện toàn dân chủ.

Là người Na Uy gốc Việt, bạn vẫn muốn có cơ hội giúp đỡ quê cũ Việt Nam?

Nhưng nếu không đi bầu, bạn bỏ qua cơ hội ảnh hưởng lớn nhất - chọn người biết lắng nghe bạn khi bạn nói về Việt Nam.

Bạn có thể mở mọi cánh cửa trong xã hội Na Uy?

Nhưng cánh cửa gần gũi nhất cho bình đẳng và hội nhập là PHÒNG PHIẾU

Bầu cử chính thức: ngày thứ hai 14.09.2009

Bỏ phiếu trước: từ nay đến ngày Thứ Sáu trước ngày bầu cử chính thức.

----- oOo -----

Chiến dịch vận động đi bầu là nỗ lực tự phát tự nguyện của Hội Người Việt Tị Nạn tại Na Uy

Chiến dịch này hoàn toàn không được tài trợ hay yêu cầu của bất cứ đảng phái hay cơ quan nào.

Hình ảnh sinh hoạt GH.PGVNTN Na Uy

Lễ Vía Di Đà, Đại Lễ Vu Lan, Lễ Truy Diệu Đức Đệ Tứ Tăng Thống





pháp âm

P.O.Box 224

3051 Mjøndalen – Norway

epost: phapam@online.no

Lễ Hội Dược Sư – Lễ Hội Di Đà tại Chùa Khuông Việt, Na Uy

